

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Truyền thuyết dân gian người Việt

Quyển 1



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIÀN NGƯỜI VIỆT

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI HÙNG VƯƠNG

Quyển 1

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2009

Chủ biên
GS. TS. KIỀU THU HOẠCH

Nhóm biên soạn
KIỀU THU HOẠCH
TRẦN THỊ AN
MAI NGỌC HỒNG

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là nước có truyền thống văn học. Bộ sách *Tổng tập văn học Việt Nam* do GS. Đinh Gia Khánh làm Chủ tịch Hội đồng biên tập, được Nhà xuất bản Khoa học xã hội tái bản năm 2000 (gồm 42 tập) là minh chứng cho truyền thống đó. Đây là bộ *Tổng tập văn học* viết của cả người Việt và các dân tộc thiểu số Việt Nam từ thế kỷ X cho đến ngày 02 tháng 9 năm 1945.

Về văn học dân gian, từ năm 2002 đến năm 2006, Viện Nghiên cứu Văn hóa và Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã hợp tác biên soạn và xuất bản trọn bộ *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, gồm 20 quyển). Hiện nay, hai đơn vị đang hợp tác biên soạn và theo kế hoạch đến năm 2010 sẽ hoàn thành việc công bố bộ sách *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam* gồm 23 tập. Bộ sách giới thiệu diện mạo văn học dân tộc thiểu số nước ta theo từng thể loại và được xuất bản với hình thức song ngữ (ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ dân tộc thiểu số).

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, 20 quyển) là bộ sách lần đầu tiên được biên soạn tương đối thống nhất về phương pháp, giới thiệu diện mạo văn học dân gian người Việt theo thể loại. Trong *Tổng tập*, mỗi một thể loại được giới thiệu như sau: Bài Khảo luận (trong bài trình bày, giới thiệu thể loại, lịch sử sưu tầm, nghiên cứu, giá trị nội dung và hình thức); phần biên soạn các tác phẩm; thư mục. Các thể loại tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, vè, ca dao được dành hai tập cho một thể loại. Còn các thể loại sau được thể hiện với dung lượng mỗi tập một thể loại: câu đố, truyện ngụ ngôn, giai thoại văn học, truyện nôm bình dân, kịch bản chèo sân đình, kịch bản tuồng dân gian. Người Việt cổ có thần thoại và có thể có sử thi, nhưng vì lý do lịch sử, sử thi bị mai một, thần thoại chỉ còn những mảnh vụn, không còn hệ thống.

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* trước hết và chủ yếu được biên soạn dành cho giới nghiên cứu. Để đáp ứng nhu cầu rộng rãi của bạn đọc, được sự cho phép của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, sự đồng ý của các soạn giả, Viện Nghiên cứu Văn hoá và Nhà xuất bản Khoa học xã hội chủ trương trên cơ sở đảm bảo nội dung cơ bản, lược bỏ phần dị bản của các tác phẩm, in thành những quyển sách có khuôn khổ và độ dày phù hợp nhằm phục vụ độc giả cả nước. Những quyển này nằm trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*. Khi từng quyển sách này đến tay bạn đọc, sau khi thưởng thức trí tuệ mẫn tiệp trong các câu tục ngữ, sự hóm hỉnh trong câu đố, sự sáng khoái trong các truyện cười, tính chất ý nhị trong các giai thoại văn học, những rung động thiết tha qua lời ca dao trữ tình..., xin bạn đọc hiểu rằng đó là tài sản văn hoá tinh thần quý báu của cha ông, việc sưu tầm, gìn giữ nó không chỉ do các soạn giả được ghi tên ở trong sách, mà còn do nhiều thế hệ, nhiều nhà sưu tầm thực hiện, tên tuổi và các công trình của họ đã được ghi nhận đầy đủ trong bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt*.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc từng quyển trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*.

Hà Nội, tháng 8 năm 2008

Giám đốc
Tổng biên tập
NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI
TS. Vi Quang Thọ

Viện trưởng
VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ
Chủ tịch Hội đồng biên tập
Tổng tập văn học dân gian người Việt
GS. TS. Nguyễn Xuân Kính

1. TRUYỆN HỌ HỒNG BÀNG

Đế Minh cháu ba đời họ Viêm đế Thần Nông sinh ra Đế Nghi, sau nhân đi tuần về phía Nam đến núi Ngũ Lĩnh lấy được con gái bà Vụ Tiên rồi trở về, sinh ra Lộc Tục. Tục dung mạo đoan chính, thông minh phúc hậu, Đế Minh rất lấy làm lạ, muốn cho nối ngôi mình. Lộc Tục cố từ, xin nhường cho anh. Đế Minh liền lập Nghi làm kẻ nối ngôi để trị đất Bắc. Lại phong Lộc Tục là Kinh Dương Vương để trị đất Nam, lấy hiệu nước là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương có tài đi dưới Thủy phủ, lấy con gái Long Vương ở hồ Động Đình, sinh ra Sùng Lãm hiệu là Lạc Long Quân, cho nối ngôi trị nước. Kinh Dương Vương không biết đi đâu mất. Lạc Long Quân dạy dân việc cày cấy nông tang, đặt ra các đẳng quân, thần, tôn, ti, các đạo cha con, vợ chồng, đôi khi trở về Thủy phủ mà trăm họ vẫn yên vui vô sự, không biết do đâu được thế. Hễ dân có việc lại lớn tiếng gọi Long Quân rằng: "Bố ơi! sao không lại cứu chúng tôi". Long Quân tới ngay, sự linh hiển cảm ứng của Long Quân, người đời không ai lường nổi.

Đế Nghi truyền ngôi cho con là Đế Lai, cai trị Bắc phương. Nhân khi thiên hạ vô sự bèn sai quần thần là bọn Xuy Vưu thay mình trông coi quốc sự rồi đi tuần xuống nước Xích Quỷ ở phía Nam. Khi đó, Long Quân đã về Thủy phủ, trong nước không có chúa. Đế Lai bèn để ái nữ là Âu Cơ và các thị tỳ ở lại nơi hành tại rồi đi chu du thiên hạ, ngắm các nơi danh lam thắng cảnh. Thấy hoa kỳ cỏ lạ, trân cầm dị thú, ngọc ngà vàng bạc... các thứ đá quý, các cây trâm, đàn cùng các sơn ca hải vật không thiếu thứ gì, khí hậu bốn mùa không lạnh không nóng, Đế Lai rất ái mộ, vui quên trở về. Dân phương Nam khổ vì bị người Bắc phương quấy nhiễu, không được yên sống như xưa mới cùng gọi Long Quân rằng: "Bố ơi ở đâu mà để cho dân Bắc xâm nhiễm phương dân". Long Quân đột nhiên trở về, thấy Âu Cơ có dung mạo đẹp để kỳ lạ, trong lòng vui mừng,

bền hóa thành một trang thiếu niên phong tư tú lệ, tả hữu kẻ hầu người hạ đông đúc vừa đi vừa ca hát đánh trống. Cung điện tự nhiên dựng lên. Âu Cơ vui lòng theo Long Quân, Long Quân giấu Âu Cơ ở Long đài nham. Đế Lai trở về, không thấy Âu Cơ, sai quân thần tìm khắp thiên hạ. Long Quân có phép thần thông biến hóa thành trăm hình vạn trạng, yêu tinh, quỷ sứ, rồng, rắn, hổ, voi... làm cho bọn đi tìm đều sợ hãi không dám sục sạo, Đế Lai bèn phải trở về. Truyền ngôi đến đời Du Vông, thì Xuy Vưu làm loạn. Vua nước Hữu Hùng là Hiên Viên đem chư hầu tới đánh nhưng không được. Xuy Vưu mình thú mà nói tiếng người, có sức khỏe dũng mãnh. Có người dạy Hiên Viên dùng trống da thú làm lệnh, Xuy Vưu sợ hãi chạy về đất Trác Lộc. Đế Du Vông xâm lăng chư hầu, cùng Hiên Viên giao binh ở Phán Tuyên đánh ba trận đều bị thua, bị giáng phong ở đất Lạc Ấp rồi chết ở đó. Giòng họ Thần Nông tới đây thì hết. Long Quân lấy Âu Cơ rồi đẻ ra một bọc, cho là điềm bất thường, vớt ra cánh đồng; qua sáu bảy ngày, bọc vỡ ra một trăm quả trứng, mỗi trứng nở ra một con trai, mới đem về nhà nuôi. Không phải bú mớm, các con tự lớn lên, trông đẹp dễ kỳ dị, người nào cũng trí dũng song toàn, người người đều kính trọng cho là triệu phi thường. Long Quân ở lâu dưới Thủy quốc vợ con thường muốn về đất Bắc. Về tới biên giới, hoàng đế nghe nói rất sợ hãi cho binh ra giữ cửa ải, mẹ con Âu Cơ không thể về được bèn quay về nước Nam mà gọi Long Quân rằng: "Bố ở nơi nào mà để mẹ con tôi cô độc, ngày đêm buồn khổ thế này". Long Quân bỗng trở về, gặp nhau ở đất Tương, Âu Cơ nói: "Thiếp vốn là người nước Bắc, ở với vua, sinh hạ được trăm con trai, vua bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi con, làm người vô phu vô phụ, chỉ biết thương mình". Long Quân nói: "Ta là nòi rồng, đứng đầu thủy tộc, nàng là giống tiên, sống ở trên đất, tuy khí âm dương hợp lại mà sinh ra con, nhưng thủy hỏa tương khắc, giòng giống bất đồng, khó ở lâu với nhau được, nay phải chia ly. Ta đem năm mươi con về Thủy phủ chia trị các xứ, năm mươi con theo nàng về ở trên đất chia nước mà trị.

Lên núi, xuống bể, hữu sự báo cho nhau biết, đừng quên".
Trăm con vâng theo, sau đó từ biệt mà đi.

Ấu Cơ và năm mươi con lên ở đất Phong Châu suy phục lẫn nhau, cùng tôn người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang, đông giáp Nam Hải, tây tới Ba Thục, bắc tới Động Đình hồ, nam tới nước Hồ Tôn (nay là Chiêm Thành). Chia nước làm 15 bộ (còn gọi là quận) là Việt Thường, Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Chân Định, Văn Lang, Quế Lâm, Tượng Quận. Chia các em ra cai trị, lại đặt các em làm tướng văn tướng võ, văn là Lạc hầu, võ là lạc tướng. Con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là my nương, trăm quan gọi là bộ chính, thần bộc, nữ lệ gọi là xảo xứng (còn gọi là nô tỳ). Bể tôi gọi là hôn, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo. Vua đời đời thế tập gọi là Hùng Vương, không hề thay đổi. Lúc ấy, dân sống ở ven rừng, xuống nước đánh cá thường bị giồng giao long làm hại, bèn nói với vua. Đáp: "Giồng sơn man và giồng thủy tộc có thù với nhau, thường ghét nhau cho nên hại nhau đó". Khiến người đời lấy mực xăm vào mình theo hình Long Quân, theo dạng thủy quái. Từ đó, dân không bị tai họa giao long làm hại nữa. Tục xăm mình của dân Bách Việt cũng bắt đầu từ đây. Hôi Quốc sơ, dân không đủ đồ dùng, phải lấy vỏ cây làm áo, dẹt cỏ gianh làm chiếu, lấy cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây tung lư làm cơm (có chỗ viết là uống), lấy cầm thú, cá, ba ba làm mắm, lấy rễ gừng làm muối, cây bằng dao, trồng bằng lửa. Đất sản xuất được nhiều gạo nếp, lấy ống tre mà thổi cơm. Bức gỗ làm nhà để tránh hổ sói. Cắt tóc ngắn để dễ đi lại trong rừng rú. Để con ra lấy lá chuối lót cho nằm, có người chết thì già cố làm lệnh, người lân cận nghe tiếng đến cứu. Chưa có trâu cau, việc hôn thú giữa nam nữ lấy gói đất làm đầu, sau đó mới giết trâu dê làm đồ lễ, lấy cơm nếp để nhập phòng cùng ăn, sau đó mới thành thân. Đó trăm người con trai chính là tổ tiên của người Bách Việt vậy.

2. SỰ TÍCH KHAI SÁNG THIÊN HẠ ĐẠI VƯƠNG THỜI VUA HÙNG

Theo sự tích, về đời nhà Hùng, vua Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai là bà Âu Cơ đẻ ra một trăm con trai (ấy là thủy tổ nước Việt ta). Có một ngày vua Lạc Long Quân bảo vợ là bà Âu Cơ rằng: "Ta vốn là nòi giống rồng mà nàng là nòi giống tiên. Thế là thủy hỏa cùng khác, ăn ở lâu dài với nhau không được, thì phải chia con ra. Vậy chia 50 người theo mẹ về núi, 50 người theo cha về bể, chỉ phong có một người con trưởng ở lại làm vua kế vị, còn thời theo đức vua cha về bể, nhưng người con thứ tính lại thích đi ngao du trong thiên hạ, khi ngài đi đến trang Trà Lân, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, quận Vũ Ninh, thấy nhân dân ở trang ấy đông đúc, phong cảnh thuần hậu, ngài lấy làm thích, ngài liền tâu với đức vua cha (vua Lạc Long Quân) rằng: "Con đi chơi trong thiên hạ, thấy phong cảnh trang Trà Lân đáng yêu, vậy con xin làm thần ở trang ấy", đức vua cha bèn ưng thuận. Được độ hơn một năm thì trang Trà Lân bị nước lên ngập lụt, có những loài thủy tộc rất nhiều, nhân dân trong làng đều tổn hại, rồi tự nhiên có một ông già lên miệng nói rằng: "Ta là con thứ hai vua Lạc Long Quân, trên đã tâu với thiên đình, dưới thừa mệnh của đức vua cha ta, đã phong ta làm thần ở trang này. Vậy nhân dân chúng bay phải lập miếu thờ ta thì mới được yên ổn".

Bấy giờ nhân dân đem việc ấy tâu lên vua Hùng Vương thì nhà vua bèn bảo cho dân một nghìn quan tiền, truyền phải lập miếu phụng sự và phong là Khai sáng Thiên hạ Đại vương.

Từ đấy dân làng vẫn phụng sự đến bây giờ.

3. TRUYỆN KHÔNG LỘ THIÊN SƯ THỜI HÙNG VƯƠNG

Tục truyền rằng: Vào thời Hùng Duệ Vương ở hương Giao

Thủy, huyện Chân Định, phủ Nghĩa Hưng, đạo Sơn Nam, có người họ Trương tên là Long, lấy bà Nguyễn Thị Minh. Ông bà đến chùa Phả Lại cầu tự, đến đêm gặp thần trong mộng báo rằng, ngài là Thủy tộc quan thừa mệnh Thượng đế bảo cho Trương gia biết: Thượng đế ban cho một người con trai và một người con gái. Đó là một nhân thần và một thủy thần, do hai mẹ sinh ra, cách nhau 2 năm Mùi Thân Dậu Tuất. Trên đường đi thuyền trở về trang Đình Ngũ (tức Đình Ngọ ngày trước) huyện Diên Hà, huyện Tiên Hưng, bỗng trời tối đen, gió mây mù mịt, ông bà Trương vội vào trú ở một ngôi miếu bên bờ sông. Nhìn lên thấy có bài vị để 4 chữ: *Linh linh Thủy quan*, đọc xong lời khẩn, bỗng thấy trên nóc miếu có tia hào quang sáng rực hạ xuống quán chặt lấy Trương phu nhân Phùng Thị. Trong cơn mơ màng, bà Phùng trông thấy một người con trai từ trên nóc miếu xuống, đứng trước bà tự xưng là Linh Linh Thủy thần vâng lệnh thiên đình xuống đầu thai làm con. Bà Phùng tỉnh dậy, trời lại quang mây lại tạnh. Từ đấy bà có thai, rồi sinh ra một người con trai hệt như người trong mộng, bèn đặt tên là Không Lộ. Đến ngày Không Lộ được 6 tháng tuổi, bà Phùng qua đời, ông Phùng ôm con búi ngủi muốn thủ tiết với vợ không tái giá. Nhưng lại thương trẻ mồ côi, không người bú mớm, nên ông phải đi tìm người phụ nữ hiền đức để tiếp tục chăm sóc con thơ. Thời gian trôi đi rất nhanh, chẳng bao lâu Minh Không đã 18 tuổi, thiên tư thông minh, đọc khắp binh thư, sử trường cung kiếm. Năm 22 tuổi, Minh Không than thở: "Ôi, Sự biến không lường trước được, họa vô đơn chí, mới chỉ một năm trời mà cả thân phụ Trương công và kế mẫu Nguyễn Thị đều qua đời". Minh Không chỉ còn biết khóc kêu trời và chọn đất chôn cất họ tại xã Giao Thủy. Sau ba năm hương đàn thờ cha mẹ theo nghi lễ đã xong. Vừa kịp khi nhà vua tuyển cử người tài hiếu liêm phương chính, văn võ toàn tài, huyện tế Chân Định cử Minh Không thi tuyển, ông được trúng cách đỗ. Hai năm sau được thăng lên chức Chỉ huy sứ Chiêu Thảo sứ.

Lại nói, trong nước bấy giờ có giặc Thục đến lấn le xâm lược

bờ cõi. Vua liền phong cho Minh Không chức Tiên tướng quân, giúp cho Tản Viên Sơn Thánh đem quân thủy bộ về đóng đồn tại bên sông trang Đình Ngũ, huyện Diên Hà, phủ Tiên Hưng. tuyển mộ người bản trang hơn ba chục người, cho làm gia thần thủ túc cùng với đoàn quân lên đường diệt Thục. Quân Thục đại bại, Minh Không cho quân khải hoàn, vua tặng phong là Không Lộ thiền sư Đại vương; đồng thời chuẩn cho Đình Ngũ làm cơ sở phụng thờ Minh Không hằng trăm năm về sau.

4. SỰ TÍCH SÁU VỊ THẦN TƯỚNG THỜI HÙNG DUỆ VƯƠNG ĐÁNH GIẶC NAM CHIẾU VÀ GIẶC THỤC...

Huyền tích kể rằng, vào thời Hùng Duệ Vương, nước ta có một vị Trưởng bộ Ái châu (tức Thanh Hóa ngày nay) tên là Hùng Thuận, năm ông 68 tuổi, lấy một bà vợ ba tên là Hoàng Thị Phúc tục gọi Phúc Nương, 20 tuổi. Ông bà lấy nhau đã mấy năm, vào đêm 12 tháng 10 năm nọ, ông chiêm bao thấy một vị Thiên quan mũ áo chỉnh tề, tới trước mặt ông bảo: "Ta vốn là Thiên sứ, thừa mệnh trời gọi ông về thiên đình có việc". Ngay sau đó, ông vô bệnh mà chết. Bà ba thương nhớ ông, ngày nào cũng ra ôm lấy mộ mà khóc. Khi bà ngủ thiếp đi, chợt mơ thấy ông bảo: "Thiên đình giao ta mang tới cho nàng hai vị Thiên tào Phán quan". Sau đó trở về bà có mang, bị mẹ con bà cả chửi mắng đuổi đi, mặc dù bà giải thích thế nào họ cũng không tin. Bà đành trở về quê mẹ ở huyện Chân Định (Trực Định), phủ Kiến Xương, đạo Sơn Nam, giữa lúc bà mang thai mãn kỳ và vượt kỳ hạn. Nhưng chỉ tới Thượng Khu trang Tiên La, huyện Diên Hà, phủ Tiên Hưng bản trấn thì mặt trời đã xế tà, trong khi bụng mang dạ chứa, tự đi bộ ngày đêm ròng rã, người mệt bụng đau, sắp sinh không ai cho vào nhà. Phu nhân nghĩ mình đã tới bước đường cùng, chợt thấy bên đường bên bờ đê có một ngôi quán lợp tranh, bà liền vào đó trú chân. Trước ngôi quán là

khu dân cư, thuộc khu Thượng đất Tiên La, có ngôi nhà dịch trạm do triều đình xây dựng. Đó là nơi chuyển tiếp công văn giấy tờ của triều đình xuống địa phương, và các giấy tờ trình báo của cơ sở đưa lên triều đình, gọi là Dịch Đình. Tại đây có hai viên Thiên quan, lập hai đồn để bảo vệ và canh giữ ngăn ngừa giặc dã, trộm cướp. Đêm ấy, hai viên quan tổ chức hội Dịch Đình dinh yến thực, phụ lão nhân dân Thượng Khu xã Tiên La cùng dự hội để phụ tá hai vị. Đêm ấy, hai vị đều say, nằm ngủ tại Dịch Đình dinh, nhân dân cũng phải ở lại hầu hạ hai vị. Mọi người đều mơ thấy binh mã âm âm kéo tới con đường trước Dịch Đình. Một cánh quân đông tới hàng trăm người, lại có một viên tướng đi thẳng tới trước, thân cao hơn một trượng, hình thù kỳ dị: đầu gà mào hoa năm màu, một tướng theo sau, thất lưng long lanh, mũ áo rực rỡ đi thẳng tới chỗ hai vị Thiên quan thì dừng bước. Hai vị Thiên quan hỏi: "Hai quan tôi đây có việc gì vậy, mời ngồi". Một vị đáp: "Tôi vốn là thần Thiên Bồng, lại do nhân dân Thượng Khu xã Tiên La phụng thờ. Tương truyền thân phụ của Thiên Bồng đại vương là người phương Bắc di cư đến Bồng Khê, huyện Trà Giang, phủ Thiệu Thiên, Ái châu (tức Thanh Hoá), người họ Trương tên gọi là Khang, lấy bà Trần Thị Phương người Ái châu. Nhà ông đời đời làm chức Chưởng quản Bách hiền đặt ở triều. Ông Khang làm nghề buôn bán thuốc, tinh thông cả Đạo giáo và Phật giáo, ngụ cư tại quê vợ. Đến năm ông gần ngũ tuần, bà dư tứ thập; một hôm bà lên núi Bàn Thạch hái thuốc, bà trông thấy một con quái vật đầu gà thân rắn, có hai cánh đi tới chỗ bà, bỗng lao tới quẩn lấy ba vòng, khiến tinh thần bà rã rời, sợ hãi, mơ màng như mộng, khi ấy thấy một đại thần tướng, thân cao hơn trượng đầu gà, thân người từ trên trời giáng xuống nói với bà rằng: "Thần vâng mệnh trời hiệu gọi Thiên Bồng xin làm con". Trong giây lát rắn tự biến đi, còn bà Trương bàng hoàng tỉnh dậy, sau đó bà có thai, tới ngày bảy tháng Giêng năm Đinh Sửu, bà trở dạ sinh một cậu con trai: thân người đầu gà, trong lòng hai bàn tay có in dấu bốn chữ: "Thiên Bồng chi ấn". Thân hình cao lớn đường

đường, đến năm 18 tuổi thân cao dư trượng, trời ban thiên tài dị thuật, văn võ song toàn, hô gió gọi mưa, bắt quỷ gọi ma. Vua mến tiếng, vời vào triều đãi ngộ trọng thị, phong là Thiên Bồng nguyên soái Đại tướng quân, Thống lĩnh kiêm Tri thủy bộ. Bấy giờ vào thời vua Hùng Vương thứ 16 (tức là Vũ Vương hoàng đế), nước ta có giặc Ô Mộc Nam Bạch Hồ Động và giặc Nam Chiếu, chúng hè nhau vào xâm lấn kể từ Quảng Đông, Quảng Tây (thuộc Bách Việt) và các địa phương thuộc các châu của nước Nam Việt ta: Hoan châu (Nghệ Tĩnh), Ái châu (Thanh Hoá), Bố Chính châu, Cửu Chân, Hải Nam. Vua sai Thiên Bồng đi dẹp giặc, ông điều quân tiến về địa phận Thượng Khu, trang Tiên La, huyện Thần Khê, phủ Tiên Hưng, đạo Sơn Nam, cho quân trú lại Dịch Đình dinh một đêm. Nhân dân biết Thiên Bồng tới, họ đón chực sẵn để xin ông cho làm thần tử, có 28 người xin theo đi đánh giặc. Nguyên soái thuận cho. Ngay hôm ấy, ông hô quân tiến thẳng tới đồn giặc, đánh một trận lớn quét sạch quân thù, bắt sống tướng giặc, chém ngay tại trận. Tất thấy ngựa voi sĩ tốt của giặc hỗn loạn tan tác hết, nơi nơi yên bình. Thiên Bồng đưa quân quay về quê nội là trang Bồng Sơn, huyện Tống Sơn. Ông băng lên đỉnh núi ngồi hồi lâu, rồi bay lên trời mà biến đi (Đó là ngày 10 tháng 12). Vua truyền lệnh xây đền quốc tế (tức tế lễ theo nghi thức triều đình), giao phó cho thần dân trông nom. Vua lại lệnh cho lập đền thờ ông tại các nơi có hành cung của ông, ở những nơi có gia thần của ông. Tất thấy gồm 62 địa phương. Vua cũng cho lập đền thờ lớn tại Dịch Đình Thượng Khu, thuộc xã Tiên La.

Lại nói, ngày Trưởng bộ phu nhân (Phúc nương) trở dạ đẻ, mọi người được thần nhân báo mộng rằng: "Ta vốn là Tiên Hương chúa tể Long thần, cũng là Phúc thần của bản ấp, nay có Ái châu Trưởng bộ phu nhân có thai sắp sinh hai vị Thiên thần. Phu nhân đang ở Quán ngoài khu Dịch Đình thuộc Thượng Khu xã Tiên La. Thiên binh giao cho bọn ta vào báo cho hai vị Thiên quan bảo vệ khu vực Dịch Đình, để cho dân chúng biết, hãy mau mau ra quán sở thỉnh rước phu nhân về Dịch Đình sinh

thần được yên ổn, phải có sự bảo vệ gấp nếu không hối không kịp". Nói đoạn hành quân đi, nhị vị Thiên quan chợt tỉnh, mới biết là thần báo mộng, kịp đúng lúc trời hửng sáng. Mọi người thức hự chưa rõ, cùng nhau kéo ra ngoại quán xem sao. Ngay từ xa người ta đã nhìn thấy trong quán sáng trưng, lại nghe rõ tiếng trống chiêng sênh nhạc rộn ràng. Tới quán, mọi người đều thấy kinh ngạc là có phu nhân nằm trong quán. Hai vị Thiên quan vờng cẳng ngay phu nhân về Dịch Đình. Lúc đầu, phu nhân còn do dự chần chừ, giây lát sau trời đất bỗng nổi cơn mưa to gió lớn, thì bấy giờ phu nhân mới thuận đăng giá về Dịch Đình. Vừa về tới nơi, kịp lúc phu nhân sinh hai con trai: thân vóc cao lớn đường đường, thần phong lẫm liệt, hàm én mây ngài, mắt phượng mày rồng, tay dài quá gối, đúng là tướng mạo người phi thường. Nhị vị Thiên quan cùng nhân dân làm số tau vua. Vua cả mừng, tức thì ra lệnh cho Quý Minh đại vương. Quý Minh đại vương vốn nguyên quán ở Ái châu, về sau cha di cư tới đất động Lăng Xương, huyện Thanh Sơn, phủ Gia Hưng, đạo Hưng Hóa. Cha tên là Nguyễn Cao Khang, mẹ Phạm Thị Hương được thần báo mộng, lên núi thấy hai con hổ đang vật nhau, bèn ôm lấy mang về nhà, rồi có mang mà song sinh ra hai con trai. Quý Minh cũng là em trai thứ của Tản Viên Sơn Thánh, tức là con chú con bác. Hùng Duệ Vương vời vào triều giao cho chức tước theo anh. Anh của Quý Minh tên là Hiễn công, được vua phong cho là Cao Sơn đại vương, em Sùng công vua phong cho là Quý Minh đại vương. Tài năng cả hai ông trùm đời, trí dũng hơn người, không ai địch nổi. Đó là hai em của Tản Viên Sơn Thánh vậy.

Lại nói, khi Quý Minh đại vương vâng mệnh triều đình rước Trưởng bộ phu nhân (Phước nương) vào chỗ sinh, rồi rước phu nhân cùng hai con trai của bà về triều và rước phu nhân để nhị vị Thiên quan, nhân dân hành lễ bái chúc mừng. Trong khi ấy, hai vị Thiên quan thấy Quý Minh về tới Dịch Đình, mới khai yến mừng để thông báo cho nhân dân biết rằng: "Quý Minh và bọn ta vốn có tình nghĩa anh em. Nhưng nay bọn ta cũng xin

làm thần tử". Quý Minh đều tán thành. Lại nói, trong thời gian đó Quý Minh cùng với hai vị Thiên quan cùng rước phu nhân và hai người con trai về tới kinh sư. Phu nhân làm lễ bái yết vua. Vua trông thấy hai vị Ứng công và Hồng công đúng là tướng mạo dị kỳ. Vua bèn mệnh danh cho anh là Ứng công, em là Hồng công, nuôi dưỡng ngay trong vương phủ cho tới lúc trưởng thành. Anh em họ đều là anh hùng hơn đời, dũng lược phi thường, văn võ kiêm toàn, đa mưu túc kế, cả nhà rất hạnh phúc về họ, nên nhà vua phong cho người anh làm Đề đốc binh sự Đại tướng quân, Chương lĩnh Nội vệ tướng quân.

Năm ấy, đúng vào ngày 10 tháng 7, phu nhân bỗng tự nhiên mà mất. Triều đình cùng với hai ông (ông Ứng, ông Hồng) làm lễ an táng. Sau ba năm việc tang tế đã hoàn tất. Bấy giờ trong nước giặc Man Ô Lý Khởi làm loạn, cướp bóc tại một số địa phương như Hoan châu, Ái châu và Nam Chân, khiến dân chúng lâm than. Bấy giờ vua sai ứng công về tận đồn bảo vệ là địa phận Tiên La, Dịch Đình để tiện phòng ngự giặc Man Ô Lý cùng với hai viên Thiên quan Lỗi Lôi đóng đồn tại đó. Vua lại chuẩn cho vùng đất Dịch Đình Thượng Khu thuộc xã Tiên La đều là cơ sở của Hội đồng, Hộ nhì cung phủ của các vị tôn quan triều đình, được miễn mọi tạp dịch binh lương. Vua lại lệnh cho Hồng công Chương lãnh quan Tướng quân bảo vệ đồn Báo Thiên Đề phải lập dinh phủ tại chỗ, để chế ngự Man Ô Lý. Trong thời gian hơn ba năm ấy, đánh địch hơn 20 trận và đều thắng lợi. Đến khi hai ông bắt được Chánh tướng của giặc Ô Lý giết đi, binh lính của giặc đều bị đánh tan tác, bọn bị chém đầu trên ngàn tên, thu hồi vũ khí đưa về kinh đô báo công lên triều đình. Hai ông đưa quân khải hoàn. Vua suy tôn Ứng công lên chức Bảo quốc Nguyên soái Đại tướng quân, Hồng công giữ chức Thái phó Nguyên soái Đại tướng quân, Lỗi công làm Tả tào Binh sự Thiên quan tướng quân, Lôi công làm Hữu tào Binh sự Thiên quan tướng quân. Từ đấy chư vị làm việc tại triều. Trong thời gian ấy chư vị thường loan giá đi về thăm Hội đồng dinh ở Dịch Đình Thượng Khu Tiên La, ban cấp cho nhân dân ở đây tới hàng nghìn quan tiền cứu

bắn dương lão, dạy bảo dân, chỉ cho họ về mọi lễ... Công lao của các tôn vị đối với dân quả là lớn lao lắm. Chư vị chưa an nhàn bao lâu, thì trong nước lại bị giặc Thục nhòm ngó biên cương. Hùng Duệ Vương triệu Tản Viên Sơn Thánh. Sơn Thánh một mặt triệu tập hai em Tả Hữu Kiên Thần (tức Cao Sơn, Quý Minh) và các vị Bảo quốc Ứng công, Thái phó Hồng công cùng Tả, Hữu Tào binh sự Lỗi công, Lôi công, chia đường cùng tiến công các đồn lũy giặc Thục tại các địa phương như Sơn Nam đạo, Ái châu, Cao Bằng, Hưng Hóa. Các tướng Ứng công, Hồng công, Quý Minh, Tả, Hữu Tào binh tiến thẳng tới Dịch Đình quan ở huyện Diên Hà, phủ Tiên Hưng, đạo Sơn Nam. Hôm trú quân lại ở đó, các quan hội yến ẩm tại Dịch Đình. Đêm ấy các quan làm lễ mật đảo Thiên Bồng đại vương xin được âm phù hộ quốc. Cầu đảo xong, các tướng đồng cử binh tức thì tiến thẳng tới biên cảnh giặc, hợp đồng mở một trận đại công kích Thục binh, đánh cho chúng đại bại, đuổi chém hơn ngàn thủ cấp, tàn dư bỏ chạy tán loạn tìm đường về nước. Đất nước thanh bình, quốc gia vô sự. Vua triệu tướng sĩ hồi triều để hoàng đế ban thưởng. Ngày ấy Quý Minh đại vương đi thẳng về tới Lãng Sơn rồi ngài đi thẳng lên đỉnh núi, sĩ tốt đi theo ở dưới chân núi. Đại vương cưỡi mây bay lên trời mà biến. Các tướng khác cũng lần lượt tự hóa. Nhân dân tướng sĩ đều làm sớ tâu về triều. Vua nghe tin đều thương xót những vị trung thần, họ đều là những tướng đầy công lao đối với triều đình, quốc gia. Vua bèn sai các quan chia nhau tới nơi mà các vị quan tự hóa để làm lễ an táng, đồng thời báo cho nhân dân địa phương ấy tu tạo miếu đền, để phụng thờ các quan và bao phong mỹ tự: "Vạn cổ Phúc thần" để họ sống mãi cùng non sông đất nước.

5. SỰ TÍCH VUA BÀ BẾN NƯỚC VÀ VUA ÔNG CỘI CÂY

Tương truyền, vào thời Duệ Vương nhà Hùng ở động Chung Sơn, quận Cửu Chân, Hoan châu có vợ chồng phú ông tên gọi

Lương Nhạc và Trần Thị Ái. Ông Lương tuổi đã gần năm mươi, bà Trần tuổi ngoại tứ tuần. Một hôm vợ chồng bàn với nhau rằng: Ở đời không có con nối dõi là tội đại bất hiếu, mới đem chia bớt tài sản để cứu giúp người khó khăn khốn cùng và đi cầu tự ở các chùa chiền miếu vũ. Tới một buổi tối kia, vợ chồng nằm ở trong nhà vừa mơ màng chợp mắt, bỗng thấy có cậu bé đang từ ngọn cây tụt xuống gốc trước sân, rồi bước tới bà Trần mà nói: "Ta là Sơn Nhạc Tư Tào, phụng mệnh Thiên đình giáng sinh xuống đầu thai làm con cho mẹ để đền đáp công tích nhân tích đức của cha mẹ". Nghe chưa dứt lời thì chợt tỉnh giấc, và biết ngay đó là giấc mộng lành. Từ đấy, bà Trần mang thai rồi sinh ra một cậu con trai hệt như người trong mộng; nên bố mẹ mới đặt tên cho là Cội công. Cội công khôn lớn, đi học thông minh, văn tài võ lược đều giỏi, được vua Duệ Vương trọng dụng, phong làm tướng. Cội công xông pha trận mạc, đông chinh tây thảo, đều lập nhiều chiến công. Gặp khi nước nhà có giặc Bắc狄 lai xâm lấn. Chúng cướp bóc tài nguyên vàng bạc châu báu, hãm hiếp phụ nữ, dân chúng lầm than, thế vô khả kháng. Vua lại sai Cội công làm tướng cầm quân ra trận. Trong một trận đánh, khi Cội công xông vào giữa trận đang tả xung hữu đột bỗng gặp một nữ tướng đáng mạo đường đường, dung nghi lẫm lẫm, phi ngựa múa kiếm, miệng hét lớn xông vào trận tiền đánh nhau với Cội công đến ba hiệp mà vẫn không phân thắng bại; bấy giờ đôi bên đều lui về bên quân mình. Cội công đàm luận với các tỳ tướng của mình rằng, trước đây ta nghe Bắc狄 không có nữ tướng, mà hôm nay viên nữ tướng cử khôi này lại quát mắng ta rằng: "Các người là người ngoại bang, đường xa vạn dặm đến để cướp nước Nam Việt của ta". Nữ tướng kia cũng nghe được những lời mắng tương tự, hai tướng tư lự hồi lâu mới nhận ra là người mình. Nữ tướng tự giới thiệu với Cội công: "Thiếp là Thủy thần giáng sinh, quán tại Cửu Chân quận, tên gọi nàng Bến, cha là Lương Sùng, mẹ là Trần Thị Hòa, vốn là người tu nhân tích đức, một đêm nằm mơ, vào một ngày hè mẹ ra sông tắm, bắt được viên ngọc quý ở bến nước thì bỗng

tỉnh giấc. Về sau đẻ ra thiếp, nên cha mẹ mới đặt cho thiếp là Bền nương tức nàng Bền". Nghe tin Bắc địch tới xâm lược bờ cõi, thiếp tập hợp được hơn ngàn dũng sĩ, thiếp bèn cùng họ đi giết giặc cứu nước, may mà gặp tướng công. Từ đấy, hai tướng hiệp lực tấn công địch một trận quyết chiến. Giặc thua tan tác, kẻ chết, kẻ tháo chạy thực mạng về nước. Hai tướng thu hồi tất cả tài sản quý giá của nhân dân mà trước đây chúng đã cướp, dâng lên Duệ Vương. Duệ Vương cả mừng, mở yến tiệc khao thưởng tướng sĩ. Ngày khải hoàn, Cội công và Bền nương vừa đi tới địa đầu trang Minh Lương (tức Mỹ Lương), huyện Diên Hà, phủ Tân Hưng, đã thấy hương án, cỗ bàn, thịt xôi, bày la liệt, phụ lão nhân dân đứng chật bên đường chào mừng, xin làm thần tử. Về sau, vua thấy tấm lòng nhân dân nơi đây quyến luyến nhị vị tướng như vậy, nên vua cũng phong thực ấp cho họ tại đây, để lúc sống thì hưởng lộc, khi chết hưởng thần do dân hương khói thờ cúng muôn đời. Nhà vua lại phong cho Bền nương là Đài Vàng Bền Nước Uy linh Đại vương. Cội công là Đài Vàng Cội Cây Uy linh Đại vương.

Lại chuẩn cho trang Minh Lương tôn thờ:

- Đức Vua bà là Quốc vương Thanh Lãng Đài Vàng Bền Nước Uy linh Đại vương.

- Đức Vua ông là Quốc vương Thanh Lãng Đài Vàng Cội Cây Uy linh Đại vương.

6. TRUYỆN TRUNG ĐỊNH CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Thuở xưa, buổi khai thiên lập địa, ranh giới nước Nam ta ngang với sao Dực sao Chấn; Bắc quốc khi xưa được phân phong thẳng đến vùng sao Ngưu sao Đẩu.

Từ Hùng triều, vua Kinh Dương Vương nổi nghiệp cha và được mệnh danh là bậc tông đế của các đế vương nước Việt ta. Hoan châu đất đẹp dựng mở kinh đô, Nghĩa lĩnh núi cao sửa

sang miếu điện, cha truyền con nối giữ nước, lại truyền tới hiệu Lạc Long Quân lấy nàng tiên nữ con gái vua Động Đình.

Thuở ấy, mây tốt năm màu rực rỡ nổi trên đỉnh Nghĩa Lĩnh, Âu Cơ mang thai sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra một trăm chàng trai đều là bậc anh hùng tuấn tú, tài đức hơn đời không ai bì kịp. Tới lúc trưởng thành, vua cha đặt nước thành 15 bộ, phong hầu phân cõi để cho cai quản. Long Quân bàn với Âu Cơ: "Ta thuộc nòi Rồng, nàng lại giống Tiên, sở dĩ có con là bởi khí chất của âm dương ngũ hành hợp lại mà thành. Nhưng vì không cùng đồng loại, nước lửa khác nhau, không thể ở cùng một nơi với nhau được" Thế rồi chia lấy 50 người theo cha về biển làm Thủy thần ngự trị các đầu sông ngọn bể; 50 người cùng mẹ lên non làm Sơn thần cai quản các đỉnh núi ngọn đồi. Tuy nhiên nếu xảy ra chuyện gì thì hai bên đều biết để mà kịp giúp đỡ nhau, không được lẩn tránh phớt trừ nhau. Bởi vậy, nhà Hùng xưa nay luôn có trăm thần sông núi thường thường xuất thế đầu thai xuống cõi trần gian, để cứu nước giúp dân. Nhà nào có phúc tất được thần giáng phúc.

Lại nói, cơ nghiệp nhà Hùng truyền đến đời thứ 18, tức Hùng Duệ Vương, đóng đô ở Việt Trì, Bạch Hạc, lấy quốc hiệu là Văn Lang, kinh đô hiệu là Phong Châu thành. Vương là bậc đại lược hùng tài, thiên tự sáng suốt, thừa kế cơ nghiệp thịnh trị của ông cha 17 đời bồi đắp: ở trong nước thì lo sửa sang văn đức, tại nơi ngoại biên cương thì tăng cường võ công, dốc lòng lo toan sự nghiệp hòa bình thịnh vượng để giữ yên đất nước. Vào thời bấy giờ có người ở làng Lưu Xá, huyện Thượng Hiền, phủ Nghĩa Hưng, đạo Sơn Nam, họ Trương tên Tung, vợ là Phùng Thị Ích vốn sống về nghề sông nước bắt tôm cá, rồi dần dà giàu có lên. Ông bà Trương Tung là người hay làm việc thiện, việc phúc đức dù nhỏ bé cũng gắng để làm, hai vợ chồng nhà ông đều đôn hậu phúc đức. Nhưng hiềm vì ông đã gần ngũ tuần, bà cũng ngoài bốn chục mà vẫn chưa có con trai để nối dõi. Một ngày nọ, nghe tin ở huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc (cổ xưa gọi là quận Vũ Ninh), tại đó có một con sông nhỏ tên là Tiêu

Tương có rất nhiều cá. Thế là vợ chồng ông sửa sang một con thuyền quay chèo ngược lên phía bắc, khi tới địa đầu trang Trịnh Xá ông bà dừng thuyền bên dòng sông nhỏ đánh cá. Buổi chiều hôm ấy, ông đang chèo thuyền ra giữa lòng sông đánh cá, ngược mắt lên trời bỗng thấy một đám mây đen sà xuống chỗ bà Phùng, vợ chồng hốt hoảng chạy lên bờ, tới địa đầu khu Nguyễn Xá, chợt lại thấy trời tối đen mịt mù giữa ban ngày nào khác nửa đêm, rồi nổi gió tuôn mưa buộc họ phải chạy vào ngôi miếu cổ gần đó mà trú ẩn. Khi tới nơi ngược mắt trông lên thấy tấm hoành phi đề 4 chữ "Anh Linh Thủy Cung", hai người bèn quỳ ngay xuống mà cầu xin. Một loáng họ lại thấy một dải hào quang bao trùm lên thân thể bà Phùng. Bà Phùng té nằm ra đất đầu óc mông lung như ở trong mộng. Bà trông thấy một trang nam nhi mặc quần áo màu đỏ, thắt đai lưng ngọc, dáng vẻ dị kỳ, từ ở bên đường đi tới, tự xưng là quan Thủy thần ở xứ sở này và nói: "Nhà ngươi phúc cả đức dày, trời đã biết, nay ta vâng mệnh giáng sinh làm con". Chốc lát, bà Phùng tỉnh lại, trời tạnh mây quang, bà kể cho ông nghe chuyện dị kỳ vừa xảy ra. Ông bảo: "Đó là điềm lành": Thế rồi xuống thuyền quay về nơi ở Bà Phùng có thai đến ngày 10 tháng 3 năm Quý Tỵ thì sinh ra một cậu con trai, tư chất thông minh, thể mạo khôi ngô khác thường. Ông Trương cho rằng đây là Thủy Linh thần xuất thế, nên càng yêu mến cậu, mới đặt tên là Nam Định.

Nam Định lên 3 tuổi đã biết lễ nghĩa, hay kính trên nhường dưới. Nghe học lỏm mà hiểu, nghe tiếng mà hiểu thấu âm luật. Năm lên 7 tuổi đi học, 13 tuổi đã đọc thông sử sách chư tử, lại giỏi võ nghệ, đam học trò thời đó đa phần đều thán phục và khen là thần đồng. Năm 18 tuổi cha mẹ đều qua đời. Nam Định làm lễ chôn cất cha mẹ, sau 3 năm mãn tang, thì vừa gặp lúc Hùng Duệ Vương xuống chiếu cầu hiền, giao cho các châu huyện phải tiến cử những người hiền lương phương chính và những người học trò có tài học vấn uyên thâm quảng bác, văn võ song toàn, hoặc người tinh thông một nghề, người thạo một việc cũng đều phải tiến cử để họ được nhận quan tước của nhà

vua. Bấy giờ Nam Định liền ứng tuyển, đến lúc bệ kiến vua, cậu ứng đối rất lưu loát, trả lời các câu hỏi về văn về võ tất thấy đều trôi chảy, không hề bị vấp vấp chút nào. Vua khen mà ban danh là Trung Định công và giao cho chức Chỉ huy sứ ở huyện Thượng Hiền, đạo Sơn Nam. Tự đấy ơn vua nhuần thấm, nghĩa đế cao dày, phải chăng đó là cái duyên vua tôi quân thần vậy.

Khi ấy, đúng vào cuối thời nhà Hùng, ý trời cáo chung. Duệ Vương sinh hạ 20 hoàng tử, 6 nàng công chúa, nhưng đều nổi gót lên tiên cả, chỉ còn lại 2 công chúa. Con gái lớn gả cho Chủ Đồng Tử, còn công chúa bé thì khuê phòng còn khép, duyên đẹp thời lành chưa định. Cho nên nhà vua mới phải dựng lầu ở cửa Việt Trì để kén phò mã, truyền chiếu cho thần dân thiên hạ, tìm người anh hùng thông minh tài trí, đức độ hơn người đều có thể ứng tuyển. Nếu có thực tài thì sẽ được nhà vua gả công chúa và truyền ngôi cho. Ngày ấy, dưới sông thuyền bè tấp nập, trên bộ ngựa xe xuôi ngược âm âm. Một khi được thấy chiếu chỉ của nhà vua kén rể, thì đám tài tử trong thiên hạ lòng dạ đã sẵn sức sôi, thi chương xướng họa, bút pháp tung hoành, rồng bay phượng múa, trắng rơi dòng nước sao lặn đáy hồ. Thi võ thì trận khai hồ báo mất hồn, sấm dậy trống rung, long trời động đất, một thân đua tài giữa đám anh hùng của bốn cõi. Nhưng tất thấy là người đạt môn này, kẻ thua nghề nọ, lần lượt ra về, chưa ai toàn vẹn toàn thắng.

Về sau thấy có Tản Viên Sơn Thánh họ Nguyễn tên Tùng người đạo Sơn Nam có nhiều phép lạ thông đời tử đất, lăm thuật hay có thể dời núi lấp sông. Vua cho rằng đó là người kỳ tài bậc nhất thiên hạ, vua bèn gọi công chúa tới gả cho và nhường cả ngôi báu. Bấy giờ có Bộ chủ Ai Lao họ Thục tên Phán vốn là dòng dõi của nhà Hùng, trước chia cho để cai quản đất Ai Lao rồi đổi thành họ Thục và đặt tên là Phán. Đến nay được tin Hùng Duệ Vương tuổi cao sức yếu mà 20 hoàng tử đều chết yếu cả, vua không có người kế vị mới nhường ngôi cho con rể là Sơn Thánh. Nhân đó phát động các nước lân cận giúp đỡ viện binh, chinh đồn quân ngũ tinh binh trăm vạn, ngựa xe 8 ngàn cỗ chia

làm 5 đạo quân theo các ngã đường, thuận những cửa biển thủy bộ ồ ạt tiến vào nước Văn Lang, thư cáo cấp từ biên cương gửi về triều một ngày tới 5 bận. Duệ Vương hoảng hốt lo sợ, bèn triệu Sơn Tinh vào hỏi kế sách chống giặc. Sơn Thánh tâu: "Một trăm hai mươi năm lẻ bề hạ là hiền thánh trên ngôi, công đắp móng xây nền. Nghĩa nặng ân sâu của mười bảy đời tiên vương ta đã thấm sâu vào cốt tủy mọi người dân, nay sự thế đã như vậy, bề hạ còn do dự gì mà không đánh. Nhưng trước tiên hãy cử Trung Định công làm tướng đem quân đi tuần tiểu, thần nguyện xin tận lực tuyển chọn tướng tài để diệt giặc Thục không quá tuần nhật (10 ngày) là dẹp xong". Vua nghe theo, ngài liền triệu Trung Định công tới hỏi han và phong làm Tiền đạo Đương lộ Tướng quân. Việc trước tiên là ông lãnh quân đi tuần tiểu để phòng giặc ở các ngã đường sông. Khi ấy Trung Định công đem hai nghìn quân sĩ tuần tiểu canh chừng giặc ở các triền sông; lại lĩnh một nghìn quân lục chiến lên đường, cờ dong gió thổi, tiếng chiêng tiếng trống âm âm rung động muôn núi ngàn sông, suốt một ngày đêm quan quân tiến đến đóng đồn tại bến sông khu Nguyễn Xá, trang Trịnh Xá, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc. Ông cho hội quân tại đây và bái yết miếu thần. Ông triệu các phụ lão của Nguyễn Xá tới mà nói rằng: "Đây vốn là nơi cha mẹ ta đã sinh ra ta, ông bà xuất thân từ sông nước, lấy việc đánh bắt cá làm nghề sinh nhai. Nay nhìn tình cảnh bà con như thế này ta liên tưởng tới mẹ cha mà lòng đau xót khôn nguôi. Mẹ cha ta xưa căn dặn ta phải nói cho các người biết. Ta chính là vị Thủy thần giáng sinh mà khu các người phải phụng thờ, nên nay ta phải về đây đóng quân để mà quan sát địch tình, nếu không sẽ bị quân ngoại bang tới xâm hại". Các bộ lão bản khu đều trình thưa: "Dân khu của chúng thần đúng là tôn thờ một vị thần có duệ hiệu là như thế mà ngày trước rất linh thiêng. Từ 30 năm lại đây có vợ chồng người ở đạo Sơn Nam từng trú ngụ ở ngôi miếu này, từ đó trở đi không thấy linh ứng lắm". Ông đáp: "Đó chính là cha mẹ của ta đây". Các phụ lão nghe rồi, bèn hành lễ bái lạy, xin làm thần tử.

Bấy giờ, Định công tuyển chọn những đình tráng của trang khu 35 người cho làm gia thần thủy thủ. Hôm sau thấy có sứ giả mang chiếu chỉ của nhà vua sai Định công dẹp giặc Thục ở đạo Kinh Bắc. Ngay hôm đó, ông sai thiết đàn làm lễ cầu đảo trăm thần sông núi, khao thưởng dân thôn và sĩ tốt, rồi đem quân thẳng tiến đến chân núi Sóc Sơn. Ông đang ngồi trao đổi với Tả đạo Đường lộ Ngô Tướng quân về chiến thuật tiến công và giải giáp tàn quân giặc ở dưới chân núi, thì bỗng thành linh thấy quân Thục ập tới bốn phía trùng điệp, trong khi quân sĩ của ông chưa kịp cởi áo giáp và tháo yên ngựa lại bị bao vây, triều đình ắt sẽ không lường tới tình hình này, nên không hy vọng vào sự viện binh. Ông bèn tập trung binh sĩ rồi cùng hô to lên câu: "Hỡi các tướng sĩ lòng trời còn thương giúp chúng ta, mọi người hãy xông lên diệt giặc Thục". Đúng là lấy một người địch trăm người, ông chỉ huy trong hoàn cảnh địch bao vây trùng điệp, thế mà chém được đầu Chánh tướng, Phó tướng của giặc Thục và mấy vạn thủ cấp giặc, thu hồi vũ khí, lương thảo ngựa xe nhiều vô kể, nhìn vào đám sĩ tốt thì biết rằng quân Thục không còn đường để mà thoát chạy nữa. Lúc ấy là vào thượng tuần tháng 3, thấy có thư của Sơn Thánh gửi tới trong ấy có câu dặn Định công rằng: "Sau khi giặc Thục bại trận bỏ chạy, thì phải viết biểu tâu lên Duệ Vương ngay, rồi lĩnh chiếu chỉ hồi triều". Ông phụng mệnh trở về triều, nhà vua mở đại yến tiệc mừng công gia phong tướng sĩ đẳng cấp cao thấp khác nhau. Lại phong thực ấp cho Định công tại huyện Đông Ngàn. Định công bái tạ Duệ Vương rồi quay về nhiệm sở ở Đông Ngàn. Bấy giờ ông trở về khu Nguyễn Xá, nghe tin đất ấy có long mạch tốt, sơn thủy châu tuần, rồng châu hổ chực, núi không cao mà lại có sa bồi, sơn thủy hữu tình, thiết tưởng đó cũng là một mảnh đất phong quang thắng cảnh, ông vô cùng xúc động.

Ngay hôm ấy, ông ra lệnh cho binh sĩ và nhân dân dựng đình để ở sửa sang đền miếu. Mở yến tiệc một ngày cho mời phụ lão và nhân dân khu Nguyễn Xá tới yến ẩm. Giữa lúc mọi người đang ăn uống, ông nói với các cụ phụ lão và gia thần rằng: "Các

người xử hậu với ta, tất là trọng, nên ta có lời để lại cho nhân dân, gia thần và các tộc họ muôn ngàn năm là ở khu các người phải phụng thờ một vị thần, nay ta đặt 50 hốt vàng để ngày sau mua thêm ruộng vườn cúng tế hương đăng". Bỗng dung thấy trên không trung xuất hiện một đám mây vàng tựa như dải lụa rơi thẳng xuống trước dinh, rồi thấy ông bay ra khoảng giữa dòng Nguyệt Giang mà biến mất. Khi ấy nhằm vào ngày 15 tháng 7. Trong khoảnh khắc lòng sông sóng nổi ầm ầm, rùa, rắn, thuồng luồng, ba ba quẫy nhảy tung tăng tiến dẫn ông đi. Nhân dân thấy vậy kinh sợ, bèn hành lễ viết sớ tâu lên nhà vua, triều đình sai trở về làm lễ tế xin cho khu Nguyễn Xá là nơi sinh của thần được phụng thờ thần.

Đến thời vua Lê Đại Hành vào niên hiệu Thiên Phúc (980 - 988) khi khảo cứu bách thần thấy có linh ứng mới gia phong: *Thượng đẳng Phúc thần* và phong cho giữ nguyên thần hiệu: *Nam Định đại vương*.

Lại gia phong mỹ tự: *Càn đức chí cương, Khản cung sở tú, Dực vận hồng du, Trạch dân hiển ứng, Cảm diệu linh thông phù hựu*.

Lại nói, từ đó về sau, luôn luôn linh ứng. Cho nên đế vương các triều đều gia phong mỹ tự.

Thời Trần Thái Tông (1225-1258), quân Nguyên Mông tới xâm lăng, kinh thành bị vây hãm, Trần Quốc Tuấn được lệnh của vua cầu đảo tại các linh từ, cầu xin trăm thần phù hộ, trong đó có đền thần khu Nguyễn Xá cũng hiển ứng phù giúp, đến khi đánh được giặc Ô Mã Nhi, Thái Tông ban phong mỹ tự cho đền thần: Một vị: *Tế thế hộ quốc ty dân, Phù vận dương võ, Dực thánh bản cảnh* hiển hựu. Cho đến đời Lê Thái Tổ (1428 - 1433) khởi nghĩa bình giặc Minh - chém Liễu Thăng, khôi phục giang sơn, Thái Tổ phong cho là: *Phổ tế cương nghị, Hậu đức chí nhân, Phù cảm hiển ứng anh linh*. Ban sắc chỉ cho khu Nguyễn Xá trùng tu miếu điện để thờ cúng ngài mãi về sau...

7. SỰ TÍCH NAM HẢI TẠO LỰC ĐẠI VƯƠNG

Nam Hải Tào Lực đại vương tên là Hùng Tuệ, làm quan lang đạo Ái châu (Thanh Hóa ngày nay), là dòng dõi vua Hùng, là một trong 50 người con của Lạc Long Quân theo cha về biển làm Thủy thần chia nhau coi giữ các eo biển ngọn sông của đất nước. Vào thời Tiên Lý Nam Đế, có giặc Lương ở phương Bắc tới xâm lăng nước ta, nhà vua xuống chiếu tuyển người hiền tài ra giúp nước đánh giặc. Vốn là người sẵn có chí tang bồng, khi nghe chiếu chỉ nhà vua, Hùng Tuệ liền nhập triều ứng thí. Vua hỏi bất cứ điều gì ông đều tỏ rõ là người có học vấn và tài năng, đều trả lời lưu loát mọi điều, thượng thiên văn, hạ địa lý, việc nhân sinh trị quốc không có việc gì không am tường. Vua phong cho ông làm Đốc lĩnh đạo Sơn Tây. Ngay hôm đó, ông lên đường ở nhiệm sở nhậm chức. Sau năm sáu năm, bấy giờ có giặc Lương từ Bắc quốc sai bọn Dương Tường làm Chánh tướng và Hùng Phong làm Phó tướng đem 10 vạn tinh binh sang xâm lược nước Nam Việt lúc bấy giờ bao gồm: Quảng Đông, Quảng Tây, Quảng Yên, Hải Dương, Kinh Bắc (tức Bắc Giang, Bắc Ninh) và các địa phương thuộc đạo Sơn Nam (tức các tỉnh Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình), đâu đâu cũng thấy cờ giặc, tiếng trống chiêng âm âm dậy đất long trời. Quan quân ở các địa phương kháng cự không nổi, sự ấy bức bách và kéo dài hai ba năm mà không kết thúc. Khi ấy ông dâng sớ tâu vua kể đánh giặc. Vua cả mừng, giao cho Hùng Tuệ chức Thống chế Tạo Lực quan đi đánh giặc. Quan Thống chế bèn chiêu tập được nghĩa binh 115 người gồm, họ Trần 30 người, họ Phạm 35 người, họ Đào 30 người, họ Đặng 20 người, tại huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao làm gia thần thủ túc. Khi ông cho tiến quân tới ấp Mỹ Lạc, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, đạo Sơn Nam thì mặt trời vừa khuất núi, ông bèn cho quân trú lại một đêm tới sáng. Sáng hôm sau, ông đi dạo bên dòng Tiểu giang, thấy địa thế núi sông bao bọc, gò Sao dẫn mạch, kiếm, cờ đối xứng, ông bèn ngấm nhìn mãi rồi lệnh cho gia thần rằng: "Tuy là nơi

đất sa bồi mới lập, nhưng cũng có thể lập đồn pháo ở đây là rất có lợi cho việc binh phòng". Nói rồi ông ngâm nga bài thơ:

*Thành thị lâu dài đều ngọc báu,
Núi sông hoa cỏ thấy màu tranh.
Khí tốt đúc thành long mạch đẹp,
Đất lành cần dựng chốn cung thành.*

Ngâm xong, ông ra lệnh cho sĩ tốt thiết lập một đồn pháo ở ngay bên để chống giặc biển. Sau ba năm, quả giặc tan. Ông làm sớ tâu vua xin cho lập một đồn làng tại đó gọi là làng Cao Mai. Lúc sống ông hưởng lộc vào đó, ngày sau xin làm nơi thờ chính cho mình. Vua ngự bút phê chuẩn. Còn về binh lương tạp dịch ngài đều xin cho miễn trừ. Từ đó ông giao phó cho các họ Trần, Phạm, Đào, Hoàng ở lại lấy nông tang trồng cấy làm nghề chính. Sau đó ông trở về triều, sớm tối phù giúp bên vua, trải hơn ba chục năm. Bấy giờ có giặc bể Nam quấy nhiễu, cùng đạo tặc ở các địa phương động, sách, trang, châu đều khởi loạn cát cứ, giành lấy quá nửa đất đai trong nước. Vua bèn ban cho ông ấn kiếm, áo cẩm bào, ngựa trắng, lại lĩnh hùng binh sáu vạn, thuyền rồng ba ngàn chiếc. Tiễn Lý Nam Đế còn phong cho ông làm Nam Hải Tào Lực thống lĩnh ba quân. Tiết chế Thủy bộ chư dinh sự vụ Đại tướng quân. Bấy giờ ông bái tạ vua, lĩnh quân cưỡi ngựa trắng, cho quân tiến thẳng đến Hoan châu (tức Nghệ An) trong một năm đánh hơn ba mươi trận, lấy được thủ cấp tướng giặc Nam Hải Vĩnh Trinh bên trên ngọn giáo. Lý Nam Đế nghe tin cả mừng, ngài xuống chiếu triệu ba quân trở về.

Lại nói, khi đó ông cưỡi thuyền rồng khải hoàn tới làng Cao Mai, tổng Mỹ Lạc, huyện Chân Định, bỗng thấy trời đất tối đen mịt mù, giữa ban ngày mà chẳng khác đêm, gió gào mưa trút, ông thấy con rắn xanh dài hơn thước rẽ nước mở đường mà tự hóa. Ông sinh ngày 10 tháng Giêng, năm Giáp Tý, mất ngày 10 tháng 3 năm Ất Sửu. Ngày ấy quan quân và nhân dân Cao Mai thấy cảnh ấy đều kinh hãi và cho là chuyện kỳ dị, họ mới làm sớ tâu vua, vua Lý Nam Đế rất thương tiếc cho một vị trung thần

nghĩa sĩ, mới sắc phong cho làm Thượng đẳng Tối linh Nam Hải Tạo Lực Tế thế An dân Đại vương. Lại sai quan là Lê Đình Chấn mang sắc chỉ về tận nơi ông hóa, tu sửa ngôi miếu làng bên bờ sông, theo hướng Tây bắc - Đông nam. Lại phong cho xã Cao Mại là nơi chính đền và các nơi ở bên các triền sông mà ông đã chiến đấu, lập mười địa phương nữa cùng thờ phụng ông.

8. SỰ TÍCH BỐN ĐẠI VƯƠNG HỌ ĐÌNH THỜI HÙNG VƯƠNG

Theo thần tích, thuở ấy tại vùng châu Ái (Thanh Hoá) có một người thuộc phái quan lang, tên là Đình Công Bách. Gia đình, thân tộc ông có nhiều đời làm quan cho các vua Hùng. Một hôm, vua Hùng Duệ Vương ngự giá lên Tản Viên làm lễ cầu tự. Ngài đi có các quan, quân hộ tống. Đoàn hộ tống đức vua có ông Đình Công Bách cùng đi bảo vệ và hầu cận đức vua.

Khi vua xa giá về Hoàng cung, tới đạo Sơn Nam, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng, khi đến làng Phó Hoa vua Duệ Vương ngấm nhìn thấy làng Phó Hoa có địa thế rất đẹp. Ngài truyền lệnh tướng sĩ dừng lại và nghỉ tại đây một đêm. Vào quăng nửa đêm, Đình Công Bách mơ thấy mình đi đến một mảnh đất gọi là đất phương Tây, ông gặp một cụ già râu tóc bạc phơ, tay cầm một chiếc áo gấm đưa cho ông Bách mặc vào người. Cụ già nói với giọng lắp lửng, sau này sẽ hợp duyên. Ông Đình Công Bách nhận chiếc áo gấm rồi hỏi tên cụ già. Cụ trả lời: "Ta là họ Tô đây". Nói xong cụ chỉ tay vào chiếc giếng nước trong cạnh đấy, rồi đọc bốn câu thơ;

Tĩnh trung thần đồng tại

Đãi hậu cầm y sinh

Hạnh đắc tương phùng xứ

Thử địa hữu tài minh.

Nghĩa là:

Thần đồng trong giếng này
Biểu người sau áo gấm
May mắn gặp nhau đây
Đất nầy sinh anh tài.

Đọc xong mấy câu thơ trên, cụ già biến mất. Khi tỉnh giấc nồng, Đinh Công Bách nghĩ rằng đây là điềm mộng tốt lành, ông lân la hỏi chuyện dân làng quanh vùng Phó Hoa, rằng gần đây có chiếc giếng nào không? Có họ nào là họ Tô không? - Dân làng Phó Hoa thưa rằng: ở đây từ xưa vẫn có chiếc giếng nước trong ở phía Tây, và có một nhà họ Tô sinh hạ được ba người con trai và một người con gái, chủ nhân là ông Tô Công Định đã mất từ lâu. Bây giờ chỉ còn lại vợ và lũ trẻ thơ. Người con gái út họ Tô, là cô gái đẹp tuyệt trần, sắc đẹp của nàng sánh với hoa thì hoa nhường nguyệt thẹn, người trần thế không ai sánh kịp.

Đinh Công Bách lại hỏi dân làng, tên tuổi người thiếu nữ ấy. Nhân dân Phó Hoa thưa: Nàng là Tô Thị Công Nghi, tuổi vừa tròn mười sáu.

Nhớ lại giấc mộng trong đêm, theo lời khuyên của cụ già trong mộng, ông bèn tìm đến nhà xin lấy nàng làm vợ. Lễ đính hôn được cử hành nhanh chóng, trọng thể, Đinh công đưa nàng về ở châu Ái, thuộc huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đến ngày 15 tháng 7, mẹ vợ của Đinh công qua đời. Vợ chồng Đinh công về Phó Hoa lo an táng cho nhạc mẫu. Hằng ngày Đinh công giao du ngắm nhìn núi non hùng vĩ, dựa vào địa thế tìm cách săn bắn muông thú.

Một hôm ông đến cái giếng phương Tây còn gọi là giếng Cầu, bấy giờ trời đã xế chiều, ông định tâm quay về nhà nghỉ ngơi, đi được dăm ba bước chợt nghe có tiếng gọi từ dưới giếng lên: "Mời ông Đinh công lại đây, lòng ta đang mong đợi. Nay trời đã định cho ta trở lại trần gian, may gặp được ông, xin đầu thai vào nhà họ Đinh, vì Đinh công là người hiền tài, phúc hậu. Bà Tô mẫu lại đẹp người, đẹp nết. Sắc nước hương trời, diện mạo duyên dáng khác người dương thế". Ông Đinh công nghe rõ ràng bấy

nhiều câu. Về nhà ông thuật lại cho vợ biết, rồi sửa lễ chay, hương hoa, trầu rượu đến giếng Cầu làm lễ tạ thần.

Đương lúc mãi mê cúng lễ. Bỗng từ dưới lòng giếng nghe vang lên bốn vần thơ rằng:

*Phó Hoa chi xứ Phượng hoàng trì
Thâm xứ nhàn cư cứu đãi nhi
Kim nhật tái sinh phù quốc vận
Sinh nhi tri ngã cứu u mê.*

Nghĩa là:

Phó Hoa ấy chốn Phượng hoàng nằm
Nhàn nhã thâm u đã mấy năm
Sống lại một lòng lo vận nước
Sống mà tự biết há ngu đần.

Thơ đọc xong, trong lòng giếng Cầu bỗng hiện lên mấy đám mây hồng bay lên, rồi lại bay cuộn vòng quanh bà con gái họ Tô, đến vài ba lần, lần nào đám mây cũng đỏ hồng.

Hai vợ chồng Đình công làm lễ tạ thần giếng rồi ra về. Khi ra về, như có người chạy theo sau, vừa theo vừa đọc sách, lúc đó bóng hoàng hôn đã tắt, cảnh vật đêm khuya tĩnh mịch, chìm trong khoảng không gian, hư vô huyền bí.

Đêm ấy, vợ chồng Đình công vẫn thao thức chưa ngủ, mơ màng nhìn ánh trăng qua cửa sổ, bỗng một đứa trẻ cực kỳ xinh đẹp da trắng nõn nà, mặc áo xanh tay cầm quyển sách đi tới đầu giường của vợ chồng Đình công. Vợ chồng Đình công nhìn rõ đứa trẻ khôi ngô tuấn tú, ông bà cất tiếng hỏi: "Em ở đâu tới đây?" - Dứt lời hỏi của vợ chồng Đình công, đứa trẻ liền biến mất. Sau đó ít ngày, vợ Đình công có mang. Đủ tháng, đủ ngày, vào giờ Dần, ngày 6 tháng Giêng, năm Giáp Thìn, bà sinh hạ được một cậu con trai quý tử mặt đẹp như hoa, mắt sáng như sao Bắc đẩu. Đến giờ Ngọ, năm Bính Ngọ, ngày mồng 7 tháng Sáu, bà lại sinh ra một chiếc bọc có hai người con trai nữa, mặt

vuông, tai lớn. Bụng to, tướng mạo phi phạm, oai phong lắm liệt, thật là khác người dương thế muôn ngàn lần.

Vào năm Kỷ Dậu, ngày mồng 6 tháng Tám giờ Thìn, bà lại sinh được một cậu con trai nữa, lông mày như lông mày hổ, trán như trán con yến, mắt sáng như sao. Mấy anh em khôn lớn, ông bà đặt tên cho các con: Con trưởng là Liễm, con thứ hai là Vĩnh, con thứ ba là Dũng, con thứ tư là Bùi. Khi khoảng ba bốn tuổi, ở làng mở trường học, bốn anh em hàng ngày rủ nhau tới trường làng, nghe thầy giáo giảng bài, nghe các sĩ phu học tập chăm chỉ. Các cậu bé đi đến rất đều đặn, thấy điểm lạ, thầy liền hỏi các cậu bé: - "Các con còn nhỏ tuổi, chưa đủ chí để học hành, các con nên bảo nhau về nhà chơi đùa, đừng ngồi đây làm gì cho khổ". Dứt lời thầy, bốn cậu thưa rằng: - "Bẩm thầy, anh em chúng con tuy nhỏ tuổi nhưng chúng con có đủ trí thông minh, nên chẳng cần phải vào lớp ngồi học như các bậc sĩ phu hiền triết. Anh em chúng con chỉ cần ngồi bên ngoài lớp học, nghe thầy nói là đã đủ hiểu hết". Thấy vậy, thầy liền thử tài các cậu bé. Thầy bói bảo các cậu về thiên văn, địa lý, mây gió, đất, trời. Hỏi các cậu các kinh sách của đạo Khổng Tử dạy làm người có đủ tài, trí phục vụ non sông đất nước. Bốn anh em đều trả lời thầy một cách thông thạo, lưu loát. Thầy khen ngợi các cậu, quả là bậc thần tài, văn chương vào bậc uyên bác, khiến thầy phải thán phục, kính nể các cậu.

Thầy hỏi về vận nước, cậu Liễm trả lời:

- Bản đồ đất Việt do các vua Hùng mở mang sáng lập, tới nay vừa trong mười tám đời. Xét về thời gian lịch sử, đất nước có hai ngàn năm hưng thịnh. Đến nay vận nước cuối đời vua Duệ Vương không có con trai nối ngôi tiên đế. Đó chính là vận mệnh của trời đất đã định.

Thế rồi mỗi ngày một lớn khôn, tài trí thông minh của các chàng trai họ Đinh càng ngày càng tăng. Các chàng làm quan địa phương, danh tiếng vang tới tai vua. Vua Hùng Duệ Vương nghe thấy cả mừng: "Thế là từ nay đất nước có nhân tài phò vua

trị vì thiên hạ". Vua bèn sai sứ giả ân cần mời các chàng về triều giúp vua trị nước, yên dân. Vào triều, vua hỏi các chàng về việc dân, việc nước. Các chàng đều trình bày một cách tài giỏi cao siêu, khiến nhà vua tôn trọng thần phục, yêu mến các chàng vô cùng. Một chàng trong bọn họ nói: "Muôn tâu bệ hạ, vận nước đã gần mất, ngôi sao về phương nam đã lên chính vị. Hiện nay vua nước Thục đang dấy binh chứa quân ở Ai Lao, chúng đang có mưu đồ xâm lấn nước ta". Vua giật mình chột dạ, liền gạn hỏi các chàng: "Thế các khanh có kế sách gì giúp trăm phòng giặc, yên dân chăng?". Nhà vua vừa dứt lời, các chàng liền đáp ngay rằng: "Muôn tâu bệ hạ, trước hết nên dùng những bậc hiền tài phò vua giúp nước. Nước ta có nàng Ngọc Lý ở Nam Điền. Việc kén rể cầu hôn, trời đã định. Tản Viên núi ngọc có thân vương". Vua Duệ Vương kính phục tài đức của các chàng. Vua bèn hạ chiếu chỉ cho dân xã Phó Hoa phải phụng thờ các chàng. Vua cử chàng Liễm làm quan, cai quản ở Phó Hoa. Phong cho cả bốn chàng: Liễm, Vĩnh, Dũng, Bùi làm Đương cảnh Thành hoàng làng Phú Túc.

Vua Duệ Vương thời ấy, có hai người con gái. Nàng Tiên Dung công chúa, vua gả cho đức thánh Chử Đồng Tử, cho quản xứ Sơn Nam. Còn lại Ngọc Hoa công chúa chưa có chồng.

Vào một ngày kia vua Duệ Vương ngự giá đến sông Bạch Hạc, cho gọi nhân tài trong nước đến kén rể. Các anh hùng hào kiệt khắp nơi về dự đông đủ. Xe loan, ngựa hý, thuyền rồng của vua đầy rẫy trên sông. Trong đám kén rể xuất sắc nhất vẫn là hai chàng Sơn Tinh, Thủy Tinh.

Sơn Tinh là bậc Thánh vương ở núi Tản Viên. Thủy Tinh là Thần vương ở vùng biển. Vua xem hai chàng thi thử tài năng. Vua thấy hai người đều là những bậc phi thường xuất chúng. Vua không biết ưng thuận và gả con gái cho ai, nên nghĩ ra một cách chọn rể. Vua hẹn ngày mai ai mang lễ vật đến trước, vua gả công chúa Ngọc Hoa cho.

Thực hiện đúng lời giao ước của vua, Sơn Tinh mang đủ lễ

vật đến trước. Vua bèn gả công chúa cho Sơn Tinh. Có lần Sơn Tinh cùng với bốn tướng công họ Đinh: Liễn, Vĩnh, Dũng, Bùi thống lĩnh năm vạn quân đánh phá quân Thục, bảo vệ non sông đất Việt. Trong nhiều trận giao chiến ác liệt, quân Thục đều thua to, cuối cùng phải tan rã.

Sau đó hai năm, quân nhà Thục lại quay trở lại đánh cướp nước ta, thế giặc rất hung hãn, chúng tập trung hàng trăm vạn binh mã, chia quân thành năm đạo đánh trên cạn, đánh dưới nước. Đạo quân đầu tiên của chúng gồm ba mươi vạn quân tiến đánh đất Sơn Tây. Ba mươi vạn theo đường thủy đến đánh phủ Thường Tín.

Hai bên giao chiến mười trận, bốn chàng trai họ Đinh hợp sức cùng với Sơn Tinh cầm đầu quân đội tiêu diệt, chém hơn ngàn quân Thục. Nhưng vì lực lượng quân Thục quá lớn, bốn mặt giáp công của quân ta đều bị quân Thục bao vây phong tỏa. Tình huống chiến trường xảy ra nguy kịch, quân ta không đủ lực lượng chống trả. Tình hình thế ấy, để giữ trọn khí tiết, thà chết không đầu hàng giặc, Đinh, Bùi đã lao đầu xuống giếng tự sát vào ngày mồng Bảy tháng Chạp. Còn lại ba vị là: Liễn, Vĩnh, Dũng chạy sang xứ Dịch Đồng nơi có nước suối chảy quanh năm, ba vị ngửa mặt kêu trời, rồi cầm dao đâm vào cổ tự sát, cũng vào ngày Bảy tháng Chạp, giờ Dần. Xác của ba vị đã hóa tự nhiên, đất trời rung chuyển, mưa lớn ầm ầm, sấm rung chớp giật ba ngày liền chưa dứt.

Trước khi phách anh linh ngời sáng hào khí dũng mãnh diệt giặc cứu nước của các vị: Vì nước quên thân, vì dân chiến đấu, nhân dân xã Phó Hoa đau xót thương tiếc các vị vô hạn. Để ghi nhớ chiến công bất hủ của các vị, nhân dân xã Phó Hoa lập hai cung điện thờ phụng các vị muôn thuở.

Trước thế mạnh của quân Thục, vận nước lâm nguy, vua Duệ Vương vô cùng lo lắng, may nhờ có Đại tướng Sơn Tinh chỉ huy quân đội với lòng quyết tâm, quả cảm của ông, Sơn Tinh xin vua chỉ huy năm vạn binh mã tiến đánh quân Thục bảo vệ non sông đất Việt.

Với tài chỉ huy thao lược, mưu trí, dựa vào thời cơ thuận lợi, Đại tướng Sơn Tinh điều binh đến đánh chiếm vị trí quan Thái sư nước Thục. Bị đánh bất ngờ, thua to: quân Thục bỏ chạy tán loạn. Quân ta thừa thắng xông lên chiếm lĩnh chiến trường, đánh giết và bắt sống được tướng của nhà Thục. Quân ta thu giữ nhiều lương thảo, người ngựa, binh khí của giặc; tất cả đều được quân ta chuyển tải cùng với số đông tù binh quân Thục áp giải về kinh đô. Chiến công lẫy lừng vang dội của quân ta do Đại tướng Sơn Tinh đích thân chỉ huy thế là đã giành thắng lợi.

Vua Duệ Vương rất mừng, tức thì làm thịt trâu bò mở tiệc rượu khao thưởng tướng sĩ, vua cũng phong sắc chỉ cho bách thần. Trải qua bốn ngàn năm lịch sử đánh giặc giữ nước. Các vua Hùng cùng với các đời vua tiếp theo như Đinh, Lý, Trần, Lê... đều phong sắc cho bốn tướng công họ Đinh, với các mỹ tự oai phong:

1. Đinh Công Liêm được phong là Tĩn năm Anh linh, Phù vận Đại vương.
2. Đinh Công Vinh được phong là Phúc quảng phân Tế thế, An dân Đại vương.
3. Đinh Công Dững được phong là Uy linh Đại tướng. Dững hân Đại vương.
4. Đinh Công Bui được phong là Đô kiều mộc Đại vương.

Để tưởng nhớ công lao to lớn, diệt giặc cứu nước của bốn tướng công họ Đinh, bô lão và nhân dân thôn Phú Túc đã lập đình thờ phụng các vị, suy tôn các vị là Thành hoàng tôn kính của làng, để thiên thu hương khói.

9. SỰ TÍCH HAI VỊ THIÊN THẦN VÀ HAI VỊ THỦY THẦN TRIỀU HÙNG DUỆ VƯƠNG

Tục truyền, người em thứ 8 của Hùng Duệ Vương tên là Hùng Khoan công, làm Bộ chúa đạo Tuyên Quang, cùng vợ

Đinh Thị Bảo (người Châu Lạng đạo Kinh Bắc) đang nằm chơi trên thạch bàn ở vườn hoa, bỗng mơ màng thấy có chiếc thang mây lao thẳng từ trên trời xuống. Khoan công liền dắt tay vợ cùng leo lên cao, đột nhiên gặp một ông lão râu tóc bạc phơ dắt hai trẻ thanh đồng đưa cho Khoan, rồi cùng ngồi lên thạch bàn mà hai đứa trẻ đứng hầu ở hai bên. Ông lão chỉ vào hai đứa trẻ mà nói rằng: "Một vị là Thiên Quan, một vị là Đài Vàng, vâng mệnh Thiên đình đầu thai làm con nhà người để giúp nước. Nhưng tới ngày sinh người phải gấp đưa Đinh thị về kinh, tâu vua lập đàn cầu đảo thì mới có thể được mẹ tròn con vuông". Sau lúc Khoan công bừng giấc, bèn viết sớ tâu hết với vua. Vua sai lập một ngôi cung sở để vợ chồng ngày đêm dâng hương thắp đèn và để biển: Cung sở thiên thần giáng sinh. Từ đó bà Đinh thị có thai, tới ngày mùng 6 tháng 3 năm Giáp Thìn khi sắp lâm bồn, vua lệnh đưa vào cung sở, còn mình thân làm lễ cầu đảo, mãi tới giờ Dần ngày mùng 8 tháng 3 thì sinh ra một bọc hai trai. Đương khi sinh, trên không trung có một trảng 10 tiếng nổ vang động, tới trăm ngày thì hai đứa con trai biết nói, biết tự đi lại vui chơi mà ở bất cứ chỗ nào cũng đều có đám mây hồng bốc lên che chở. Vương y theo mộng mà đặt tên cho là Thiên Quan và Đài Vàng. Hai vị thân cao 8 thước, sức địch vạn người. Tới năm 18 tuổi khi có giặc phương Bắc sang xâm lược, Vương triệu hai vị tới mà bảo: "Nay có giặc Bắc sang xâm lược, tình thế nguy ngập một sớm một chiều, hai khanh hãy tận tâm vì nước mà làm chỗ dựa cho trăm". Hai vị tâu thưa: "Lũ giặc đó, bọn thần chẳng ngại gì, nếu có thủy thần nữ thần xuất thế thì chỉ đánh một trận là dẹp yên thôi". Lúc bấy giờ hai vị tiến quân đến đất Sơn Nam, bỗng thấy một cánh quân mà Chủ tướng thân cao 8 thước và một nữ tướng tuổi chừng đôi tám, dẫn quân chặn ngang đường. Thấy xuất hiện hai tướng, nghĩ rằng đó là quân giặc nên hai bên đánh nhau liền ba hiệp mà không phân thắng bại. Khi ấy ai nấy tự rút về đồn doanh của mình. Còn hai vị nam tướng nữ tướng kia, ngẫm nghĩ hồi lâu thì mới biết đó là các tướng của triều đình, mới ướm hỏi rằng: "Hai vị có phải là

thiên thần giáng sinh của triều Hùng chăng?". Hai vị đáp: "Đúng". "Nhưng khanh là người nào chứ?". Đáp: "Bọn tôi là Thủy thần giáng sinh: một người tên là Minh công, một tên gọi Lan nương, người trại Việt Tĩnh đạo Kinh Bắc. Cha họ Trần, mẹ Đào Thị Lương nằm mơ đến động tiên ở Phù Đổng lấy được một chiếc sừng ngọc tê, một cây kim tiên, mẹ ứng mộng mà có thai, rồi sinh một bọc hai người. Đến năm 20 tuổi làm Tù trưởng của bản triều. Nay nghe có giặc phương Bắc tới xâm phạm, bèn mới xuất hiện để giúp nước". Nghe rồi mọi người đều phá lên cười ha hả. Quả đúng là trời xui khiến nên vậy. Bèn kết thành anh em. Vua bái hai vị Thủy thần làm Thủy bộ Chuông vào Tướng quân. Ngay hôm ấy chia đường thủy bộ cùng tiến quân tập kích đại phá giặc Bắc, chém vô số thủ cấp giặc. Bấy giờ giặc đều đã dẹp yên. Trải qua thời gian ba năm, bốn vị đã cùng chu du sơn thủy. Trong khi hai Thủy thần vừa tới cửa biển Bà Đa bỗng thấy trời tối mù mịt, gió cuốn sóng sôi âm ào, giao long ngao rùa hội châu hướng về thuyền rồng. Bấy giờ nhị vị Thủy thần đều hóa cả. Còn nhị vị Thiên thần đi tới núi Mục Tinh thì trời đất bỗng tối đen mờ mịt, hổ báo tê tượng đều châu hướng về nhị vị Thiên thần, nhị vị cùng hóa đi trong đám cuồng phong mịt mù mây ấy. Nhân dân thương tiếc và nhớ ơn, bèn tu sửa hành cung mà Tứ vị đã dựng lên thời các vị đi ngao du sơn thủy ngày trước thành nơi đền miếu để hương khói muôn ngàn năm về sau.

10. SỰ TÍCH CAI SỔ ĐẠI VƯƠNG VÀ LÔI CÔNG ĐẠI VƯƠNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Theo thần tích kể rằng: Hoàng công là con cầu tự của người cha tên là Chu Tạo và mẹ là Trương Thị Huy. Cha quê quán châu Hoan (tức Nghệ An sau này) đời đời làm nghề lang bác thuốc cứu người, tích đức tu nhân.

Bấy giờ ông Chu Tạo, bà Trương Thị Huy đã sinh được năm người con trai, đều tới tuổi trưởng thành, lại say nghề cung

kiếm, chẻnch mảng văn chương, khiến ông bà chưa thoả nguyện bình sinh, nên vợ chồng dắt nhau tới chùa Thiên Bảng Sơn làm lễ khấn Phật trời giáng cho phúc lành. Đêm ấy, ông bà nghỉ lại chùa, giữa lúc đang ngủ mơ mơ màng màng bỗng thấy Ngọc Hoàng ngự trên chính điện, lại thấy một người con trai dáng người thanh tú, mũ khăn chỉnh tề, quỳ trước ông nói rằng: "Thừa mệnh Ngọc Hoàng thượng đế cho xuống hạ giới xin làm con nhà họ Chu, hẹn 60 năm để hộ quốc cứu dân và báo đáp công tu nhân tích đức của nhà họ Chu". Nghe lời nói chưa dứt, bỗng có ba hồi trống điểm canh dội vào tai, khiến ông tỉnh giấc. Sau đó bà Trương có thai, tới đêm trước ngày sinh nở, vợ chồng ông đương nằm ở chính tẩm, lúc bảy giờ đã vào cuối canh tư, ông bà vừa chợp mắt giữa khi còn nửa tỉnh nửa mê thì nghe vắng vắng có tiếng người gọi: "Cha ơi! Mẹ ơi, mau dậy mở cửa cho con". Ông bồng hốt trở dậy ra mở cửa, nhưng khi ra sân nhíp đông nhìn tây chẳng thấy bóng người, duy chỉ thấy một đám mây vàng từ trên không trung bay về phía tây rồi biến mất. Chỉ trong khoảnh khắc, bà Trương lâm bồn, sinh ra một cậu con trai, hình dung tuyệt vời, diện mạo khôi kỳ. Sinh được trăm ngày, cha mẹ đặt tên cho cậu con trai đó là Hoàng công. Đến năm 14 tuổi, cha cho Hoàng công theo họ thầy Cao Đường tại khu Khổng Tước. Thiên tư Hoàng công vốn thông minh, sáng sủa, mới học chừng bốn năm mà văn chương đã thông thái, võ bị tinh tường. Bạn bè ai cũng thần phục mà khen là "thần đồng", không ai không yêu mến. Tới khi 20 tuổi, cha mẹ bỗng dưng không bệnh tật gì mà kể nhau qua đời. Ông chỉ biết khóc than kêu trời, tìm đất tốt an táng cha mẹ. Ba năm tang trở, hương khói phụng sự đúng như lễ nghi. Từ đấy ông thường than thở cùng các bảng hữu trong làng: "Làm kẻ nam nhi phải lo dựng lập công danh, tất phải là tại chốn sa trường da ngựa bọc thây. Đã là bậc đại trượng phu chẳng lẽ suốt đời chỉ theo đòi bút nghiên thôi sao?". Bấy giờ, ông còn có người cậu ruột là Trương Công Hàng đương làm quan Phủ doãn ở phủ Thái Bình, đạo Sơn Nam. Ông bèn tìm tới nơi. Sau một ngày ông đi tới địa phận

khu Bùi (sau đổi là thôn) trang Hạ Bang (sau đổi là xã Hạ Bái), huyện Diên Hà, phủ Tân Hưng (sau đổi là Tiên Hưng), bỗng nhiên trời đất mù mịt tối, gió mưa gào trút, ông chỉ kịp chạy ẩn vào một ngôi chùa. Tối khi mưa ngớt gió dừng, thì mặt trời vừa xuống núi, ông đành phải tá túc tại chùa. Đến cuối canh hai đêm ấy, ông mơ màng như mộng thấy có một người mặt đỏ như son tự đi tới trước ông chúc mừng: "Chúc mừng quan bạn đồng liêu tới chơi chùa này". Ông liền vặn hỏi người ấy: "Thần là ai mà biết rõ về tôi như vậy, sao lại gọi là bạn đồng liêu với ngài?". Người ấy đáp: "Sao ông không nhớ rằng ông là Long thần Thiên Bồng Sơn, ta cũng lại là Long thần của chùa ấy vậy. Ông vâng mệnh Ngọc Hoàng làm người nơi trần thế, sau này ông làm Phúc thần của thôn Bùi, cho nên ta tới mừng nhau mà". Nghe lời ấy chưa dứt thì bỗng nhiên tỉnh ngủ. Ông nghĩ bụng chiêm bao là sự bán tín bán nghi, đành phải chờ tới sớm mai tìm đến phủ Thái nơi nhiệm sở của cậu ruột để hỏi, thì quả đúng là chuyện song hỉ, khi tới nơi được cậu chiêu đãi rất nồng hậu. Ông lưu ở đấy được mấy tháng, sau nghe biết ở động Lăng Xương, phủ Gia Hưng, đạo Sơn Tây có ba anh em Tản Viên Sơn Thánh có nhiều phép thuật biến hóa của thần tiên, nhiều người trong thiên hạ đã kéo nhau tới để chiêm ngưỡng. Ông bèn bái biệt người cậu, sắm sửa hành trang, tìm đến yết kiến Sơn Thánh. Vừa gặp, Sơn Thánh thấy ông là người thông minh, trí tuệ văn võ song toàn thì ngài vui lắm, bèn tôn ông làm thượng khách, tiếp đãi nồng hậu. Hằng ngày Chu Hoàng thường đánh bạn với khách cũ của Sơn Thánh tên là Lôi công, Lôi công nhường Hoàng công làm anh. Ngày trước Lôi công vốn là người xã Nga Thị, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc, cha họ Đào tên Túc, mẹ là cán Thị Minh. Một đêm mẹ nằm mơ gặp một ông lão đưa cho một cái lưỡi và bảo mẹ nuốt đi. Nhân đấy có thai rồi sinh ra Hoàng công. Lại khi mẹ đương sinh ra thần thì nghe trên không trung có ba tiếng sấm nổ vang, trời rung đất chuyển. Hương thơm ngào ngạt khắp nhà. Cha mẹ nhớ đến lúc chiêm bao ngày trước nên mới đặt tên cho thần là Lôi công.

Tối tuổi trưởng thành, thiên tư đỉnh ngộ, văn võ song toàn, rất tinh tường về võ lược. Lôi công thân cao 8 thước, giọng nói như sấm, bấy giờ cũng tìm đến với Sơn Thánh. Sơn Thánh suy tôn làm thượng khách. Tối nay Sơn Thánh giao du với Hoàng công rồi tôn Hoàng công làm anh.

Lại nói, cơ nghiệp nhà Hùng sắp hết, quốc thế cáo chung. Hùng Duệ Vương sinh hạ được 20 hoàng tử và 6 nàng công chúa, nhưng đều kế nhau lên châu thiên đế. Bấy giờ nhà vua chỉ còn lại 2 người con gái: gái lớn là Tiên Dung công chúa đã gả cho Chủ Đồng Tử, còn người con gái bé là Ngọc Hoa công chúa thì buông xuân còn khóa ngọc nhụy đương phong, lương duyên chưa hẹn, ngày đẹp chưa bàn. Vua muốn kén rể cầu hiền để nhường ngôi báu. Duệ Vương cho dựng lầu ở cửa Việt Trì, ban chiếu khắp thiên hạ thân dân trăm họ, người nào có đức thông minh tài trí tới kinh đô ứng thí, vua sẽ gả công chúa cho làm vợ và sẽ nhường ngôi báu cho làm vua. Bấy giờ, bến sông thuyền bè đậu san sát, xe ngựa như nêm trước cửa lầu. Văn bút khua rần cuộn rồng bay, sao rụng sông Ngân; vô trận vẫy vùng, hổ báo hỗn kinh, sét nổ sấm dậy rền vang. Tài tử bốn phương ai ai cũng muốn đoạt giải khôi kỳ, nhưng lúc vào trường thi thì người giỏi nghề này, kẻ khuyết ngón kia, chưa ai toàn vẹn xứng với yêu cầu. Vậy nên khúc ngâm "Đào non vẫn đợi tri âm mà chưa xuống lên lời. Người đời mới có thơ ngâm rằng:

Một trời trắng gió bao tình mộng

Bốn bể anh hào khoé mắt trông

Chẳng biết Việt thành quân vẫn khoá

Nào ai động thủ để ai phong.

Lại nói, Sơn Thánh nghe tin mới bảo với Hoàng công và Lôi công rằng: "Cổ nhân từng nói: Mỹ nhân nan tái đắc, nam tử ngộ sắc vi kỳ" (Người đẹp khó gặp được lần thứ hai, nam nhi gặp được người đẹp là duyên kì ngộ). Huống hồ lấy vợ lại là công chúa, hiện là con gái của vua là bậc nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành, mà bọn anh em ta chẳng phải là người từ nơi xa

tối, thì tất có cái mối duyên nợ ràng buộc gì đây". Rồi họ cùng kéo nhau tới trước lầu thi. Bấy giờ Duệ Vương ngự xem thi, vừa trông thấy Tản Viên vua biết ngay là bậc kỳ tài thông thiên triệt địa, có nhiều phép thuật lấp biển dời non. Vua cho rằng Tản Viên là người tài giỏi vào bậc nhất thiên hạ. Vua liền gọi công chúa tới gả cho Tản Viên.

Tản Viên liền đón công chúa về Sơn động. Lưu Hoàng công và Lôi công ở lại triều phụ giúp vua. Vua rất yêu mến trọng thị hai người. Hoàng công tinh tường về toán số, giỏi về văn chương. Vua lại sai trông coi về binh lương và coi việc tính toán lo liệu về thiên văn gọi là Cai số Đại phu. Lôi công làm Điều bát Đại phu, kiêm coi các quan thủy bộ. Từ đấy vua tôi hòa hợp, thiên hạ thái bình, vạn dân sống cuộc sống yên vui no ấm. Bấy giờ Hoàng công và Lôi công xin vua đi chu du thiên hạ, vua duyệt cho. Hai ông cùng ngồi một xe du ngoạn đó đây, rong ruổi tháng ngày, khi thì hóng mát đùa trăng, lúc lại nhạo khói cột mây, hởi bến tìm sông núi đẹp, dạo chơi phong cảnh... Tới một ngày kia hai ông đi tới địa đầu khu Bù, trang Hạ Bái, huyện Diên Hà, bỗng thấy hơn chục lão ông đặt sẵn một mâm cỗ có đủ thịt lợn, xôi, trầu, rượu đón rước hai ông. Hai ông lấy làm lạ mới hỏi: "Bà con làm sao biết trước được việc hai chúng tôi đi tới đây mà chuẩn bị lễ vật hậu hĩnh như thế này". Các lão ông đều thưa: "Bởi dân Bù, khu trang Hạ Bái là một ấp nhỏ đã ba bốn năm liên bệnh dịch hoành hành, dân sống không được yên. Đám phụ lão chúng thần hay chiêm bao gặp một vị thần, tự xưng là Bản địa Long thần báo rằng, có một người ở bộ Cửu Chân, họ Chu tên Hoàng, một vị là người Nga Thị họ Đào, tên Lôi, lại chính là Phúc thần của dân các người, thiên đình đã ban xuống giúp đỡ dân trừ bệnh tật mà bấy lâu người vật đều không yên. Đêm trước lại nằm mơ thấy thần báo cáo hay:" Hôm sau hai vị Phúc thần lại trở về, dân các người cần phụ làm lễ nghinh đón. Cho nên dân biện lễ xin hai ngài thương cho". Hoàng công nghe nói bèn bảo Lôi công: "Ba bốn năm trước, nhân tới đây thăm người cậu ruột, tránh gió mưa trú lại trong chùa, ta cũng chiêm

bao thấy có câu chuyện ấy". Hai vị liền quay vào làng, cho dân lập hành cung để ở. Từ đấy nhân dân khu Bùi được yên ổn, dân khang vật thịnh, hai vị ban cho tiền bạc cho dân mua thêm ruộng vườn để ngày sau các vị sử dụng.

Lại nói, bấy giờ Hùng Duệ Vương đã ở ngôi 195 năm, Thục Phán là chủ bộ Ai Lao từ xa nghe tin Duệ Vương tuổi cao, lại không có con trai kế vị, nhân đấy mang hơn 100 vạn tinh binh, 8.000 ngựa khỏe, chia làm 5 đạo tiến đánh Lạc Việt của Duệ Vương. Vua rất lo phiền, truyền gọi Sơn Thánh vào triều hỏi kế đánh giặc. Sơn Thánh tâu: "Trên hai ngàn năm nay, 17 hệ đời vua thánh chúa thần, tạo cho dân bao ân nghĩa sâu gốc bền rễ và thấm vào xương tủy muôn dân, nhờ vậy mà nước giàu quân mạnh như ngày nay, uy đức của bệ hạ ban rộng ra khắp ngoài bốn bể. Họ Thục không tự biết giữ gìn, lại còn dám xâm phạm thì chúng sẽ chuốc lấy thất bại mà thôi. Điều này hẳn sẽ được nghiệm rõ thôi. Thần nguyện xin tuyển tướng luyện binh, tiêu diệt quân Thục không quá một tháng là dẹp yên chúng!". Vua cả mừng, duyệt y kế sách ấy của Sơn Thánh. Sơn Thánh tức thì ngày đêm cho người về khu Bùi trang Hạ Bang triệu Hoàng công, Lôi công về triều, đem quân đi dẹp giặc. Hai vị liền đem hết gia thần thủ túc là dân ở khu Bùi và binh mã bản bộ về triều, hội cùng quân triều đình do Sơn Thánh thống suất, chia đường đón đánh 5 đạo quân của Thục Phán một trận long trời lở đất, với khí thế trúc chẻ ngói bay. Quân Thục đại bại, Sơn Thánh làm sớ tâu vua tin vui thắng trận. Vua tức thì ban chiếu, triệu quân khải hoàn, mở đại tiệc khao thưởng ba quân tướng sĩ theo thứ bậc cao thấp khác nhau. Phong cho Sơn Thánh là Nhạc Phủ kiêm Thượng đẳng thần. Hoàng công và Lôi công làm Đại vương, tức là Cai số Đại vương và Lôi công Đại vương. Người đương thời có thơ ngợi ca chiến công rằng:

Vung lên tác kiếm trừ tan giặc

Lấy lại bao thành dăng quốc quân

Non sông muôn thuở xây bền vững

Nhà con hiếu thảo nước trung thần.

Hai vị bái tạ ơn vua rồi rước sắc về khu Bùi mở đại yến, khao thưởng nhân dân, phụ lão cùng sĩ tốt. Từ ngày ấy hai vị ở lại hành cung tại khu Bùi với nhân dân, ngày ngày sống vui vẻ. Sau đấy hai vị mỗi người đều trở về thăm nom quê quán của mình. Hoằng công khi qua núi Thiên Bồng thuộc địa phận Cửu Chân thì tự nhiên hóa; Lôi công cũng tự bay lên không trung mà biến (Đó là ngày 10 tháng 11 ngày hai vị cùng hóa).

Về sau nhà vua nhớ công lao của hai vị cống hiến cho dân cho nước, ban sắc cho dân khu Bùi được miễn mọi phu phen tạp dịch; lại lệnh cho lập miếu thờ. Từ đấy hai vị rất linh thiêng, quốc đảo dân cầu đều được linh ứng hiệu nghiệm, nên dân sở tại phụng thờ nhị vị hương khói không ngớt bao đời xưa nay.

11. TRUYỆN TÍCH ĐỨC THÁNH MẪU THỜI HÙNG VƯƠNG

Theo sự tích, đức Thánh Mẫu là người ở làng, lấy quan Bộ chuông tỉnh Hải Dương, hai ông bà vào chùa Hương Tích cầu tự, khi ra về, còn nghỉ ở thị trấn Bạch Kiều, nằm mộng thấy thần báo rằng:

- Lòng chí thành của các người ta đã tâu với Thượng đế. Ngài hứa cho hai viên Thủy thần đầu thai làm các con người, để giúp nhà, giúp nước.

Khi về, đức Thánh Mẫu đã có thai thì quan Bộ chuông mất. Ngài thương tiếc đóng thuyền ở dưới sông ăn chay cầu Phật, mãn kì mười tháng sinh ra hai quả trứng. Ngài nói rằng:

- Đã có lòng cầu đảo mà người chẳng cho con lại sinh ra tai quái.

Ngài tức giận, vất cả xuống sông. Nhưng chẳng qua việc trời, ngài đi đánh lưới ngày nào cũng chỉ thấy hai quả trứng mà cá không được. Ngài giận lấy lửa đốt không cháy, búa bổ không tan, lấy làm cùng nhẽ, bèn khẩn rằng:

- Có phải vị hào linh thiêng phù hộ cho tôi ngày nay đánh được nhiều cá, thì tôi thờ.

Quả nhiên như ý, ngài đem hai quả trứng về thờ, cùng cả bà chị về cung dưỡng, thời vẫn thấy có đám mây che ở nơi thờ hai quả trứng. Đến ngày 28 tháng 6, thấy mất hai quả trứng, cùng bà chị cũng không thấy nữa. Ngài trông theo đám mây đi tìm về đến làng, tức là Chỉ Trụ, thấy chị cùng hai quả trứng đều ở đấy. Ngay ngày hôm ấy, thấy hai quả trứng cùng phát ra một tiếng như sấm sét rồi sinh ra hai vị, ở bàn tay tả có thíc hai chữ sắc mệnh. Đức Thánh Đệ Nhị tay dài quá gối. Hai vị đều dung mạo khác thường. Nhân dân cùng thân cận thấy thế làm số tâu vua.

Vua truyền rằng:

- Đấy là dòng dõi của nhà ta.

Bèn khiến triều thần sa giá đến tận làng, tức là làng Chỉ Trụ, bắt dân làm sinh tử, xong rồi rước cả đức Thánh Mẫu cùng hai vị về kinh nuôi dưỡng, học tập. Vua đặt tên đức Thánh Cả là Hùng Hựu, đức Thánh Đệ Nhị là Hùng Chí. Đến năm 21 tuổi cả hai vị đều văn vũ toàn tài. Đức Thánh Cả cao 13 thước, vua phong làm Thống chưởng đô xuyên sĩ Đại tướng quân. Đức Thánh Đệ Nhị cao 9 thước, vua phong làm Đốc lĩnh lang chu chính ngự thủy đạo Đại tướng quân. Đời vua Duệ Vương, phải Thục binh tiến loạn, vua lại phong cho đức Thánh Cả làm Chấn quốc uy linh Đại tướng quân, đức Thánh Đệ Nhị làm Trung tiết anh hùng nguyên súy Đại tướng quân, cùng đi dẹp giặc Thục. Hai vị đều được thành công, về kinh thành bái tạ.

Đến ngày 10 tháng 3, đức Thánh Mẫu xin vua đi du lịch, lên đến Việt Trì, Bạch Hạc thấy trời đất chuyển động, tự nhiên hóa mất. Thị nữ theo ngài thấy thế về tâu. Vua truyền hai đức Thánh cùng bách quan đến sứ hóa ấy làm lễ lập đền thờ. Xong việc hiếu đã yên, hai đức Thánh lại xin vua đi ngoạn du phong cảnh, trải xem núi sông. Khi đi qua sông Nhĩ Hà về đến địa phận An Vệ, thấy chuyển động trời đất, đức Thánh Đệ Nhị hóa ra hắc xà tự nhiên biến mất, tức là ngày 12 tháng 5, đức Thánh Cả đến bến Chỉ Trụ thời cũng hóa ra bạch xà tự nhiên biến mất,

tức là ngày 13 tháng 5. Bấy giờ binh sĩ cùng nhân dân làm biểu tấu, vua thấy số lấy làm lạ. Vua bèn khiến đình thần ra nơi hóa lập đền làm lễ viết thần hiệu cho dân phụng sự. Đức Thánh Mẫu thần hiệu sắc phong đức vua bà Trần Tuyên Nương công chúa Thủy Tề Long Vương; đức Thánh Cả thần hiệu sắc phong Thiện chính đức thần thông cảm ứng Chấn quốc uy linh uông hưu Đại vương; đức Thánh Đệ Nhị sắc phong Bản quốc chí linh thông cư an vệ xã chung tiết anh hùng Đại vương. Đình thần về triều tâu, vua lại bao phong Nhất môn mẫu tử Thượng đẳng thần Dũ quốc đồng hưu, Vĩnh Vi hằng thức.

Do sự tích các ngài có sách có sắc phong hiện còn 7 đạo.

12. SỰ TÍCH HỒNG LIỆT ĐẠI VƯƠNG THỜI VUA HÙNG

Sự tích ngài: "Ngọc phả nói rằng: mồng 10 tháng 8 là ngày sinh, 13 tháng Giêng là ngày hoá". Tương truyền về đời Hùng triều, ở châu Thượng Hồng, đạo Hải Dương có một người tên là Nguyễn Lương, vợ là Đinh Thị Tố, vốn nhà làm thầy thuốc. Thời ấy Nguyễn công đã ngoài 60 tuổi, Đinh thị ngoài 50 tuổi mà chưa sinh dục. Bởi thế ông lại càng gia tâm làm phúc. Một đêm Đinh thị mộng thấy trên không có tiếng sét, trời đứt làm hai đoạn, vụt có một ngôi sao rơi vào trong môm. Từ đó, Đinh thị có thai. Đến giờ Ngọ ngày mồng 10 tháng 8 năm Giáp Thìn thì sinh một người con trai, thần phong đỉnh dị thân thể trắng ngần, mắt sáng như sao, sau lưng có 28 nốt, dưới đùi có 7 cái lông dài hơn 3 tấc. Ông Lương mừng lắm, đặt tên con là Hoàng. Năm con 12 tuổi cho đi học. Học được mấy năm văn chương, võ nghệ của Hoàng đã hơn cả mọi người. Bầy bạn đều kính phục, xưng là thánh đồng. Năm ông Hoàng 20 tuổi thì cha mất, rồi mẹ cũng mất theo. Bấy giờ gia tài khánh kiệt. Ông Hoàng phần chí bỏ nhà đi du lịch núi sông. Ông nghe đồn ở núi Tản Viên có Sơn Thần nổi tiếng, ông liền đến thăm. Tản

Viên Sơn Thánh thấy ông Hoàng văn võ toàn tài, đem lòng thân ái. Về sau Tản Viên Sơn Thánh cử ông lên Hùng Duệ Vương, ông được phong làm "Dũng lược tướng quân". Bấy giờ thiên hạ thái bình, quốc gia vô sự. Dũng lược tướng quân theo hộ giá vua đi chu du bốn bể. Khi tướng quân đi qua xã Cổ Viễn thấy nhân dân thuần hậu phong cảnh đáng yêu, truyền quân lính thiết lập hành cung làm nơi ngụ trú. Khi vua về kinh, tướng quân ở lại xã Cổ Viễn, vì dân hưng lợi trừ hại đem nhân nghĩa mà cố kết lòng người, lấy hòa mục mà đào tạo phong tục, có công to đối với nhân dân. Bấy giờ quân Thục đến xâm lược. Tướng quân xin đem binh đánh một đạo ở châu Ái. Tướng quân về hành cung ở xã Cổ Viễn mộ được 657 người, cùng 28 người làng Cổ Viễn cho làm tả hữu thủ túc. Đoàn tướng quân tiến binh vào Ái châu, cùng Thục binh giao chiến. Quân Thục thua to, tướng quân chém được 6 viên tướng, giặc Thục tan. Rồi tướng quân được gia phong, Hùng lược cao huân Hoàng tướng quân Đại vương, cho thực ấp ở phủ Thiên Trường, cho dân làng Cổ Viễn làm hộ nhi, được miễn sưu dịch.

Tướng quân bái mệnh, rước sắc về làng Cổ Viễn mở tiệc ăn mừng.

Chẳng bao lâu, Hùng Vương truyền ngôi cho Thục Vương, rồi cùng Tản Viên Sơn Thánh thăng hóa. Tướng quân nghe tin than rằng:

- Giang sơn triều Hùng đã về tay người khác. Vậy ta ở lại làm gì? Ngài sai thiết yến chiêu tập nhân dân phụ lão mà bảo rằng: Ta cùng nhân dân đã thành cố nghĩa, lẽ nào quên được. Nay ta định lấy chốn hành cung này làm nơi hương hỏa, giao phó cho dân phụ lão nên tuân theo không được biến đổi.

Nhân dân đều lạy tạ lĩnh mệnh. Bấy giờ trời đất bỗng tối rầm mưa gió kéo đến. Nhân dân nghe thấy trong không có tiếng đọc rằng:

Hữu thời quân giả hữu thời thân

Hà tất khu khu tác thế nhân

Kim triệu Hoàng công hồi ngã cảnh

Đồng đẳng vân lí hội quần thần.⁽¹⁾

Tiếng đọc vừa dứt, thấy một ngôi sao lớn bay vào trong không, vụt chốc rồi sáng ra, thời tướng quân đã đi đâu mất, chỉ còn khăn áo ở lại mà thôi. Ngày 13 tháng Giêng, nhân dân bèn viết thần hiệu, lập miếu ở chỗ Hành cung để phụng thờ.

Lại nói, Thục Vương đã được Hùng Vương truyền ngôi cho, bèn trùng tu miếu điện ở núi Nghĩa Lĩnh để phụng sự kiệt thánh nhà Hùng, lại truy phong các tướng tá đời Hùng, bèn sắc phong tướng quân làm Hồng Liệt đại vương, truyền cho xã Cổ Viễn rước về phụng sự lâu dài mãi mãi. (Sự tích có ngọc phả và có sắc phong của vua Cảnh Hưng năm thứ 8 và sắc phong của vua Quang Trung năm thứ 5) .

13. SỰ TÍCH MANG CÔNG, MỸ CÔNG, LỘ CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Sự tích kể rằng: ở huyện Vũ Ninh có hai ông bà họ Cao, ngoài 60 tuổi mà chưa có con giai. Ông bà vốn là người tích thiện. Một đêm sáng giăng, hai ông bà ngồi uống rượu, vụt thấy hai con rết dài 5 thước, rơi xuống trước tiệp, rồi biến mất, ông bà lấy làm lạ. Đến mai, lập đền khấn cầu giải đất, rồi nằm trước đàn ngũ mọng thấy một vị thần tướng đầu râu tóc bạc, đầu đội kim khôi, cấp hai thanh đồng xuống, bảo vợ chồng ông rằng: "Nay ta vâng mệnh Thượng đế, cho nhà ngươi hai vị thanh đồng này". Nói rồi biến mất. Bà vợ ông tự đấy thụ thai 11 tháng, đến ngày mồng 2 tháng 2 năm Giáp Thân, giờ Sửu,

1. Nghĩa là:

Có thuở làm vua có thuở thân
Hà tất kháng kháng làm thế nhân
Nay triệu Hoàng công về chốn cũ
Mây xanh thượng giới họp quần thần.

sinh ra một bọc hai ngài, đặt tên là "Mang công" và "Mỹ công". Đến năm hai ngài 11 tuổi, đi học được 5 năm thì văn võ rất giỏi. Đến năm 18 tuổi thì cha mẹ hai ngài đều mất. Việc hiếu đã xong, hai ngài đi chu du thiên hạ. Khi đến phủ Quốc Oai, huyện An Sơn, động Sài Sơn, hai ngài gặp đức Lộ công bèn kết làm anh em, tình nguyện cùng đi. Khi đến núi Tản Viên, thấy thần Tản Viên có tài thông thiên triệt địa, ba ông tìm vào bái yết thần Tản Viên. Thấy ba ông tướng mạo khôi kì, thần Tản Viên coi làm thượng khách. Rồi cùng phò giúp Hùng triều Duệ Vương. Vua Duệ Vương thấy ba ông có tài phong đức Mang công làm Đại phu tướng quân; đức Mỹ công làm Phó tướng quân; đức Lộ công làm Thái giám tướng quân. Bấy giờ thiên hạ thái bình, ba ông xin vua đi chu du thiên hạ. Đi đến phủ Lý Nhân, huyện Nam Xương, trang Mão Cầu, thấy phong cảnh rất đẹp, ba ông bèn lập hành cung. Đức Mang công, đức Lộ công lập hành cung ở khu Đống Ngoại, đức Mỹ công lập hành cung ở khu Đàng, khuyên dân cấy ruộng, chăn tằm, rất có công nhơn với dân.

Đến khi có giặc nhà Thục nổi lên, vua Hùng Duệ Vương triệu ba ông về triều, sai đi dẹp giặc. Ba ông vâng mệnh, đi dẹp giặc Thục, rồi về triều báo tin thắng trận. Vua Duệ Vương bèn phong đức Mang công làm Câu Mang Đại vương; đức Lộ công làm Đô thiên đường bộ Đại vương, đức Mỹ công làm Câu Mỹ Đại vương. Ba ông bèn lĩnh sắc bái tạ vua về Đống Đặng 2 khu, mở tiệc lớn khao quân sĩ, xong việc ba ngài về cựu quán bái yết tiên tổ, thì đến ngày mồng 10 tháng 6 bỗng dựng giong đất u ám, tức thì đức Lộ công hóa, đức Mang công, đức Mỹ công thấy đức Lộ công đã hóa, bèn làm biểu tâu vua, rồi hai ngài đi đến địa phận núi Mục Tinh, ngày mồng 10 tháng 8 thì hai ngài đều hóa. Khi ấy có gia thần hai khu theo hầu các ngài về nói, thì lập tức hai khu lập miếu ở hành cung thờ các ngài. Rồi dân hai khu làm biểu tâu vua Duệ Vương. Vua phong cho ba ông là Thượng đẳng Phúc thần để muôn năm phụng sự mãi mãi.

14. SỰ TÍCH HAI ANH EM SINH ĐÔI NGUYỄN CẨM, NGUYỄN ỨNG ĐẠI VƯƠNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Theo sự tích, quê quán ngài ở làng Yến Vĩ, động Hương Tích, huyện Hoài An, Ứng Thiên phủ, Sơn Nam trấn. Cha ngài là Nguyễn Thiện, mẹ là Hoành Thị Chuyên, chỉ tu nhân tích đức bốc thuốc cứu dân làm nghiệp. Cha mẹ ngài tuổi đã ngoài 40 mà chưa có con nối. Cha mẹ đều lấy làm lo, có một đêm cha mẹ ngồi tự nhiên thấy có hai con ngô công (con rết) dài chừng ba thước, tự nhiên sa xuống trước mặt, rồi vụt biến mất. Ngay đêm hôm ấy, cha ngài nằm chiêm bao, có thấy một ông cụ, râu trắng đầu bạc, diện mạo khác người, bảo rằng nhà ngươi có tích phúc, giới sai tôi xuống cho hai người con. Giới đã định, để nối hương hoả, nghìn muôn năm. Cha mẹ ngài đều lấy làm mừng, đến ngày 12 tháng Tám giờ Ngọ năm Bính Tý thì sinh ra một bọc được hai người con trai, mặt mũi khôi ngô lạ thường. Mới được hơn một năm thì bà mẹ ngài mất, lại gặp lúc mất mùa đói kém, cha ngài bế hai người con ra Hải Dương, đi đến nửa đường thì tối, thấy ở bên đường có một cái đền, viết chữ Thượng đẳng tối linh từ, cha mang hai con vào ngủ trọ. Đêm đó nằm mộng thấy ông thần có truyền rằng: Hai vị này giới sai xuống làm Thành hoàng, ở Thượng khu, xã Vĩnh Lại, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Đến lúc tỉnh dậy, ông bế hai người con hỏi thăm về đến thôn ấy, có thấy cái quán ở bên làng ven sông. Cha ngài đem hai ngài vào ngủ trọ ở quán ấy. Đêm hôm ấy các cụ lão ở trong làng nằm mộng đều thấy có người bảo rằng: ở ngoài cái quán bên sông, có hai vị Thành hoàng đến đấy, thời dân làng sáng mai ra rước về phụng nuôi, không thì có lỗi. Nhiều người nói đều như thế cả. Dân làng đều ra rước hai ngài cùng cha ngài về kính nuôi. Cha ngài dựng lên một cái trường ở bên làng dạy học và nuôi hai ngài. Đến khi hai ngài chừng độ 16 tuổi, thì văn võ toàn tài, thao lược hơn người. Bấy giờ cha ngài cùng hai ngài lại về trong quê làng. Chẳng may cha ngài mất, hai ngài để tang ba

năm, rất là hiếu kính. Xong việc tang rồi, hai ngài bèn đi lịch lãm trong thiên hạ, đến tỉnh Sơn Tây, thấy nhiều người bảo rằng có một ông thánh ở núi Tản Viên, có nhiều phép lạ. Bấy giờ hai ngài vào yết đức Sơn Thánh, ngài lấy làm mừng lắm, nói rằng hai ngài sao đến muộn thế. Nguyên hai ngài là anh hùng trong thiên hạ, và thiên mệnh số làm Thành hoàng. Đức Sơn Thánh cùng hai ngài kết làm anh em, bấy giờ đương vua nhà Hùng là đức Duệ Vương đời thứ 17, con nối không có, chỉ có một người con gái tên là Ngọc Hoa công chúa, sắc đẹp lạ thường. Vua làm lầu kén chồng cho nàng ấy. Bấy giờ người tài trí trong thiên hạ đến rất nhiều, mà vua cùng nàng ấy đều chưa bằng lòng ai. Đức Sơn Thánh bèn nói với hai ngài cùng đến kinh thành làm sớ tâu cho đức Sơn Thánh. Vua Hùng Vương bằng lòng gả cho. Trải được vài năm, bấy giờ vua nước Thục ở Ai Lao nghe tin vua Hùng Duệ Vương con nối không có, cất quân vào ăn cướp. Vua Duệ Vương bèn vời đức Sơn Thánh cùng hai ngài, hỏi chúc đánh giặc. Đức Sơn Thánh cùng hai ngài, tâu xin ba mươi vạn quân thì giặc tan. Vua lấy làm mừng làm cho y. Hai ngài lĩnh hai mươi vạn quân đánh ở Hoan châu, Ái châu, hai trận thì giặc tan. Sau có người vịnh thơ rằng:

Quả nhiên xích kiếm tồi Man khấu

Trục bả liên thành hiến quốc quân

Thiên cổ dĩ tiền thiên cổ hậu

Gia nhi hiếu tử quốc trung thần.

Nghĩa là:

Quả nhiên thước kiếm trừ Man tặc

Giành lại liên thành hiến quốc quân

Ngàn thuở cách xa ngàn thuở tiếp

Nhà là con hiếu nước trung thần.

Hai ngài bèn cùng đức Sơn Thánh về tâu triều đình. Vua bèn phong cho hai ngài làm Thành hoàng ở Thượng khu, xã Vĩnh Lại, sá thuế cho khu ấy về sau để làm đền thờ ngài. Hai ngài tạ vua

rồi về khu ấy, vồi các cụ phụ lão trong làng cho khao thưởng nhân dân, và cho làm hành cung một sở. (Hiện cơ chỉ hãy còn). Lại cho vàng năm lạng tậu ruộng để làm hương lửa muôn đi về sau. Các cụ phụ lão trong làng đều bái nhận. Chẳng bao lâu, đêm ngày mồng Một tháng Chín năm ấy, giờ bồng mưa gió sấm sét to, sáng hôm sau dân chỉ thấy khăn áo để lại mà hai ngài biến hóa đi mất. Từ bấy đến nay dân vẫn phụng thờ.

15. SỰ TÍCH TRUNG CÔNG, HOÀNG CÔNG, DŨNG CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Kể từ giờ mở viêm bang
 Đầu ngư linh độ phân cương rõ ràng
 Đầu tiên có họ Hồng Bàng
 Lạc Long lại sánh với nàng Âu Ky
 Trăm giai điều ứng dị kì
 Chia con câu chuyện còn ghi những nhờ
 Hùng Vương lên nối ngôi giờ
 Hai nghìn năm lẻ vua mười tám vua
 Dương đời Hùng quý bấy giờ
 Đại vương ba vị đều nhờ Gia Khương
 Làng Tức Mặc phủ Thiên Trường
 Vốn dòng hùng trưởng phú cường xưa nay
 Một nền nhân hậu vững xây
 Hẳn rằng lá ngọc nảy ngay cành vàng
 Đức phụ là Nguyễn công Quang
 Mẹ Lê Nhị Xuyên đảm đang thảo hiền
 Xuân thu cũng đã cao niên
 Con giai còn muôn chữa yên tấm lòng
 Thở than ngày tháng ngại ngừng

Dốc lòng làm phúc âm công bấy chầy
Cửa nhà cứu chần những người
Nghèo hèn đói rách hôm mai được nhờ
Sửa sang quán miếu đình chùa
Hưng công tập phúc để cho vững bền
Nhưng là khẩn nguyện Phật tiên
Giáng sinh cho được con hiền mai sau
Tới khi bà mẫu đi cầu
Đến chùa lễ bái khấu đầu Kiêm Liên
Về đem mộng báo quả nhiên
Thấy hai con gấu tới liền trước sân
Múa vờ nhơ nhởi lại gần
Giật mình thức dậy gió xuân ngọt ngào
Sợ mừng không biết rằng sao
Mấy mang chuyện ấy thuật vào Nguyễn công
Đức ông đoán mộng mừng lòng
Dạy rằng diêm hản nối dòng sinh giai
Rồi sau bà mẹ thụ thai
Đủ ngày sinh được hai ngài phi phương
Tuổi vừa lên sáu dị thường
Hình dong tính nết khác thường người ta
Một ngài trung hậu nết na
Một ngài Hoằng Nghị thực là thông minh
Bấy giờ mới đặt tính danh
Trung Hoằng hai chữ âm thanh huý ngài
Đến khi cả lớn trên đời
Ai ai cũng biết có tài trạch dân
Tới tuân phụ mẫu quyên trần

Thụ tang táng tế mười phân vẹn mười
 Cửa nhà hết sạch đi rồi
 Lại thêm gặp lúc vận giờ hung hoang
 Mất mùa đạo tặc nhiều như rương
 Hai ngài than thở tìm đường chu du
 Tài giai chí khí tử hờ
 Phấn son mong những điểm tô sơn hà
 Hợp cùng đồng tính người nhà
 Dừng công tên huý thực là tài cao
 Đào viên hiệp nghĩa đồng bào
 Thông dong nhẹ bước tới vào Sơn Tây
 Đến chùng Thạch Thất huyện nay
 Núi sông Cần Kiệm là nơi hữu tình
 Mùa màng trên dưới phong hanh
 Dân thuần tục hậu hiền lành thú vui
 Trú chân vài tháng xem chơi
 Nghe trên Tản Lĩnh có ngài thánh sinh
 Thần thông biến hóa anh linh
 Ba ngài dốc một lòng thành tới nơi
 Đến miền Tản Lĩnh thánh thời
 Họa thơ ngâm vịnh bốn câu hai bài
 Nguyên thơ rằng:
Thành thị lâu đài giai bảo ngọc
Giang sơn hoa thảo tông thanh đàn.
 Diễn âm:
 Thành thị lâu đài vàng ngọc chuốt
 Non sông hoa cỏ đỏ xanh tô.
 Nguyên thơ rằng:

Ngân bình ngọc trưởng chu tao khởi

Cầm hộ chu liêm thứ đệ khai.

Diễn âm:

Bình ngân trưởng ngọc trần đầu có

Nhà gấm rèm son cảnh lạ thường.

Đức Thánh Tản nghe thơ ngài

Nói năng diện mạo đáng tài kinh luân

Tôn vào làm bậc thượng tôn

Đêm ngày bên cạnh chí thân chẳng rời

Vua Hùng kén rể chọn tài

Thánh Sơn cậy với ba ngài cùng đi

Ước như hóa phép dị kì

Ngọc vàng gấm vóc sánh nghi sẵn sàng

Hôn nhân đã đủ lễ thường

Xe loan trăm cỗ thuận đường vu quy

Sau này Thực nổi binh uy

Muôn quân nghìn tướng bốn bề linh tinh

Vua Hùng nghe báo thất kinh

Bấy giờ mới triệu Sơn Tinh hỏi bàn

Kế gì cho được bảo toàn

Thanh bình thiên hạ vững an đời đời

Sơn Thánh mới tiến ba ngài

Thực là trí dũng có tài an dân

Vua Hùng xét hỏi xa gần

Hùng tài thao lược muôn phần còn dư

Một ngài trung hiếu có thừa

Phong lâm Trung Quốc trao cờ tướng quân

Một ngài hoàng đức quá nhân

Phong lâm Thống chế cứu dân giúp triều

Một ngài trí dũng hùng hào
Phong làm Phó tướng phẩm cao hơn người
Hợp cùng Sơn Thánh gồm tài
Kéo quân đánh giặc các ngài ra uy
Đến đâu tan đấy tức thì
Thục binh thua chạy mọi bề tan hoang
Dẹp yên nước lại vững vàng
Nhân dân đội đức bốn phương thanh bình
Ba ngài cùng đức Sơn Tinh
Lịch du sơn thủy dân tình mọi nơi
Lại về Cần Kiệm qua chơi
Ba ngài trần tấu dâng lời Thánh Sơn
Chốn này phong cảnh khả quan
Nước quang sông Tích hoa hoàn núi Câu
Thuở xưa trú túc ít lâu
Hương lân hữu thiện có màu hắc hoi
Thánh Sơn qua xét mấy lời
Hành cung truyền lập ở nơi địa đầu
Ân cần từ biệt mấy câu
Nước non trong lặng mái chèo nhẹ không
Ba ngài yên nghỉ thung dung
Dạy dân lễ nghĩa mở lòng khoan nhân
Ôn trên mưa móc thấm nhuần
Ai ai cũng được nhờ ân cao dày
Đến khi ngài lánh cõi đời
Cảm công đức ấy dân tôi phụng thờ
Mấy nghìn năm tháng đến giờ
Của nhiều người lắm muôn nhờ thọ khang

Ngày sinh ngày hóa kẻ tuồng

Ấy là sự tích Đại vương ba ngài.

Ngày sinh đức Trung công, đức Hoàng công là ngày mồng Bốn tháng Giêng, hóa là ngày Mười Hai tháng Chín. Đức Dũng công sinh là ngày mồng Bảy tháng Ba, hóa là ngày Mười Tám tháng Mười.

16. SỰ TÍCH THỔ THỐNG VÀ NẠI NUƠNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Theo sự tích, kể từ đời Hùng Vương thứ 18, nước ta gọi là Việt Thường, sau gọi là Văn Lang, kinh đô ở Phong Châu thành. Lúc ấy vua trị vì thiên hạ tài cao, đức rộng, lại có bụng nhân từ, nên người ta gọi là một ông vua Hiền quân.

Khi bấy giờ ở đất Hưng Hóa, Tây An phủ, Hoàng Nham động, có một người làm chúa động thổ quan (thánh phụ) họ Hồ tên Quân, vợ ở Tuyên Quang chúa bộ họ Hùng tên Ái (Thánh Mẫu chúa vua Hùng Vương), ngài là người anh hùng tài giỏi, làm chức chúa động coi hai phủ (Gia Hưng, Tây An) chuồng quản cả 20 châu động rất là bình tĩnh.

Có một ngày thông thả nhàn hạ, đức Thánh Mẫu nói chuyện với đức ông rằng: "Tôi lấy ngài đã ngoài 20 năm rồi, mà chưa có con, chắc không còn trông mong gì nữa. Nay ông nên tìm một người tiểu thiếp còn trẻ tuổi thì mai sau còn hi vọng". Đức phụ ý ngài không bằng lòng lấy vợ lẽ mà bảo rằng: "Nhà ta phận bạc đành theo mệnh gười. Nay ta nghe thấy ở châu Hoàng Nham có chùa thiên tạo gọi là Thạch Nham tự trong có một vị tượng đá gọi là Phật Quan Âm rất linh ứng. Mọi người cầu khẩn đều linh nghiệm cả, nên vẫn có tiếng gọi là cổ tự danh lam. Hay là mình đến đấy cầu tự một phen". Sau đó ngài bèn sửa lễ chay và đồ hành lí rồi cả hai vợ chồng cùng thẳng đến chùa Thạch Nham. Ở đó, hai ông bà ăn chay nằm mộng để cầu tự, đủ một trăm ngày ở đấy. Chốn ấy rất thanh vắng, mà xung quanh tuyền

bằng đá cả. Duy mé cạnh chùa có một cây tùng cổ thụ trông già có ngoại một nghìn năm rất đẹp.

Khi ngài ở đấy lễ bái, sớm tối thường ra chơi quanh đấy nhiều lần, có lần trông thấy một con rắn hoa, mình dài 10 trượng, đến cây tùng quấn 2 vòng, đầu lên tới cành cao, đuôi xuống tận đất, xong rồi di mất. Không biết rằng nó ở đâu đến. Sau gốc cây tùng ấy thấy to dần, hình như là có mang. Hai vợ chồng lấy làm kinh sợ mà nghĩ rằng: hẳn thực là thần xà yêu quái chứ không phải rắn thường. Đợi sau này xem sao? Lúc đủ trăm ngày lễ xong, hai vợ chồng lại trở về nhà mình.

Khoảng nửa đêm hôm ấy, đức bà đương nằm ngáy ngủ, liền mộng thấy mình lại đến ở chùa Thạch Nham. Tại đó bà nhìn thấy dóa mây năm sắc sáng rực tự sân chùa bay thẳng lên trên giới. Có một đám mây trong có ông cụ già tóc bạc mũ đai nhấp nhánh, mình mặc áo long bào, tay cầm kim bảng, rơi xuống trước mặt tượng Quan âm. Trong tượng hóa ra một người con gái đẹp tuyệt trần. Rồi ông cụ ấy gọi đức Thánh Mẫu lại gần bảo rằng: "Ta nay khâm mệnh Ngọc Hoàng tên gọi Vũ Khúc tinh quân, xuống đây để báo mộng cho họ Hồ biết: nhà người phúc hậu hãy còn chưa hết, lòng trời còn tựa chứa tuyết, định cho Nại nương này về nhà họ Hồ làm con và thần xà ở gốc cây tùng cũng cho nhà người làm con. Nói xong, bèn trao kim bảng cho đức Quan âm xem. Đức Thánh Mẫu thấy trong biểu có 4 câu rằng:

Thượng đế khâm sai báo nhất chương

Nại nương Bồ Tát đắc chi tường

Lệnh truyền phó hứa vi Hồ Tử

Xuất thế phù trần diệt quỷ ương.

Nghĩa là:

Thượng đế khâm sai báo một chương

Nại nương Bồ Tát thật điềm tường

Lệnh truyền ban tặng con Hồ lão

Xuống dưới phàm trần diệt quỷ ương.

Sau tỉnh dậy ngài biết là mộng, rõ ràng có từ trước đến sau không sai lẫn câu gì. Ngài mừng, rồi tự nghĩ thầm: Nhà ta phúc dày, hẳn như trong mộng hiện thì đức Phật Quan âm ở chùa Thạch Nham cùng thân xà có thai ở gốc cây tùng, giới cho làm con ta cả chẳng sai? Nhưng lòng trời đã định khó lường. Sau nói cho chồng biết chứ không dám thổ lộ cùng ai. Đợi sau này mới tường được.

Qua ít lâu sau quả nhiên đức Thánh Mẫu ngài có thai, khoảng độ 6, 7 tháng. Quá nửa đêm hồi canh tư đức thánh phụ dương yên ngủ, thấy trời mưa to gió lớn đổ nhà gãy cây. Mọi người ở động đều sợ hãi. Chợt nghe tiếng gọi trong chùa Thạch Nham bảo rằng: "Ngày nay thân xà xuất thế, giới đã giáng phúc, uỷ cho họ Hồ nuôi nấng, sao không đến đón về nhà mà bảo dưỡng". Ngài thấy thế lấy làm sợ hãi. Sáng ngày ngủ dậy, ngài vội chạy đến chùa, thì thấy cây tùng ấy bị chẻ gãy đôi, nằm ở đấy, nước trong thân cây chảy ra như nguồn suối, mùi thơm lừng lầy. Rồi thấy một quả trứng đỏ ở cạnh to lớn như cái chum nước. Ngài liền cởi áo bọc quả trứng ấy đem về. Lúc qua cửa chùa, ngài nhìn vào trong chùa lại thấy tượng đức Quan Âm bằng đá cũng đổ nằm ở đất. Ngài nghĩ thầm: hẳn Phật xuất thế rồi. Khi đi về tới nhà, bèn đem quả trứng ấy để ở trong buồng kín, không lộ cho ai biết cả.

Năm Quý Ty, ngày 12 tháng 2, đức Thánh Mẫu có mang đã mãn nguyệt khai hoa. Hôm ấy trời đất tối tăm, mưa gió dữ dội, ở trong buồng thấy có ánh sáng rực rỡ, mùi thơm ngào ngạt, khoảng giờ Dần ngài đẻ ra được một người con gái. Rồi đến giờ Ty, ngạc nhiên vì thấy có tiếng kêu to trong buồng, dậy đất tựa như sấm sét, mọi người đều run sợ. Đức thánh phụ nghe tiếng, vội vàng chạy vào trong buồng, nơi để quả trứng để xem thì đã thấy nở ra một người con giai to lớn mắt rồng, mũi hổ, miệng xà, mày lân, hai mắt sáng choang, hai bên lỗ tai có 7 cái lông dài, ngón tay dài 7 tấc miệng mọc 4 cái răng mà rách đến tận mang tai, trông rất dữ tợn, xưa nay ít có. Đêm đến châm đèn thì thấy bóng ở tường hình một con trăn mình dài 10 trượng. Khi

ấy ngài cùng bảo dưỡng cả như một ngày đẻ hai con. Nuôi được trăm ngày thì hình diện đức thánh bà trông có vẻ tuần tú tinh anh, môi son má phấn, tựa tiên nga. Ngài bèn đặt tên đức thánh bà là Nại nương. đức thánh ông là Cù công.

Năm lên 3 tuổi, đức thánh bà chỉ thích hương hoa, mà đức thánh ông chỉ thích ăn gan lợn và thịt lợn, mỗi ngày 3 cân. Khi ấy mọi người trong động thấy khác lạ, lấy làm lo sợ. Nhưng vợ chồng ngài vẫn yên tâm, cứ nuôi nghĩ bụng rấn ấy có lẽ nào lại dám cản lại mình, sau này hẳn khác người. Đến năm đức thánh lên 5 tuổi thì đức thánh phụ ngài hóa, là ngày 12 tháng 10.

Ngài chết được ít lâu, người trong động thấy đức thánh ông hay ăn thịt sống mà lại khác người, nên chỉ mọi người trong động châu hội họp nhau để cử người khác lên làm chúa động và mưu giết đức thánh đi. Khi các châu động bàn xong, có cử một người họ Trương là bậc hào phú lên quyền chúa động, coi trong 20 châu thay cho họ Hồ. Bấy giờ họ Trương đã được quyền chúa rồi lấy làm thích chí, bèn cho hội hơn 300 người trong động đem đủ binh khí để đem đến nhà họ Hồ mà giết chết cả 3 mẹ con đi, sau này khỏi trách oán. Nguyên đức thánh ngài là Thần xà thiên tướng, nên việc gì cũng biết trước. Có một hôm tự nhiên ngài nói với mẹ rằng: "Đêm nay họ Trương đến giết mẹ con ta". Mẹ nghe thấy nói thì mẹ lấy làm lạ mà sợ hãi, rồi bảo rằng: "Mình bây giờ mẹ góa con thơ, chống sao nổi, đành trốn đi nơi khác cho thoát thân chả hay lắm ru. Con định thế nào?". Đức thánh cười nói rằng: "Sợ gì mà lo, mẹ chớ ngại, cứ yên tâm để mặc con sẽ bắt sống được họ Trương ăn thịt". Đêm hôm ấy, ngài bảo mẹ và chị vào buồng đóng chặt cửa lại mà yên ngủ, cấm không được ra ngoài. Còn ngài một mình nằm ở giường ngoài. Khoảng canh hai, ngài đương ngủ thấy từ trong mình ngài hóa ra một con trăn dài 10 trượng, 2 mắt sáng chói biến ra ngà. Mẹ và chị trông thấy sợ hãi. Được một lúc quả nhiên thấy 4 bề họ Trương vây kín và hò hét ở ngoài. Rồi bà nghe tiếng gầm to ba tiếng kinh giới dậy đất. Sau ở ngoài thấy người chạy tan tác rồi im cả. Xong rồi, bà lại chỗ ngài nằm đập vào mình gọi dậy,

vụt thấy con trăn lại nhập vào ông rồi biến mất. Sau ngài tỉnh dậy thì giờ đã sáng. Ngài bèn mở cửa dất mẹ và chị đưa ra sân xem, thì đã thấy ông Trương Bột chết nằm ở đấy mà thì thể bị ăn mất quá nửa (cả gan), rồi ngài truyền cho gia nhân lấy đun nấu làm cỗ. Xong cho gọi tất cả người trong châu động cùng thân thích họ Trương lại ăn, lúc mọi người đương dự tiệc, ngài có bảo rằng: "Ta vốn là Thần xà trên trời sai xuống giúp vua lúc tai biến, chứ có phải như họ Trương chiếm quyền tranh lợi đâu. Nay kẻ bất nhân ta đã giết rồi, mà thịt để thết các người thì đều phải ăn cho hết". Từ đấy mọi người trong châu động đều sợ hãi cả, mà lại xin cử ngài làm chúa động như cha ngài ngày trước, gọi là chúa nhân đức.

Khi ngài lên 9 tuổi, mình cao 8 thước, rất kì dị. Đương lúc ấy, trong nước có giặc Cà Rồng hơn ba vạn tụ họp ở đất Văn Lang (sau nhà Lý đổi gọi Hưng Hóa trấn) tức là Trúc Khê, người chính tướng là Hùng Man Sạ Thần đến quấy nhiễu nước ta rất tổn hại (hút máu người). Bấy giờ triều đình lo sợ, không biết tìm cách gì trừ được. Sau nhà vua phải làm đàn lễ tấu thiên địa để cầu đảo các bách thần 9 ngày. Khi làm lễ xong, vua đương ngủ thì nằm mơ màng thấy một ông cụ già cao 10 thước, đội mũ mặc áo, tay cầm cờ xanh tự trên trời đi xuống. Vua hỏi rằng: "Ông cụ tên, chức gì?" Ông cụ nói rằng: "Ta là Tử Phủ Linh Tiêu thiên sứ khâm thừa để mệnh, xuống báo cho vua biết rằng: Muốn đánh giặc Cà Rồng thì nên phải tìm người tài đánh một ngày là xong, chớ lo ngại gì". Vua nghe tin nói lập tức mời ông cụ vào trong cung điện hỏi: "Cầu người ở phương nào, xin cụ chỉ bảo cho". Ông cụ trao cho lá cờ xanh, nhà vua cầm xem thấy trong có 4 câu rằng:

Nhất báo thời quân sự đắc tường

Hoàng Nham châu địa hữu Xà Vương

Danh Cù cửu tuế Hồ gia tử

Để định phù quân diệt quỷ ương.

Nghĩa là:

Ta báo nhà vua được tỏ tường
 Hoàng Nham châu đó có Xà Vương
 Tên Cù chín tuổi con Hồ lão
 Trời giáng phò vua diệt quỷ ương.

Vua đọc xong rồi, ông cụ liên biến mất. Vua tỉnh lại, tự nghĩ việc trời đã định, mộng ứng rõ ràng, bèn lập tức sai sứ thần đến ngay châu Hoàng Nham xem sự thể thực hư ra sao? Sứ thần phụng mệnh đến châu ấy hỏi, quả thấy có người họ Hồ tên Cù, lên 9 tuổi y như mộng ứng, bèn vào yết kiến ngài. Sứ trông thấy hình dạng lạ khác, bụng lo sợ. Ngài hỏi: "Vương sứ đi đâu, có việc gì". Sứ thưa rằng: "Nước nhà có giặc, vua sai tôi mời ngài ra đánh".

Ngài nghe sứ nói bảo rằng: "Sứ về triều tâu vua cho tôi một con voi khỏe, một sà mâu, tù trọng tội một người đem đến, rồi ta đi giúp yên. Vua chờ ngại gì". Rồi sứ trở về triều tâu vua. Vua nghe lời tâu cả mừng, và ứng cấp đủ, rồi lệnh truyền khắp các Thổ tù quan Lang, các châu động lấy một vạn quân giao cho ngài đánh giặc và phong cho ngài là Thổ thống tướng quân (Thống lĩnh các Thổ Man nên gọi là Thổ thống).

Khi quân đi đến, ngài có truyền đem người tù mổ ăn thịt và bắt cả mọi người đều phải ăn. Xong chia thành các đạo đi đánh. Còn ngài thì lên voi cưỡi, tay cầm sà mâu, ngoảnh cổ lại dặn mẹ với chị rằng: "Động này phó mặc chị quyền, mẹ ở lại mà trông coi. Tôi đi không về nữa". Nói xong đi ngay, thẳng đến chỗ giặc đóng (Trúc Phê trang), đánh một trận là xong, bắt được một tướng Hùng Man, rồi bắt quân mổ rồi ăn thịt, ngài ăn gan. Quân giặc tan chạy cả. Duy còn một tướng Sạ Thần chạy trốn xuống ở vực sâu (miếu thờ ngài bây giờ). Ngài liền xuống voi đi bộ đuổi theo. Sau thấy hét to một tiếng rất dữ dội, mưa gió tối tăm, rồi ngài biến ra con rắn to dài 10 trượng nhảy xuống dưới vực ấy rồi biến mất. Một lúc trời tạnh bùng sáng, thì đã trông thấy cái thây tướng Sạ Thần nổi ở trên mặt nước, thủng bụng mất gan rồi. Hôm đó tức là ngày mồng 4 tháng Giêng. Xong là mất; từ đấy trở đi giặc yên cả.

Khi ấy quân sĩ thấy lạ, lập biểu văn tâu vua. Vua được tin lập tức sai bách quan đến chỗ ngài hóa, làm lễ và bắt thần dân phải lập miếu thờ.

Về đời sau có thơ rằng:

*Thiên đâm sinh Thánh đế
Nam địa xuất Thần vương
Giáng thế trừ Man tộc
Phò quân diệt quỷ ương
Trúc Phê vì hóa xứ
Hoàng Nham thị sinh phương
Hùng triều gia sử kí
Tự vũ ức niên hương.*

Nghĩa là:

Lòng trời sinh Thánh đế
Đất Việt hiện Thần vương
Giáng thế trừ quân giặc
Phò vua diệt quỷ ương
Trúc Phê là cõi hoá
Hoàng Nham ấy gia đường
Hùng triều ghi sử kí
Đền miếu mãi thơm hương.

17. SỰ TÍCH NẠI NƯỞNG VÀ CÁC GIA THẦN THỜI HÙNG VƯƠNG

Lại nói về đức thánh bà Nại nương. Từ khi đức thánh đi đánh trận rồi hóa, có di ngôn lại để đức bà lên thay làm chúa động.

Khi ngài 17 tuổi, đức tính hiền hòa, văn vũ gồm tài là bậc nữ trung oanh liệt, ít người theo kịp. Bởi vậy mọi người châu động đều tôn phục, kính sợ, nên gọi ngài là Thánh nữ giáng trần, Thần nương xuất thế.

Năm ấy đức Thánh Mẫu chỉ có bệnh nhức đầu mà chết, tại ngày 10 tháng 7 năm Mậu Dần.

Ngài yên táng xong rồi, làm chay 21 ngày. Lúc bấy giờ ngài có đón sư bà tu đã đắc đạo, đỗ làm hòa thượng, hiệu gọi là Già Lam Bồ Tát, họ Trần, huý là Bảo, người ở Sơn Nam, tu ở Long Hoa tự (tràng Trúc Phê) về nhà làm chay.

Bấy giờ tuy rằng ngài làm chúa động, nhưng vì ngài vốn là Quan Âm xuất thế, nên ngài không muốn nhiễm trần tục. Nay lại gặp được ni cô là một chân tu đắc đạo bèn đón về nhà dạy học. Tuy không cắt tóc, nhưng vẫn nghe kinh đọc kệ. Sau ngài tinh thông phép Phật, có được tên hiệu là Bà Sa Bồ Tát. Từ đó tiếng ngài là chúa động nhưng thực ra chỉ thích vui cùng với đạo Phật. Cách vài năm sau, ở Trúc Phê tràng bỗng bị tai họa, dân làng ốm đau nhiều, rất thiệt hại. Có một hôm, tự nhiên có một ông quan đem quân đóng ở quán, dân bèn ra bái trình. Ông quan ấy truyền rằng: "Ta là Thổ Thống linh thần, quyền coi một phương, đến bảo cho dân biết: Bấy giờ trời sai thiên binh đi tuý tiện đến đâu hại đấy. Tất phải có tay tinh khí anh linh mới trừ được. Nay ta có người chị là Nại nương công chúa, thánh nữ giáng trần, bây giờ làm chúa động ở khe Hoàng Nham, dân đến đấy mà đón mới trừ khỏi được tai họa". Nói dứt lời, biến mất.

Hôm sau, dân đến kể sự tình, xong đón ngài về giúp cho. Ngài không nhận, nói rằng ta vốn là một người đàn bà, yên phận tu hành chứ có khí bẩm gì mà dân đón. Sau dân lay tạ mà thưa là có Thổ Thống thần ứng báo, xin ngài giúp cho.

Ngài nghĩ hồi lâu rồi nhận. Vốn ngài có một cái khăn đỏ dài 10 thước (tức là bản mệnh) hôm ấy là ngày 2 tháng 4, ngài sai một người đàn bà ở Man Châu theo hầu ngài, lúc đi mang cái khăn ấy quàng lên đầu, tay cầm kiếm. Lúc đến nơi, ngài đi khắp trong, đến nhà có bệnh mà nói, chúa quân gọi ra, không được quấy rồi, được ít lâu thì yên tất cả đều khỏi ốm. Xong dân làm lễ tạ. Từ đấy trở đi dân làng đều ơn nhờ ngài được yên ổn cả.

Lúc ấy trong châu động ngài có hơn một nghìn người, đều giỏi bắn cả, là anh hùng nhất xứ. Không ai dám địch lại.

Lại nói về tích đức thánh Đường Hương là gia thần của ngài.

Đương thời ấy, ở trang Trúc Phê có một người họ Nguyễn tên Hàn, vợ cùng ấp là Trương Thị Giềm, 24 tuổi, nhà rất hào phú nhưng bà đã có thai từ năm 23 tuổi, đến năm Mậu Dần, tháng 3 ngày 4 mới sinh đức thánh mặt mũi khôi ngô tuấn tú, đặt tên là Hương công.

Đến khi đức thánh Hương công 15 tuổi, bố mẹ chết cả, của cải chơi bởi hết quá nửa. Năm 19 tuổi, thời đức thánh qua đến ấp Trúc Phê; lúc ấy đức thánh vốn có trí dũng mà lại bắn giỏi, nên hợp cả 10 người nhà đến xin với đức bà Nại nương để làm gia thần. Rồi theo về ở Hoàng Nham châu

Sau đức bà Nại nương cho đức thánh Hương làm Đường Cán nam binh và lập doanh cung ở đất Trúc Phê, rồi tư cấp giúp kẻ nghèo, nuôi người già, tậu ruộng đất cho và sửa chữa chùa miếu, không mất lòng ai, nên bấy giờ dân được nhờ ơn đức bà nhiều, đều no ấm cả.

Vậy lại nói về đức thánh Đông Hải cũng đồng thời với đức bà, vốn là dòng họ Hùng, nghe thấy đức bà anh tài, thường đến chơi như tình chị em vậy.

Từ đấy đức bà lừng tiếng đến tai vua là người anh hùng tuấn tú xưa nay hiếm có. Sau vua Hùng vời vào để làm cung phi, nhưng vì lòng đức bà không muốn nhiễm bụi trần tục, nên làm sớ tâu xin không nhận, lấy lí do vì đã tu là Bà Sa thế giới, xin vua thương cho phận gái được nhờ. Vua cũng bằng lòng mà ban cho 4 câu như sau này:

Từ tâm tiên cốt nhất ban sinh

Ngọc kính huy hoàng chiếu Nại tình

Nữ tiết lưu phương thiên cổ tại

Danh đồng nhật nguyệt phối cao minh.

Nghĩa là:

Lòng lạnh tiên cốt một dòng sinh
 Gương ngọc huy hoàng tỏ Nại tình
 Nữ tiết danh thơm cùng vạn cổ
 Chói lòa nhật nguyệt sánh cao xanh.

Cách ít lâu trong nước có giặc Tấn Châu đem hơn 3 vạn quân, chia làm 2 đạo đến xâm lấn. Trong thành bị giặc vây, đức Đông Hải đem quân đánh không nổi bèn đóng cửa thành lại kiên thủ và làm biểu tấu vua.

Vua được tin, hạ chiếu gọi các quần thần lại hội nghị xem ai tài giỏi đem quân đánh giải vây được. Lúc bấy giờ có ông Thống quốc công dâng biểu xin cất thủ lĩnh đạo Tuyên Quang. Còn như giải vây Hưng Hóa phò chúa xin cử Nại nương ở Hoàng Nham châu là người thông hiểu các đường. Tuy là đàn bà nhưng là người anh tài lại thêm có Dương Cán gia thần có thể bình được giặc. Vua nghe xong chuẩn tấu liền, rồi cho sứ triệu đức bà về triều. Vua hỏi: "Nay trong nước có giặc, người là đàn bà có tiếng, khiến người đem quân đi đánh giải vây thành Hưng Hóa để xem thử tài người thế nào?".

Đức bà thưa rằng: "Tôi làm bấy tôi, vốn phận đàn bà, tài hèn sức yếu, dám đâu sánh như kẻ tráng sĩ được. Nhưng ơn nhờ lộc nước vua ban, phong làm Man chúa một phương, tuy là phận gái chẳng khác đàn ông, nay vua sai đến, tôi xin một lòng hết sức đánh giặc, dù sống chết không dám từ nan". Vua cả mừng mà khen rằng: đàn bà mà trí dũng trượng phu và cấp cho 3 nghìn quân theo đi rồi cho 4 câu thơ rằng:

*Hùng Nại như nương vị kị nhân
 Tài mưu khả thánh trí như thần
 Danh phương bất hủ xuân vô hạn
 Thượng báo quân ân hạ tế dân.*

Nghĩa là:

Hùng Nại như nàng được mấy thân
 Tài mưu bậc thánh trí như thần

Danh thơm bất hủ xuân vô hạn

Trên báo ơn vua dưới giúp dân.

Xong đức bà bái tạ vua, rồi lĩnh quân đem đi về đến chốn gia thân (Trúc Phê) cộng được 1.245 người nữa đều giỏi bắn cả. Đến ngày 30 tháng Giêng đức bà khao quân, xong chia ra làm các đạo, tả Thanh Sơn, hữu Thao Hà, một mặt tiến đi Đà Giang và một mặt thì thẳng đến Hưng Hóa, ông Hương thì đốc chiến hậu quân.

Khi ấy đức bà chia quân đi các đạo xong rồi, còn mình thì đổi dạng nam trang, đầu búi tóc, mình mặc áo giáp, cưỡi ngựa trắng, tay cầm kiếm, lại chọn thêm 20 người nữ quân thì cũng đổi dạng nam đi theo sau. Lúc đức bà kéo quân đến Hóa Châu đóng quân xong rồi, liền cho quân đi thám thính xem tình hình giặc thế nào. Được ít lâu, quân về báo, giặc đóng ở trang Trúc Phê đóng thành cơ ngũ cả, bốn bề thành đều vây kín. Ngài được tin báo liền tiến quân lại đánh phá một trận, giết được hơn 100 người. Quân giặc thua chạy về thành đóng cửa lại kiên thủ.

Sau đó đức bà đóng quân ở Trúc Phê, đến sáng ngày 8 tháng Giêng (ngày hội làng bây giờ) mở lợn làm cỗ khao thưởng quân sĩ, đương khi sắp ăn uống thì đã thấy giặc kéo lại đánh, tiếng động dậy đất, quân lính đều bỏ không kịp ăn. Còn đức bà cũng thế, khi đứng dậy vội đánh rơi cái khăn đỏ (tuy thân đai) lũ giặc thấy giằng cướp một đầu, quân đức bà cầm được một đầu. Hai bên giằng co nhau, nhưng về quân giặc sắp lấy được. Đức bà phải ném ba nén vàng xuống, lũ giặc trông thấy vàng, liền bỏ không cướp khăn mà quay cả sang cướp vàng, nên đức bà lấy được lại, rồi buộc vào lưng. (Bởi vậy sau thành tục kéo dây và cướp rượu ngày ấy). Tay đức bà cầm kiếm lên ngựa ra đánh, rồi giả thua chạy. Quân giặc khi ấy biết đức bà là đàn bà bèn đuổi theo. Khi giặc theo đến nơi dụng binh, đức bà bèn ra hiệu. 4 mặt quân đổ ra rồi trong thành đức Hải vương thấy quân cứu viện cũng mở ra đánh, trận ấy giặc chết hơn 1.000, còn ngót một nghìn thì tan chạy trở về Tấn quốc, mấy tướng bị bắt giết đem

treo đầu bêu ở cửa thành. Từ đấy dẹp yên giặc, xong bèn làm biểu tấu triều đình.

Vua thấy biểu tấu, liền cho sứ triệu các quân ở các đạo về, và triệu cả đức bà về châu.

Lúc bấy giờ đức bà phụng mệnh đem quân về bái. Vua phán rằng: "Đàn ông tráng sĩ là thường, đàn bà anh hùng ít có" rồi ban yến và thưởng cho vàng bạc gấm vóc 100 cân.

Đức bà cáo tạ không nhận, vì tự cho là nữ lưu không như bậc tu mi nam tử mà nhận quyền cao tước trọng. Đức bà chỉ xin về chốn cũ ở Nham quận du chơi cảnh Phật là đủ. Vua cũng ưng thuận cho.

Đức bà liền bái tạ trở về nhà, bái yết tư đường. Xong rồi sửa chữa các châu động, yên rồi giao phó ông Hương công thay quyền chúa động. Sau đức bà làm lễ miếu đức Thổ Thống, rồi làm tiệc cho dân ăn, cả đức phụ chúa cũng làm tiệc ăn mừng nữa. Đương khi ăn uống, đức bà có bảo dân rằng: "Ta cùng với dân đây, vốn lòng trời đã định, giúp dân nên đạo tổ thầy, há có phải như người đi đường qua lại. Còn như đức Hải công phụ chúa trốn ở đây bị vây hơn một tháng, ta phụng mệnh đến giải vây. Kể ngài cũng có công khó nhọc mới yên được. Ví như một chuyến dò nên nghĩa, việc đối xử thân sơ tùy tình". Dân vâng lời, rồi đức bà lên ngựa về động. Từ bấy giờ đức bà du chơi sơn thủy, lúc thì đến chùa nghe kinh kệ, cách vài tháng sau đức bà nằm chơi ở thềm chùa, đương mơ màng ngủ thì nhìn thấy đức thánh Cù (em) đem quân đến đón mà bảo rằng: "Nơi trần tục đã hết, giờ cho xuống triệu về, kíp mau đi không được chậm". Nói chưa dứt lời thì thấy sấm nổ to một tiếng dậy đất, thấu lọt tận tai đức bà. Đức bà sợ chột tỉnh đã thấy trời gió to bão lớn, tối tăm mù mịt cả (hóa ngày 12 tháng 11) tự nhiên là đức bà hóa.

Sau ông Hương công đem gia thân cùng các người châu động lại để an táng đức bà. Khi đến nơi đã thấy môi đắp đầy rồi, bèn về làm sớ tâu vua.

Vua thấy biểu tấu, liền sai các quan về làm lễ và bắt dân (Trúc Phê) phải lập miếu thờ đức bà.

Bấy giờ cho thợ làm đền thờ đức bà xong. Đến ngày 15 tháng Chạp, thì đức Hương công làm lễ khánh thành, thời tự nhiên không ốm đau gì rồi chết.

Sau dân làm lễ táng Hương công ở gò Đa (Trúc Phê) và nghĩ tình sư đệ công thâm nghĩa trọng với đức bà nên cũng lập miếu thờ ngài.

Còn như đức Hải vương phụ chúa sau trấn nhậm ở Hưng Hóa nửa năm nữa, rồi ngài đi chơi ở sông Lục Đầu Giang. Đường khi rong ruổi tự nhiên thấy sóng gió bất kì, trời đất u ám, nên thuyền rồng của ngài bị đắm. Thế là ngài cũng hóa theo, tại ngày 10 tháng 4.

Khi ấy có 17 người theo ngài thấy thế liền báo cho dân Trúc Phê biết. Sau dân cũng lập miếu thờ và làm số tấu vua xin để dân phụng sự.

Vua được tin, lấy làm thương nhớ, nên có phong cho là Vạn cổ Phúc thần và bắt dân phải làm miếu thờ ngài mãi mãi ngàn thu.

18. SỰ TÍCH NĂM ANH EM MINH CÔNG, TÍN CÔNG, CAO CÔNG, THẠCH CÔNG VÀ DUNG NƯƠNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Tục truyền, bố mẹ các đức thánh vốn quê ở châu Quỳnh Nhai. Ông bố họ Bạch tên là Bản lấy vợ người huyện Thanh Ba, làng Vũ Lao. Ông họ Cao tên là Bảo và ông em giai tên là Hinh cũng lấy vợ người huyện Thanh Ba. Ông họ Doãn tên là Phụng, ông anh làm chuông bộ, ông em làm quan lang. Hai anh em thường phân nân cùng nhau rằng: nhà mình ăn ở phúc đức mà của cũng có, mà hai anh em lại đều không có con thì ức quá, nhất là anh em mình nay tuổi đã hơi nhiều rồi. Sau khi anh em

làm một đàn chay và phát chẩn bần cho mọi người già yếu cùng con trẻ, theo đúng bảy bảy bốn mươi chín ngày một tuần chay. Khi làm xong 3 ngày, hai anh em mộng thấy có một ông lão tăng mặc áo bát nhã, đầu đội mũ Phật, tay cầm tích trượng, bảo hai anh em rằng: "Nhà ngươi có phúc hậu lắm; nhưng vì ông cha hay phá rừng và giết hại súc vật, nên các sơn thần tấu với Thiên đình, cho nên giảm tiền phúc. Đến nay các ngươi tâm thành phúc đức làm chay cầu cúng, việc đến Thiên quân, ác giải chương trừ, được thoát âm hồn giải hết các điều oan khổ, phúc nay mới đến. Các ngươi nên giồng 100 cây ở các vệ đường và tu sửa chùa chiền các địa phương, cần làm 7 tòa, mỗi tòa hai bên động sau này có đất sinh nhân tài phụ quốc, thế là phúc đến mà tội xong". Nói xong, lão tăng biến đi. Ông Bộ công tỉnh dậy, nói với ông em hết đầu đuôi giấc mộng. Ông em nói, tôi cũng mộng như thế, chắc việc này quả nhiên. Rồi sau hai anh em làm động các chùa, giồng cây ở các vệ đường. Khi làm động và giồng cây xong, độ một vài tháng, anh em bảo nhau đi tìm đất để táng cha mẹ vào một chỗ. Khi anh em đi đến núi Vũ Lao tục gọi là núi Lỗ, thấy một con chim sắc xanh, lông đuôi có năm màu và đều có mặt kính bay đến núi ấy. Anh em thấy chim lạ đều theo xem, lên đến đỉnh núi, thấy chim đậu ở trên cây to, kêu hình như tiếng người, đọc thơ rằng: "Bạch gia phúc chí thị thiên linh, ngô phụng Thiên quân báo chữ Minh, Sơn thượng Đàm oa thiên dĩ định, huyết cư thủy để tất phương sinh". (Ý thơ nói nhà họ Bạch có phúc đến, nếu táng mả vào huyết ở đáy nước ắt sinh con khác thường). Anh em thấy chim kêu thế đều lấy làm lạ, lại xem chỗ đất trên đỉnh núi có một cái hũm nước, anh em bảo nhau chắc là có Thiên sứ báo định thành có huyết. Rồi anh em trở về quê, bèn làm lễ để đem mả tổ phụ đến đỉnh núi ấy mà táng tại giữa hũm nước. Khi hạ huyết thấy trời đất mưa bão mù mịt 3 ngày chưa tan. Táng xong anh em về. Đương đêm hôm ấy, anh em ngủ đều thấy mộng hiện. Ông anh mộng bay lên giới, bắt được hai ông sao, lại thấy rồng vàng nhả ra một cái trứng, bèn cầm lấy, rồi tỉnh dậy. Ông em thì mộng lên đỉnh núi cao, bắt được

một hòn đá ngọc và bẻ được một cây thông to cao hơn 10 trượng, cầm lấy đem về, rồi tỉnh dậy. Hai anh em cùng nói mộng cho nhau nghe, rồi bàn rằng, chắc có điềm hay, nói xong, được ít lâu sau, hai người vợ của các ông quả nhiên có thai cả.

Đến năm Đinh Sửu, tháng 3 ngày 10, vợ ông anh sinh ra một bọc, được hai người con trai và một người con gái. Cùng năm ấy, đến ngày mồng 10 tháng 8 vợ ông em sinh một bọc được hai người con trai. Thế là hai anh em sinh được 4 người con trai và một người con gái. Bốn người con trai đều thân thể lẫm liệt, thể mạo khôi kỳ đường đường cao to, môi rộng mắt phượng, hàm én mây hùm; người con gái thì phương phi, mặt như gương sáng, ngọc đẹp, nhan sắc như tiên nữ. Mọi người thường nói, trai gái hai anh em nhà ấy khác người thường. Đến khi đều lên 3 tuổi, ông anh đặt tên 3 con là, con trai cả là Minh công, Tín công và con gái là Dung nương. Ông em đặt tên 2 con là: Cao công và Bạch công. Năm lên 7 tuổi, đều thông minh trí tuệ, khí độ hơn người, nam anh hùng, nữ tuấn tú. Mọi người đều nói là Tiên, Thánh giáng trần, không phải người thường. Ở châu Quỳnh Nhai ấy, có một người họ Đinh là nhà cự tộc gia thế, truyền đời là Quản biện châu nhân, tính hay bạo ngược, thường chống cự với hai anh em ông ấy, muốn đoạt quyền trong lòng hiểm giận, rồi đi tìm các người châu khác, làm một đảng kẻ cướp để giết Bạch gia huynh đệ. Đến ngày ấy, Đinh gia viện 100 người đến ăn cướp nhà Bạch công huynh đệ, đốt cửa nhà, bắt được hai ông và vợ ông em giết chết. Đến sáng hôm sau, bà vợ ông anh đem 3 con và 2 cháu lánh trốn đi nơi khác, đến chỗ gọi là làng Cha Sặc, huyện Thanh Ba. Được ít lâu, nhà Đinh lại nghe tin sợ lũ trẻ ấy lớn lên báo thù, chúng lại đem quân đi tìm bắt giết. Bà ấy lại được nghe tin có người mách lại đem các con, cháu trốn đi nơi khác. Đi một ngày đến phủ Lâm Thao, huyện Tam Nông, đi vào làng Thượng Nông. Ở đất Thượng Nông có bà Ma thị huy là Chinh, bản tính thanh kỳ, đức hạnh thành khẩn, bèn đón bà mẹ và 5 người con về nuôi cả. Rồi đức bà Ma thị cho 4 người con trai và một người con gái đi học, học ông thầy Tàu

dạy ở làng Đào Xá, huyện Thanh Thủy. Sau các ngài học được bốn năm năm, rất thông minh khác thường, học một biết mười. Còn Dung nương sau lấy làm vợ thứ 14 vua Hùng Vương thứ 18. Khi ấy 4 ngài đương làm quan, thì trong nước có giặc Thục sang đánh vua Hùng Vương. Bấy giờ các ngài hết sức lo việc đánh giặc Thục giúp vua Hùng được thắng.

Lại nói sự tích Dung nương, ngài sinh ngày mồng Mười tháng Ba năm Đinh Sửu.

Ngài là một người đàn bà đẹp tuyệt trần. Một lần vua Hùng Vương mộng thấy 4 người đàn ông và một người đàn bà đến châu. Sau mấy hôm thấy có 4 người đàn ông, còn người đàn bà không thấy đến. Vua nhớ người đàn bà lắm, bèn hỏi 4 người đàn ông xem người đàn bà nữa đâu mà không đến châu. Sau vua sai sứ đến tại Thượng Nông đón. Khi đón về vua lấy làm thập tứ cung phi. Khi vua lấy rồi, thì phong tước cho 4 người đàn ông làm quan cả. Sau mỗi năm bà cung phi xin vua cho về thăm quê Thượng Nông 2 lần. Được ít lâu có giặc Thục sang đánh Hùng Vương. Đến kì tháng hai cung phi về thăm quê Thượng Nông, bị giặc Thục vây đánh bắt. Ngài bèn hết sức đánh nhau với quân Thục, giết quân Thục chết nhiều. Nhưng quân Thục các nơi nghe tin kéo mãi đến đánh, được 3 ngày ngài không thể chống nổi nữa, thì ngài đứng ra nói với tướng Thục rằng: "Thiếp xin hàng". Quân Thục bèn giải vây phía bờ sông. Ngài nói xong liền nhảy xuống sông Thao tự tử, chính giữa ngày 16 tháng Hai. Lúc ngài nhảy xuống sông, thì trời bỗng nổi mưa bão âm ỉm, mây kéo u ám mờ tối, dưới sông nước sóng ồ ồ. Quân Thục lấy làm kinh sợ, bèn rút quân cắm đầu chạy. Bà Ma nương là mẹ nuôi thấy thế mộ hàng trăm người làng Thượng Nông ra cứu vớt ngài, thì không kịp nữa. Nhân dân bèn làm biếu tấu vua rằng công chúa bị giặc Thục vây, tự hóa xuống sông Thao. Vua bèn sai sứ đến cùng dân Thượng Nông làm lễ và bắt dân sở tại Thượng Nông phải lập đền thờ công chúa tại gần bờ sông Thao. Dân thờ bằng long ngài, hằng năm bảy giờ cứ đến ngày 16 tháng Hai thì dân làm lễ xôi, gà, chuối, bánh dày và bánh mật để tế ngài.

19. SỰ TÍCH MỤC CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền ở trang Đông Đô, huyện Kim Hoa, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc có một người tên Nguyễn Danh Huyền, vợ là Đào Thị Túc kết hôn từ ngày mới mười hai tuổi đến năm bốn mươi ba tuổi mà vẫn chưa có con cái, vợ chồng cảm thấy buồn tủi. Một hôm gặp ngày húy gia tiên, vợ chồng than thở: "Đời xưa cứ đến ba chục tuổi mà không có con trai đã là bất hiếu. Huống chi vợ chồng mình nay đã ngoài bốn chục tuổi đời cả rồi mà chưa có con trai, giả sử như chẳng may chúng mình có chi sao thì giỗ chạp tổ tiên biết uỷ thác cho ai. Há không phải là kẻ đại bất hiếu hay sao! Hay là đem của cải ra làm phúc cho mọi người và làm các điều tiện lợi khác, ngõ hầu lòng trời ngoảnh lại mà phù trợ cho...". Tự đấy trở đi, vợ chồng ông Nguyễn bỏ gia tài ra làm cầu làm quán, chẩn cấp người nghèo, cứu giúp kẻ khó. Đại phạm những việc gì có lợi cho mọi người từ nhỏ đến lớn đều cố gắng làm hết sức mình. Một đêm trời quang mây tạnh, trăng sáng như ban ngày, vợ chồng cùng nằm ở phòng chính của mình, chiêm bao thấy một ông già đầu tóc bạc phơ, hai tay ôm đứa trẻ từ trên trời đi xuống, đến đứng ở cạnh giường, cầm tay Nguyễn Danh Huyền mà bảo: "Nhà ngươi phúc hậu, trời đã chứng tri, nay cho một vị tướng vào đầu thai làm con. Ngày sau đứa trẻ trở thành một người tài năng nổi tiếng thiên hạ, làm nên sự nghiệp to lớn để giúp đời yên dân. Dù sớm hay muộn do lòng trời định, có gì đáng lo?". Nói xong ông già bèn quăng đứa trẻ ấy vào lòng Đào Thị Túc rồi bay lên không trung biến mất. Từ đó, Đào Thị có mang mười hai tháng; đến Mười Hai tháng Chín năm Giáp Ngọ sinh một con trai phong tư dinh ngộ khác thường. Ông bà Nguyễn công đặt tên cho con là Mục. Đến năm mười tuổi học ở trường thầy Hải Đường và ở nhờ bên nhà cậu ruột là Đào Công Hải, hồi ấy đang làm Huyện doãn Châu Phong (tức Bạch Hạc). Mục đi học mới vài năm mà văn chương võ nghệ rất tinh thông, thường ngâm câu thơ rằng:

"*Nam nhi tai mắt trời sinh
 Học hành tu chí, công danh gặp thì,
 Làm người có nghĩa có nghi
 Hi sinh vì nước còn gì vui hơn... "*

Đến năm Mục mười tám tuổi thì cậu ruột là Đào Công Hải mất. Cùng năm ấy, bố mẹ cũng mất. Bấy giờ gia tài khánh kiệt, nhưng lòng Nguyễn Mục vẫn thanh thản yêu đời. Song có những lúc Mục nghĩ nhớ thương cha mẹ một đời khó nhọc vì con, mỗi lần đọc sách thường đặt sách xuống mà than thở rằng mình chưa hề đền đáp công đức sinh thành. Chẳng may hồi ấy ở huyện Kim Hoa mất mùa, có một tên tướng giặc tên là Trương Huyền rất hung ác, đồ đảng của chúng tập hợp được vài vạn người, nghe Nguyễn Mục là kẻ có tài văn võ muốn bắt cóc để dùng làm mưu sĩ cho chúng. Mục được tin báo, bèn thu xếp gia tài trốn đi ở nhờ gia đình Nguyễn Dị ở trang Trì Độ, huyện Quỳnh Côi, phủ Đại Chương, đạo Sơn Nam. Sau đó, thấy triều đình truyền hịch tìm người văn võ kiêm toàn, học vấn uyên bác ra giúp nước. Nguyễn Mục bèn đến kinh thành ứng tuyển. Trên đường về kinh, Nguyễn Mục qua trang Bối Khê, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, giữa lúc mặt trời xế bóng lại gặp mưa gió, bèn vào trọ trong quán ở đầu làng.

Đêm ấy ở trang Bối Khê có Nguyễn Quả và Đỗ Xuân nằm mơ thấy một ông quan mặc áo bào xanh, cầm cờ vàng nói rằng: "Ta đây là Tây giới thần kỳ về báo cho dân bay được biết: nay có vị chúa quan nắm quyền cai quản dân bay, hiện nay ngài đang nằm ở quán Bối, phải gấp truyền báo cho dân làng rước về làm lễ chào mừng". Hai ông Quả và Xuân tỉnh dậy, trời còn hừng sáng, cùng ra quán xem thì thấy Nguyễn Mục còn đang ngủ chưa dậy. Hai ông vội về đem câu chuyện nằm mơ kể cho mọi người nghe. Nhân dân còn nghi nghi hoặc hoặc chưa ai muốn ra xem. Đến khi Mục công tỉnh dậy, lại tiếp tục đi trên con đường tới kinh. Khi vào ứng tuyển. Mục công ứng đối trôi chảy rất hợp ý vua. Vua ban chiếu phong Nguyễn Mục làm chức Đại phu

luyện đạt triều đình chính sự sau vài tháng lại bổ nhiệm làm Bồ chánh Sơn Nam. Mục công bái tạ lên đường đi trị nhậm Sơn Nam, lại đi qua trang Bối Khê. Khi ấy nhân dân ra rước và tự nguyện xin làm tôi con, được ông đồng ý. Ông vào nghỉ trong làng, ngắm xem địa thế, thấy một kiểu đất long hành uyển chuyển, nước chảy vòng vào xoáy ốc, ngoài có con sông nhỏ ôm lại, thật là nơi sơn thủy hữu tình, ông bèn ứng khẩu ngâm câu thơ rằng:

*Thành thị lâu đài đều ngọc báu
Non sông hoa cỏ đậm hồng, xanh
Khí thiêng chung đúc dù to nhỏ
Cũng đáng xây cung với đắp thành.*

Ông ngâm xong bèn truyền cho quân sĩ xây dựng một hành cung để nghỉ. Từ khi Mục công đến trị nhậm Sơn Nam, chuyên khuyến khích người thiện, trừng trị gian phi, trộm cướp im hơi, nhà nhà vui vẻ, không ai phải lâm than khổ cực. Thấy công tích và năng lực như thế, nhà vua lại vời ông vào triều thăng lên chức Đô đài thống chế, cai quản thủy bộ chủ quyền. Hồi ấy Hùng Duệ Vương tuy có sinh hai mươi hoàng tử nhưng đều mất cả, nên không có ai thừa kế. Thục Phán đem quân đến xâm lược nước Văn Lang, binh lực và thanh thế quân Thục rất mạnh. Hùng Duệ vương triệu Tản Viên Sơn Thánh và Mục công hỏi kế đánh giặc.

Tản Viên Sơn Thánh và Mục công trình bày rất hợp ý vua. Vua bèn phong cho Mục công làm Thượng trụ quốc tế Đô thống thủy bộ long Đại tướng quân, sai đánh nhau với quân Thục, làm cho chúng thua to. Chiến thắng khải hoàn, vua Hùng phong cho Mục công là ý Mục đại vương. Ông Mục tâu vua xin lấy trang Bối Khê làm hộ nhai và cho miễn binh lương tạp dịch, vì Bối Khê là nơi vạn niên hương hồn của ông. Nhà vua hạ chiếu ban cho như lời tâu của ông. Mục công về xã Bối Khê, nhân dân làm lễ chào mừng trọng thể. Mục công nghỉ tại Bối Khê, ra sức khuyến khích nông tang, làm điều lợi, bỏ điều hại, gắn bó lòng người

bằng nhân nghĩa, hun đúc phong tục bằng hòa mục, có công lớn với dân cho nên nam phụ lão ấu ở trang Bối Khê đều tâm phục. Một hôm Mục công cho mở yến tiệc mời nhân dân và phụ lão đến, nhân khi rượu say ông nói: "Ta với nhân dân thành tình xưa nghĩa cũ đâu phải một ngày, sao nỡ quên được. Nay ta có sáu nén vàng giao cho nhân dân tậu ao mua ruộng làm khoản chi về hương hoả sau này". Nhân dân rất cảm động, hứa sẽ thực hành mệnh lệnh không dám sai lời. Trong lúc yến ẩm vui vẻ, trời bỗng tối tăm, có đám mây vàng hiện lên như hình tấm lụa từ trời buông thông xuống như một đường lửa dài hàng vạn dặm, nhân dân sợ hãi không dám ngẩng mặt nhìn. Một lúc thì trời trở lại trong sáng, trông lên chỗ ngồi chẳng thấy Mục công đâu cả, mà chỉ thấy áo mũ trút lại thôi. Ngày ấy Mục công bảy mươi sáu tuổi, hóa ngày mồng Hai tháng Chạp năm Kỷ Dậu. Nhân dân làm lễ đem tất cả những áo mũ cân đai của ông để lại mai táng vào một khu. Nhà vua nghe tin ông hóa, bèn truy phong là Thượng đẳng tối linh tôn thần. Ban cho xã Bối Khê một trăm sáu chục quan tiền đồng để dựng miếu tại khu vực hành cung phụng sự. Sau này, Hùng Duệ Vương nghe theo lời khuyên của Sơn Thánh nhường ngôi cho Thục Phán, rồi Hùng Duệ Vương cùng Sơn Thánh đều hóa lên trời làm thần tiên trường sinh bất lão.

Dấu thiêng của Ý Mục oai linh Đại vương vô cùng hiển hách. Thời Lý Nam Đế, thiên hạ đại hạn, tám chín tháng không mưa, lúa má hoa màu khô héo, nhân dân đói khát, Nam Đế sai quân triều đi đảo vũ ở các đền miếu. Một hôm họ đến đảo vũ ở miếu ý Mục đại vương, trong khi đang hành lễ, bỗng thấy bốn phương trời mây đen mù mịt rồi đổ mưa đến ba thước nước. Quan triều tâu về triều đình, nhà vua gia phong là Hiển ứng Linh thông Quảng tế Đại vương. Trải qua Đinh, Lê, Lý, Trần... Đại vương đều có hiển linh giúp nước giữ dân, cầu mưa được mưa, cầu nắng được nắng, cho nên các đời đế vương đều có gia phong duệ hiệu để hương hoả dài lâu...

20. TRUYỆN TÂN VIÊN SƠN THÁNH

Đời Hùng Vương thứ 18, ở tỉnh Hưng Hóa, phủ Gia Hưng, huyện Thanh Sơn có động Lăng Xương⁽¹⁾. Động ấy là nơi gấm vóc trời Nam, non sông như bức họa đồ, cỏ cây rườm rà tươi tốt, báo kêu chim hót véo von, gác khói dài mây, lung linh lam chướng. Thật đúng là nơi đẹp đẽ nhất trời Nam!

Thời bấy giờ có ông Nguyễn Công Hạnh, tuổi đã bảy mươi, vợ là Đinh Thị Diên năm mươi tuổi, sinh sống ở đó. Ông bà tích đức tu nhân, khói hương không dứt, một đời phú quý phong lưu của cải dư thừa. Bỗng một ngày trông thấy trong động mây lành vương vấn, khí tốt rực rỡ, một con rồng vàng xuống lấy nước, phun sóng ngọc châu, đáy giếng cuộn lên mây mờ khí tốt, du dương khúc nhạc dậy đất trời. Được một lúc thì rồng cuỗi mây bay lên, biến mất. Gió nhẹ thổi, như nhắc bóng người Thái bà lên đến tắm gội trên hòn đá trắng ở bên bức tường bên giếng. Tự nhiên hương toả thơm tho ngào ngạt, khí tốt giăng đầy, như nước non trời dậy anh linh, sông biển chấp trùng khí tốt. (Thái bà) cảm thấy trong người phấn chấn lạ thường. Tự nhiên thấy mình như có mang thai. Mười bốn tháng sau, nhằm ngày tháng Giêng năm Đinh Tị khi bà đang ngồi bên hòn đá trắng, thấy mây lành quán quýt, khí tốt vấn vương, hào quang rực rỡ, thì cũng là lúc bà sinh hạ được một người con trai, thần sắc tuấn tú, khí mạo hiên ngang, cao lớn hơn người, vạm người mới có một. Được 100 ngày sau, đặt tên là Nguyễn Tuấn. Nghe chuyện lạ ấy, người lúc đó thơ rằng:

Lăng Xương cốt cách ngọc tinh thần

Bả thác long linh giáng hạ trần

Thái thủy hiệu vi thiên thượng mẫu

Cửu hoài hà nhược thế gian nhân.

Nghĩa là:

1. Nay thuộc xã Trung Nghĩa, huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Cốt cách người Lãng Xương, tinh thần như ngọc,

Nên được rồng thiêng giáng xuống hạ giới.

Ngay từ đầu đã được gọi là Mẹ trên trời

Nhưng mang thai lâu dài chẳng khác người ở thế gian.

Lại nói về đứa con trai, khi vừa tròn 6 tuổi thì cha mất. Thái bà theo lễ mà chôn cất. Năm lên 7 tuổi, mẹ con dắt nhau đến xứ Mang Bôi ở núi Thấu Lĩnh Ngọc Tản rồi ngụ cư ở đó, kết thân cùng với lão bà Ma Thị là Cao sơn Thần nữ. Được hai năm, nhớ phần mộ cũ [của cha] ở Lãng Xương, bèn trở về động cũ và đổi tên là Nguyễn Tùng. Năm 12 tuổi, đến theo học thầy Lý Đường tiên sinh, nguyện để tâm theo học. Tuy sống trong cảnh nghèo khổ mà vẫn vui vẻ tính trời, không hề thay đổi tâm tính. Ngày ngày hái lượm củi khô, một cây búa tiêu dao tìm kế sinh nhai. Đêm đêm bên án tuyết song huỳnh, đọc sách, rượu một bầu lấy làm thú vị. An bản lạc đạo, coi đó là chí lớn của mình. Tuy nhiên đôi khi vẫn xót thương vì nỗi cơ cầu, lo lắng về nỗi lao khổ của mẹ, thường ôm sách thở dài, gật lệ mà rằng: "Trông nom ta, để ra ta, nuôi ta! Con lo cho mẹ lắm, nhưng cứ dìu dắt nhau đi như thế này lấy gì để mà an ủi mẫu thân". Mấy năm sau, tìm đến Ngọc Tản Lĩnh Sơn, kêu than với bà Ma Thị rằng: "Ô hô! Ô hô! Vận trời tuần hoàn, việc người thường biến, trước đây ở quanh bên sơn động này, dần dần có thể vui vẻ hợp với cảnh nhàn. Giờ đây rừng khô kiệt củi, hết cái để nuôi mẹ, tình hiếu nghĩa biết sao đây. Con nguyện xin làm con nuôi lão bà, hằng ngày đi kiếm củi, để nuôi mẹ". Lão bà nghe lời than thở, liền đồng ý ngay. Nguyễn Tùng bèn dắt mẹ về ở cùng trên núi Tản Viên. Mới được hai năm thì Thái bà mất. Nguyễn Tùng theo lễ chôn cất. Sau lại cùng bà Ma Thị ở lại nơi đó. Rồi một ngày [Nguyễn Tùng] lên núi chặt một cây đại thụ cao, vội trở về trong động báo cho người lên núi đem về. Ngày hôm sau đến đó đã thấy cây gỗ, lá cành tốt tươi như cũ. Nguyễn Tùng cho là lạ, lại chặt một lần nữa, giả vờ trở về, rồi phục ở đó để ý xem xét. Nửa đêm, bỗng thấy một ông lão thân cao một trượng, râu tóc bạc

phơ, đầu đội mũ hoa, mình khoác áo gấm, lưng thắt đai vàng, chân xỏ hài mây, tay phải cầm gậy trúc, thông thả bước đi như phượng múa gấm hoa, rồng ngậm ngọc duẩn, nếu chẳng phải nơi vườn Kỳ Úc⁽¹⁾ thì cũng là vật báu nơi Lãng Uyển⁽²⁾. Đi sau ông lão là một hể đồng, tay cầm một cái chuông vàng, lắc lắc ba hồi. Ông lão miệng niệm thần chú, lấy gậy chỉ vào [chỗ cây đỗ]. Bỗng thấy một trận gió mát thổi tới, mây lành bằng lăng, khí thiêng núi rừng tụ về, đất trời biến hóa, trong chớp mắt, cây đỗ dựng lên, sống dậy.

Tuấn công trông thấy rõ ràng, lập tức chạy lại gốc cây, hai tay ôm lấy ông lão, hỏi rằng: "Cụ là người ở đâu tới đây, tên cụ là gì? Sao lại tiếc thương một cây cổ thụ mà để cho kẻ cô đơn đối rét này không được nhờ cậy". Ông lão nói: "Ta là Sơn Tinh đại thần, tên gọi Thái Bạch Thần Tinh Tử Vi Thiên Tướng, vâng lệnh Ngọc Hoàng xuống cai quản nhân gian. Nay đây chính là cây ngô đồng quý, giúp cho Thánh Đế ra đời, dựng lầu phượng trên nhân gian, chính nó là cây gỗ đứng đầu trong hàng thảo mộc ở núi Tản trời Nam này. Cho nên, ta ra tay bảo vệ cây quý, người sẽ thấy buổi thái bình vậy thôi". Nguyễn Tùng lay tạ, nói rằng: "Lời nói của Thiên Tướng sáng soi như kính như gương, đầu dám không nghe theo. Nhưng người đời như bụi trần, như khói bay⁽³⁾, ngắn ngủi như kiếp phù du, hữu hữu vô vô, sinh sinh, hóa hóa, cơ trời hóa khôn lường. Sự việc đổi thay không biết thế nào cả. Cả trời đất này cũng chung lý ấy. Nguyễn Tùng tôi, nay muốn được có gậy thần và lời chú để cứu sinh tử nhân gian, báo đáp ơn sâu của cha mẹ, được thoả chí mình". Ông lão nghe nói, biết là người đại hiếu phi thường. Tức khắc lấy cây

1, 2. Chỉ nơi ở của thần.

3. Nguyên văn: Trần ai dã mã. Thiên Tiêu Dao du, Trang Tử: "Dã mã già, Trần ai già" (Hơi đất xông lên chẳng? Hay là bụi trần?). Dã mã là thứ hơi đất ngoài đồng. Sách *Thích văn* cho rằng mùa xuân, hơi nước bốc lên trên mặt ao đầm; từ trên cao nhìn xuống thấy như bầy ngựa hoang, nên gọi là dã mã. Trần ai là bụi trần.

gậy và lời niệm chú giao cho, rồi lại dặn rằng: "Đầu trên có thể cứu sinh, đầu dưới có thể trừ tai họa, chỉ đất đất nứt, chỉ nước nước cạn, phép mầu linh nghiệm, cơ biến diệu huyền. Chỉ lên trời thì mây bạt sương tan, thấu tận cửu trùng. Hãy cẩn thận ! Hãy cẩn thận ! Không thể ! Không thể". Dặn xong ông lão cười mây bay lên biến mất. Nguyễn Tùng khi được cây gậy và lời niệm chú rất vui vẻ trở về động núi Tản Viên, bái tạ mẹ nuôi, đem hài cốt của mẹ [dể] về động cũ Lăng Xương. Từ đó, xưng làm Thần sư.

Một hôm [Thần sư] đi qua thôn Cốc, sách Thủ Pháp⁽¹⁾ bỗng thấy một đàn voi, hồ tính đến hơn năm trăm con, tập trung cả ở trên đường, ngáng trở người qua lại, làm muôn loài phải tẩu tán. Thần sư lấy gậy chỉ vào, tức thì hồ báo đều theo đầu gậy mà đi khỏi, do vậy đường đi mới thông suốt. Đến bên bờ sông, thấy nước trời một sắc, ráng sương mờ mịt, bến vắng sông im, thuyền không gác mái. Thần sư lấy gậy chỉ vào nước, tức thì mặt nước rẽ ra một lối, lòng sông không có đường đi mà bỗng trở nên có đường, qua sông mà như đi trên đất bằng vậy. Đến thôn Trung Độ, thuộc xã Ma Xá (còn gọi là bãi Trường Sa) bỗng thấy trẻ chăn trâu đang đánh một con rắn đen lớn, rồi đem vui đùa, Thần sư tự nhiên động lòng thương hại nói với lũ trẻ rằng: "Bọn mày chó có đùa nghịch như thế? Ta đang muốn mua con rắn này đây". Đám trẻ reo lên vui vẻ rồi đồng ý bán con rắn. Thần sư lấy 36 văn⁽²⁾ mua rắn. Rồi đem đến bãi Trường Sa miệng niệm thần chú, cầm gậy chỉ vào, lập tức con rắn sống lại trước đầu gậy. Rắn đen bái tạ Thần sư. Thần sư đứng trông thấy rắn đen truồn ra giữa sông, mặt nước rẽ ra một đường. Rắn đen về đến hồ Động Đình, mới biết là con trai của Long Vương. Bấy giờ Thần sư trở về động Lăng Xương.

Rắn đen về đến hồ Động Đình, đem hết mọi việc tâu với Đế

1. Nay là xóm Cốc, thôn Thủ Pháp, xã Minh Quang, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

2. Văn: Một đơn vị tiền Việt Nam xưa.

quân. Đế quân nhớ ơn công đức, lập tức sai Thái tử cùng Giao long Đô đốc đi đón Thần sư tại bản động. Thần sư bái tạ dương mẫu⁽¹⁾ xuống chơi dưới Long cung. Qua tường gấm, vượt cửa son thấy cửa ngọc cung châu tầng tầng lớp lớp hiện ra. Thần Côn, tướng Ngao hàng hàng lớp lớp sắp hàng. Binh lính cá, ba ba, cũng đứng châu hầu. Đế quân ngự ở chính giữa, thỉnh mời Thần sư vào ngồi ở bên hữu long sàng rồi nói: "Đông Cung Long Tinh là Thái tử của trẫm, hôm qua đi chơi chốn Dương Đài chẳng may gặp biến ở Trường Sa, may nhờ ngài cứu thoát, thật là ơn nghĩa vô cùng. Hôm nay mời ngài tới đây, muốn tỏ tác lòng báo đáp". Thần sư tâu rằng: "Thủy phủ dương gian, hai cõi khác nhau, Thái tử là Rồng nơi Thủy phủ sao có thể hiểu được. Nhà tôi vốn đời đời làm việc thiện, vả lại tôi lại được ban phép thần, buổi trước đi chơi, may mà cứu được, cũng là tự ở trong lòng. Đâu ngờ hôm nay được gần gũi dung nghi của bệ hạ, dám đâu mong được báo đền".

Hôm đó khắp Long cung mở tiệc lớn. Đồ đạc chạm rồng trái khắp, đuốc phụng sáng choang, bình hương trưng ngọc, vàng bạc mã não, phàm là những của quý vật lạ, không thể có được ở trần gian tất cả đều được bày ra la liệt trước mắt. Đế quân sai bày đại tiệc, thân mời Thần sư. Thần sư tâu rằng: "Người đời được gặp bệ hạ, thật việc hiếm có ở trên trần gian. Tôi hôm nay vượt sóng ba đào đến chốn này, bình sinh sao dám mơ tới. Đâu dám không uống say".

Yến tiệc xong, Đế quân lấy vàng bạc và báu vật ra lễ tạ Thần sư, Thần sư cố từ chối không nhận. Thái tử bảo riêng với Thần sư rằng: "Hôm nay được trông thấy mặt rồng, đúng là nghìn năm có một. Công đức của Thần sư như non như biển, của cải đều xem bằng một sợi tơ. Nay vua cho có một cuốn sách thần, bí pháp nhiệm mầu, thấu trời suốt đất chỉ trong một lời ước mà thôi. Thần sư muốn quyển sách ấy, tôi sẽ tâu riêng với Đế quân để xin được báo đáp". Thần sư nói: "Được".

1. Dương mẫu: Mẹ nuôi. Đây chỉ bà Ma Thị Cao sơn Thần nữ.

Bấy giờ, Thái tử tâu với Đế quân, Đế quân cảm công đức đó, mới lấy sách ước ấy trao cho Thần sư. Thần sư được sách, nói phải ra về, Thái tử đem binh mã tiễn đưa lên đến bờ sông rồi về. Thần sư nhân đó có bài thơ từ biệt:

*Bất vị tương phùng hữu thử sinh
Lai chi nghĩa dã, khứ chi tình
Dị ư Thửu Lĩnh huyền nhân vọng
Bất dĩ Long cung khách hành
Nhất tháp âm dương hoàn lưỡng lộ
Trùng thiên Vân Hán mộng tam canh
Quan hà nhất biệt song mâu ký
Hà xứ tương tư mịch cựu trình.*

Nghĩa là:

Chẳng dám nghĩ đây là cuộc gặp gỡ trong đời ta.
Khi đến thì vì nghĩa, khi đi thì vì tình.
Đứng trên núi Thửu Lĩnh ngóng trông thì dễ,
Hận rằng không thể xuống làm khách ở Long cung.
Âm dương đôi ngã, thôi biệt mãi,
Chập trùng Vân Hán, giấc mộng canh ba.
Quan hà một khi đã từ biệt nhau, đôi mắt lặng nhìn
nhau mãi.
Khi nhớ lại, biết đâu là con đường ta đã đi qua.

Lại nói chuyện Thần sư khi về đến động Lăng Xương, thăm núi Ngọc Tản, nói với Lão Bà⁽¹⁾ rằng: "Con từ thuở hàn vi ở với mẹ, đã lâu ngày rồi, công đức ấy lớn như trời vậy. Nuôi một bữa thì cũng báo đáp, huống chi là cái ơn cao dày này. Công đức lớn lao vậy, há con lại quên sao. Hôm nay con trở về đây nguyện đem thần pháp, gọi là một chút báo đáp công lao của mẹ". Thần

1. Lão Bà: Chỉ bà Ma Thị Cao sơn Thần nữ, mẹ nuôi của Thần sư.

sư lấy sách thần ra, ngẫm cầu trời đất ước nguyện. Tự nhiên thấy một trận gió mưa ập đến, sấm chớp đùng đùng dậy trời vang đất Bồng thấy vàng bạc châu báu rơi như mưa khắp mặt đất. Được nửa trống canh, bồng thấy vàng hàng trăm quan⁽¹⁾ từ trên trời rơi xuống. Thần sư lượm tất cả, đem vào dâng lên dương mẫu. Dương mẫu thấy tám lòng thành thật, đôn hậu ngẫm mừng muôn việc đã đủ, bèn đem mọi thứ ở rừng núi của mình trao lại cho Thần sư để sau khi trăm tuổi có nơi thờ phụng. Nhân đó lập một đạo chúc thư để đời đời được hưởng hoả phụng thờ nơi đền miếu. [Chúc thư viết]:

"Ma Thị Cao sơn Thần nữ ở xứ Mang Cốc, sách Thủ Pháp, huyện Thanh Sơn, phủ Gia Khánh⁽²⁾, đạo Hưng Hóa, nước Văn Lang lập chúc thư.

Do ở động này, giang sơn diên địa khe suối, miếu điện, cỏ cây rừng rú từ trước đến nay đều là của tôi. Nghĩ sau khi mình trăm tuổi thân nay về chốn Bồng Lai, hương hoả xuân thu lấy ai là người phò thác, việc trông nom thờ phụng gia tiên biết lấy ai là người nhờ cậy. Nay nay là năm Quý Dậu, tôi có người con nuôi ở động Lăng Xương cùng động, tên là Nguyễn Tùng từ nhỏ đã ở cùng, coi như con đẻ. "Nay Ma Thị tới tuổi đã ngoài 90, chỉ sợ mệnh trời, chưa biết là sớm hay chiều. Muốn kê khai ra đây mọi vật nhất nhất đều ghi rõ trong chúc thư, giao cho con nuôi tôi là Nguyễn Tùng nối tiếp Ma Thị tôi. Nguyễn Tùng phải tuân theo lệnh của ta coi giữ mọi vật ở trong núi, mãi mãi không được thay đổi, lưu truyền vạn đại để hưởng hoả phụng thờ. Trời đất thường đổi thay, xưa nay có luật lệ. Vậy lập một đạo chúc thư để lại cho con cháu noi theo mãi, cao rộng thế nào kê khai ra sau đây, rồi cứ theo thế mà sử dụng. Dân các xứ Cốc, sách Thủ Pháp ở núi Ngọc Tản, cộng 22 xóm⁽³⁾. Núi Ngọc Tản cao 112.300 trượng. Trong đó:

-
1. Quan: Một đơn vị tiền tệ thời xưa.
 2. Chính ra phải là Gia Hưng (bản chữ Hán viết nhầm).
 3. Nguyên bản viết theo âm Hán Việt đọc là Khuê, chính là để ghi âm QUÊ của tiếng Mường. QUÊ là một khu dân cư, tương đương với xóm của người Việt.

- Một đoạn thượng điện trên núi đến hạ điện, nay gọi là xứ Lăng Cốc, khe ngòi Bo tới sông lớn dài 300 trượng.

- Một đoạn từ đỉnh Mỏ Cò đến sông dài 300 trượng.

- Một đoạn từ Cây Đa đến ngòi Lỗ, cửa sông dài 300 trượng.

Một nghìn dặm từ xã Cẩm Đái, xứ Hàm Long 8.500 trượng.

Đông giáp huyện Minh Nghĩa (nay là huyện Tùng Thiện), huyện Thạch Thất. Nam giáp hai huyện Mỹ Lương, Phúc Lộc. Tây giáp huyện Thanh Sơn. Bắc giáp huyện Bất Bạt. Một ngôi đền hướng chính tây, tọa căn hướng khôn.⁽¹⁾

Lại có sông lớn, Tả Kiên Thần Nộn Sơn (giữ). Mé tây do Kỳ Sáo Thần Chấn Đông Long Đại vương (giữ). Tây bắc do Hậu Phi Cung Bạch y thần nữ Đại vương giữ. Gồm số ruộng tế điền cộng 378 mẫu 4 sào 1 thước 1 tấc tính từ sông Đà cho tới sông Lô, lấy Ngã Ba làm giới hạn, đông tây bốn phía như trong số ruộng đất ngòi sẵn có.

Năm Hùng Vương thứ 18, tháng 8, ngày 28, lập chúc thư.

Ma Thị Cao sơn Thần nữ ký".

Lập chúc thư xong, Thần sư bái tạ, sau cùng ở với lão bà.

Được hai năm, Ma Thị nằm bệnh gọi Thần sư lại đưa chúc thư, dặn rằng: "Sau khi Ma Thị chết đi, nên thiết lập một cỗ thọ đường⁽²⁾ đặt ở miếu thờ phụng để tỏ rõ đạo hiếu". Thần sư cúi đầu bái tạ, vâng mệnh.

Hôm đó, bà Ma Thị qua đời. Thần sư theo lễ chôn cất. Rồi thiết lập một cỗ thọ đường ở bên trái, bốn mùa hương khói thờ phụng không dứt. Đến nay hiện vẫn còn. Người đời sau có thơ rằng:

Hùng đồ thiệu tạo

Đế nghiệp trường miên

Du du thập bát

1. Hướng Đông Bắc - Tây Nam.

2. Cỗ thọ đường: Quan tài.

*Lịch lịch kỷ thiên niên
Thời hữu Tản Viên thánh
Nghĩa dưỡng Ma Thị tiên
Ma bà lâm mệnh một
Di chúc hữu thư truyền
Lập linh miếu vu sơn thượng
Lập thọ đường vu tả biên
Gia tư nhất niệm
Hiếu đạo chi toàn
Anh hùng siêu bách thế
Giang sơn tông nhất thiên
Thậm kỳ dã! Nhất môn mẫu tử
Khả ái tai ! Vạn cổ thần tiên.*

Dịch nghĩa:

Cơ đồ triều Hùng tạo dựng
Nghệp đế vương lâu dài
Mười tám đời đã trải
Mấy nghìn năm trôi qua
Bấy giờ có Thánh Tản
Mẹ nuôi là Ma Thị
Chẳng may ốm mất đi
Có di chúc truyền lại:
Lập đền thờ trên núi
Đặt thọ đường bên trái
Gia tư giao lại cả
Hiếu đạo biết vẹn toàn
Thật là bậc anh hùng, đời khó sánh kịp
Kể cả giang sơn suốt dưới gầm trời

Lạ thay! Mẹ con một nhà ấy

Đáng yêu thay! Thần tiên muôn đời.

Lại nói chuyện, bấy giờ là đời Hùng Vương thứ 18, Hùng Duệ Vương đang trị vì thiên hạ, đóng đô ở sông Bạch Hạc Việt Trì, đặt quốc hiệu là Văn Lang, lấy tên Kinh đô là Phong Châu.

Vua là bậc hùng tài đại lược, thiên tư thông minh đáng bậc Thánh trí. Trong chính tu văn đức, ngoài giữ việc biên cương để yên bình trong nước. Lại năng việc kính trời, thờ tiên tổ, cầu phúc, dưỡng dân. Trời ban phúc tốt lành xuống cho nước nhà, do đó càng thêm trọng các việc thờ phụng cầu đảo. Vua truyền cho các thần dân thiên hạ luôn luôn sửa sang miếu điện, nghi vệ trang nghiêm. Ngày ngày dâng cúng hương hoa tỏ lòng thành kính. Các quan sở tại ở các châu huyện đều đến các miếu điện mỗi tháng hai lần để châu, cầu mong bách thần phù hộ cho đất nước được thanh bình yên ấm. Duệ Vương thân hành đến các miếu điện ở hai núi Nghĩa Lĩnh, Ninh Hoài cùng các đền thiêng thờ các huân tướng, công thần khai quốc để tu tạo sửa sang. Một trời phong cảnh sáng trong tươi đẹp, bốn mặt lâu đài tráng lệ trời mây.

Thời vua đang trị vì, tuy có nhiều hoàng tử, nhưng đều đã về cõi tiên¹. Vua thường xa giá đến các cung điện ở Tam Đảo, Tản Viên dạo xem phong cảnh, chọn đất lành để lập miếu điện, lập đàn cầu tự. Nhưng vì lúc đó đã đến lúc cáo chung², cơ đồ nhà Hùng đã hết. Vua mộng thấy điềm lành có con rắn, sau sinh được hai nàng công chúa, đều dịu hiền đoan trang phong tư yếu điệu, khoẻ hạnh má đào, mười phần xuân sắc. Người con gái lớn tên là my châu Tiên Dung công chúa, đã gả cho Chử Đồng Tử, xã Đa Hòa, huyện Đông An, phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam. Người con gái thứ hai là my nương Ngọc Hoa công chúa, vẫn cung thiềm khóa kín, nhị ngọc còn phong, việc lương duyên

1. Ý nói các hoàng tử đều đã chết.

2. Ý nói cơ đồ nhà Hùng đã hết thời.

chưa định⁽¹⁾ cùng ai. Vua muốn cầu được người tài gả cho để truyền ngôi báu cho, bèn lập một ngôi lầu ở cửa thành Việt Trì, gọi là "Tuyển Tế Đãi Hiền lầu" (Lầu đón người hiền, chọn rể) để biển rằng: "Ngoạn nguyệt cầu hiền" (Ngắm trăng cầu hiền). Xuống chiếu truyền cho thân dân trăm họ, ai ai là kẻ thông minh nhân trí, đức độ tài ba có thể nhường ngôi được sẽ gả con gái cho.

Ngày hôm đó trên sông thuyền bè san sát, trước lầu xe ngựa dập dìu. Bút văn múa mà bóng rồng lay động, sao rơi xuống dòng sông lạnh lẽo. Trận võ bày mà hổ báo kinh hồn, sấm vang rền góc biển bao la. Muôn nhà cả nước, bốn biển anh hùng đều là kẻ được mặt này thì mất mặt khác, chẳng ai là toàn tài như ý muốn của nhà vua. Thơ *Đào yêu*⁽²⁾ chưa người đàn hát. Người đời bấy giờ có thơ rằng:

*Nhất trường gia quốc thôi tình động
Tứ hải anh hùng lão nhĩ ngưng
Bất thức Việt thành xuân toả thược
Vị thủy khai thủ, vị thủy phong.*

Nghĩa là:

Khắp nước vang dậy thúc giục lòng người
Anh hùng bốn bể đều ở trước mắt
Không biết cái khóa xuân của Việt Thành kia
Ai là người mở được, ai là người không mở được.

Bấy giờ, Sơn Thánh và Thủy Tinh ở Động Đình là bạn học⁽³⁾ của nhau, lại đều có nhiều phép thuật thông thiên, chưa kịp ứng tuyển. Ngày hôm sau, Sơn Tinh gửi cho Thủy Tinh một lá

1. Ý nói chưa gả cho ai, vẫn còn ở trong cung cấm.

2. *Đào yêu*: Tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, nói về việc người con gái đến tuổi lấy chồng.

3. Nguyên văn là "Sư hữu": Hai người bạn, vừa học thầy vừa học lẫn nhau.

thư rằng: "Người xưa nói: Giai nhân nan đắc⁽¹⁾ (người đẹp khó giành được) Dân ông gặp gỡ với người đẹp đã là khó, huống chi lại là lấy công chúa làm vợ. Ôi? Tôi với anh, âm dương hai đường khác nhau, mà tình đồng môn thì chỉ có một. Nay người con gái nhà vua ở chốn Dương Đài, sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành, chưa ai xứng tuyền. Bọn ta chẳng ngại đường xa mà tới, mối duyên này chẳng là bọn ta thì ai được nữa".

Thủy Tinh nhận được thư giải bày tâm sự của Sơn Thánh, bèn ngay hôm đó sửa sang hành trang tុ tập tướng sĩ kéo đến núi thiêng Ngọc Tản, gặp Sơn Thánh. Sơn hào hải vị đại yến tiệc được mở ra để mời khách. Tiệc tan, Sơn Thánh cùng Thủy Tinh tới kinh thành. Cung kính đến trước nhà vua tâu rằng: "Chúng thần tài hèn sức mọn, may được sinh ra ở đất nước của Quốc vương, trộm nghe Thánh thượng mở lâu thi tài kén rể, chúng thần đến muện, xin nhà vua cho thi tài, biết đâu may mà xứng với hịch chiêu hiền".

Nhà vua cả mừng liền đi xe mây đến huyện Bạch Hạc, ngự xem cuộc thi. Sơn Tinh ngồi ở đỉnh núi. Thủy Tinh trở về đáy sông. Chỉ trong khoảnh khắc bỗng thấy đỉnh núi gió mây kéo đến, mặt nước sóng dồn. Núi sóng âm âm tiếng sấm. Nước cuộn kinh nghê lạc phách, vạn dặm cuồng phong sóng dậy, Côn Ngạc cũng phải kinh hồn. Trùng trùng trắng đỏ, động địa kinh thiên, mông lung thiên địa. Thiên hình vạn trạng, xuất quỷ nhập thần, biến hóa u minh ai ai đều kinh sợ. Sơn Tinh bấy giờ tay trái cầm sách, tay phải cầm gậy, miệng niệm thần chú chỉ vào các thứ đó, tức thì lạ lùng thay mọi thứ trước đầu gậy đều bị quét sạch không. Bỗng thấy núi Ngũ Nhạc nổi lên trên mặt sông cao đến mấy vạn trượng, lừng lững đứng giữa trời đất. Thú chạy tới châu, chim về tụ họp. Lòng sông vang trống động, sóng cuộn cuộn nổi lên, vạn vật đắm chìm trong nước. Biến biến hóa

1. Lý Diên Niên, đời Hán có câu: "Khởi bất tri khuynh thành dữ khuynh quốc, giai nhân nan tái đắc" (Há không biết người đẹp nghiêng thành nghiêng nước. Nhưng người đẹp khó mà lại gặp được).

hóa, phép thần của hai người đều rất huyền diệu. Vua không biết sẽ gả con gái cho ai, ngay hôm đó xa giá hồi cung, nhà vua bèn cho gọi họ tới truyền rằng: "Trẫm chỉ có một người con gái yêu, những người đến trước đây chưa được người nào. Nay hai khanh đều là bậc anh hùng, đến nay trẫm cũng chưa biết gả con cho ai. Vậy thì ngày mai, ai là người mang sính lễ đến trước trẫm sẽ gả con gái cho".

Bấy giờ Thủy Tinh về hồ Động Đình, kiếm tìm các vật lạ, sách ước vì đã về tay Sơn Tinh, Sơn Tinh xuống lầu, lấy sách ước trong tay áo ra, ngoảnh lên trời đọc ngẫm câu chú, ước được các sính lễ. Bỗng thấy voi trắng chín ngà, vật lạ ngọc quý đều từ trên trời rơi xuống Sơn Tinh lượm lấy, đến nửa đêm thì lên đem các sính lễ tới cung vua. Nhà vua bèn gọi công chúa ra gả cho Sơn Tinh. Sơn Tinh làm lễ. Lễ xong bái tạ, đón vợ về động Lăng Xương núi Tản Viên.

Đến giờ Mão, ngày hôm sau, Thủy Tinh mang sính lễ đến. Nhà vua nói rằng: "Sơn Tinh đã đem sính lễ tới trước rồi. Trước đã có lời hẹn, nay biết làm sao được". Thủy Tinh vì vậy rất hối hận, trở về tâu với Đế quân xin binh mã để tiến đánh Sơn Tinh. Đế quân đồng ý. Ngày hôm ấy Thủy Tinh chỉnh đốn quân nhu, tụ họp các loài thủy tộc, bày trận hàng hàng, bày binh Côn Kinh vạn đội. Long chu đốc thúc ở giữa sông, ba ba, cõ vũ ở đây sông, hàng hàng thẳng tiến. Vừa đi được nửa đường. Sơn Thánh hay tin bến Thụy Thư, huyện Từ Liêm⁽¹⁾. Quân của Thủy Tinh không thể tiến được, bèn mở lối ngang sông từ Nhân Lý đến miền sơn cước Quảng Oai, cho tới tận trên cửa sông Hát ra sông Cái vào sông Đà để tập kích vào phía sau núi Tản Viên. Lại mở một ngách sông nữa từ phía tây sông Lãng tập kích vào mặt trước núi Tản Viên.

Bấy giờ Sơn Tinh phép thuật rất biến hóa sai gọi dân núi

1. Tên huyện, ngoại thành Hà Nội ngày nay.

chẽ trúc làm rào, rào ngăn thủy quân lại. Sau lại lệnh cho dân rằng: "Các người nếu thấy chúng đánh phá tới hàng rào, thì bắn và chém đi". Dân đều nghe theo lời, lát sau quân thủy tộc tiến đánh tới đều bắn và chém đi. Lúc đó các loài Kinh, Nghê đều dạt vào các hang hốc bên bờ sông. Thủy Tinh cảm phần oán hờn, cho nên đến nay vẫn hàng năm vào tháng 8 thường dâng nước lũ đánh dân ở vùng núi, cuốn theo gió bão, mưa độc để hại. Nhưng vì Sơn Tinh có một cuốn sách thần. Lại có bí quyết thần linh cho nên Thủy Tinh không làm hại dân được. Người thời bấy giờ có thơ rằng:

Tương tranh hà sự Thủy Tinh thần

Dục bả thi hoài giác hậu nhân

Ái hải kính huyền song nhĩn ký

Dục tình ba động bán thu phân

Thần thư vị túc thường tiên trái

Hồng phấn hà kham đấu túc nhĩn

Thử nhật Trường Sa như bát ngọ

Sắc không dục vấn Thủy Tinh quân.

Nghĩa là:

Cớ sao thần Thủy Tinh lại đi tranh với Sơn Tinh

Vậy muốn làm bài thơ để cho người đời sau biết.

Vì bể ái mà đôi mắt trừng trừng như gương treo ghi lại,

Bởi lòng dục mà sóng nước lại sôi động mỗi khi giữa thu.

Sách thần chưa đủ để trả món nợ xưa.

Sao vì một người con gái mà dấy lên chuyện giao tranh?

Nếu như ngày ấy không được Sơn Thánh cứu mạng ở

Trường Sa.

Vậy muốn hỏi Thủy Tinh về lẽ "sắc, không"?

Bấy giờ Hùng Duệ Vương đang trị nước, bốn biển thanh bình. cha ông và cháu con đều đã ra đi cả, giang sơn từ cửa

Thần Phù¹ đến Yên Tử² lững lờ mây trắng vùng hồng. Gió trắng rơi Hoa Quật Long Biên trên dưới trập trùng nước non xanh biếc.

Sơn Tinh bấy giờ dạo chơi, ngồi khe thưởng ngoạn cái thú của nhà chài, qua các xã Tam Vật, Cổ Đằng ở huyện Tùng Thiện, ngắm non sông thanh tú, thiết lập thành hành cung³. Nay là Trung (chấn cung) điện. Lại tuần du ở chín xã Thụy Phiêu, Tam Sơn, Lễ Tuyền, Nhân Lý, Văn Khê, Xuân Khanh, Cam Đà, An Phúc, Sơn Tùng. Cao Thuận huyện Phúc Thọ⁴. Lập Nam (Thần) cung tại cửa khẩu cửa 12 khe ngòi. Lại đi săn bắn ở xã An Diệu, huyện Mỹ Lương⁵, lập cung điện Mang Sơn⁶ để lại ruộng tế điền 72 mẫu ở xã An Diệu ngày nay. Và 200 mẫu, nay thuộc xã Triều Đông, cho dân Tào lệ⁷ để hương hoả lâu dài về sau. Đến khi về đến động cũ Lãng Xương núi Tản Viên để làm ruộng đất làm ăn. Ba ngọn núi cao vạn nhĩ⁸, cảnh quan u sảng hùng vĩ không thể nào nói hết được, lại thêm dân cư đông đúc trù phú, phong tục thuần hậu, trong lòng rất yêu quý họ bèn dựng một cung điện ở trên đỉnh núi thuộc đất 22 xóm của sách Thủ Pháp. Nay Thượng điện tọa cán hướng khôn⁹ làm chính điện. Cung trung và cung hạ là nơi cầu đảo. Đông cung là nơi nghe tâu bày các việc.

Đến năm Ất Mùi, năm Hùng Duệ Vương thứ 150, vua Thục ngó thấy Duệ Vương tuổi cao, mà 20 hoàng tử đều đã về cõi tiên, không người nối ngôi báu, thừa cơ động binh tiến đánh

-
1. Tên một cửa biển thuộc tỉnh Nghệ An ngày nay.
 2. Tên một địa danh ở tỉnh Quảng Ninh ngày nay.
 3. Hành cung: Cung điện dựng để nghỉ ngơi lúc đi chơi.
 4. Nay là các xã, thôn thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.
 5. Nay thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
 6. Nay không còn, chỉ còn lại một tấm bia.
 7. Dân đinh chuyên phục vụ cho các bậc vương bá và các quan.
 8. Nhĩ: Một đơn vị đo chiều cao ngày xưa.
 9. Lưng quay về phía Đông Bắc, mặt trông về phía Tây Nam.

Duệ Vương để cướp nước ta. Vua bèn cùng các quan trong triều bàn hợp. Trong triều có Liêu công bước lên tâu rằng: "Bệ hạ vâng mệnh trời, vua tôi hòa hợp, yên vui vô sự đã lâu dài, binh lính chưa tỉnh, nay nếu động binh ngay, dựa vào quân dân xã tắc nếu đánh dẹp được thì việc phụng thờ tổ tiên chẳng phải lo gì. Chẳng may giặc mạnh, thế cường không phá được thì tổ tông và dân chúng biết trông vào đâu. Chẳng bằng có mưu kế thận trọng lên hồi lộ cho tướng giặc giả đưa thư của địch chúa cho để xem ý tứ, cho binh lính tập dượt, thừa cơ sau mới đánh được". Vua nghe tâu, cũng muốn toan dùng kế đó, bèn gọi Thánh Tản Viên hỏi rằng: "Có được không". Thánh Tản Viên tâu rằng: "Hơn 200 năm nay 17 đời trị nước, ân trạch sâu dày đã thấm vào cốt tủy của nhân dân, mà quốc gia đã dài lâu, lòng nhân nghĩa và uy đức đã trùm lên bốn biển. Vậy mà quân Thục không tự giữ gìn, dám thừa cơ để dòm ngó thì rồi chúng sẽ xem. Nếu như một ngày kia, bệ hạ kể tội và đem quân đi trừng phạt, lấy nghĩa mà khuất phục thì muôn dân ta đều về với bệ hạ mà không theo giặc thì lo gì không dẹp được. Thần xin bệ hạ cho 3 vạn hùng binh ra nơi biên giới, nơi chiến địa rồi vào đất Thục một mình một xe, thì có thể dẹp yên được giặc Thục".

Nhà vua cả mừng bèn ngay hôm đó trai giới⁽¹⁾ lập đàn làm lễ tế cáo trời đất, lấy Kim Quang thần nỏ trao cho Sơn Thánh giữ và nói rằng: "Việc binh quý ở sự thần tốc, tướng quân dùng cái này mà bắn đi thì như được thần giúp sức vậy". Lại vào tế cáo ở Thái miếu⁽²⁾, vua ngoảnh mặt về phía Tây, tướng⁽³⁾ đứng ngoảnh mặt về phía Nam. Vua tự cưỡi lười Việt⁽⁴⁾, cầm đằng cán đưa cho tướng nắm đằng lười và nói rằng: "Từ chỗ này trở xuống, tới

-
1. Trai giới: Xưa khi muốn cầu nguyện thần linh điều gì thì trước 3 ngày ăn đồ chay, gọi là trai. Bảy ngày hết sức kính cần gọi là giới. Gọi là "traï giới" chỉ việc giữ gìn việc tế lễ.
 2. Thái miếu: Tổ miếu của nhà vua.
 3. Ở đây chỉ Thánh Tản.
 4. Lười Việt: Là cái búa lớn dùng để trị kẻ có tội.

khắp sông biển là thuộc quyền cai quản của tướng quân". Sơn Thánh bái tạ, vâng lệnh rồi hiên ngang hùng dũng kéo quân ra đi. Duệ Vương có làm bài thơ úy lạo⁽¹⁾ rằng:

*Mã đồ khinh sử phong khinh lực
Hổ tướng hưu hiềm tuyết sáu nhan
Thiên lý trì khu thiên lý mộng
Nhất trùng ly biệt, nhất trùng san
Kiếm cung tự cổ anh hùng sự
Đản liễu gian nan bất dạ hàn.*

Nghĩa là:

Hàng hàng binh lính ra khỏi cửa khuyết
Ba quân một lòng chẳng vấn vương
Vó ngựa phi như cơn gió lướt
Tướng hổ quân gì gọi tuyết sương
Nghìn dặm rong ruổi như trong mộng
Qua mỗi ngọn núi là thêm một cách biệt
Từ xưa việc kiếm cung là việc của kẻ anh hùng
Gánh vác việc gian nan, không hề ngại đêm khuya
gió lạnh.

Lại nói chuyện, bấy giờ quân Thục đã tiến vào tới núi Quỳnh Nhai (nay thuộc địa phận phủ An Tây). Tản Viên Sơn Thánh tiến binh tới Mộc Châu, rung chuông âm i để dân trấn, trú quân ở đó. Lại hịch cho các phiên thần⁽²⁾ tụ tập binh lính, tùy nơi mà ứng chiến. Bấy giờ Tản Viên Sơn Thánh hạ lệnh tuyển 20 vạn quân để vào đất Thục, rồi giả vờ thua chạy lui quân về phục binh ở núi Thiên Oan cho đến Mộc Châu. Tản Viên Sơn Thánh ngồi chễm chệ ở trên núi vùng Mộc Châu lấy

1. Úy lạo: Lời nói khích lệ

2. Phiên thần: Các tướng được giao cai trị ở các vùng biên giới.

sách thần ra để niệm chú và ước. Bỗng nhiên trên trời một vị thần tướng lao xuống, thân dài 9 trượng, tay cầm một ống tiêu dài 3 trượng, rộng 5 thước hình giống vỏ ốc, đứng trên đỉnh ở núi Tản Viên, thổi lên một hồi thì gió nổi, sấm dậy, sương dạt mây bay, bể cây tốc gió, bụi tung mù mịt, đất trời tối sầm. Quân Thục tán loạn rồi bỏ chạy tứ phía. Tản Viên Sơn Thánh bèn cho nổi trống rồi lấy nổ thần bắn hơn 100 phát. Thế là quân mai phục bốn phía vây chặt, chém hết sạch 30 vạn đầu giặc, không thoát một tên, không lọt một ngựa. Thần tướng tự nhiên cười mây bay lên không trung biến mất. Tản Viên Sơn Thánh truyền cho các tướng họp quân rồi dâng biểu tâu báo tin thắng trận với Hùng Duệ Vương. Vua bèn xuống chiếu vời về. Sơn Thánh vâng mệnh trở về, bái tạ Duệ Vương. Duệ Vương phong tặng Sơn Thánh làm Thượng đẳng thần và Ngự chế làm một bài thơ úy lạo rằng:

*Quả nhân bất bị viễn phương nhân
Nghĩa cử lao phiền ngọc tướng quân
Vạn lý tinh kỳ cần nãi lực
Trùng thiên phong vũ đã chinh cân
Quả nhiên xích kiếm thôi Man khấu
Trực bả liên thành hiến quốc quân
Thiên cổ dĩ tiền thiên cổ hậu
Gia nhi tử dã, quốc nhi thần.*

Nghĩa là:

Quả nhân⁽¹⁾ chẳng phòng bị kẻ phương xa
Vì nghĩa cử, làm mệt nhọc tới ngọc thể tướng quân.
Vạn dặm cờ xí bay, dốc hết sức lực.
Đây trời gió táp mưa sa quất vào vành khăn người
chiến sĩ.

1. Quả nhân: Tiếng vua tự khiêm tốn xưng với thần dân.

Quả nhiên thuốc kiếm đuổi sạch quân thù,
Nhanh chóng lấy lại thành dăng cho vua.
Nghìn năm về trước, nghìn năm về sau,
Xứng đáng là con của nhà, là bề tôi của nước.

Lại nói chuyện, được hai năm sau, quân Thục nuôi lòng căm phẫn, lại cử binh phục thù, cầu viện những nước láng giềng, dốc hết quân giỏi trăm vạn, cùng ngựa tốt, chia làm 5 đạo. Cánh quân chính 30 vạn, 5000 ngựa tiến thẳng theo đường núi Quỳnh Nhai, Thập Châu. Cánh quân tả (bên trái) 10 vạn quân, 1000 ngựa theo đường châu Đại Man mà tiến. Một cánh quân giữa, 10 vạn quân theo hướng của biển Hội Thống, châu Hoan⁽¹⁾. Thủy bộ cùng tiến, thuyền ngựa song hành. Vua Hùng rất lấy làm lo lắng, triệu các đình thần⁽²⁾ lại để hỏi. Tất cả đều ngơ ngác nhìn nhau không nói, không có kế nhỏ nào có thể thi hành được. Tản Viên Sơn Thánh quỳ xuống tâu rằng: "Trước kia, Thục chúa hùng hổ coi thường uy trời, một lần ra quân là đã dẹp tan. May được ơn trời rộng mở cho chúng được thoát cảnh nước mất nhà tan⁽³⁾, nay lại không biết hồi, muốn mưu đồ phản nghịch, khác nào châu chấu đá xe, lông tơ trên lò lửa. Bệ hạ sao lại phải lo lắng. Nắm giữ việc binh, thần xin nhận lấy".

Duệ Vương tươi tỉnh lại ngay nói rằng: "Mưu kế giữ nước, khanh tính thế nào?". Sơn Thánh tâu: "Cái sự quyền biến không thể tính trước được, thần xin được có 50 vạn quân tinh nhuệ, thiên hạ của hoàng thượng vài ngày sẽ yên định". Vua bằng lòng. Sơn Thánh bèn đem 10 vạn quân, mấy trăm ngựa theo đường chính Thập Châu, cứ thủ ở đó, đào hào sâu, đắp lũy cao, chưa vội giao chiến. Mặt sai Dưng mãnh Nguyên soái Tổng đốc Đại vương đem ba vạn quân tinh nhuệ theo đường bên phía trái

1. Châu Hoan: Nay thuộc Nghệ An, Hà Tĩnh.

2. Đình thần: Các quan trong triều.

3. Chỗ này dịch thoát ý, nguyên văn là "Quả khuynh noãn phá" (nghĩa là quả nát, trứng tan vỡ)

châu Văn Lan để ứng chiến với cánh quân tả của Thục. Lại sai Quý Tướng hiệu Long linh Thần quan Phò quốc thượng Đại tướng quân (không biết tên là gì) đưa 3 vạn binh mã theo đường bên phải châu Đại Man, lập một đồn giả để ứng chiến với cánh hữu của quân Thục. Lại sai Phò [quốc] Ma Vương Đại Thần anh linh Nhất hạng Hào kiệt Đại tướng quân, đưa 3 vạn quân gồm hơn 2.000 chiếc thuyền mũi để ứng chiến với cánh quân thủy của Thục ở cửa biển Hội Thống, châu Hoan và cai quản luôn một mặt châu Ái⁽¹⁾. [Sau lại sai] Đại Thần Cơ Hồ Ma Vương Dũng mãnh Anh đô thượng đại ngang tàng chi Đại tướng quân, đem 3 vạn quân, tùy địa thế mà ứng chiến. Sơn Thánh cầm một cánh quân theo đường núi Thập Châu⁽²⁾, đại phá một trận, thu được cờ trận có in ấn tín của giặc. Sơn Thánh bèn giả vua Thục để đưa cho tướng Thục, nói rằng: "Nước Văn Lang, triều Hùng có 10 thần tướng, nay các người vâng lệnh đi chinh phạt nước họ. Việc binh quý ở sự cẩn trọng, chớ nên khinh động, đợi khi nào được chiếu thư của ta báo tới, mới có thể đánh được, thì sẽ thắng". Viết xong, nặn giả ấn tín của giặc đóng vào trong lá thư, sai người ăn mặc như bên giặc xưng là sứ nước Thục, phi ngựa tới trại cánh quân chính của giặc, chuyển thư cho tướng Thục. Tướng Thục nhận được thư, ra sức cố thủ. Cánh quân tả, hữu thấy có biến không thể cấp báo về được. Sơn Thánh bèn tiến binh, mười ngày đi được hơn 50 dặm, thẳng tới nước Thục, dàn binh tập kích. Thục chúa không ngừng xin cứu viện. Sơn Thánh niệm thần chú, lấy gậy thần chỉ vào, đại phá tướng địch ở cánh quân chính, bắt sống được toàn bộ. Ba cánh quân thủy bộ tự nhiên tán loạn hết cả. Bấy giờ Sơn Thánh chiến thắng trở về, đem theo tù binh đưa về kinh đô báo tin thắng trận. Từ đó thiên hạ thái bình, quốc gia vô sự. Hùng Duệ Vương bèn nhường ngôi cho Sơn Thánh. Sơn Thánh không nhận, tâu rằng: "Cơ đồ 18 đời vua Hùng hưởng ngôi lâu nay, thiết tưởng lòng trời có hạn, để

1. Châu Ái: Nay là tỉnh Thanh Hóa.

2. Chưa rõ nay thuộc địa phận nào.

đến nỗi vua Thục gây hấn xâm chiếm nước ta. Vả lại vua Thục vốn là Bộ chúa Ai Lao, cũng là con cháu của các hoàng đế đời trước. Nghiệp đế vương an nguy, tất cả là do mệnh trời cả. Sao nhà vua lại riêng lo cho mảnh đất phương Nam mà cưỡng lại ý trời, tất sẽ dẫn tới chém giết lẫn nhau, để hại cho sinh linh sao?". Duệ Vương nói: "Lời nói của người có lý, ta đã biết rồi, vả lại đã từng nghe rằng: Thời bình coi trọng con trưởng, thời loạn thì coi trọng kẻ có công. Ngày trước, Thục Vương hùng hổ lấn lướt, trăm đã có người là vây cánh phò giúp, nhờ có oai phong lẫm liệt của thiên binh mà bọn giặc đều tan sạch, quốc gia thăng bình, nhân dân yên ổn, công lao của người xem ra chẳng là lớn lao sao? Hơn nữa, người đã là rể quý trong nhà, là danh thần trong nước, người mà ta tìm kiếm để nhường ngôi báu, gánh vác giang sơn, nếu chẳng phải là người thì còn là ai nữa? Người hãy nhận lấy, chớ việc khiêm nhường mà chối từ để khỏi phụ lòng cầu hiền của trăm".

Tản Viên Sơn Thánh không làm thế nào được mới đành tạm theo lệnh vua.

Bấy giờ, khi đang giúp vua trị nước, ở triều đình nhưng không dứt được cái chí dạo chơi nơi Bồng Hồ, Lãng Uyển⁽¹⁾. Châu báu ngọc ngà đều xem nhẹ như sợi tơ. Lánh tục, tìm nhân vốn là ý nguyện lúc bình sinh, chẳng thể thay đổi.

Được hai ba tháng sau, Tản Viên Sơn Thánh lại trả lại ngôi báu cho Duệ Vương, nói rằng: "Nghiệp bá vương thay đổi là chuyện thường xưa nay, mà họ Hùng đã trị vì được hơn 2.000 năm rồi; kể từ khi Thái tổ Thượng hoàng khai quốc, đều có con hiền cháu thánh, cha truyền con nối đến nay là 18 đời. Bệ hạ sinh được 12 hoàng tử⁽²⁾ đều đã phiêu thân nơi tiên giới, thoát cõi trần ai, không có người nào để truyền ngôi cả, xem đó cái cơ đồ họ Hùng đã mệt vận, vận nước sắp cáo chung. Lòng trời là

1. Chỉ nơi tiên ở.

2. Đúng ra là 20 hoàng tử. Đây, ở bản chữ Hán chép sai.

thế, không người tiếp tục, vậy nay biết làm sao. Mà thần thì là con rể của quốc vương, nhận chức trách lớn này đâu dám không một lần nhận lấy. Mong bệ hạ thư tâm tĩnh trí. Lại nghĩ thần ở ngôi báu chỉ sợ trái đạo trời, tránh được mối họa cho ức vạn năm sau". Sơn Thánh bèn trả lại ngôi báu cho Duệ Vương. Duệ Vương bằng lòng trở lại trông coi chính sự, cố đãi người tài để có thể nhường ngôi. Tản Viên Sơn Thánh bái tạ từ biệt. Phàm nơi nào dưới gầm trời bao la, không nơi nào là không để dấu chân. Cuối gió khiến mây dạo xem sông nước, ngồi xe mây dạo khắp chốn trần gian. Có khi gảy đàn múa sáo, thi - thư - thơ đối đáp khắp đất trời. Nhạc phượng ca loan thanh sắc tựa thú chơi tiên cảnh. Một lá thơ đề chủ trương phong nguyệt, chèo thuyền tìm dấu tiên xưa. Đôi mắt chăm chăm lặng nhìn ráng khói, dạo gót xe mây theo lối cũ đi về. Non xanh nước biếc chứa đầy càn khôn; Nam Thánh Bắc Thần đi về mấy cõi.

Hàng năm, cứ vào ngày sóc, ngày vọng hằng tháng, tới phiên châu cửa khuyết, tiến dâng đại lễ. Sơn Thánh đều trở về châu, chưa từng vắng mặt. Tan châu lại theo lối cũ ghé bước nhàn du, được hơn 10 năm thì dứt mùi tục lụy.

Bấy giờ, vào ngày rằm tháng Giêng năm Mậu Thân, bỗng thấy vua Thục sai đem 100 cái hốt vàng, 100 thước gấm thêu rồng đến làm lễ, dâng thư cầu hòa Duệ Vương. Thư viết rằng: "Quận chúa Ai Lao, thần là Thục, vâng mệnh trời chúa tể một phương. Ngày trước dám ngông cuồng, chưa trọn lễ nghĩa bề tôi, dám lằng mạ bề trên, thật là tội chết có thừa, mà quốc gia vẹn toàn thực là con cháu của nhà Hùng mở cơ đồ, sáng nghiệp đế, nối dài công đức tổ tông. Vì nước, vì nhà may mừng con cháu một phương xây dựng nghiệp lớn mới được như thế này. Nay nghĩ, người vốn có gốc ở tổ tông, mọi vật vốn có gốc ở trời, chúng thần chịu nhiều ân đức, chẳng biết lấy gì để an ủi tổ phụ tiên phi nơi miếu thiêng hay dưới suối vàng. Chúng thần thương nhớ tới ân tình mưa móc càng thêm phần thâm cảm. Bởi vậy chẳng ngại lời quả trách, mạo muội trông ngóng sự uy nghiêm, xin được vua xét tình xưa mà nghĩ tới nước Thục, cho được giảng

hòa cầu thân, theo lễ triều cống. May mà được tẩm gội ân vua thì thật không phụ chí nguyện suốt đời của kẻ là con cháu này".

Ngày hôm đó, Sơn Thánh vừa đến châu ở chính điện. Duệ Vương xem thư ấy, nhân chuyện đó đem hỏi Sơn Thánh rằng: "Thục Vương vốn là con cháu tông phái các triều trước, khi xưa có nổi dậy hung hân dám đến xâm lược nước ta, may nhờ lòng trời còn đó nên cơ đồ triều ta chưa mất. Hôm nay Thục Vương lại xin được cầu hòa, mong Tướng quân hãy xét kỹ xem sao, rồi nói lại với Trẫm". Sơn Thánh tâu rằng: "Thục Vương đã là con cháu của các tiên đế, chúa tể một phương. Ngày trước muốn xâm chiếm nước ta, làm phiền lòng bệ hạ, cũng là bởi lòng trời muốn cơ đồ 18 đời triều Hùng ta một phen điều đứng. Bệ hạ sao lại còn chứa chất nổi căm hờn. Hôm nay, họ cầu hòa thì là biết tiến thoái. Thục chúa cũng là vua hiền đấy! Chẳng bằng bệ hạ hãy mở lượng bao dung cho hòa thân. Đấy chính là cái đức của bệ hạ! Vả lại nhà Hùng đã mệt vận, ý trời đã vậy. Nhân đó ta vởi về, nhường ngôi cho. Đấy là sự Thánh trí của bệ hạ! Sau rồi, bệ hạ cùng thân, đã có phép thuật thần tiên, chẳng bằng rong ruổi cõi trần, một kiếp nơi Lãng Uyển, Bồng Hồ, giữ mãi tháng năm xuân sắc. Lâu rồi gác phượng chẳng nhiễm bụi trần. Nước biếc non xanh miên man thưởng ngoạn. Thật là sáng suốt thay, bậc quân tử! Đó chẳng là vui sao? Bệ hạ nghe kế đó của thần, hãy nhanh quyết đoán, việc chớ chần chừ".

Bấy giờ Hùng Duệ Vương nói rằng: "Hay lắm! Hay lắm! Trẫm sẽ theo kế đó". Bèn sai đưa trả hết binh mã, gọi Thục chúa tới nhường ngôi cho. Thục chúa bái tạ. Nhân đó Duệ Vương ban cho Thục chúa một cái nỏ thần. Vua bèn trở lại núi Nghĩa Lĩnh hẹn với Sơn Thánh cùng vào cõi hóa sinh bất diệt.

Một ngày, Hùng Duệ Vương ngự bút làm một bài thơ rằng:

Tiên bồng động thảo thanh xuân cữu,

Vương bá cung đài lục thụ tân.

Hồi thủ thế gian đa thiếu sự,

Dữ thiên hà khổ giác phong trần.

Nghĩa là:

Nơi tiên bồng, động cỏ giữ mãi vẻ thanh xuân xưa,
Cung điện bậc vương bá cây cỏ đã xanh sắc mới.
Ngóng lại thế gian biết bao nhiêu chuyện.
Nơi trần gian kia so với trời đâu khổ hơn?

Ngâm xong, Duệ Vương và Sơn Thánh cùng Ngọc Hoa công chúa bay lên trời, hóa thân vào cõi hóa sinh bất diệt.

Thục Vương đã nhận ngôi báu, cảm động công đức ấy bèn xa giá đến núi Nghĩa Lĩnh, lập miếu điện để làm nơi quốc gia tế lễ. Lại dựng hai phiến đá làm trụ cột ở trong núi, chỉ lên trời, thề rằng: "Xin thế nguyên có trời cao lồng lộng chứng giám anh minh, thần là Thục An Dương Vương nhận lấy cơ đồ nhà Hùng này, nối nghiệp chính thống, ân đức cao dày còn mãi với trời đất. Nay lập 100 ngôi đền để làm nơi vạn thuở thờ phụng khói hương không dứt, mãi mãi nghiêm trang. Nếu như các đời vua sau kế trị, ai người trái với mình ước này thì đã có trời đất, núi sông chứng giám, kẻ đó đã phụ lời thề trên".

Nói xong, gửi ruộng tế điền tại các sách, động, trang, châu, phủ, huyện, cộng cả thảy 2 vạn 70 mẫu để làm việc khói nhang thờ phụng ở các điện Thượng, Trung, Hạ muôn đời về sau.

Trải Đinh, Lê, Lý, Trần các bậc bá vương lần lượt đổi thay. Sơn Thánh đều dùng phép thuật thần tiên, có khi biến hiện thân mình, có khi cảm thông với người cầu ứng. Giúp nước cứu dân có công để đời. Trải các triều đều chuẩn y cung điện cùng bản xã làm dân Tào lệ, Hộ nhì⁽¹⁾, tô thuế cùng khắp nước, vạn thuở còn truyền. Phúc đức thay!

21. SƠN TINH ĐÁNH GIẶC

Vào thời Hùng Vương thứ 18, Thục Phán là một thủ lĩnh

1. Hộ nhì: Dân được miễn sưu dịch để trông nom đền chùa.

người Âu Việt ở miền núi nước Văn Lang lúc đó thấy Hùng Duệ Vương tuổi đã cao mà các quan lang đều lần lượt qua đời, nguy cơ không có người nối dõi. Lúc đó chỉ còn Sơn Tinh là hùng mạnh và có thể được lên ngôi, dù rằng chàng chỉ là rể. Vua Thục bèn vội vàng tập trung binh mã chia quân làm 5 đạo ào ạt từ miền núi tiến vào đất Văn Lang. Nhiều đồn lũy của vua Hùng nơi biên ải chống cự không nổi, lần lượt tan vỡ.

Vua Hùng vô cùng lo sợ, liền cho mời Đại Hải, cùng các lạc hầu, lạc tướng đến họp bàn mưu kế chống giặc.

Lúc đó có Liêu công là một quân sư già đến tâu rằng: "Quân Thục tràn sang nước ta còn đang khí thế, quân vừa đông vừa thiện chiến. Nay ta mang quân ra cự chẳng khác gì như đâm đầu vào lửa. Chi bằng ta hãy giữ đất, dùng mưu cùng địch cầu hòa, rồi cho gọi Sơn Tinh và người tài giỏi khắp nơi về luyện tập quân sĩ. Sau đó ta mang quân đi phá, giặc tất thua to". Vua Hùng vừa ý, liền cho triệu Sơn Tinh về. Vừa đến Phong Châu, chàng rể đã vội vàng ra mắt vua cha: "Nay quân Thục mới sang, mọi nơi đều lạ, quân lính huyênh hoang, chưa biết đề phòng, nhân thời cơ này ta đem quân đánh thẳng vào đất Thục, lúc đó, kẻ địch sẽ hoang mang, lo chi chẳng thắng. Thần đây xin lĩnh mệnh của vua cha, đem quân đi đánh giặc".

Vua Hùng nghe xong cả mừng bèn triệu hồi quân sĩ, làm lễ ra quân, đem trao nỏ thần và trống đồng cho Sơn Tinh đi đánh Thục. Sơn Tinh cùng các tướng là Đại Hải, hai anh em ruột là Sùng công và Hiển công đem vài nghìn quân tiến theo sông Đà lên vùng sông Thao, dừng chân ở làng Cổ Tiết và Quang Húc để luyện binh và chiêu tập thêm người tài giỏi.

Được tin vua Hùng ra lời kêu gọi các anh hào đứng lên cứu nước, trai hùng từ các làng, các chạ nô nức kéo về xin được cùng Sơn Tinh đi đánh Thục.

Chẳng bao lâu dưới quyền Sơn Tinh đã có rất nhiều tráng, hiệp sĩ một lòng nguyện đi cứu nước cứu dân. Cao Sơn và Quý Minh người trang Thanh Uyên, cùng với Bạch Thạch người

Thượng Nông cùng với Hiễn công, Sùng công chiêu mộ hàng trăm người đem lương thực và khí giới về tụ hội ở Dị Nậu để chờ lệnh Sơn Tinh, rồi anh em Trần Giới. Trần Hà vốn người dưới nước cũng xin tình nguyện thống lĩnh thủy quân. Rồi ba anh em lốt rắn ở gần núi Hùng và cả Bảo công quê tận núi Sài vùng Quốc Oai cũng chiêu mộ được vài trăm quân mang đầy đủ khí giới, lương thực kéo về theo Sơn Tinh.

Đoàn quân của Sơn Tinh chẳng mấy chốc đã có hàng chục vạn người, rầm rộ tiến thẳng tới Mộc Châu. Đoàn người vừa mới tới núi Thanh Minh định đóng quân tạm nghỉ thì thấy quân Thục từ núi Quỳnh Nhai ồ ạt hò reo tiến đánh. Đại Hải mang quân ra nghênh chiến. Tiếng trống đồng vang lừng. Quân lính lao vào chém giết, thế trận hai bên quyết liệt. Thắng bại chưa phân. Trong khi đó, quân Thục mỗi ngày một đông. Nhưng quân của Sơn Tinh vẫn không hề nao núng.

Sơn Tinh ngồi trên núi Thanh Minh xem thế trận, dùng gậy thần chĩa thẳng lên trời, miệng đọc thần chú trong sách ước. Chợt có một vị thần mình cao 5 trượng hiện ra, tay cầm tiêu chế dài 30 trượng, hình tựa cái hoa, đứng trên đỉnh núi thổi một hồi làm cho gió lùa, bão táp, mây mưa đen kịt, đất lở trời long, cát đá bay tung, cứ nhè vào đầu quân Thục mà đánh, làm cho chúng chống đỡ không kịp, tan vỡ tứ tung. Sơn Tinh lại lấy nõ thần bắn ra mỗi phát trăm tên. Quân Thục chết quá nửa. Đánh xong thần tướng cười mây lên trời biến mất.

Trong khi ấy, đạo thủy quân của Trần Giới, Trần Hà cũng dồn thuyền tiến đánh thủy quân của Thục. Hai anh em Hiễn công và Sùng công ở hai bên bờ sông dùng nõ bắn xuống như mưa. Quân Thục chết hại nhiều vô kể: máu loang đỏ mặt nước, nhiều đoạn sông nghẽn chảy. Quân của Thục Phán thiệt mạng quá nhiều, biết rằng khó lòng cự được đã phải mở một đường máu ngược đường, rút quân về nước.

Toàn thắng, Sơn Tinh truyền lệnh thu quân và về báo tin chiến thắng với vua Hùng.

Được tin, vua Hùng vui sướng, mở tiệc khao quân và khen thưởng tướng sĩ. Đồng thời xuống lệnh cho mọi người không được chểnh mảng việc quân, cùng nhau bàn việc làm ăn và giữ nước.

22. SƠN TINH DẠY DÂN SĂN BẮT

Vào cuối thời Hùng Vương, dân chúng ở một số nơi phần nhiều vẫn còn bám rừng để sinh sống. Một lần, Tản Viên sơn thần đi tới rừng Măng (nay thuộc xã Sơn Động, huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây), thấy dân làng đuổi bắt thú rừng rất vất vả mà mãi vẫn không bắt được con nào, Tản Viên liền cho gọi mọi người đến và truyền bảo cách đan lưới làm bẫy để săn bắt. Dân làng học và làm theo. Quả nhiên, từ đó mọi người vừa ít tốn công lại săn bắt được nhiều. Cuộc sống mỗi ngày một sung túc. Về sau, dân làng trong vùng lập một ngôi đền để thờ Tản Viên tại rừng Măng (nay gọi là chùa Măng, thuộc xã Sơn Động).

Tương truyền, sau lần dạy dân cách săn thú, Thần còn thường xuyên quay lại săn bắn chim muông và vui thú với dân làng.

23. SƠN TINH LÀM LỬA

Tục truyền có lần Sơn Tinh đi thăm một số vùng xung quanh núi Ba Vì. Khi Sơn Tinh đi tới vùng Cẩm Đái (thuộc xã Cẩm Lĩnh - Ba Vì tỉnh Hà Tây) thì nơi này còn là đất hoang rậm, cây cối mọc thành rừng. Đêm nằm, Sơn Tinh nhìn thấy những bụi đang, nửa khô hanh gặp gió núi, cọ sát vào nhau mà tự bật ra lửa. Hôm sau, gặp một người thổ dân vùng này, Sơn Tinh cùng với ông già lấy hai ống đang già cọ sát vào nhau và lấy nắm bụi nhùi để châm lửa. Ngọn lửa bùng lên rồi lại tắt ngấm đi. Cụ già mừng quá, cúi đầu thôi. Nhưng vừa ghé miệng vào sát nắm bụi nhùi để thổi thì ngọn lửa bùng lên mau quá, làm cháy cả chòm râu của ông cụ. Từ đó về sau, con trai vùng

này đều không có râu và dân làng bắt đầu biết cách lấy lửa để sinh sống.

24. SƠN TINH CÙNG DÂN ĐÁNH CÁ

Sau khi đánh bại Thủy Tinh lại cùng dân làng làm chủ một vùng rộng lớn ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ với các triền sông lớn..., lúc rồi Sơn Tinh thường đi ngao du các vùng xung quanh núi Ba Vì vui chơi với dân và dạy dân cách làm ăn sinh sống. Một lần, đi đến các làng Đường Lâm và Trung Hưng (nay thuộc huyện Ba Vì), Sơn Tinh đã rủ dân làng ra đoạn sông từ Cầu Vang đến Mả Mang, dăng lưới đánh cá. Sơn Tinh kéo một mẻ lưới lên được rất nhiều cá. Sắp đưa vào bờ thì thấy một con nhảy ra ngoài; về đếm, thấy có chín mươi chín con cá quý. Về sau dân làng đã chọn khúc sông này để mở hội đánh cá hằng năm. Trong buổi đánh cá, mọi người cố đánh cho được chín mươi chín con để mang lên thờ Tản Viên.

Sau đó, Sơn Tinh còn sang đánh cá với phường Bằng Tạ (Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Tây ngày nay). Cá đánh được bao nhiêu Sơn Tinh cùng dân làng đều đem ra ngồi chung ăn uống. Vì thế sau này vào dịp thờ và tế lễ Sơn Tinh, mọi người đều phải làm gỏi cá để tế lễ và ăn trong bữa cỗ.

25. TẢN VIÊN ĐÓN VỢ

Tục truyền Ngọc Hoa mỹ nương sau khi lấy Sơn Tinh về núi Tản ở được ít lâu, nhân ngày tết đầu năm nàng xin phép về mừng tuổi bố mẹ và thăm hỏi anh em. Nàng được vua Hùng cho cùng lên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh dự lễ tế trời cầu cho năm mới mùa màng tốt tươi, người người khỏe mạnh. Lên núi Nghĩa, Ngọc Hoa được gặp các Lạc hầu, lạc tướng, các quan lang và mỹ nương được nghe hát và đánh trống đồng. Lâu trở về với bố mẹ, anh em Ngọc Hoa bịn rịn không muốn rời.

Tản Viên thấy nàng lâu không về liền trở lại thành Văn Lang đón. Nhưng không gặp vì khi đó Ngọc Hoa còn ở trên núi Nghĩa. Tản Viên phải lên tận nơi vừa để chúc mừng năm mới, vừa xin đón Ngọc Hoa về.

Nhớ bố, nhưng rất nể chồng, Ngọc Hoa đành xin phép Hùng Vương lên kiệu về với Tản Viên. Đến ngã ba đường rẽ đi thành Văn Lang và về núi Ngọc Hoa ngồi lại trên hòn đá không đi nữa. Tản Viên đỡ thế nào cũng không được, không biết làm thế nào liền vào trong thôn tìm hỏi dân làng giúp đỡ. Dân làng mừng rỡ, cùng bà con ra đón Ngọc Hoa. Bấy giờ mọi người bày ra các trò vui để Ngọc Hoa nguôi lòng. Dân làng tập tập, người khéo, mềm dẻo thì múa nhảy, người kể chuyện cười, các cô gái hát với trai làng. Ngọc Hoa vui vẻ cùng hát theo. Mọi người vui vẻ đưa kiệu đến rước Ngọc Hoa và Tản Viên ra bến nước xuống thuyền về núi Tản. Để cho My nương vui, quanh đám rước, dân làng làm các trò như gánh các bó lúa vừa chạy vừa reo rồi những người cầm cây bừa, dao cuốc thì vừa đi vừa lắc, giơ cao. Phần lớn là những thứ đã hư hỏng. Những người khéo nói thì kể chuyện cười; người đi săn, đánh cá cũng mang cả đồ nghề cùng đi theo. Ngọc Hoa thấy dân làng thịnh tình vui vẻ cũng quên nhỏ, lên kiệu đi cùng mọi người ra bến nước. Các cụ còn mang gà vịt buộc vào kiệu cho Ngọc Hoa để có thứ ăn đường.

Từ đó, hàng năm cứ ngày tết, Tản Viên lại đưa Ngọc Hoa về thăm Hùng Vương cho nàng đỡ nhớ. Đến sau này dân các làng Vi, Treo vẫn còn có tục rước chúa giai chúa gái và trò bách nghệ khôi hài, diễn lại sự tích đưa Ngọc Hoa về núi Tản¹. Các xã dọc

1. Hàng năm cứ đến 25 tháng chạp âm lịch, cả hai tầng cầu đều mở cửa đền Trung và Hạ (đền thờ Hùng Vương) xong về đình làng bàn chọn chúa gái. Chúa gái là những cô thiếu nữ tuổi từ 13 đến 16 chưa chồng, xinh đẹp, nhà sạch bụi. Cô nào được chọn làm chúa gái thì từ hôm đó được án mặc lồng lẩy phải ở trong buồng không được ra ngoài. Làng còn chọn từ 10 đến 12 cô gái cùng cùng lứa tuổi và chưa chồng, làm thần gái. Mọi sinh hoạt của bà chúa do làng cung cấp và các nữ tì hầu hạ.

sông Đà thuộc huyện Tam Thanh có rất nhiều đền thờ Tản Viên. Nhưng trong đền chỉ có long ngai mà không có bài vị vì chỉ là chỗ

26. SỰ TÍCH HAI ANH EM SINH ĐÔI CAO SƠN - QUÝ MINH

Theo sự tích, hai vị Phúc thần đẻ sinh đôi vào giờ Ngọ ngày mồng 9 tháng Giêng năm Nhâm Ngọ (đời Hùng Vương) tại động Lăng Xương, huyện Thanh Châu, đạo Sơn Tây. Bố là ông Nguyễn Tung, mẹ là bà Đầu Thị Dụ.

Hai vị Phúc thần văn võ toàn tài, sung làm chức Đô chỉ huy sứ tả hữu tướng quân, giữa đời vua Hùng Duệ Vương thứ 18.

Thời bấy giờ có Thục Phán mang mười vạn quân ở Ai Lao chia ra làm năm đạo tiến đánh nước Văn Lang. Một ngày năm lần vua Hùng Duệ Vương bắt được thư cáo cấp. Bèn mưu cùng Sơn Thánh Tản Viên là Nguyễn Tùng với hai vị (Cao Sơn và Quý Minh) sai đi tuần hành dải Lô giang. Khi hai ngài lĩnh binh đi tuần tiểu tới trang Tiên Á, đêm nằm mộng thấy một người tự xưng là Thần Bản cảnh tên gọi Út Sơn, xin âm phù để tông quân đánh giặc. Sau đánh phá được quân Thục ở núi Sóc Sơn. Nhà vua phong thực ấp ở phủ Phụng Thiên. Hai ngài thấy

Đến ngày 8 tháng Giêng, làng tế Hùng Vương, rước chúa gái từ nhà ra đình Hậu Lộc để chúa thay áo quần, rồi rước về đình làng. Khi rước, dân làng làm trò bách nghệ khôi hài cũng là trò trình nghệ. Mọi người rước những công cụ sản xuất nông nghiệp: cày bừa cũ, liềm hái, cần câu, lưới sắn, đục bào... vừa đi vừa hát, vừa nói chuyện, cười. Dân làng rước chúa gái ra đình rồi đến cầu Miếu và đặt lên máng nửa để Ngọc Hoa trôi theo dòng nước, lúc đó người nhà phải công cô gái đóng giả Ngọc Hoa về cho vào chuồng trâu có ý để cho Ngọc Hoa khỏi bắt mất vía cô gái.

Máng nửa thả trôi theo dòng nước là tưởng nhớ xưa Tản Viên đưa Ngọc Hoa về núi Tản.

đất Tiên Á có sơn, thủy hữu tình, bèn thiết lập một trang và sửa đình vũ thờ ông Út Sơn. Đến ngày 10 tháng 11 thiên khí mờ mịt, hai ông cùng hóa. Tướng sĩ làm biểu tấu, triều đình phong hai ông làm Thượng đẳng Phúc thần.

Đến đời vua Lê Đại Hành nhà Tiền Lê, niên hiệu Thiên Phúc, khảo khóa bách thần, thấy linh ứng lại phong ông Cao Sơn là: Hiển ứng Đại vương, tặng phong Phụ quốc Tá thánh Tối linh Đại vương Thượng đẳng thần.

Đến đời vua Lê Đại Hành nhà Tiền Lê, niên hiệu Thiên Phúc, khảo khóa bách thần, thấy linh ứng lại phong ông Cao Sơn là: Hiển ứng Đại vương, tặng phong Phụ quốc Tá thánh Tối linh Đại vương Thượng đẳng thần.

Phong ông Quý Minh đại vương tặng Phụ quốc Tá thánh Tối linh Đại vương Thượng đẳng thần.

Phong ông Út Sơn Linh tích Đại vương, tặng Tế thể Khang dân Phù hộ Đại vương.

Đời vua Trần Thái Tông, ông Quốc Tuấn cầu đảo bách thần, mang quân đánh giặc, ba vị (Cao Sơn, Quý Minh, Út Sơn) đều có hiển ứng âm phù. Khi bình giặc Ô Mã Nhi rồi, vua Trần Thái Tông phong ba vị đều là: Linh ứng Anh triết Hiển hựu Tri thuận Đại vương.

Thời vua Lê Lợi bình giặc Liễu Thăng rồi, phong ba vị đều là: Phổ tế Cương nghị Anh linh, sắc Tiên Á trang trùng tu miếu điện phụng tự.

Hoàng triều niên hiệu Cảnh Hưng gia phong ba vị đều là Diên hi Tích khánh...

27. SỰ TÍCH THÁNH TẢN VIÊN VÀ QUÝ MINH

Tục truyền, thời bấy giờ ở phủ Ải châu, huyện Xương Giang, xã Lương Xuyên có một ông Chưởng bộ tên là Lý Công Hiễn, lấy mẹ đức thánh là Đinh Thị Huyền ở đạo Sơn Tây, xứ

Hung Hóa, phủ Gia Hưng, huyện Thanh Châu, động Lăng Xương, là con gái thứ hai ông Chuồng bộ nhà Đinh. Bố ngài đã ngoài sáu mươi tuổi, mẹ ngài bốn mươi tám tuổi chưa có con gái, lên chùa Lan Bồ làm lễ cầu tự, trở về có thai 13 tháng. Đến năm Mậu Thìn tháng 2, ngày 10, sinh ra ngài, tay dài quá gối, chân có bảy cái lông dài. Bố mẹ ngài đặt tên ngài là Chung công. Đầy năm thì ngài biết nói. Đến năm ngài lên 3 tuổi đã biết âm luật. Đến năm ngài lên 7 tuổi thì đi học, được 8 tháng thì ngài thông hiểu cả văn võ. Đến năm 12 tuổi bố ngài chết. Đến năm 14 tuổi, mẹ ngài chết. Khi ấy ở Ái châu nhiều người hung tàn bạo ngược, cử ngài làm tướng, lòng ngài trung thành, ngài không nghe, ngài tìm ra quê mẹ ngài ở động Lăng Xương, ở mấy bác tên là Đinh Thị Đen¹ là mẹ đức Thánh Tản Viên. Bố đức Thánh Tản Viên tên là Nguyễn Cao Thành, mẹ đức Thánh Tản có thai 14 tháng mới sinh ra đức Thánh Tản, đặt tên ngài là Nguyễn Tuấn; đến năm đức Thánh Tản 13 tuổi, bố ngài mất. Khi ấy mẹ con nghèo khổ, nên đưa nhau lên núi hái củi kiếm ăn. Một ngày kia lên núi dẫn cây gỗ lớn đã đổ, trở về ngày hôm sau đi ra thì cây ấy lại tươi tốt như cũ. Ngài lấy làm lạ, lại dẫn cây ấy đổ xuống lần nữa, đứng nép ở cạnh để xem. Chỉ thấy một ông già tay cầm một cái gậy chỉ vào cây gỗ ấy, lại thấy cây ấy dựng lên như trước. Ngài vội vàng chạy lại ôm ông cụ già mà hỏi rằng: Cụ ở đâu, tên cụ là gì, sao cụ chẳng thương tình mẹ con tôi nghèo khổ, đi hái củi về nuôi mẹ. Thời ông cụ bảo rằng: Ta là Tử Vi tinh đế Thái bạch Thần quân, phụng mệnh Thiên đình là chúa chuông quản núi Tản Viên. Trong núi này có một cây gỗ lớn tươi tốt, sao ngươi dám dẫn. Đức Tản Viên thưa rằng: Nhà nghèo khổ đi hái củi về nuôi mẹ. Ông Tử Vi tinh đế thấy là người đại hiếu, bèn cho một cái gậy đầu chỉ sinh đầu chỉ tử để cứu nhân gian. Đức Thánh Tản cả mừng bái tạ ông Tử Vi tinh đế mà trở về. Qua bãi làng Trung Ngại thấy lũ chồn trâu đánh chết một con rắn đen ở đầu có chữ vương,

1. Đen: Tên Nôm, là nghĩa của chữ Huyền

ngài mua con rắn ấy của lũ chăn trâu ba mươi sáu đồng tiền kẽm. Rồi ngài lấy cái gậy ấy chỉ vào con rắn, thì nó sống lại, lội xuống sông. Phút chốc ngài thấy một cái thuyền rồng nổi lên mặt nước, có người trong đó nói: "Tôi là con vua Thủy, là Đông cung Thủy đế đón ông về chơi Thủy phủ để tạ ân". Ngài bèn xuống thuyền về đến Long đình Thủy phủ, vua Thủy Tề sửa yến tiệc, cùng châu báu tạ ân. Ngài cố ý không nhận. Thái tử con vua Thủy Tề nói chuyện kín mấy ngài, tôi chết ngài cứu tôi sống lại nay cha tôi có một quyển sách ước, ngài nên mượn lấy. Ngài bèn hỏi mượn, vua Thủy Tề lấy sách ấy cho ngài. Khi mượn được quyển sách ước, ngài trở về núi Tản Viên ở mấy mẹ. Khi bảy giở đức thánh Chung công ở mấy bác, mới được nửa năm, xin trở về ở mấy cậu tên là Đình Công Lãng ở phủ Đà Giang, huyện Tam Nông, xã Phương Cang (tức nay là Sơn Cương). Ngài ở mấy cậu được 5, 6 năm. Khi ấy đức thánh Chung công đã 21 tuổi, đương thời vua Duệ Vương có giặc Đại Man Thạch, đem ngoài vạn quân kéo đến, chánh tướng tên là Long Phát. Vua sai sứ thần đi mộ thiên hạ xem ai có tài dẹp giặc hồi chào, bệ hạ sẽ ban cấp binh sĩ. Khi ấy sứ thần đi đến Phương Cang trang (tức nay là Sơn Cương). Sứ thần hỏi rằng: trong triều có giặc, ngài giúp nước được chăng, đức thánh Chung công đáp lại mấy sứ thần rằng, sứ thần trở về tâu mấy bệ hạ ban cho một con ngựa khỏe và một vạn quân thì giặc Đại Man một ngày yên vậy. Sứ thần nghe ngài truyền, trở về tâu với vua rằng, ở Phương Cang trang có tên là Chung công xin nhận dẹp giặc Đại Man. Vua nghe nói cả mừng, lập tức truyền đem ngựa tuần mã cùng binh sĩ ban cho ngài, ngài trở về bản xã mộ thêm gia thần, trong bốn họ là ông Lưu Văn Ban, Ban Văn Hải. Đặng Văn Chất, Đào Đình Khôi, bốn người ấy làm bốn tướng. Ngày 20 tháng 8 khao quân, rồi về chầu vua. Vua ban chức cho ngài là Chung Dực đại tướng quân, đi đánh giặc Đại Man, chém được tướng tên là Long Phát, bắt sống được vài trăm người, giết hơn nghìn người thì giặc tan. Ngài trở về tâu với vua. Vua cả mừng, vua khen cho ngài 8 chữ: Huân công vô

nhị, Chí dũng như thần (Huân công không hai, Chí dũng như thần) rồi vua lại gả cháu gái cho ngài tên là Ngọc Nhung công chúa, lại ban chức cho ngài là Thống lĩnh Tam Giang thành. Ngài bái tạ vua trở về Phương Cang trang làm lễ cáo yết gia tiên, lại tâu với vua xin Phương Cang trang (tức nay là Sơn Cương) làm hộ nhi cung ấp. Vua y cho, vua lại ban cho kim ngân tài bạch, cùng công chúa trở về ái châu làm lễ tổ đường. Đến ngày 20 tháng 2 năm Mậu Tý, thì bà công chúa chết, làm lễ an táng xong. Đến ngày 5 tháng 5 trở về Phương Cang trang làm lễ bái tổ ngoại gia đường. Đến ngày 13 tháng 2 cậu ngài là Đinh Công Lãng chết, làm lễ an táng, truyền nhân dân làm lăng miếu thờ, rồi ngài về tâu với vua. Vua phong cho cậu ngài là bản thổ linh hựu chi thần.

Lại nói thời vua Duệ Vương không có con trai, chỉ có 2 con gái, người thứ hai là Mỹ nương công chúa, rồi gả cho đức Thánh Tản Viên. Khi ấy đức Chung công, Tuấn công hai anh em cùng được nhiệm triều chính. Sau đức Tản Viên bái tạ vua làm lễ nghinh hôn, đưa bà công chúa về núi Tản Viên. Đến ngày 3 tháng Giêng, đức Tản Viên đem quân đến chơi với đức Đại vương tên là Chung công ở trại Phương Cang. Đức Chung công truyền nhân dân sửa lễ bằng lợn đen tuyền, bánh dày, xôi, cùng rượu nếp, bái mừng đức Thánh Tản Viên. Đức Thánh Tản Viên lưu quân ở lại một đêm, rồi trở lại núi Tản Viên. Từ đấy nhà nước được thanh bình. Vua Hùng Duệ Vương nhường ngôi cho đức Tản Viên. Chúa nước Thục tức là Ai Lao quốc, cũng dòng dõi vua Hùng Vương nghe tiếng vua Duệ Vương nhường ngôi cho con rể bèn đem 30 vạn quân để lấy lại ngôi vua. Khi ấy, các quân thần không ai can ngăn được. Duy có đức Tản Viên tự nguyện bình được nước Thục. Vua bằng lòng cho đem quân đi để đánh thục. Rồi đó đức Tản Viên cùng đức Chung công đánh quân Thục một trận ở châu Mộc. Giặc Thục tan chạy cả về nước, rồi hai đức thánh liền đuổi đến thành nước Thục đánh một trận nữa, thì yên được giặc Thục, rồi hai đức thánh đem quân về triều bái tạ vua. Vua ban yến và khao

quân sĩ đã xong đức thánh Chung công xin vua về cung ấp một năm tức là Phương Càng trang, dạy bảo nhân dân. Vua thưởng cho gấm vóc, vàng bạc 500 cân, đến ngày 10 tháng 2 về cung ấp nhân dân làm lễ mừng. Đến ngày 13 tháng 7 đức Tản Viên trở về núi Tản Viên, đi qua ấp Phương Càng vào chơi cùng đức thánh Chung công, lưu binh lại một đêm, thì nhân dân sửa lễ mừng, thời đức Tản Viên truyền nhân dân rằng: Đức Chung công cùng với ta là anh em, là nguyên khí trong một nhà, chốn cung ấp này là đường đất ta đi lại giao du, dân phải tuân lệnh. Đến ngày hôm sau, hai đức thánh cùng cử giá lên chơi núi Tản Viên. Khi đi qua làng Đông Thụy, thấy một bà tên Diệu Hoa công chúa, tài sắc phi thường, đức thánh Chung công bèn kết duyên cùng bà Diệu Hoa công chúa này. Sau ngài lập cung cho bà ở làng Đông Thụy, được vài tháng thì bà công chúa mất. Đức thánh Chung công truyền làng Đông Thụy lập miếu thờ, rồi ngài trở về đất Phương Càng. Đến ngày mồng 1 tháng 12, có điềm Ngọc Hoàng chiếu triệu hồi triều, giời đất tối tăm, gió to sấm dữ thì ngài tự hóa. Nhân dân đệ tờ biểu tâu vua, vua sai sứ thần ban cho áo mũ vàng cùng đồ khâm, sắc đỏ, sắc tím, cùng sắc trắng, làm lễ an táng trong cung chính tẩm ở trang Phương Càng (tức nay là Sơn Cương) làm chính lăng tẩm ở trang phụng sự. Vua truy phong cho ngài hèm huý là đức vua Chung Dực Quý Minh đại vương.

Tục truyền đến đời nhà Đinh, vua Tiên Hoàng khởi nghĩa ở động Hoa Lư, quan Thái úy đem quân đi đánh giặc, vào cung miếu ngài làm lễ mật đảo âm phù thảo tặc. Đêm hôm ấy, quan Thái úy nằm mộng thấy một vị đại nhân cầm một thanh long đao tự bảo rằng: "Ta là danh tướng nhà Hùng, nay nghe nhà Đinh ra khai quốc cầu đảo đến ta, vậy ta phải đem quán âm phù nhà Đinh". Quan Thái úy sợ tỉnh giấc mộng dậy làm lễ tạ. Xong, đem quân đi đánh Thập nhị sứ quân. Quả nhiên bình được, vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi, đóng kinh đô ở động Hoa Lư, cả mở tiệc yến, bao phong cho bách thần mi tự, cho dân sự thờ cúng hương hoá vô cùng. Vua Đinh Tiên Hoàng bao phong

cho đức đại vương là Chung Dực uy linh Quý Minh đại vương, hồi cho trang Phương

Cang làm hộ nhi sở tại. Hằng năm, xuân thu nhị kì vua cử các quan đến tế lễ ở cung miếu Phương Cang trang tức nay là Sơn Cương.

Trải về sau, đến đời nhà Lê, niên hiệu Chính Hòa thứ năm, nhân dân Phương Cang trang sinh ra tai dịch, hỏa hoạn bất tường, tức ngày 10 tháng 8 nhân dân lập đàn cầu đảo từ ngày 10 cho đến canh hai đêm hôm 19 tháng 8 bỗng thấy có một vị đại nhân cưỡi ngựa hiện ra bảo dân rằng: "Ta là Thân bản thổ cậu đức đại vương, bảo cho dân biết, ngày nay đức đại vương ở mấy bà công chúa ở cung miếu đông, thì dân phải lập cần tre chôn ở sân đình, một con gà trắng, gạo nếp, vải trắng bảy vuông, cùng trâu cau, một con dao nhỏ, buộc ngọn cần tre cầu đảo nghinh chiêu linh ứng bạt phan (nhổ cành phan về cung miếu thì dân được bình an). Đến ngày 20 tháng 8, dân chúng tuân lời đại nhân truyền bảo, thiết lập lễ nghi nghinh chiêu y như lời truyền. Quả nhiên, đức đại vương linh ứng đằng vân giá vũ ngài bạt phan tại sân đình về cung miếu thì dân chúng đều được bình an.

28. SỰ TÍCH TẢN VIÊN SƠN THÁNH CÙNG CÁC VỊ HIỂN CÔNG, MINH CÔNG VÀ PHẠM HIẾU, PHẠM THÀNH, PHẠM LƯƠNG ĐÁNH THỰC

Tương truyền triều đại Hồng Bàng truyền ngôi mười tám đời đều gọi là Hùng Vương. Đến đời Hùng Duệ Hùng Liên có một gia đình ở châu ái (Thanh Hoá) tên là Cao Đôn, vợ là Phan Thị An, gia tài giàu có, sinh hạ được hai con trai, anh gọi là Cao Hạng, em gọi là Cao Sùng, anh em khoảng tám, chín tuổi, cha mẹ đều từ trần, mấy anh em côi cút dựa lẫn vào nhau để sống. Tuy nhiên, anh em đều làm phúc làm đức như bỏ tiền của ra xây dựng đền miếu và sửa chữa cầu cống, đồng thời giúp đỡ cho

người nghèo khổ già yếu. Vì thế mà cửa nhà sa sút, vườn ruộng hao mòn, mấy anh em lâm vào cảnh bần bách, đến nỗi bạn bè thân thích xa lánh. Anh em bèn uỷ thác cho ông cậu trông nhà giữ cửa cho mình rồi rủ nhau đi nhờ cậy người cô ruột buồn bề ở lộ Đông Hải. Được vài năm, anh em lại trú ngụ ở động Lăng Xương, huyện Thanh Xuyên, phủ Gia Hưng, đạo Hưng Hóa, được nhân dân rất yêu quý các ông. Qua mấy năm, hai ông làm nghề buôn bề dần dần cũng lại trở nên giàu có. Hồi ấy trong sơn động có người con gái họ Đinh tên là Đen nương (nàng Đen), là con ông họ Đinh. Ông già họ Đinh gả Đen nương cho Cao Hạnh. Còn Cao Sùng thì lấy vợ ở châu Đà Bắc tên là Hương nương (nàng Thơm) là con gái họ Trương. Anh em thành duyên gia thất đều vào làng sống ở nơi quê vợ. Hai ông đều trở thành bạc hào phú nổi tiếng, được lòng nhân dân, cho nên nhân dân bầu lên làm chức Tri quản động ấp. Hai ông càng giàu có càng làm điều nhân đức. Hồi ấy hai ông đã ngoài năm sáu mươi và hai bà cũng ngoài bốn chục tuổi đời mà chưa từng sinh nở. Hai cặp vợ chồng bèn đi cầu đảo khắp nơi. Một đêm hai ông nằm mộng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ hiện lên bảo: "Đất do đạo trời định đoạt mà phúc thì do con người làm ra. Người có đức thì thành quả phúc mỗi ngày mới thêm. Trên núi mà có chỗ lõm xuống đều là huyết cả, đáng Hoàng thiên định ban cho không phải là nghèo". Nói xong, biến mất. Lúc ấy hai ông mới biết thần xuống giúp cho nhà mình. Anh em bèn dời mộ cha lên táng ở trên đỉnh núi, theo đúng cách thức như thần nhân đã chỉ dẫn. Trong lúc mai táng, trời đất tối mù mịt, mưa gió kéo đến dữ dội. Anh em đắp xong phần mộ rồi làm lễ tạ, trời đất lại quang tạnh như thường. Sau một trăm ngày, hai bà của hai ông ra bãi hái dâu, thấy trên trời có con chim diều năm sắc giáng xuống hai bà dường như trấn ngụ ở trên bụng, được một lúc thì bay vút lên không trung biến mất. Hai bà sợ hãi bàng hoàng, rồi chạy thẳng về nhà. Đêm ấy, ông em dẫn vợ ra đứng hóng mát xem trăng ở trước sân, bỗng thấy hai ngôi sao giáng xuống, ánh sáng tỏa vào thân bà, bà kinh sợ vào phòng ngủ, chiêm bao thấy hai con

cọp nhảy múa ở trong phòng, bà vô bắt được chúng, giật mình tỉnh dậy. Bà vợ của ông anh cũng chiêm bao bắt được con cọp. Từ đó cả hai bà đều có mang, và mang thai đến mười bốn tháng. Đến mồng Bảy tháng Giêng năm Đinh Tỵ, trời đất tối tăm, tiếng gió thổi ù ù, chung quanh nhà ở đều vang lên như sấm, vật tứ linh như long, ly, quy, phượng đều xuống châu phục, mùi thơm sực nức, ánh hào quang sáng trưng ở buồng đẻ. Bà vợ của Cao Sùng đẻ ra một cái bọc có hai con trai, bà vợ của Cao Hạnh đẻ ra một con trai. Cả thấy là ba cậu con trai, cậu nào cũng có dị tướng: cằm én mây ngài, hai xương gò má cao vọi, tay dài chấm gối, bàn chân có bảy cái lông dài. Sau một trăm ngày, hai cậu con của Cao Sùng một đặt tên là Hiên công (ông Hiên), một đặt tên là Minh công (ông Minh); một cậu con trai của Cao Hạnh đặt tên là Tùng công (ông Tùng). Ngày tháng thoi đưa, chả mấy chốc mà các ông đã lên chín, tư chất các ông đều thông minh, trí dũng hơn người. Ba anh em đều đến học Lỗ tiên sinh, học mới ba năm mà đã am hiểu nghĩa lý, kinh sử lầu thông. Ba anh em đang thời học tập, chẳng ngờ Cao Hạnh và vợ chồng Cao Sùng đều qua đời. Anh em làm lễ an táng xong, đều phải thôi học. Gia tài mỗi ngày mỗi sa sút. Bà Đinh Thị Đen vợ của Cao Hạnh và là thân mẫu của Tùng công đã ngoài sáu chục tuổi đời mà gia đình túng thiếu không biết làm cách gì để dưỡng lão. Ba anh em bèn cùng nhau lên hái củi ở núi Tản Viên đem bán lấy lương ăn nuôi mẹ bác. Trong hoàn cảnh cùng khốn ấy, anh em riu búa trong tay, sớm đi tối về, nuôi mẹ nuôi bác cực kỳ hiếu thảo. Tương truyền hồi ấy ở đất Pháp Sách có một bà họ Ma tự xưng là thần nữ cai quản rừng núi Tản Viên và Linh Sơn. Người em của bà Ma Thị là Ma Lô, chị em tuổi đều cao mà không có con. Bà Ma Thị tuổi ngoài bảy chục, bà em là Ma Lô dù trẻ hơn cũng đã ngoài sáu chục tuổi đời. Người nào đến hái củi ở núi Tản Viên cũng đều phải nộp thuế cho bà Ma mỗi gánh ba tiền. Bà Ma thu thuế của ba anh em họ Cao, song ba người đều không có tiền nộp. Một hôm bà Ma cả giận mắng rằng: "Tản Viên vốn là gia sản của tao, tao có quyền cai quản sơn lâm, bọn chúng mày

sao dám đến phá cây cối ở núi Tản của tao mà không nộp thuế". Ba ông cùng van lạy bà Ma. Tùng công than rằng: "Bọn anh em chúng tôi nhà nghèo túng không biết lấy gì để nuôi mẹ già. Hơn nữa chúng tôi đều là tu mi nam tử mà công bú mớm không đến đáp được thật đáng xấu hổ đứng ở trong trời đất này. Vì thế chúng tôi phải làm nghề hái củi nuôi mẹ. Trông mong bà Ma hãy rủ lòng nhân đức thương cho. Nay bà Ma cả giận không cho chúng tôi hái củi, bọn chúng tôi không có cách nào nuôi dưỡng mẹ già, đành xin cho anh em chúng tôi làm con nuôi bà, đem sức lực của mình làm cho bà để nuôi mẹ già". Bà Ma nghe mấy anh em trình bày bèn nói: "Các người thật là con hiếu, biết công ơn dưỡng dục cù lao", liền chấp thuận cho cả ba anh em được làm con nuôi. Bà Ma gọi em là Ma Lôi đến: bảo cho biết: "Ba anh em nhà này quả là người hiếu nghĩa, xin làm con nuôi nhà ta để nuôi mẹ già. Nay cho em nuôi hai đứa còn chị thì chỉ nuôi một tên Tùng. Đâu cũng là chị em nhà, nào phải người dưng". Sau đó bà Ma bảo Tùng công đem mẹ là Đinh Thị đến ở chung với bà Ma để tiện chăm nom nuôi dưỡng. Tùng công cũng thuận theo. Từ đó ba anh em yên tâm làm ăn nuôi mẹ. Hằng ngày lên núi hái củi về nuôi hai mẹ: mẹ đẻ, mẹ nuôi. Một hôm, Tùng, Hiễn. Minh cùng lên núi Tản thấy có cây gỗ to, cao hơn trăm trượng, cành lá xum xuê, ba anh em liền chặt gỗ đổ xuống đất, rồi về gọi người trong sách lên cắt ra từng đoạn, chém cành đem về. Đến khi mọi người cùng leo lên chỗ chặt cây, thấy cây gỗ to ấy lại đứng thẳng lên như cũ, cành lá vẫn xum xuê xanh tốt. Ba anh em đều kinh sợ, người trong sách thấy thế cũng đều xuống núi bỏ về nhà. Anh em lại cầm búa ra đẵn cây, cây gỗ lại ngã xuống, ba anh em cầm búa giả vờ ra về, họ nấp ở ngoài rình xem tình hình ra sao. Vụt thấy ông cụ già đầu tóc bạc, mặc áo trắng, chống gậy đi trước, có một tiểu đồng cầm cái chuông đồng đánh ba tiếng, ông cụ già miệng đọc thần chú đi ba vòng quanh cây gỗ. Bỗng thấy có áng mây năm sắc xuất hiện, bốn mặt sáng trưng, ông cụ già lấy gậy trở vào cây, cây gỗ lại từ từ đứng lên và vẫn xanh tươi như cũ. Tùng chỉ cho hai em nấp xem, Tùng

chạy thoát ra ôm chầm lấy ông cụ và hỏi rằng: "Cụ từ đâu đến đây? Anh em tôi nhà nghèo, tài thiếu trí ngu, không có cách nào nuôi mẹ, vì thế phải làm nghề hái củi để báo đáp công sinh thành, xin cụ thương tình cho anh em chúng tôi được bán cây gỗ này để nuôi hai mẹ già. Chúng tôi trông ơn cụ". Ông cụ nghe xong phán rằng: "Cây gỗ to này là chúa sơn lâm và là cột trụ của nước nhà, cây này xanh tốt thì vận nước lâu dài, non sông tươi đẹp sao lại nỡ lòng đẵn xuống được! Các anh có lòng hiếu, ta cho cái gậy thần đem về giúp đời để làm kế sinh nhai nuôi mẹ". Ông già nói xong bèn trao gậy cho Tùng, và truyền cho cả lời thần chú, rồi phán rằng: "Cái gậy này một đầu chỉ vào mọi vật, dù đã chết cũng đều sống lại, biến hóa vô cùng; một đầu chỉ vào muôn vật dù đang sống cũng phải chết ngay, chỉ mây mây tan, chỉ ngàn ngàn sập, muôn vật thấy đều biến mất. Phải cẩn thận đấy! Phải cẩn thận đấy!". Nhận gậy xong, Tùng công cầm gậy lễ tạ. Ông cụ già lại phán: "Ta vốn là sao Tử Vi đế quân, cai quản núi Tản Viên này, thấy các anh chặt cây to, thượng đế sai ta xuống bảo các anh từ nay không nên chặt nữa. Cái cây to này là của báu trong nước". Nói xong, ông cụ biến mất. Tùng công từ khi được gậy thần đem về nhà, liền uỷ thác cho hai em là Hiển công và Minh công nuôi hai mẹ già, còn ông chu du thiên hạ, cứu giúp nhân dân khiến cho người ta dù đã chết cũng đều sống lại. Nhân dân đều khen ông Tùng là Thần sư. Từ đó anh em không phải làm nghề hái củi mà vẫn đủ nuôi được mẹ già một cách chu đáo. Hiển công và Minh công mười chín tuổi, thân dài mười thước, cao lớn định đặc, tài năng trí dũng hơn người. Hai ông đi đến đâu, trên không xuất hiện đám mây như cái tán che trên đỉnh đầu, mưa gió đi theo, hổ báo tề tợ và các ác thú khác ở núi rừng thấy đều nép sợ. Tùng công đến châu Trung Nghĩa ở huyện Thanh Xuyên thấy đứa trẻ chân trâu đánh chết con rắn đen dài ba trượng, mục đồng đang xúm lại kéo. Lúc ấy Tùng công bỏ ra ba mươi tiền mua lại con rắn ấy Trẻ chân trâu bằng lòng bán cho ông con rắn, ông thấy con rắn có một chữ "vương" (vua), bèn kéo con rắn đến bên sông niệm thần chú, rồi

lấy đầu gậy chỉ vào nó, nó liền sống lại, bò xuống sông đi mất. Sau một lát thấy sóng dưới sông nổi lên cuộn cuộn, nước rẽ ra làm hai, có chiếc thuyền rồng nổi dềnh lên rồi ghé vào cạnh bờ sông, trông thấy có một người áo mũ chỉnh tề đứng trong thuyền nói rằng: "Ta vâng mệnh Thái tử ở Thủy phủ lên kính mời Thần sư về chơi nơi Thủy quốc Long cung". Tùng liền bước xuống thuyền rồng. Đi một lát thì đến Thủy phủ, ở đây lầu rồng gác phượng mọc lên san sát, có điện ngọc lưu ly, có thành vàng rực rỡ đẹp lộng lẫy không sao kể xiết. Các quan hộ vệ ai nấy đều là những kẻ mặt cá mặt rồng và có hàng trăm nghìn con người như thế. Ngay lúc ấy có lệnh của vua Thủy Tề truyền tả hữu mời Thần sư vào nội điện. Vua Thủy Tề mời Thần sư ngồi tại bên tả. Trong cuộc hội kiến và yến tiệc trọng thể, vua Thủy Tề bảo rằng: "Trưa hôm nay trẫm có thái tử lên chơi ở trên trần bị bọn trẻ trâu đánh chết, may gặp được Thần sư cứu giúp được sống lại trở về. Ôn đức của Thần sư vô cùng to lớn, xin biểu hiện tấm lòng thành tạ ơn Thần sư chút quà nhỏ mọn". Nói xong bèn cho thị vệ bưng mấy mâm vàng bạc châu báu ra tặng cho Thần sư. Thần sư cố gắng từ chối không nhận. Trong lúc ấy Thái tử ghé vào tai Tùng công nói: "Vua cha tôi hiện có một quyển sách ước rất quý. Thần sư hỏi mượn được quyển sách ấy hẳn là một sự may mắn". Tùng công nghe được manh mối, bèn tâu với vua Thủy Tề Long Vương xin cho mượn quyển sách ước. Thủy Tề đồng ý cho mượn. Khi ra về, Thủy Tề cho tướng Xích Lân rẽ nước đưa Tùng công về. Từ khi mượn được sách ước, Tùng công đứng trước sân mở sách ước tỏ lòng ước muốn có nơi ăn chốn ở sang trọng một chút. Bỗng nhiên trời đất tối tăm, sau một lát lại bừng sáng, thấy lầu đài cung điện hơn một trăm tòa hiện lên trang nghiêm lộng lẫy. Còn như bà Ma Thị thấy ba anh em ông đều là người có thiên trí thông minh, bèn giao hết quyền cai quản núi Tản Viên và núi Linh Sơn, cũng như sông ngòi ruộng đất cho Tùng công làm của hương hỏa mai sau. Đến mồng Mười tháng Bảy Đinh thái bà và bà Ma Thị cùng mất. Từ đó, Tùng công đặt cung điện tại giữa đỉnh núi Tản Viên. Núi Non (Nộn

Sơn) và núi Lãng ở bên tả bên hữu núi Tản Viên, Tùng công cho Hiến công và Minh công dựng lầu đài ở đó. Ba ông cùng lập tòa miếu ở giữa đỉnh núi thờ bà Ma Thị. Đặt quan tài hai mẹ ở bên tả, hương hỏa thờ phụng rất là kính cẩn. Phong cho hai em làm thần hai bên tả hữu. Tùng công tự xưng là Tản Viên Sơn Thánh. Từ đó oai danh lừng lẫy, chủ trị một phương, cứu chữa bệnh cho mọi người, ba anh em đều tự xưng là Tam Thánh giáng trần. Tương truyền, đời Hùng Vương thứ mười tám là Duệ Vương, triều Hùng hưởng quyền trị nước đến đó đã hơn hai nghìn năm. Duệ Vương sinh hạ được hai chục hoàng tử và sáu nàng công chúa đều lên chơi cảnh tiên hết cả. Chỉ còn lại hai nàng công chúa, thứ nhất là Tiên Dung công chúa, thứ hai là Mỹ nương công chúa, đều là người nét na hiền hòa, lại đều có nhan sắc tuyệt trần. Tiên Dung công chúa đã kết hôn với Chủ Đồng Tử ở xã Đa Hòa, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, xứ Sơn Nam Thượng. Công chúa thứ hai như hoa thơm còn đang phong nhị, Vương bèn hạ chiếu cầu hiền kén rể. Nhà vua lập lầu gác ở cửa thành Việt Trì làm chỗ tiếp đãi người hiền. Bao nhiêu người anh tài trí dũng, văn võ kiêm toàn trong thiên hạ đều đến kinh thành ứng tuyển, nhiều không kể xiết. Nhà vua ngự trên lầu cao tuyển anh tài, song mỗi người mỗi vẻ, người được mặt này, kẻ thiếu mặt kia, vua chưa lấy làm hài lòng. Bấy giờ Tản Viên Sơn Thánh là Tùng công biết tin bên cùng với con vua Thủy Tề cùng đến kinh thành thi tài độ sức. Nhà vua ngự xem hai ông hóa phép dời non lấp bể, làm gió làm mưa, biến hóa vô cùng, rất là huyền diệu. Hùng Vương thấy tài trí của hai người đều tương xứng cả, vua chưa biết gả cho ai, bèn với cả hai đến trước mặt bảo rằng: "Trẫm đây có Ngọc Lam Điện, tài năng hai người đều hài lòng trẫm, cho nên khó quyết định gả cho ai được. Chi bằng một trong hai người ai mang lễ cưới đến trước thì trẫm gả cho". Sơn Thánh và Thủy Thần cùng lạy tạ nhà vua. Thái tử con vua Thủy Tề trở về Thủy phủ còn đang đi tìm kiếm châu báu, nào là: Voi trắng chín ngà, tóc tiên chín bó, ngựa hồng chín con, gà chín móng, ngọc lưu ly một nghìn viên, một

đôi phượng hoàng, kỳ lân ba con... Còn Tản Viên Sơn Thánh thì vẫn ung dung thư thái, đứng tại dưới lầu, mở sách ước ra, ước nguyện một lát, vụt thấy bách thú sơn lâm, tê, tượng, hổ, báo, hai em là Hiến công, Minh công mỗi người cỡi một con voi đực, theo sau là một bầy voi có hàng vạn con kéo đến, Tùng công đệ dâng sớ lễ. Tả hữu đi theo Sơn Thánh vào sân rồng bái tạ, đến gà gáy một lần, vương giả công chúa cho Sơn Thánh. Vương thấy Hiến công đứng ở bên tả, Minh công đứng ở bên hữu, các loài thú dữ đều dàn ra tả hữu phủ phục dưới sân châu lên nhà vua. Vua hỏi Tản Viên Sơn Thánh: "Hai viên đứng hai bên tả hữu hiện giữ chức vụ gì?". Sơn Thánh tâu rằng: "Đó là hai em của hạ thần". Vương khen: "Hai em của nhà ngươi cao lớn dị thường, nhất định cũng có tài năng trí dũng hơn người, không phải là hạng tầm thường". Sơn Thánh tâu rằng: "Em của hạ thần cũng có chút ít tài năng". Nhà vua thử hỏi thì hai ông ứng đối trôi chảy, nét mặt bình thường không có thay đổi, văn võ toàn tài, mọi mặt đều cao siêu. Hùng Vương rất hài lòng, bèn phong cho hai ông là Tả, Hữu Nhạc phủ Dực thánh Đại tướng quân. Hôm ấy Tản Viên Sơn Thánh làm lễ đầy đủ rước dâu về núi Tản Viên. Khi Tản Viên vừa ra khỏi cửa thành thì gặp Thái tử con vua Thủy Tề đem lễ vật đến. Thấy Sơn Thánh đã đón dâu trước mình. Thái tử hăm hăm nổi giận chạy về Thủy phủ, bèn ra lệnh cho thủy binh nổi loạn nhiều lần dâng nước lên đánh nhau với Tản Viên Sơn Thánh nhưng đều bị bại. Sơn Thánh từ khi lấy con gái Duệ Vương, được Vương vui đến nhường ngôi cho, nhưng Sơn Thánh hết sức từ chối mà chỉ xin phò tá việc nước chứ không muốn làm vua. Từ đó, thiên hạ thanh bình vô sự được năm sáu bảy năm. Lại nói Thủy thần khi ấy vẫn còn căm tức Sơn Thánh, nên lại nổi loạn, nước lớn ngang trời, đường sá bị phá vỡ lúa và hoa màu bị ngập hết, nhà cửa cầu cống bị đổ sập, nhân dân đói khát lưu tán: có nhiều người chết đói. Vua Hùng bèn vời Sơn Thánh về triều, Vương phán: "Nay thiên hạ bị thủy tai làm hại, nhiệm vụ triều đình là phải ủy nhiệm cho bậc hiền tài tuần thú thiên hạ để trị thủy, nhà

người có thể xung vào việc này...". Sơn Thánh phụng mệnh, về triệu tập hai em là Hiến công và Minh công hiện giữ chức Tả, Hữu Nhạc phủ để hiệp đồng tác chiến với Thủy Tinh. Hai ông tiến quân đến đâu là truyền dựng hành cung đến đấy để trị thủy. Mỗi khi đến địa phương nào hai ông đều ngấm xem thủy thế ở đó phá ở chỗ nào, liền lập hành cung đóng ở chỗ đó, đồng thời mượn cuốn sách ước của Tản Viên Sơn Thánh ra ước nguyện một lúc thì bao nhiêu quăng bị sạt vỡ đều bồi lấp ngay như cũ. Dân địa phương lưu tán đều được chiêu hồi cấp tiền gạo, cho nên dân chúng đều no ấm, an cư lạc nghiệp, cùng trông nhờ đức chính của hai ông. Trên đường đi từ thủy, hai ông về đến huyện Thiên Thi, phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam, quan địa phương ra làm lễ mừng, xin mời hai ông vào nhà chiêu đãi mở tiệc. Hai ông bèn đóng quân ở huyện sở, sau đó đi thăm trong huyện để ngấm địa thế đặt hành cung. Hồi ấy có ông như họ Phạm, vợ là Trần Thị Hảo vốn quê ở trang Hội Triều, huyện Hoảng Hóa, phủ Hà Trung, châu ái, vốn dòng dõi trăm anh, có nền nếp thi thư, đến đời Phạm Công Tuyền phụng mệnh nhà vua đi nhậm chức Thái thú ở Nam Sách, vừa được mười năm. Ông có chính sự nhân đức, không xâm phạm đến sợi tơ sợi tóc của cải nhân dân, nhân dân đều yêu mến. Một năm bị hạn hán, lúa má hoa mầu khô héo, nhân dân chẳng những đói khát mà còn mắc bệnh dịch tễ. Phạm công cảm thấy lo lắng và thương cảm về đời sống nhân dân, bèn lĩnh ba vạn quan tiền kho về phát chẩn cho mọi người nghèo đói và cô nhi quả phụ. Một mặt phát thuốc cho những người đau ốm, chôn cất và cải táng cho một số thi hài vô thừa nhận. Khoản tiền và thóc trong kho đều chi hết. Khi ấy Phạm Công Tuyền ngoài năm chục tuổi, phu nhân Trần Thị cũng đã ba mươi một tuổi đời, một hôm thanh nhàn, gió xuân ấm áp, phu nhân ngồi thảnh thơi ngắm hoa nở ở hiên tây. Trong lúc băng khuâng, chiêm bao thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, áo mũ chỉnh tề, tay cầm một căng đan quế nở ra đóa hoa có ba màu khác nhau, đi từ trong mây bước thẳng xuống đứng ở trước mặt phu nhân mà phán: "Ta là vị thần ở núi

Nam Nhạc, vâng mệnh hoàng thiên xuống ban cho nhà người ba bông hoa phú quý để đền đáp lòng từ thiện của nhà người. Ta có bài thơ đọc cho nhà người nghe". Phu nhân rất mừng, bèn cầm cành hoa; nghe cụ già đọc thơ, thơ rằng:

*"Phạm gia phúc hậu đạt thiên tri
Ung hứa tam hoa cộng nhất chi
Hiếu nghĩa trung thành niên thế trạch
Gia trân quốc bảo tại hoa chi".*

Nghĩa là:

Phạm gia phúc hậu có trời hay;
Trời tặng ba hoa một nhánh đây.
Hiếu nghĩa trung thành ân đức mãi;
Báu nhà báu nước chính hoa này.

Phu nhân nghe tiếng đọc thơ như rót vào tai, vụt tỉnh lại mới biết là chiêm bao, bèn đem việc thấy ở trong mộng nói cho ông Tuyển bảo phu nhân rằng: "*Quả nhiên chiêm bao như thế, rõ ràng hồng phúc nhà ta lớn lắm. Nhà thế nào cũng sinh quý tử...*". Được vài tháng sau, phu nhân quả nhiên có mang. Đến mồng 8 tháng 3 năm Canh Thìn sinh một con trai mặt to tai lớn, cằm én mày ngài, hình dung tuấn tú khác hẳn người thường. Cậu bé vừa đầy tuổi tôi, phu nhân lại có mang, đến mồng 10 tháng Giêng năm Nhâm Ngọ lại sinh cậu con trai nữa. Cậu hai lên hai thì phu nhân lại có mang, đến mồng 10 tháng 12 năm Giáp Thân lại sinh một cậu con trai môi đỏ như son, da trắng như tuyết, mặt mũi khôi ngô, mắt sáng long lanh như sao Bắc Đẩu, tiếng vang vang như tiếng chuông, hình dung đỉnh đạc khác hẳn tầm thường. Thấy ba con trai đều tuấn tú lộ vẻ thông minh, Phạm Tuyển vui mừng, đặt tên cho con thứ nhất là Phạm Hiếu, con thứ hai là Phạm Thành, con thứ ba là Phạm Lương. Ba ông mới lên năm lên sáu tuổi đời, phu nhân bỗng nhiên tạ thế. Phạm công lại phải bồi thường ba vạn quan tiền kho của nhà nước, bồi thường không đủ, nhà vua bèn biếm truất

quan chức của ông. Ông rất lo lắng cho tình trạng gia đình, con còn thơ ấu. Nhân dân trong hàng phủ nghe thấy họ đều mang tiền của đến giúp đỡ ông. Phạm công nghĩ: lợi lộc gì cũng chẳng bằng an nhàn hiện, nay góa vợ, để lại một đàn con thơ ấu, lọc cọc gà trống nuôi con, gia tài chỉ hai bàn tay trắng biết lấy gì, để nuôi nấng con thơ, thật là nan giải. Còn đa mang chức vụ và danh lợi làm gì, chỉ bằng treo ấn từ quan tìm nơi dạy trẻ để làm cái kế nuôi dưỡng con thơ, há không nhàn hạ hay sao? Nhân đó ông dâng biểu tâu lên xin cho từ chức để di dưỡng thân già. Được nhà vua đồng ý, ông lạy tạ nhà vua và từ biệt các bạn đồng liêu trở về quê hương. Ông tìm nơi mở mang dạy trẻ. Hồi ấy có một vị trưởng quan ở châu Xích Đằng, phủ Khoái Châu thuộc đạo Sơn Nam, nghe tin ông Phạm là người văn chương nổi tiếng trong thiên hạ, hơn nữa cũng vốn là người trong quan trường, liền mời ông về dạy học cho con cháu trong nhà và người ở địa phương. Ông Phạm ngồi dạy học mới được vài năm, chẳng ngờ vị trưởng quan ở Đằng Châu tạ thế, ông Phạm chỉ còn lưu lại dạy học một năm nữa. Hồi ấy các vị phụ lão ở khu Đặng Xuyên, xã Đặng Đình, huyện Thiên Thi nghe ông hay chữ nổi tiếng, ăn ở nhân đức, họ bảo nhau tìm đến trường học mời ông về dạy học ở làng mình. Ngôi chùa làng lúc đó đang trùng tu, họ cử ông ra chủ trì việc ấy. Ông đem ba đứa con nhỏ về dạy học ở Đặng Xuyên, vừa dạy trẻ học vừa trông nom việc tu tạo công đức. Lúc này ba cậu con trai của ông đã bảy tám tuổi, tài năng trí dũng hơn người. Sau khi tu tạo chùa xong, dân nhờ ông giữ chùa, ông cũng đồng ý. Ông dạy kinh sách được vài năm, khi ấy ba con trai ông đã mười hai mười ba tuổi, thông minh đặc biệt, học một biết mười, trí tuệ hùng tài không ai dám địch. Người trong thôn ấp thấy ba cậu thông minh như vậy, khiến cho ai nấy đều tỏ lòng khâm phục, họ trầm trồ khen: "Phạm tiên sinh có ba con trai không phải thần đồng xuất hiện thì cũng là tiên thánh giáng trần chứ không phải người tầm thường". Năm ấy trời đại hạn, nhân dân nhiều người đau ốm. Chỉ riêng hai giáp ở khu Đặng Xuyên, ba cậu bảo cho nhân dân làm lễ cầu đảo và

mình viết ba tờ biểu kêu trời đất bách thần, đồng thời mỗi một ngõ xóm đều niêm yết một cái biển cấm, do đó mà thôn ấp đều yên ổn. Mưa có tưới chỉ tưới riêng cho khu vực thôn ấp này, lúa má phong đăng, nhân dân đều kính sợ và đều cho là một việc lạ lùng. Thời gian này, Hiến công và Minh công tiến quân vào huyện Thiên Thi, đóng quân lại và chơi bởi yến hội một tháng. Hai ông đêm đêm cứ chiêm bao thấy ba cậu con trai áo mũ tề chỉnh chững chạc đến chơi. Hai ông hỏi họ tên các cậu và từ đâu đến, ba cậu thường trả lời: *"Chúng tôi con Phạm công ở châu Ái. Hiện nay cha chúng tôi đang ngồi dạy học ở khu Đặng Xuyên. Nay thấy hai vị quan lớn, với chúng tôi cũng là thanh khí lễ hằng cho nên tìm đến với nhau để kết nghĩa giao du..."*. Hai ông nghĩ rằng: *"Thường thường chiêm bao gặp ba người này, có lẽ trong huyện này có con người tài năng lỗi lạc"*. Ngày hôm ấy, hai ông thăm hỏi quan địa phương xem trong huyện có khu Đặng Xuyên thật không. Quan địa phương trả lời rằng có khu tên là Đặng Xuyên. Hai ông hẹn đến ngày hôm sau thì xe loan đến đất ấy thăm hỏi tình hình thế nào. Đêm trước, nhân dân ở các họ trong khu Đặng Xuyên đều chiêm bao thấy các ông Hiến. Thành và Lương theo sau ba vị là các âm hồn gia tiên của các họ đi vào khu Đặng Xuyên loan tin cho các gia đình rằng: *"Hôm sau có hai vị quan lớn về chơi hỏi thăm dân làng. Bọn chúng tôi kính vâng mệnh trời làm phúc thân cai quản thôn ấp phương này, vì thế đến báo cho dân biết, đừng có điềm nhiên mà mắc tội lỗi"*. Nhân dân vụt tỉnh, ai nấy đều nói chiêm bao của mình thì giữa người nọ với người kia đều giống nhau như hệt. Họ cho là một sự lạ lùng. Trong khi đang trò chuyện với nhau, bỗng thấy xe loan cùng binh mã của hai ông tiến đến, nhân dân ngẩng xem diện mạo của hai ông hệt như hai vị thấy ở trong mơ. Ngày ấy nhân dân tung bừng làm lễ chào mừng hai vị quan lớn. Hai ông hỏi nhân dân xem có ai là họ Phạm ở nơi khác hiện trú tại đây không, nhân dân đều thưa có Phạm tiên sinh đang ngồi dạy trẻ. Hai vị quan lớn lại hỏi: *"Phạm tiên sinh có con cái gì không?"* Dân chúng thưa: *"Tiên sinh có ba cậu con trai, thông minh đặc*

biệt, dân làng chúng tôi đều khâm phục tài năng của các cậu". Hai ông nghe lấy làm mừng bèn sai bộ hạ với ba cậu đến. Nhắc xem diện mạo của ba cậu này sao mà giống như đúc với ba cậu mà hai ông đã nom thấy trong chiêm bao. Hai ông mời ba cậu đến ngồi ở bên phía tay phải, thử hỏi xem tài văn võ ra sao, ba cậu ứng đối như nước chảy không hề vấp vấp lầm lẫn chút nào. Hai ông thấy tài năng của ba cậu quả thật là bậc anh tài cho là có ứng nghiệm với điều chiêm bao, liền nói rằng: "Việc do trời định, ta với các người tất thành nghĩa anh em". Nói xong, hai ông truyền lệnh cho dân tu tạo quán sớ làm hành cung để sử dụng những khi hội họp yến ẩm. Địa hình của khu Đặng Xuyên trang Đặng Đình bằng phẳng, phì nhiêu đất dân cư đang trước có con sông ôm lại, những phì nhiêu đất ở trong thôn ấp vòng vào như xoáy ốc, nơi dựng hành cung đặt tại gò Kim Tinh (gò hình tròn), mạch đất từ đông bắc kéo đến, trước mặt có tam thai (ba gò) làm án và nước ở các nơi chảy đến hội tụ, bên tả bên hữu tương ứng, địa thế bốn phương đều quay đầu lại, thật là một kiểu đất rất quý. Nhân dân phụng mệnh sửa sang hoàn thành, sau đó năm vị đức ông (tức là Hiến công, Minh công và ba con trai của Phạm công) cho mở tiệc yến ẩm vui vẻ ba ngày. Sau đó nhân dân làm lễ lạy tạ, họ tự nguyện xin làm phận tôi con, năm vị đức ông đều hài lòng với nguyện vọng chính đáng ấy. Sau đó các vị đức công như Hiến, Minh, Hiếu, Thành, Lương đều về triều bái yết nhà vua, hai ông (tức Hiến và Minh) tâu sự việc thấy ba ông họ Phạm ở trong giấc mộng, qua đó mà tìm được ba người con thật để kết nghĩa anh em. Nhà vua nghe lời tâu bèn hỏi thử xem tài năng ra sao. Ba ông đều ứng đối thông minh, tỏ ra là người học rộng biết nhiều. Nhà vua bèn phong cho ông thứ nhất làm Tư chính lễ bộ, ông thứ hai làm Tham nghị triều chính, ông thứ ba làm Điện chính tào liêu. Nhà vua lại cho nhân dân khu Đặng Xuyên làm bộ hạ của năm vị đức ông. Từ đó các ông làm việc tại triều, bốn bề thanh bình, trong phủ yên ổn vô sự Ba vị đức ông xin vua về thăm quê nhà bái yết gia tiên và thăm thân phụ, được nhà vua phê chuẩn, đồng thời gia phong cho thân phụ

là Phạm Công Tuyền hàm Vinh lộc đại phu, ban cho vàng bạc châu ngọc gấm vóc và các hamg binh mã, lại cho xe loan tiến về quê quán. Ba ông họ Phạm lạy tạ trước bệ ngọc, về khu Đặng Xuyên đón thân phụ về quê. Nhân dân quê hương làm lễ chào mừng. Ba ông truyền cho dân xây dựng một tòa lầu đài ở khu đất đầu làng. Kiểu đất này là hình con Thổ (hình vuông), ở giữa hình đó có chỗ đất lõm xuống, đằng sau có Kim tinh (gò tròn) dẫn mạch, đằng trước có gò tam thai (ba gò) làm án; hai bên tả hữu ôm lại bên ngoài có đầm sâu làm minh đường. Nhân dân phụng mệnh xây dựng xong, ba vị đức ông bèn cho mở tiệc yến ẩm ba ngày, mời nhân dân và phụ lão đến yến hội. Ba vị đức ông cấp cho dân năm nén vàng để làm khoản quỹ công và mua ruộng đất lấy hoa lợi đưa vào việc trùng tu cung điện sau này. Ba đức ông lưu lại quê hương chừng sáu tháng, chẳng ngờ đạo trời xui khiến: thân phụ các ông tạ thế vào ngày mồng 5 tháng 2, hồi ấy người đã ngoài bảy mươi tuổi. Ba ông làm lễ mai táng xong, bèn dâng biểu xin vua cho ở nhà chịu tang cha, được vua chuẩn y. Ba ông ở quê nhà thờ phụng cha được một năm, nhà vua lại xuống chiếu vời về triều báii yết. Được vài năm, vua lại phong cho Hiếu công làm Đô đài giám sát, Thành công làm Phụ chính quốc công, Lương công làm Đại tư chính quốc công, từ đó vua tối nhất trí xây dựng kỷ cương trật tự triều đình và ban hành chính sự nhân hậu cho trăm họ, đời sống nhân dân đầy đủ, thiên hạ thái bình. Nói về khu xóm Đặng Xuyên cũng nhờ được hồng phúc của năm vị đức ông, cho nên làm ăn giàu có, dư dật, không có một người nào là không thỏa mãn với đời sống của mình. Hồi ấy Thục An Dương Vương từ xa nghe thấy Hùng Duệ Vương tuổi thọ đã cao mà không có người thừa kế, nhường ngôi cho Thánh Tản Viên, nhưng Thánh Tản Viên không nhận, Thục Vương nhân cơ hội bèn đem ba chục vạn quân sang đánh Duệ Vương để cướp ngôi. Quân Thục chia hai đường thủy bộ. Đường bộ có mười lăm vạn quân, một nghìn viên tướng giỏi, tám nghìn con ngựa tốt, tiến theo đường Cao Bằng, Lạng Sơn, châu Đại Man, châu Hoàng Nhan, châu Mãn, châu

Phụ, châu Tấn, châu Tụ Long, châu Bảo Lạc, châu Mai, châu Mộc, châu Phù Hoa, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Văn Bào, Thủy Vĩ, quân Thục đi đến đâu đều có đóng đồn trại đến đấy. Đường thủy cũng mười lăm vạn quân, một nghìn viên thượng tướng, thuyền có một vạn chiếc đi từ cửa biển Thần Phù đến châu Hoan, châu Ái, châu Bố Chính, rồi tiến theo các đường sông. Thanh thế quân Thục ào ào như sóng cuộn, âm âm như sấm dậy, chiêng trống vang trời, tinh kỳ rợp đất, một ngày có dăm sáu lần tiếp được thư từ ở biên giới báo gấp về triều. Nhà vua bèn sai các ông Phạm Hiếu, Phạm Thành, Phạm Lương đem quân chống cự quân Thục. Ba ông phụng mệnh đem hai vạn quân tiến thẳng vào chỗ quân địch. Các ông đóng đồn binh ở địa phận Hưng Hóa, thường đánh nhau với quân Thục, qua ba lần trận đánh, quân Thục luôn luôn thất bại, chém được vài chục đầu tướng giặc. Quân giặc bèn lui đến Châu Mộc. Ba ông thu được các đất Văn Bàn, Thủy Vĩ, Hưng Hóa, lập lại đồn trại để giữ đất. Qua một tháng, quân Thục lại kéo đến, ba ông chưa kịp ra quân thì đã bị quân Thục bủa vây bốn mặt, ba ông cho đóng cửa thành cố thủ. Qua vài ba tháng, binh sĩ đói khát, một mặt tướng Thục cho quân đồng thanh hô to: *"Cơ nghiệp triều Hùng đã suy sụp. Hùng Duệ Vương không con kế vị, như vậy là số trời đã định, có sao ba ông không hiểu lý lẽ đó? Nay muốn giữ toàn tính mạng, lại được tước lộc, cấp cáo quy hàng. Vả lại Thục Vương vốn là chúa tể bộ tộc Ai Lao, cũng là dòng dõi Hùng Vương, có phải là người xa lạ gì đâu! Rút cục đều là tông phái nhà vua, tình người nhà với nhau, không phải là người ngoài. Hơn nữa, Thục Vương là người khoan nhu đại độ, đức rộng tài cao, thật là một đấng vua hiền. Ba ông quy hàng tất cho tước lộc. Nếu không quy hàng, hẳn không lối thoát, trừng phạt không tha!"*. Ba ông cả giận, muốn xông ra đánh nhau một trận để quyết được thua. Song quân sĩ đói khát, mỗi một không còn đủ sức chống cự, chỉ việc đóng cửa thành cố thủ. Ba ông đưa thư báo gấp về triều. Nhà vua liền mời Sơn Thánh đến hỏi kế đánh giặc, Sơn Thánh Tản Viên tâu: "Thần xin gánh vác nhiệm vụ

khó nhọc này thay cho nhà vua, chỉ trong một ngày dẹp yên quân Thục". Nhà vua liền phê chuẩn bản tâu với Sơn Thánh. Ngay lúc ấy Sơn Thánh liền triệu tập vị thần tả hữu và hai bộ sơn thần thủy thần vào làm lễ bái mạng nhà vua. Vua phong Sơn Thánh làm chức Nhạc phủ Thượng đẳng thần, Tả kiên Hiển công là Cao Sơn đại vương, Hữu kiên Minh công làm Quý Minh đại vương và các chủ tướng đều được phong tước thứ bậc khác nhau. Lúc ấy Cao Sơn đại vương và Quý Minh đại vương truyền hịch bốn phương mộ quân tuyển tướng, được khoảng hơn hai nghìn người. Tản Viên Sơn Thánh lĩnh mười vạn quân cùng với hai em và các tướng sơn thần thủy phủ, chia làm hai đường thủy bộ đều tiến. Thuyền với ngựa của đoàn quân Sơn Thánh song song nhau, đi thẳng đến nơi giặc đóng và đánh nhau một trận dữ dội để giải vây. Quân Thục thua to. Ba ông phá vòng vây thoát ra, hiệp đồng tác chiến với Sơn Thánh đuổi quân Thục chạy dài đến Châu Mộc, lại đánh một trận bắt được viên thượng tướng của Thục chém đầu thị uy. Quân Thục lại thua to, quân nhà vua truy kích chém đầu quân giặc rất nhiều, thu dọn khí giới, cờ trống đưa về kinh đô. Thế là dẹp yên quân Thục. Nhà vua nghe tin đại thắng, hạ chiếu vời chủ tướng về triều. Ngày ấy Sơn Thánh và các vị như Hiển, Minh, Hiếu, Thành, Lương cũng như các tướng sĩ khác đều phụng mệnh tiến về kinh thành. Được ít lâu, hai ông Hiển và Minh về đến châu Đà Bắc huyện Thanh Xuyên đều hóa. Hiển công lên núi Nộn Sơn - trái núi bên tả của Tản Viên, lên đến đỉnh núi, có mây năm màu phủ kín, bách thú lại châu, giữa lúc trời đất mù mịt, ngài bay lên không biến mất. Minh công lên núi Lãng Sơn - trái núi bên hữu của Tản Viên, lên đến đỉnh núi, trước lúc bay lên trời cũng có mây màu hiển linh như Hiển công vậy. Ba ông Hiếu, Thành và Lương thấy việc hết sức lạ kỳ như vậy bèn đóng quân tại nơi đây, dâng biểu tâu lên nhà vua. Nhà vua bèn sai các quan triều hiệp lực với ba ông Hiếu, Thành và Lương làm lễ ở nơi hai vị quy hóa. Các quan triều cùng ba ông truyền cho nhân dân lập đền thờ tại đỉnh núi. Công việc hoàn thành, ba ông về triều tâu

trình tình hình cụ thể lên nhà vua, được nhà vua khen ngợi: "Các người kiên trì cố thủ như vậy đáng khen là bậc tôi trung, trăm phong cho các người là Tam trung hầu". Ba ông cùng lạy tạ bệ ngọc. Sau đó nhà vua lại truyền cho các tì tướng của Hiến công và Minh công hể nơi nào có bước chân của hai ông đều cho lập miếu thờ cúng. Các tòa miếu thờ hai ông gồm ba mươi hai chỗ. Nhà vua phong cho biển công là Cao Sơn đại vương, Minh công là Quý Minh đại vương, chuẩn y cho hai giáp Đoàn và Bắc ở khu Đặng Xuyên phụng sự.

Từ khi Thục Vương thua trận, oán hờn sâu sắc, sau ba năm bèn cầu viện binh mã ở các nước láng giềng lại sang xâm lược nước Văn Lang. Nhà vua lại sai Tản Viên Sơn Thánh và ba ông Hiếu, Thành, Lương đi đánh. Vua phong ông Hiếu là Trung Hiếu đại vương, ông Thành là Trung Thành đại vương, ông Lương là Trung Lương đại vương. Ba ông lạy tạ bệ rồng. bèn đem quân hiệp cùng Sơn Thánh đánh quân Thục một trận thật lớn khiến quân Thục bị thua to, bị chém đầu rất nhiều không sao kể xiết, máu chảy thành sông, xương chất thành núi, quân sĩ thu chiến lợi phẩm không bỏ sót một chiếc thuyền, không bỏ rơi một con ngựa, đều đưa hết về kinh đô. Nhà vua nghe tin thắng trận bèn giáng chiếu vời ba ông về triều. Trên đường đi, đi đến địa phận huyện Hoàng Hóa thuộc châu Ái (Thanh Hoá), ba ông về quê thăm nhà, nhân dân làm lễ lạy mừng, ba ông bèn truyền cho khao thưởng quân sĩ và nhân dân địa phương. Trong khi đang vui vầy yến ẩm, trời đất bỗng tối tăm mù mịt, mưa gió to lớn đổ xuống âm âm, trong vòng chốc lát thì trời quang mây tạnh, thấy hai ông Hiếu và Lương đều hóa mất rồi. Thành công bèn làm lễ an táng ở cạnh núi Vân Nam và truyền cho địa phương dựng đền phụng sự. Công việc tế táng xong xuôi, ngày hôm sau Thành công đem quân về triều, thuyền binh của ông tiến đến ngã ba sông Lương Giang, vụt nổi trận gió lớn, trời đất mịt mù, sóng cuộn âm âm, một lát lắng trong, thấy các loài cá, ba ba, rắn mai hoa, thuồng luồng... đều nổi lên mặt nước, bỗng có tiếng sét dường như xé đất, thấy con rồng vàng tự trong

mình ông Thành bay vút lên trên không đi mất, ông liền hóa ngay lúc ấy. Các tì tướng của ông làm biểu tâu lên nhà vua nói ba ông đều hóa. Nhà vua nghe tin rất thương ba vị bề tôi trung nghĩa, có công lao với nước, bèn sai quan triều về nơi ba ông hóa làm lễ tế bái, một mặt truyền cho dân địa phương lập miếu thờ phụng, cấp cho ruộng hương hỏa, hằng năm đến mùa xuân mùa thu lại sai quan về tế. Sau đó, nhà vua lại truyền cho bộ hạ của ba ông ở các nơi đều dựng miếu thờ, được tất cả hai mươi ba chỗ. Nhà vua lại truyền lệnh cho hai giáp tại khu Đặng Xuyên tu sửa hành cung khi ba ông còn sống vẫn hội đồng vui chơi yến ẩm tại đó, làm nơi thờ của hội đồng. Hồi ấy nhà vua phong cho hai vị Hiến công và Minh công làm Thượng đẳng Tội linh thần, ba vị Hiếu, Thành, Xương là Trung đẳng Phúc thần.

29. SỰ TÍCH TRÂU Á - TRÂU THÀNH THỜI HÙNG VƯƠNG ĐÁNH THỤC

Xưa còn truyền sự tích lại rằng: Bà Thánh Mẫu là họ Trâu đi hái dâu qua bến sông, xuống rửa chân tay, thời chợt thấy đám mây kéo mù mịt, rồi có con giao long lại quấn vào người, về trăm ngày thì thụ thai. Cha mẹ bà thấy vậy hỏi căn cớ làm sao, bà Thánh Mẫu quỳ thưa rằng: Vì hôm trước con đi hái dâu qua bến sông, xuống rửa chân tay ở đây, trời bỗng mù mịt chợt thấy con giao long lại quấn, thì ngày nay con mấy thụ thai. Cha mẹ bà thấy nhời nói như vậy cũng để ý mà mừng lòng. Bà Thánh Mẫu thụ thai được mười ba tháng, đến năm Nhâm Thìn ngày mồng Sáu tháng Giêng thấy trời mù mịt nước sông trướng rầy, cá giải về châu tự dưng bà Thánh Mẫu sinh ra hai quả trứng. Cha mẹ bà lấy làm sự quái lạ, tức giận mấy đem hai quả trứng ra vứt bỏ ở bờ sông Tích Giang về hạt phủ Quốc Oai. Hai quả trứng dần dần trôi lên làng Hạnh Đàn, tới đọng lại ở con gò giữa sông. Dân làng thấy vậy mấy bảo nhau nhấc hai quả trứng ấy lên giữa gò. Hai quả trứng cứ dần to lên. Đến ngày mồng Mười tháng Giêng năm ấy thời hai quả trứng bỗng

nổ hai tiếng như sấm như sét rầm rĩ, khắp cả mọi nơi dân làng nghe tiếng mấy bảo nhau ra xem thì thấy hai vị mặt rồng mắt phượng tấm thước khác vời. Dân làng kinh sợ, mấy bàn làm só tâu vua Hùng Duệ Vương. Rồi nhà vua sai quân quyền ban giá đón hai vị về triều phụng dưỡng. Đến khi hai vị mười lăm tuổi, nhà vua Duệ Vương nước Văn Lang lúc bấy giờ mấy bị giặc Thục An Dương Vương sang làm loạn. Vua Duệ Vương sợ hãi quá, mấy ban chiếu sai hai vị tên là Á công, Thành công cùng với đức Thánh Tản Viên Sơn đi dẹp giặc ấy. Thánh Tản Viên thì đánh bộ binh, còn hai vị Á công, Thành công thì đánh thủy binh. Thủy bộ đều đến Thục đồn cả, đánh một trận thì quân Thục đều tan, theo chém hơn vạn đầu, thu được cả ấn bảo, khí giới đưa về kinh đô làm biểu tấu vua. Rồi hai vị và quân quyền đều hóa ở sông Lương sông Mã thuộc về châu ái phủ Thiệu Thiên, huyện Thụy Nguyên. Lúc bấy giờ vua nghe thấy vậy và nghĩ đến hai vị có công to dẹp giặc phù quốc, mấy sai quân sĩ ra làm lễ hai ngài. Rồi truyền về cho dân Hạnh Đàn phải lập miếu tôn thờ hai ngài, và cho một nghìn quan tiền. Vua Duệ Vương phong cho mỗi vị là Vạn cổ Phúc thần Quản chương giang đầu, hương hỏa phụng thờ mãi mãi cùng non sông đất nước, thành lệ tục hằng năm.

30. TRẦN GIỚI, TRẦN HÀ

Hùng Duệ Vương tuổi già mà không có con trai nối dõi. Thục Phán là chủ bộ Ai Lao cho rằng vạn nhà Hùng đã hết, có thể cướp ngôi được, mới đem quân đánh vua Hùng. Hùng Duệ Vương không cự nổi, truyền gọi Tản Viên về triều, trao quyền đánh dẹp để cự nhau với Thục. Tản Viên Sơn Thánh và hai em là tả, hữu lam thần đem ba nghìn người vùng sông Đà về nhận mệnh vua, rồi tiến quân qua sông Thao, đóng trại ở các làng Cổ Tiết và Quang Húc.

Đêm, Sơn Thánh nằm mộng thấy có hai con trâu đen ở dưới sông nổi lên trước cửa trại múa giỡn với nhau rồi lại nhảy

xuống nước biến mất. Sơn Thánh tỉnh dậy cho là điềm lạ mới cho mời các cụ bô lão tới hỏi. Các cụ kể rằng trong làng có người họ Trần tên Vinh, tuổi đã cao mà không có con. Một hôm người vợ ra bến sông tắm có giao long nổi lên phủ quanh mình, sau về có mang 12 tháng, đẻ ra một cái bọc, nở ra hai người con trai đặt tên là Giới và Hà. Cả hai hình dung kỳ lạ, lưng có vẩy như vẩy cá, nghề sông nước rất thạo, có thể cả ngày lặn dưới nước. Sơn Thánh cho là ứng với điềm mộng, liền mời hai người đến trại quân, Giới và Hà vái chào. Sơn Thánh thấy hai người đáng mạo kỳ lạ, trong lòng mừng thầm, mới hỏi chuyện. Hai người tự nói là người dưới nước, Sơn Thánh cho đi theo, giao cho thống lĩnh thủy quân. Giới và Hà về mộ người làng được 200 người cùng theo Sơn Thánh đánh Thục. Sơn Thánh cùng hai ông tả, hữu lam thần tiến quân trên bộ tới Châu Mộc, Giới và Hà dẫn quân thủy đi ngược sông Thao. Tới Châu Mộc, quân Thục hò reo đón đánh, hai bên cự nhau nhiều trận chưa phân thắng bại, có ngày quân Thục vây kín quân Sơn Thánh. Sơn Thánh ngồi trên núi cầm gậy thần giơ lên, chợt có vị thần tướng mình cao năm trượng hiện lên thổi gió thành bão, cát bay, đá chạy. Quân Thục tan vỡ. Thủy quân Thục tiến theo sông Mã gặp Giới và Hà. Hai người dẫn thuyền đón đánh, rồi xuống nước đục thuyền tướng giặc. Quân giặc địch không nổi, máu đỏ mặt sông, quay thuyền chạy trốn. Thục chúa thua to phải rút quân về.

Hai năm sau, Thục Phán lại đem quân đánh Hùng Vương, lấy quân các động tiến về Phong Châu. Tình thế rất gấp, Hùng Vương lại triệu Sơn Thánh về triều hỏi kế. Sơn Thánh tâu xin nhà vua tự cầm quân cùng đi. Hùng Vương và Sơn Thánh đánh nhau với Thục Phán nhiều trận quyết liệt, tiến sâu vào đất Thục, rồi rút quân về. Giới và Hà lập được công to, phá được thủy quân của giặc, bắt được nhiều tên làm nô lệ.

Khi quân về tới bến Quang Húc, chợt có mưa to gió lớn. Cả hai lặn xuống sông, không thấy trở lại nữa.

31. SỰ TÍCH MINH LANG, SÁT HẢI, QUẾ HOA, QUỲNH HOA, MAI HOA THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền ở xã Cử Dương, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam có một vị quan trưởng tên là Hùng Liên được vua Hùng phong làm Trấn thủ Sơn Nam, vợ là Tạ Thị Loan người ở châu Bảo Lạc. Hùng Liên gần sáu mươi tuổi, Thị Loan ngoài bốn mươi tuổi mà chưa có con. Vợ chồng ông vốn người tu nhân tích đức, một hôm bàn với nhau: "Tuổi mỗi ngày mỗi cao mà chưa có con, chi bằng hãy đi cầu đảo với miếu thần phật, may ra được trời đất bách thần soi xét ban phúc xuống cho". Ông bà liền đưa nhau đến chùa Yên Tử ở Hải Dương (nay là Quảng Ninh) thắp hương cầu nguyện. Đêm ấy ông bà nằm cầu mộng ở trước nhang án, nằm mơ thấy con rồng vàng giểu quanh phủ nhân ba vòng, phủ nhân sợ hãi kêu rú lên mấy tiếng rồi tỉnh mộng, đem điều chiêm bao kể cho Hùng Liên nghe. Hùng Liên cho rằng đó là điềm lành thế nào cũng đốc sinh quý tử, ông bà làm lễ tạ Phật, trở về đến sông Kim Ngưu, bãi Xích Đằng nghỉ chân một lúc. Phủ nhân xuống bến sông tắm, đang tắm thấy có con giao long giểu ở dưới chân phủ dải thơm vào mình mấy phủ nhân. Phủ nhân về nhà, trong người vẫn còn mùi thơm phưng phức. Tất cả những hiện tượng xảy ra như thế nào trong lúc tắm sông, phủ nhân thuật lại tỉ mỉ cho Hùng Liên nghe. Ông nói: "Ta thuộc về cung mạch Thủy thần, tất nhiên có Thủy thần giáng sinh, hãy chờ xem điều chiêm bao thế nào". Nói xong, về trị sở ở Sơn Nam, đêm ấy ông chiêm bao thấy có người bụng cái mâm bằng vàng, trên mâm có con cá chép, đến trước mặt bảo rằng: "Nhà ông phúc hậu, trời đã soi xét. Cá chép này là của báu nhà trời, nay đem cho ông". Hùng Liên muốn hỏi lại thì người ấy biến mất. Sau khi chiêm bao, được ba hôm thì phủ nhân cảm thấy trong bụng chuyển động rồi có mang đến mười một tháng, đến giờ Dần ngày mồng Mười tháng Ba năm Giáp Tý đẻ ra hai cậu con trai có tướng mạo kỳ lạ: Sau lưng có hai mươi tám điểm nổi hằn lên như vẩy cá chép tượng trưng cho

hai mươi tám ngôi sao (nhị thập bát tú). Hùng Liên đem sự kiện đó tâu lên vua Hùng. Nhà vua thấy diện mạo hai ông kỳ lạ bèn đặt tên cho ông thứ nhất là Minh Lang, ông thứ hai là Sát Hải. Hùng Liên thuật lại việc phu nhân tắm ở sông Kim Ngưu có giao long giấu quanh thân thể rồi cảm động mà có thai. Vua nghe bèn phán: "Quả nhiên như thế tất là thần sông Kim Ngưu đầu thai". Vua Hùng cho được lấy Đồng Lý làm chỗ ăn lộc và làm nơi đến chính thờ phụng sau này. Hồi hai ông lên tám tuổi đã tỏ ra thông minh lỗi lạc, chưa học đã hay. Hai ông đi đến đâu, trên trời hiện đám mây như cái tàn che đến đấy. Tính hai ông thích bơi lội, thường tắm dưới sông suốt ngày không lên. Đến khi hai ông mười sáu tuổi nổi tiếng văn võ toàn tài, thường đàm luận cùng bè bạn về việc kinh bang tế thế, tỏ ra là người giỏi giang mưu lược khiến cho bạn bè phải khâm phục. Hồi ấy có nạn lũ lụt, nhân dân đói khổ, nhà vua sai hai ông đem quân đi tuần hành khắp nơi để thi thố tài năng trị thủy cứu dân. Một hôm, hai ông đến ấp Đồng Lý, nhân dân làm lễ chào mừng. Đến đêm hai ông chiêm bao đánh nhau với ba viên tướng Thủy Tề, bắn mấy phát tên trúng ngựa ba viên tướng giặc, chúng thua to tháo chạy. Hai ông tỉnh mộng, chạy ra bến sông thấy ba con giao long bị chém chết nổi lên mặt nước. Thế là nước rút đến lòng sông. Nhà vua bèn vời hai ông về triều mừng công chiến thắng thiên tai và phong cho trị nhậm đạo Sơn Tây. Hai ông xin về thăm bố mẹ, được nhà vua ưng thuận. Hai ông về thăm nhà được mấy ngày thì thân phụ mất (ngày ấy là mồng Mười tháng Năm năm Bính Tí). Được ít lâu, hai ông về xã Đồng Lý sửa sang hành cung hơn sáu tháng trời. Ở Đồng Lý có một người tên là Lê Huân, vợ là Trương Thị Hoan, gia đình làm nghề trồng dâu chăn tằm, hằng ngày Trương Thị phải đi hái dâu, một hôm trời nổi cơn gió lốc, Trương Thị vào nấu trong khóm dâu, ngủ thiếp đi, mơ thấy ba người con gái đẹp đến nắm chung với bà, hỏi thì họ trả lời: "*Chúng con là con gái vua Long Vương ở Thủy cung xin đầu thai vào làm con họ Lê*". Trương Thị tỉnh mộng về nói cho Lê công nghe. Lê công nói: "*Quả nhiên như thế thật có Thủy*

phủ Thần nữ giáng sinh". Sau một tháng, Trương Thị có mang, đến Mười Lăm tháng Tám năm Nhân Thìn đẻ ra một bọc có ba con gái, môi son má phấn, mắt phượng mày ngài. Sau một trăm ngày, bố mẹ đặt tên cô thứ nhất là Quế Hoa, cô thứ hai là Quỳnh Hoa, cô thứ ba là Mai Hoa. Năm mười sáu tuổi dậy thì con gái, ba cô như hoa đào rực rỡ, như trăng thu sáng ngời, nghề nữ công rất thành thạo, chỉ hiếm một nỗi không bao giờ mở miệng nói cười. Hai ông tuần du đến đây, nhắc thấy ba cô, bèn hỏi nhân dân xem con cái nhà ai mà xinh đẹp đến thế. Nhân dân cho hay lai lịch ba cô, hai ông cho đòi ba cô đến hỏi: "*Người ta sinh ra có miệng có lưỡi tại sao mà chẳng nói chẳng rằng*". Ba cô vụt mở miệng đọc bốn câu thơ rằng:

*"Từ nơi Thủy phủ giáng trần,
Có mầm còn đợi cố nhân tỏ bày.
Mong nhau mười sáu năm nay,
Gặp chàng mới biết có ngày mai sau".*

Nghe đọc thơ xong, hai ông nói với nhân dân: "*Kiếp trước chúng tôi là con vua Thủy Tề Long Vương, các cô này đều là vợ của chúng tôi*". Hai ông bèn cho mời ông bà họ Lê đưa trăm nén vàng làm sính lễ. Ông bà họ Lê gả hai cô Quế Hoa, Quỳnh Hoa cho Minh công, gả Mai Hoa cho Sát Hải công. Sau đó vài hôm, hai ông đi trị nhậm tại đạo Sơn Tây, giao cho các vị phu nhân ở lại hành cung Đồng Lý để trông nom nuôi dưỡng nhạc phụ nhạc mẫu. Sau ba năm trị nhậm Sơn Tây, có Thạch Linh thần tướng đem những đạo hùng binh từ phương Bắc đến xâm lược, thu tín từ biên giới báo về triều dồn dập. Nhà vua cả lo, bèn lập đàn cầu đảo thiên địa bách thần, cầu đến ba ngày ba đêm thì gió mưa kéo đến, xuất hiện một ông già cao hơn chín trượng, đầu râu trắng xóa vừa đi vừa hát ở đường. Vua Hùng thân hành ra đón vào trong đàn tràng, hỏi: "*Nay có quân giặc ở phương Bắc đến xâm lược, được thua ra sao, xin cụ chỉ giáo...*". Cụ già gieo quẻ bói rồi đoán rằng: "*Nếu tìm được người thì giặc này chẳng đáng kể chi*". Sau đó vua Hùng cho sứ đi tìm được Phù Đổng Thiên

Vương ra giúp nước. Hùng Vương sai hai ông cùng các vị thần núi thần sông đem mười vạn hùng binh trợ chiến. Hai ông cùng Thiên Vương chém được Thạch Linh thần tướng ở chân núi Vũ Ninh. Quân giặc đã tan, Thiên Vương phóng ngựa về đến núi Sóc Sơn thì cởi chiến bào ra, rồi bay lên trời. Hai vị đức ông thì về đến sông Đồng Lý, bỗng nổi cơn gió lốc, trời đất tối tăm, sóng nổi lên cuộn cuộn, dân địa phương nghe ở dưới sông có tiếng gọi rất to: *"Kính mời ba vị phu nhân cùng về Thủy quốc!"*.

Hôm ấy là giờ Thân, ngày 15 tháng 8 năm Canh Thìn. Một hồi lâu thì gió mây quang tạnh, sông nước trở lại bình thường, dân Đồng Lý không thấy ba vị phu nhân đâu cả, họ nháo nhác đi tìm, bỗng thấy thuyền rồng còn đậu ở bến trong thuyền toàn là quân lính, họ nói to để nhắc lại: *"Hai vị đại vương cùng với ba vị phu nhân đã xuống thuyền rồng về Thủy quốc rồi. Dân làng hãy về sửa sang hành cung thành chỗ miếu thờ..."*. Dân làng Đồng Lý tế lễ rất mực tôn kính. Nhà vua nghe tin bèn phong là Thượng đẳng Phúc thần, đồng thời phê chuẩn cho xã Đồng Lý là nơi đền chính.

32. NGỌ SƠN ĐẠI VƯƠNG

Vào cuối đời Hùng Vương, ở châu Ái, phủ Trường Yên, động Hoa Lư, xã Vân Lung, khu Tập Ninh, có một nhà họ Nguyễn tên Trường, lấy bà Đinh Thị Khương người cùng xã. Nguyễn công vốn làm nghề thầy thuốc, đời đời làm nhiều điều ân đức. Một ngày kia, bà Đinh Thị ngủ ở hiên nhà mé đông, trong lúc mơ màng thấy một con ngựa hồng từ bên ngoài đi vào, đứng giậm chân ở trước giường nằm. Bà Đinh Thị giật mình tỉnh dậy, và từ đấy có thai; đến ngày mồng 8 tháng Giêng năm Bính Ngọ, sinh hạ một người con trai, phong tư đẹp đẽ, khí vũ hiên ngang, khác hẳn người thường. Nguyễn công mừng lắm, nhân điểm mộng thấy ngựa hồng, lại sinh năm Ngọ, bèn đặt tên là chàng Ngọ (Ngọ lang). Khi chàng Ngọ đến tuổi trưởng thành, Nguyễn công tìm thầy cho Ngọ học tập, chàng thông hiểu văn chương,

tình thông võ nghệ, bè bạn đồng môn đều kính phục chàng. Năm 16 tuổi cha mẹ chàng Ngọ nối nhau qua đời, chàng Ngọ chôn cất cha mẹ mồ yên mả đẹp xong xuôi thì gia tài khánh kiệt. Chàng Ngọ phải sớm vay chiếu mượn, một bữa no, mười bữa đói, nhà ở bốn bề vách trống. Chàng ta thường than rằng: "Con thầy thuốc giỏi hay chết vì bệnh, mà ta nay cũng khốn vì cái bệnh nghèo". Tuy vậy, nhưng thiên tính vui đời chẳng đổi dời, chàng Ngọ vẫn ngày ngày với cây rìu cái búa kiếm kế sinh nhai, tối tối lấy đom đóm làm đèn đọc sách, một túi cơm, một bầu nước mà yên phận nghèo, vui đạo học, nuôi trí lớn. Mười chín tuổi xong tang mẹ, chàng Ngọ nghe tiếng Tản Viên Sơn Thánh là người có nhiều thuật lạ, dời núi, lấp biển, lục trí thần thông, đang ở trên động Lăng Xương, trên núi Tản Viên, thuộc đạo Sơn Tây. Chàng Ngọ bèn tìm đến nơi yết kiến Sơn Thánh, được Sơn Thánh yêu mến, cho chàng đến ở với em Sơn Thánh là Quý Minh. Bấy giờ vua Hùng thứ 18, là Duệ Vương không có con trai, có con gái út là Mỹ nương, vua rất yêu mến, cho dựng lầu kén rể ở đô thành, ý muốn tìm người tài giỏi để sau nhường ngôi. Sơn Thánh xuống núi ứng tuyển, được vua Hùng vừa ý tuyển làm phò mã, mở cung phủ giúp vua trị nước. Sơn Thánh tiến cử em là Quý Minh giữ chức Hữu đô đài, tiến cử chàng Ngọ giữ chức Trung thư lệnh. Trải qua 7 năm giúp rập triều đình, Ngọ công thưởng thường về thăm quê quán Văn Lang, chẩn cấp những người nghèo khổ, cả một làng được nhờ ơn huệ.

Lại nói Bộ chủ Ai Lao là Thục Phán trước xin lấy Mỹ nương là con gái vua Hùng không được, trong lòng căm giận, nay thấy vua Hùng Duệ Vương đã già mà không có con trai nối ngôi, mới chứa tích quân lương, liên kết các Man động, chia làm năm đạo, dựng cờ lớn ở Mộc Châu, xâm phạm nước Văn Lang. Vua Hùng liền triệu trăm quan bàn kế đánh dẹp, phong con rể là Tản Viên Sơn Thánh lĩnh ấn Nguyên nhung, chia quân làm 5 đạo để nghênh địch. Ngọ công xin lĩnh đạo quân đón đánh quân Thục ở châu ái. Các đạo hiệp sức cùng loạt tiến công, khiến quân Thục thua to. Sơn Thánh về triều báo công thắng trận. Vua Hùng

ban chiếu gia phong các tướng, khao thưởng quân sĩ, phong Sơn Thánh lên một trật, cho đi tuần du thiên hạ, xem xét dân tình, phong Ngộ công ra trấn thủ châu Hoan. Bấy giờ Ngộ công cố tử và xin cho theo Sơn Thánh để có dịp du lịch bốn bể xem khắp núi sông. Vua cũng ưng cho. Hai ông cùng hạc cầm nhàn nhả, non nước tiêu dao, đi khắp đó đây.

Một ngày kia qua châu Ái, đến đất Trường Yên, Ngộ công xin Sơn Thánh cho về thăm quê cũ Hoa Lư. Sơn Thánh bèn cùng Ngộ công về xã Vân Lung, khu Tập Ninh, mở yến tiệc ăn mừng, nhân dân đều đến làm lễ. Tiệc mừng xong xuôi, Sơn Thánh thấy khu Phù Long địa thế đẹp đẽ, nhân dân no đủ, phong tục thuần hậu, liền truyền lệnh cho quán sĩ xây dựng một cung sở ở đất Phù Long, làm nơi qua lại dừng xe.

Ngộ công cũng bãi từ Sơn Thánh về cung phủ ở khu Tập Ninh. Ngộ công giúp dân tiền của, khuyên dân chăm việc nông tang, lấy nhân nghĩa cố kết lòng người, lấy hòa mục đúc thành dân tục, khiến cả một cõi âu ca nhuần thấm ân đức, thân như cha mẹ sinh thành.

Lại nói vua Hùng Duệ Vương đã ở ngôi 105 năm, vua bèn triệu Sơn Thánh để nhường ngôi. Sơn Thánh từ không nhận, nhân tâu với vua Hùng rằng: "Gần đây Thục chúa đã dâng thư cầu hòa, xưng thần nộp cống, nên triệu về để nhường ngôi". Vua Hùng Duệ Vương nghe lời Sơn Thánh liền truyền ngôi cho Thục chúa. Thục chúa lên ngôi lấy hiệu là An Dương Vương.

Ngộ công ở khu Tập Ninh, xã Vân Lung, nghe tin vua Hùng Duệ Vương đã nhường ngôi cho Thục chúa, bèn than rằng: "Thương thay cơ nghiệp nhà Hùng đã về tay người khác!". Ngay ngày hôm sau đó, ông cho mở yến tiệc khoản đãi phụ lão nhân dân, rồi ban cho khu Tập Ninh 10 hốt vàng và bảo rằng: "Ta cùng nhân dân tình nghĩa đã nên sâu sắc chẳng phải một ngày mà quên được! Ví bằng sau khi ta trăm tuổi nhân dân dựng một ngôi đền chính ở đất Tập Ninh, viết thần hiệu của ta mà phụng thờ ở đấy. Còn như các khu: Phù Long, Tri Mễ, Mạnh Trung,

Trung Hòa, ở xã nhà đều cho mỗi khu 6 hốt vàng, để cho dân mua ruộng mua ao, lấy chi vào việc hương hỏa phụng thờ. Hằng năm cứ mồng tám tháng Giêng ngày sinh ta, nhân dân các thôn đều đến đền chính thờ ta mở hội ca hát, vui chơi. Nhân dân nghe lời dặn của ta chớ có thay đổi vậy".

Nhân dân năm khu đều lạy xin tuân lĩnh mệnh lệnh. Công việc xong xuôi, Ngọ công lấy mỗi khu hai người, theo ông đi về Sơn Tây, lên Lăng Xương động, mới đến chân núi Tản Viên, Ngọ công bỗng nhiên bị cảm mạo mà hóa, hôm ấy là ngày 13 tháng 10 âm lịch. Tuy tùng và dân địa phương làm lễ an táng Ngọ công ở xứ núi Quynh địa phận Lăng Xương, phía nam chân núi Tản Viên, rồi đem tin về báo cho dân xã. Nhân dân theo lời ông dặn, xây đền thờ chính ở khu Tập Ninh, viết duệ hiệu: "Đức ông Ngọ lang" để phụng thờ. Lại nói, Thục An Dương Vương được nước, cảm ơn vua Hùng nhường ngôi, mới tu sửa đền miếu ở núi Nghĩa Lĩnh thờ 18 vua Hùng. Phàm các tướng của vua Hùng Duệ Vương đều phong đại vương, sắc chỉ cho các làng, ấp, đồn quận, doanh trại, nơi ở trước lập miếu phụng thờ. Ngọ công được tặng phong là: "Ngọ sơn Đại vương".

Thục Vương lại xuống chiếu chỉ cho xã Vân Lung rước sắc phong về để cả năm khu trong xã đều lập đền thờ, đền chính ở khu Tập Ninh.

Từ đấy về sau trải các triều Đinh, Lê, Lý: Trần, Lê dựng nước, thần thường hiển linh âm phù giúp nước cứu dân, nên có nhiều đời vua phong thêm mỹ tự để tiếp tục hương hỏa phụng thờ theo lệ cũ.

33. SỰ TÍCH HAI ANH EM THIÊN, QUANG THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền ở xã Hà Trung, huyện Thạch Hà, phủ Thiệu Thiên ở Ái châu có một người là Phạm Hồng, vợ là Hàn Thị Khanh làm nghề chài lưới, vốn là người tu nhân tích đức. Một

hôm quăng chài giữa sông thấy một tấm đồng vuông trôi vào trong lưới, ông ném ra thì tấm đồng lại trôi vào lưới, ông cho là việc lạ bèn vớt lấy tấm đồng bỏ vào trong thuyền, sau lấy đá ra mài thì thấy phiến đồng có bốn câu:

"Triều Hùng mặt vận, giặc Thục xâm lăng

Họ Phạm sinh thánh, lũ giặc kinh hoàng

Thăm nhuần thánh đức, Thanh Sầm khói hương

Oai danh khó sánh, sơn cao thủy trường"

Phạm Hồng cho là điềm lành, bèn đưa tấm đồng cho chú ruột là Phạm Công Bình hồi ấy đang làm chức Thị vệ cho Hùng Duệ Vương. Chú của ông cho sấm ký là một việc lớn, không dám giấu giếm bèn đem Phạm Hồng với tấm thẻ đồng dâng lên Hùng Vương. Hùng Vương xem xong và ngắm tướng mạo ông Hồng, biết là con người thực thà, trung hậu, sau này tất sinh con thánh, bèn giữ lại để sử dụng. Được ít lâu vua phong ông Hồng làm quan Trưởng phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam. Ông Hồng bèn đưa phu nhân Hàn Thị đến trị nhậm Khoái Châu. Nhân khi thông thả, ông đi thăm phong cảnh, đến một nơi thấy kiểu đất rồng châu hổ phục, bốn bề ôm lại rất đẹp, rất hùng, bèn hỏi phụ lão xem đó là thôn ấp nào, phụ lão thưa rằng: *"Đây là ấp Thanh Sầm"*. Ông chợt nhớ đến mấy câu sấm ghi trên phiến đồng trước kia do ông bắt được, hơn nữa thấy nhân dân nơi đây làm ăn thịnh vượng, có thuần phong mỹ tục, bèn dựng hành cung gọi là cung Thanh Sầm làm chỗ nghỉ ngơi những khi nhàn hạ. Hồi ấy, ông và phu nhân tuổi ngoài bốn chục mà chưa có con, thường than thở rằng: "Ba mươi tuổi mà không có con đã là bất hiếu, huống chi tuổi ngoài bốn chục mà chưa có con, nếu không may xảy ra việc gì há không phải là đại bất hiếu hay sao!". Từ đó hai vợ chồng dốc lòng làm điều nhân đức, đem tiền của cứu mang những người nghèo đói. Một hôm ông bà sửa lễ đến cầu tự ở chùa Hương Tích, đêm nằm cầu mộng ở trong động, khoảng canh ba chiêm bao thấy ông cụ già cho hai con cá chép màu hồng, rồi lại thấy một con rồng thần từ dưới Thủy

phủ bay lên quán chung quanh Hàn Thị. Ông tỉnh dậy, sáng hôm sau làm lễ tạ, rồi lên thuyền trở về. Trong lúc thuyền đang đi thường thấy hai con cá chép đỏ bơi theo sau thuyền. Đến giữa sông cái, trời bỗng tối sầm, sóng cuộn lên, các loài thủy tộc dữ tợn như côn, ngạc, kinh, nghê đều nổi lên mặt nước, ở giữa bầy cá dữ lại có con giao long dài mười trượng giểu chung quanh thuyền của Hàn Thị. Ông và người nhà khiếp sợ nằm phục xuống không dám nom. Khoảng trong chốc lát, gió mưa im bặt, các loài thủy tộc cũng biến đâu mất. Ông ngẩng lên trông thấy mình mấy Hàn Thị đẩy những dót dãi, bèn bỏ thuyền lên bờ, ông bà dìu nhau về. Sau đó Hàn Thị đêm đêm chiêm bao thấy con rồng thần đến phủ bà, nhân đó có mang. Từ khi có nghén đến lúc gần sinh, thường nghe có người đọc mấy câu thơ:

"Nước trong xanh, nước trong xanh

Trời Nam lồng lộng giáng sinh anh tài

Họ Hàn nuôi dưỡng bào thai

Rồng thần xuất hiện giúp đời nên công".

Đến giờ Sửu ngày mồng Bốn tháng Giêng năm Giáp Thìn, bà Hàn Thị đẻ ra một bọc có hai con trai, đầu rồng mình rắn, hình dáng dị kỳ. Ông bà rất mừng, bèn đặt tên cho con lớn là Thiện, con thứ là Quang. Hai người con thường hay biến tướng hiện hình, gọi mưa bão gió. Ông Hồng nghĩ thầm về điềm sấm ký trước đây nay đã báo ứng, bèn dâng hai con lên vua Hùng. Nhà vua thấy tướng mạo kỳ lạ của hai ông, bèn giữ lại nuôi ở trong cung. Hai ông rất mực thông minh, không học mà biết, nhà vua rất quý mến, phong cho chức Thị tòng tham nghị luyện đạt triều chương chính sự. Sau khi ông Hồng tiễn hai con, xin vua trở về quê hương, bỗng nhiên vô bệnh mà mất. Không bao lâu thì phu nhân Hàn Thị cũng mất theo. Hai ông về làm lễ an táng và ở nhà chịu tang ba năm. Vua lại vời hai ông cho nối nghiệp cha được lấy châu Xích Đằng làm nơi ăn lộc. Hai ông về xã Thanh Sầm là nơi ở của cha mẹ trước kia, chẩn cấp người nghèo, nuôi dưỡng người già, khuyến khích dân làm ruộng trồng dâu, thi

hành nhân chính, làm điều lợi bỏ điều hại, đối với dân rất có công, người già người trẻ ở Thanh Sầm đều vui vẻ kính phục. Gặp khi vua Thục đem quân xâm lược Văn Lang, vua Hùng rất lo, sai người vời hai ông và Tản Viên Sơn Thánh vào triều bàn mưu tính kế đánh giặc. Các ông vào triều tâu rằng: "*Hùng triều ngự trị thiên hạ có tới hai nghìn hai trăm năm nay, vua thánh hiền kế tiếp nối dậy, nhân hậu thấm vào lòng người, quân Thục dám đến xâm phạm, sự cơ thất bại của chúng cũng đã rõ lắm rồi. Bọn hạ thần xin giúp nhà vua đánh quân Thục. Chẳng bao lâu nữa sẽ bình định xong*". Vua Hùng bèn lên nhà thái miếu cáo yết tiên vương, thân cầm cây búa lệnh trao cho Sơn Thánh Tản Viên và phán rằng: "*Từ mặt đất cho đến tận trời, ta giao cho tướng quân quản lĩnh*". Vua lại phán bảo hai ông rằng: "*Từ mặt đất cho đến vực sâu, ta giao cho hai vị tùy quan quản lĩnh*". Vua liền phong cho hai ông làm Đốc lĩnh long chu thủy đạo tướng quân, đem quân đánh các đường thủy. Ngoài ra, các nơi giặc đóng vua đều ủy quyền cho Sơn Thánh Tản Viên đánh dẹp. Hai ông vâng mệnh, trở về Thanh Sầm chiêu tập dân binh làm quân thủ túc. Khao quân xong các ông liền xuống sông bày trận thủy chiến. Trong khi đánh, bao nhiêu giao long, sáu mạp, cá voi đều nổi lên trợ chiến uy hiếp kẻ địch. Quân Thục thua to, chết đuối vô kể. Còn đạo quân trên bộ bị Sơn Thánh và chủ tướng hội đồng đánh đuổi, làm cho quân Thục thua chạy tan tác, dù chỉ một chiếc bánh xe hay một con ngựa cũng không trở về được. Sau khi chiến thắng, nhà vua hạ lệnh khải hoàn, hai ông về đến cửa sông Viên Môn thuộc đạo Sơn Nam, trời bỗng tối tăm, sóng cuộn âm âm, hai ông hóa làm hai con giao long xuống sông biến mất. Vua nhớ công lao của hai ông, phong là Hưởng thiện Ninh quốc Đại vương và Đạo quang Vĩnh an Đại vương, ban cho dân xã Thanh Sầm được phụng thờ hương hỏa. Thục Phán sau này được vua Hùng nhường ngôi; khi họ Thục làm vua lại truy phong hai vị là Hưởng thiện Ninh quốc An dân Hùng tài Đại lược Đại vương và Đạo quang Vĩnh an hộ quốc Ninh dân Quả quyết Đại vương. Đến thời Lê Túc Tông, trời đại

hạn, lúa má khô héo, nhà vua cho cầu mưa ở đền hai vị rất linh ứng, bèn gia phong là Cương nghị Lập tức Phấn dũng Đại vương và Bảo hựu Anh linh Chí diễn Đại vương. Trai các triều vua đều có sắc phong cho dân sở tại tiếp tục hương hỏa.

34. SỰ TÍCH HÙNG HẢI, ĐỖ HUY THỜI HÙNG VƯƠNG

Tục truyền vào cuối đời vua Hùng thứ 18 tức là Hùng Duệ Vương, bộ Giao Chỉ mấy năm liên thiên tai tật dịch, nước biển dâng ngập lụt ruộng đồng, nhân dân lâm than cơ cực. Vua Hùng Duệ Vương sai con trai quan Chủ bộ Dương Tuyền là Hùng Hải và con trai quan Chủ bộ Chu Diên, là Đỗ Huy, đi tuần hành miễn ven biển bộ Giao Chỉ để vỗ yên dân chúng. Hai ông vâng mệnh vua Hùng, mang quân bản bộ đi đến đâu là xuất lúa kho nuôi dân, đào kênh mương tiêu nước, đắp đê ngăn nước biển dâng. Từ đấy thủy tai chấm dứt, tật dịch đều yên, thóc lúa phong đăng, tầm tở tươi tốt, trong khoảng vài năm, dân chúng ven biển bộ Giao Chỉ của lắm vật nhiều, ăn no mặc ấm. Hai ông về triều phục mệnh. Bấy giờ nước Hồ Tôn ở phía nam nước Văn Lang thường mang quân vượt biển vào cửa Đại Nha cướp của giết người. Vua Hùng Duệ Vương lại sang Hùng Hải lĩnh đạo thủy quân, sai Đỗ Huy lĩnh đạo bộ binh tiến xuống biên giới phía Nam, quân nước Hồ Tôn thua trận bỏ chạy về nước.

Thủy quân đại tướng Hùng Hải, và Bộ quân đại tướng Đỗ Huy đem quân lui về đóng đồn ở vùng Thượng Tiễn lập đồn lưu thủ, gọi là Bảo Đồn (sau này là Văn Đồn), doanh trại phía tây của tướng quân Hùng Hải, doanh trại phía đông của tướng quân Đỗ Huy.

Lại nói, triều Hùng mở vận trời Nam, đất nước gồm 15 bộ, xưng hiệu là Văn Lang, cha truyền con nối đều gọi là Hùng Vương làm vua trị nước hơn hai ngàn năm.

Một năm trước khi ngôi báu chuyển dời, đêm 15 tháng 8 năm Nhâm Dần giữa tiết trung thu, đêm đó trời quang mây tạnh, trăng sáng vàng vạc, bỗng trên không trung có một tiếng nổ vang, tiếp đó mây bay, gió cuốn âm âm như muôn ngàn ngựa hí quân reo. Nhân dân quanh vùng thấy đều kinh sợ. Chợt có một con rồng đen giương nanh múa vuốt, từ hành doanh phía tây bay thẳng lên trời. Một lát trời im gió lặng, bóng trăng vừa ló, thì có tin tướng quân Hùng Hải đã hóa về trời. Sau khi an táng vừa trọn trăm ngày, tướng quân Đỗ Huy mang mấy tuyền về kinh đô, tâu vua về việc Hùng tướng quân đã hóa. Vua Hùng nghe tâu mới phong tướng quân Hùng Hải làm:

- Thủy Hải long Đại vương.

Cho nhân dân ở Bảo Đồn lập miếu ở hành doanh thờ phụng.

Lại nói, một hôm tướng quân Đỗ Huy đang chầu trước ngự tiền, bỗng nhiên trời đất tối tăm, một ngôi sao từ trong mình tướng quân bay ra như dải lụa dài, nhằm thẳng hướng đông vút đi hào quang sáng chói. Trong giây lát, trái đất lại trong sáng. Đỗ tướng quân đã hóa, bấy giờ nhằm ngày mồng 2 tháng 12 năm Nhâm Dần.

Hùng Duệ Vương liền tặng phong cho Đỗ tướng quân làm:

- Chiêm Huy Linh ứng Đại vương.

Vua lại sắc chỉ cho nhân dân Bảo Đồn lập miếu ở hành doanh nơi Đỗ tướng quân đóng quân để thờ phụng. Lại cho đổi chữ Bảo Đồn đồn *phòng giữ*, thành Bảo Đồn đồn *quý báu* và cho dân sở tại dùng chữ Bảo Đồn đặt tên làng gọi là: Bảo Đồn trang.

Bấy giờ Thục chúa đã được vua Hùng Duệ Vương nhường ngôi, bèn đổi tên nước Văn Lang làm nước Âu Lạc, xưng hiệu là: *An Dương Vương*.

An Dương Vương tặng phong hai vị Hùng Hải, Đỗ Huy là:

- Đông Thánh, Tây Thần.

Từ đấy về sau trải các triều đại Tiền Lý, Hậu Lý, Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Tây Sơn, Nguyễn hai vị đều có hiển linh phù

nước hộ dân, cầu mưa đảo hạn, do vậy các triều gia phong có đến hơn 50 mỹ tự.

35. SỰ TÍCH LÃ MAN VÀ BẠCH TỈNH PHU NHÂN THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền có người cháu ngoại của Hùng Vương ở miền hồ Động Đình tên là Lã Bình, vợ là Chu Thị Mị, vợ chồng ở với nhau thật là đẹp đôi phải lứa, thường cùng nhau đi dạo chơi mười hai cửa biển. thuyền đi đến đâu thì giao long và các loài thủy tộc đều nổi lên hộ tống. Bà Chu Thị thấy thế có vẻ e sợ, do đó mà Lã Bình nói cho vợ biết: *"Vợ chồng nhà mình vốn là giống rồng bẩm thực khí mạch của Thủy Tinh, vì vậy chúng ta đi đến đâu thì các loài thủy tộc nổi lên hộ tống đến đó. Đó là lẽ tất nhiên không có gì là đáng sợ"*. Trong năm ấy, Chu Thị tự nhiên cảm động mà có mang, thời gian có mang, Chu Thị thích chơi thăm những nơi mây nước khói mù, đến giờ Thìn ngày 12 tháng 2 năm Nhâm Thìn, sinh ra một cậu con trai, trong lúc đang sinh trời đất tối tăm, gió mưa nổi lên dữ dội, biển động sóng reo; ông cho là điềm lạ, lấy làm vui mừng. Cậu con trai ra đời với tướng mạo khôi ngô kỳ vĩ, ông đặt tên cho con là Long (Rồng). Ông bà chăm sóc con, sau ba tháng đã lớn mau như thổi, khác hẳn người thường. Khi Long lên ba thì thân phụ mất, Long chỉ sống nương nhờ vào mẹ. Năm Long bảy tuổi, tính hay chơi dưới nước, mọi người đều khen ngợi là vị Long Vương giáng thế, không phải người thường. Năm mười bảy tuổi, Long thông minh lỗi lạc, văn như thánh, võ như thần, sĩ tử bốn phương đều tỏ lòng khâm phục.

Đến đời Tam Quốc, Ngô Tôn Quyền làm vua Đông Ngô, giáng chiếu vời ông Long về triều. Hồi ấy các quận Nam Hải, Thương, Ngô, Uất Lâm, Châu Nhai, Giao Chỉ nổi loạn, vua Ngô phong cho Lã Long làm chức Thái thú quận Nam Hải và Thương Ngô. Từ khi Lã Long ra làm quan, thi hành nhân

chính, yêu thương dân chúng như yêu người thân của mình, oai danh đức vọng của ông tỏa ra muôn dặm, ai nấy đều vui vẻ làm việc, ông còn đem phần lương bổng của mình tư cấp giúp đỡ những dân tộc ít người, ông làm việc công chẳng khác gì làm việc cho gia đình mình vậy, cho nên mọi công việc đều chu đáo. Chẳng bao lâu, trong quận trở nên thái bình thịnh trị, nhân dân đương thời đều suy tôn ông là Lã Man hoàng đế. Một hôm ông tuần hành xem xét đời sống nhân dân hai quận, nhắc nom thấy một cô gái ở huyện Quảng Đức, quận Thương Ngô, tên là Minh Phương đứng trên bờ sông. Cô này nhan sắc tuyệt trần, mặt hoa da phấn, tóc xanh như mây, mây ngài mắt phượng, quả là một nàng tiên nữ, ông lấy làm yêu. Đặc biệt khi nàng tiên nữ đứng ở bên sông thường có mây hồng lơ lửng trên không che như tàn lọng, quả thật không phải con người tầm thường. Ông bèn đến ra mắt bố mẹ nàng, và tỏ ý xin được sánh duyên với nàng. Gia đình bằng lòng cho đính hôn, ông liền chọn ngày lành đưa sính lễ rước dâu về. Vợ chồng sống với nhau chưa đầy một năm thì xảy ra giặc Lâm Ấp vào cướp phá Giao Châu. Lã Long phụng mệnh vua đánh giặc. Lúc giao đấu, ông làm phép long hổ hiện hình, uy hiếp quân giặc, làm cho chúng kinh sợ mà chạy, giày xéo lên nhau mà chết. Sau khi dẹp yên giặc, được ít lâu thì cơ nghiệp Đông Ngô suy sụp, ông bèn đem hết gia quyến chạy sang nước Nam. Khi đến địa phận Hồng Châu, bao nhiêu giao long và các loài thủy tộc đều nổi lên mặt nước vây quanh thuyền. Lã Long bèn từ biệt phu nhân mà nói: *"Ta vốn bẩm thụ tinh anh của loài thủy tộc mà sinh ra, nay số thiên đình đã hết, ta phải về Thủy quốc Thôi tạm biệt nàng"*. Ông vừa nói xong, nước sông tự nhiên rẽ ra làm hai, ông từ từ đi xuống sông biến mất. Hôm ấy là giờ Tí, ngày mồng Tám tháng Giêng. Từ đó, phu nhân sầu não, toan đem thân gửi cảnh chùa làm vui với câu kinh tiếng kệ cho khuây khỏa nỗi lòng. Một hôm phu nhân đi đến khu Bình Ngộ, gặp một ông cụ già tám mươi tuổi tên là Nguyễn Thuận. Ông già thấy phu nhân diện mạo phương phi phúc hậu, bèn tỏ lòng kính trọng và hỏi han lai lịch. Phu nhân

liên nói rõ hoàn cảnh riêng của mình cho ông cụ biết. Ông cụ thấy được lòng chân thành của phu nhân muốn nương nhờ cửa Phật, bèn dẫn đến chùa làng. Nhân dân thấy vậy đều tỏ lòng tôn kính. Sau khi quy y đạo Phật, phu nhân bỏ cửa riêng ra trùng tu chùa chiền làm cho cảnh Phật càng thêm long lẫy. Sau này phu nhân tu hành đắc đạo, hóa vào ngày 28 tháng Tư tại chùa Linh Giới, Lã công cùng phu nhân đều có linh ứng, cho nên được các triều phong tặng là "Lã Man hoàng đế, Hùng uy Hạo trạc, Thượng đẳng Tối linh thần Đại vương" và "Bạch Tinh phu nhân Đoan trang Tối linh Công chúa".

36. SỰ TÍCH ĐÀ CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền ở trại Trì La, trang La Trưng (nay là La Chàng), huyện Thiên Thi (nay là Ân Thi) xứ Sơn Nam, bỗng một hôm trời đất tối tăm, mưa gào gió thét, sấm sét nổi lên dữ dội, nhân dân sợ hãi ai nấy đều núp trong nhà không ai dám đi ra khỏi cửa. Sau một lúc lâu lâu, trời đất trở nên quang tạnh, nhân dân đổ ra trại ấp thấy có một cây gỗ to lớn, cành lá xum xuê, tỏa mùi thơm kỳ dị mọc ở trên gò hình vuông, không biết từ đâu bay đến. Trước đây ở trại ấp này không có loại cây to nào hết vì thế mọi người hết sức ngạc nhiên. Họ bèn tâu lên vua Hùng. Vua biết đó là cây gỗ bạch đàn anh linh, nghĩ thâm đây là thế nước đang thịnh cho nên trời sinh loại cây chúa tể trấn ngự một phương, thật là điều tốt lành. Nhà vua liền truyền cho dân xây một cái bệ lộ thiên dưới gốc cây ấy đặt bát hương trên đó để thờ cúng. Từ đó trở đi, nhà vua cho đến trăm họ đều đến trước bệ dưới bóng cây to lớn, khẩn nguyện cầu mưa cầu gió, chữa bệnh cầu con, cầu gì được nấy rất linh ứng. Truyền mãi đến đời Hùng Tào Vương tức là Hùng Vương đời thứ mười, cây cổ thụ ở đất La Trì có tới hơn bảy trăm năm mà vẫn xanh tốt như thường. Một hôm là ngày mồng một tháng hai, trời bỗng tối đen kịt, ban ngày mà như ban đêm, có ánh hào quang sáng rực ở cây cổ thụ, chốc lát thì trời quang mây tạnh. Nhân dân ra xem thấy có ba

dấu chân người in từ gốc cây đến ngọn cây, mà bát hương ở đàn lộ thiên thì bị vỡ. Nhân dân sợ hãi, tâu lên vua Hùng Tào. Nhà vua liền về tận nơi xem; thấy thế, đoán biết là điềm trời sẽ cho thánh nhân giáng sinh giữ nước, nhà vua cho dựng một ngôi miếu ở đó để phụng sự. Từ đó, nước đảo dân cầu, đèn nhang không ngớt. Tương truyền, hồi ấy vua Hùng có một người cô ruột tên là Minh Hoa công chúa, nàng vốn là người thanh kỳ và có nhan sắc, nàng chỉ ăn chay và thích ăn các thứ hương hoa; năm lên chín tuổi bà cô đã xin đi tu, nhà vua bèn cho dựng một ngôi chùa ở trong phạm vi cung điện cho bà cô tụng kinh niệm Phật. Đến khi Hùng Tào Vương lên ngôi thì Minh Hoa công chúa đã thành một vị bồ tát và tuổi đời đã ngoài bảy mươi. Công chúa nghe tin ở đất Trì La có cây gỗ thiêng lại có dấu chân người khổng lồ in vào thân cây, công chúa bèn ngự xe loan đến thăm. Lúc mặt trời gần lặn, công chúa đứng một mình ngắm cây cổ thụ, bỗng thấy một cái cầu vòng đỏ rực từ trời xuống đều quanh Minh Hoa công chúa ba vòng, công chúa sợ hãi nằm nép xuống, băng khuâng như thể chiêm bao, thấy hai vầng nhật nguyệt chui vào trong miệng, công chúa nuốt xuống, một lúc thì cầu vòng bay lên không trung biến mất. Từ đó công chúa cảm thấy tâm thần nóng rực, rồi có mang, mà cây cổ thụ có dấu chân người khổng lồ cũng mỗi ngày một to như người chửa. Trên cây cổ thụ có mây ngũ sắc che phủ, nhân dân lấy làm lạ, song không dám hé răng, không hiểu điềm trời sẽ như thế nào. Minh Hoa công chúa có mang bảy tám tháng bụng đã to, nhà vua quở: "Đi tu từ chín tuổi đến năm ngoài bảy mươi tuổi không ngờ còn nhiễm thói trăng hoa như thế, vậy cô tư thông với ai phải xưng ra". Công chúa bèn tâu trình việc cầu vòng quán quanh ở dưới cây cổ thụ tại đất Trì La, do đó cảm động mà thụ thai. Nhưng nhà vua không tin, bèn đày bà cô đi hậu Ô Lý. Lại nói cây gỗ mỗi ngày mỗi to phình ra như người có chửa, nhân dân đem việc đó tâu lên vua Hùng. Vua về xem thấy quả nhiên như vậy, vua về cung lập đàn tràng cao chín bậc ở sân rồng, nhà vua trai giới tám gột, truyền cho các tăng ni đến cầu cúng thiên địa bách

thần. Nhà vua khấn rằng: "Làm sao mà có cây cổ thụ có hiện tượng kỳ quái như thế? Làm sao mà Minh Hoa công chúa đã ngoài bảy mươi tuổi còn có mang. Đạo trời huyền báo hay dở ra sao, xin trời phạt báo ứng cho biết...". Đêm ấy vua Hùng chiêm bao thấy mình đến một tòa lâu đài điện các nguy nga tráng lệ, trên điện có vị Ngọc Hoàng, chung quanh là tả hữu phán quan đứng hầu la liệt, có vị thiên tướng ra đòi vua Hùng vào hầu. Ngọc Hoàng nom thấy vua Hùng liền quở rằng: "Vận nước đã gần đến lúc xảy ra tai biến, ma quỷ hoành hành, nhân dân đau ốm, cho nên Thiên đình sai Nam Mô Thần Châu Đế Thích Đế Đạo Lai Tha Thiên Vương đầu thai vào cây bạch đàn. Thiên đình lại sai bộ chúa Đông Quang và bộ chúa Tây Quang đầu thai vào Minh Hoa công chúa để phò tá Đế Thích Thiên Vương, khu trừ ma quỷ giải cứu nhân dân. Vậy thì phải rước công chúa về ngay lập tức, nếu không tuân mệnh Thiên đình sẽ gặp nhiều điều tai biến!". Nhà vua tỉnh mộng, liền cho xe đi đón ngay Minh Hoa công chúa về triều và tỏ lòng tôn kính hết mực.

Lại nói, hồi ấy có vị bộ chúa ở châu Bố Chính tên là Hùng Độ cũng là người trong dòng họ Hùng Vương, vợ là Võ Thị Đoan nằm chiêm bao thấy con giao long rồi có mang, đến mồng Mười tháng Mười năm Quý Tị sinh ra ông Đà. Năm mười bốn tuổi, ông Đà đã tỏ ra người có tài văn võ, đặc biệt là đi trên sóng như người đi trên đất bằng. Nhà vua liền vời ông về làm quan tại triều, cho lĩnh chức Trưởng quản Long Chu Lạc Long tướng quân. Bấy giờ có giặc Diêm La nhiều hại ở vùng Nam Hải, nhà vua sai ông đem quân đánh dẹp. Sau khi diệt giặc, nhà vua phong ông là Bình chương Diêm La nguyên soái Thủy đạo tướng quân, sai đi trị nhậm các cửa bể. Sau này, vua Hùng cần có người tin cậy nhất để sớm hôm đèn nhang coi giữ cây gỗ bạch đàn, vua bèn vời ông Đà về làm việc ấy. Hồi đó người và súc vật của bàn dân thiên hạ đau ốm rất nhiều, yêu ma quỷ quái hoành hành, trời đất tối tăm không phân ngày đêm; dưới sông bể thì giao long, cá sấu, cá mập, trên rừng thì hổ báo nhiều hại con người, lại có quỷ mũi đỏ, ma chó nổi loạn ăn thịt người. Bọn giặc

này lợi hại lắm, chúng đi vào lửa không cháy, lội xuống nước không chìm, có khi bay lên không trung hoặc lặn ngấm dưới nước mà đánh nhau, binh của chúng rất đông, hoành hành cướp phá phía Đông phía Tây và vùng Lưỡng Quảng, cả đến vùng mười sáu châu trên miền ngược cũng đều là đất của ma giặc.

Quân của vua Hùng bị hại khá nhiều. Khi ấy Minh Hoa công chúa và cây bạch đàn ở thôn Trì La có chứa đã được ba năm hai tháng mười ba ngày mà chưa sinh các vị thiên vương giáng trần để giúp nước cứu dân. Vì thế, vua Hùng lại dựng đàn tràng cầu đảo trời đất bách thần ba ngày ba đêm, đến ngày mồng Chín tháng Giêng năm Giáp Tý, chợt nghe có mấy tiếng sét đánh bên cạnh cây bạch đàn, tiếp đó có đàn sáo nhã nhạc vang lên, có ánh hào quang rực sáng, cây bạch đàn biến mất, cái bọc bào thai ở trong cây gỗ bấy nay biến thành nước ngọt chảy đi, chỉ còn lưu lại một đoạn khoảng ba bốn chục thước cứng như sắt rắn như đá. Diêm La quan là ông Đà lấy làm lạ, tự mình không thể nào hiểu được, bèn làm biểu tâu lên vua Hùng. Vua Hùng cho đem kiệu rồng rước cái bào thai về, đặt lên nhang án đêm ngày cầu đảo. Một đêm tự trong cái bào thai ấy sáng loé lên, rồi nổ một tiếng như sét đánh, tưởng chừng long trời chuyển đất. Nhà vua và bách quan ngửa trông lên thấy vị Đế Thích thiên vương, đầu đội mũ bình thiên ngự trên đầu rồng. Tiếp đó lại có một tiếng nổ, nhìn lên thấy hai vị thần tướng từ trên đỉnh đầu Minh Hoa công chúa chui ra, mặt đỏ như mặt trời, thân hình khôi ngô cao lớn bệ vệ. Ngay lúc ấy, Đế Thích thiên vương truyền cho hai vị thần tướng rằng: "*Thiên đình sai xuống trần diệt trừ giặc già yêu ma, các người phải tuân theo mệnh lệnh của ta*". Hai vị thần tướng, một vị cưỡi con ngựa hồng rực sáng như lửa, một vị cưỡi con ngựa lân cùng đi hộ vệ Đế Thích. Ngựa lân và ngựa hồng phun lửa ở trên không, bao nhiêu ma quỷ đều bị giết chết. Thiên vương và hai vị thần tướng đi đến đâu nhân dân ở đó đều được yên ổn. Đến ngày mồng Mười tháng sáu, Thiên vương và hai vị thần tướng đều biến mất. Diêm La Đà công làm biểu tâu lên vua Hùng. Vua

truyền lập miếu ở ngoài sân rộng để thờ phụng, Ngày hai mươi chín tháng sáu, Diêm La Đà công biến làm con rắn dài hơi mười trượng xuống sông đi mất. Vua Hùng truyền lập miếu ở trên sông Tam Kỳ nơi ngài hóa để thờ. Thôn Trì La nơi có cây bạch đàn cổ thụ và nơi Đế Thích thiên vương giáng thế cũng đều lập miếu thờ phụng.

Một hôm vua Hùng ngự giá về thăm nơi dân lập miếu thờ, đồng thời cho lấy đoạn gỗ cứng như sắt, rắn như đá từ trong cây bạch đàn ra để tạc tượng Đế Thích. Khi ấy Trì La được nhà vua miễn cho binh lương tạp dịch, cho đặt mười hai mẫu tự điền và ba nghìn quan tiền làm khoản chi vào hương hỏa cúng tế mãi mãi ngàn thu...

37. SỰ TÍCH BẢY ANH EM LƯƠNG, HẢI, LONG, LÔI, SƠN, NHẠC, LĨNH THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền thời Hùng Nghị Vương, tại xã Minh Nông, huyện Phú Khang, phủ Tam Đái, đạo Sơn Tây có một người tên là Đinh Tuấn là người thông minh tài trí, độ lượng hơn người, được Hùng Nghị Vương phong cho làm Tham chính. Năm Đinh công hăm sáu tuổi, lại được vua thăng chức Tấn nghị đại phu, cho đi tuần hành trong nước. Đinh công phụng mệnh đi đến đâu thì ở đấy đều được yên ổn, ngoài đường không nhật của rơi. Một hôm Đinh công về qua xã Mản Trù, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam, thấy sơn thủy hữu tình, nhân dân thuần hậu, bèn lập doanh trại ở cạnh sông làm nơi nghỉ ngơi. Hồi ấy xã Mản Trù có người là Nguyễn Kiệu, vợ là Trương Thị Thục vốn là nhà phong lưu và hiền lành, chất phác. Một hôm vợ chồng ông Nguyễn có dịp đi ra nơi khác, đến lúc trở về tới bến đò, gặp cô bé khoảng mười hai mười ba tuổi, nhan sắc tuyệt trần có vẻ buồn bã. Nguyễn công hỏi thì người con gái ấy nói: "Bố mẹ tôi mất sớm, nay tôi không người nương tựa". Nguyễn công hỏi quê quán thì người con gái ấy ngậm ngùi

sa nước mắt không nói. Nguyễn công bèn đem về nuôi, đặt tên là Hoạch nương (nghĩa là cô bé bắt được). Từ khi Hoạch nương về ở với gia đình Nguyễn công, tỏ ra là một cô gái ngoan ngoãn, vợ chồng Nguyễn công rất mực yêu mến. Ngày tháng thấm thoát đã được mười năm, tuy là con nuôi song được coi như con đẻ. Ông bà muốn tìm một nơi xứng đáng để gả chồng cho cô, song cô vẫn một mực từ chối. Lại nói khi Đinh công đến Mân Trù, thấy nàng Hoạch nương nhan sắc tuyệt trần thì rất yêu, hai bên đều ăn ý hợp tình, bèn xin với Nguyễn công chọn ngày làm lễ thành hôn. Sau khi kết duyên với Hoạch nương, một đêm nọ Đinh Tuấn nằm mơ thấy ông cụ già đưa đến cho bảy đứa trẻ con, bảo rằng: "Nhà ông tu nhân tích đức ba bốn đời nay, trước đây ông đã gặp được người đàn bà là Thủy Tiên (ám chỉ Hoạch nương); nay ta phụng mệnh Thiên đình đưa bảy đứa trẻ này đầu thai làm con để sau này chúng giúp nước giúp dân, làm sáng sửa của nhà, nổi danh thiên hạ". Cụ già nói xong bèn đưa cho Đinh Tuấn bảy đứa trẻ và cười bảo rằng: "Có cái bụng nào mà chứa được bảy đứa con trai này hử? Ta cho chúng đầu thai thành bảy cái trứng, sau khi Thủy Tiên đẻ sẽ nở thành bảy đứa con trai". Nói xong, cụ già bay lên không trung biến mất. Sau đó một trăm ngày, Hoạch nương có mang đến hai mươi một tháng. Đến mồng Hai tháng Bẩy năm Nhâm Thìn, bà Thủy Tiên Hoạch nương đẻ ra một bọc bảy trứng, sau trở thành bảy con trai, đều khôi ngô tuấn tú, cầm én mây ngài. Trong lúc Hoạch nương trở dạ đẻ, trên trời có vài chục tiếng sét, trong buồng đẻ hương bay sức nức. Đến năm lữ trẻ con hai tuổi, Đinh Tuấn muốn làm lễ ăn mừng để đặt tên cho bảy con. Hoạch nương ngăn cản mà rằng: "Phép đặt tên phải nên đi sâu vào ý nghĩa của nó, hãy chờ vài năm nữa, thiếp sẽ đặt tên cho các con". Đến năm bảy con trai lên bảy tuổi một hôm, mùa đông gió may vi vu, dế kêu nỉ non, vợ chồng ngồi sưởi, uống rượu ngâm thơ, bảy đứa con trai ngồi quây quần xung quanh, Hoạch nương bỗng ôm mặt khóc thút thít. Tuấn công ngạc nhiên hỏi tại sao đang vui lại khóc thì Hoạch nương thưa rằng:

"Thiếp vốn là con gái của Thủy cung, vì có tội nên phải dìm lên trần gian hai mươi sáu năm, kết hôn với chàng, đẻ bảy con trai. Tên của các con là: con thứ nhất là Lương công cầm quyền sông núi, con thứ hai là Hải, con thứ ba là Long, con thứ tư là Lôi, giữ quyền hành ở Thủy phủ, con thứ năm là Sơn, con thứ sáu là Nhạc, con thứ bảy là Linh giữ quyền cai quản các đỉnh núi. Xin chàng hãy nhớ cho kỹ để đặt tên cho con. Thiếp đến nay đã mãn hạn đi đây, xin chàng ở lại nuôi dạy các con, thiếp xin chàng cho được trở về với quê hương mây nước". Nàng vừa dứt lời thì trời bỗng tối sầm, xuất hiện một cỗ xe rồng từ dưới sông đi lên, nàng bèn lên xe đi mất. Ngày ấy là mồng Sáu tháng Chạp năm Giáp Tuất. Tuấn công thương nhớ Hoạch nương, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, bèn dựng ngôi miếu thờ nàng, đề duệ hiệu rằng: "Thủy tinh Từ điểm Ngọc nương", hương khói phụng thờ tứ thời bát tiết. Tuấn công dạy nuôi các con và căn cứ vào lời trời trăng của vợ mà đặt tên cho từng con. Đến năm bảy con lên mười hai tuổi, đều là những người thông minh trí tuệ, tài sức hơn người, cao lớn đỉnh đác, không phải học mà tự biết được binh pháp. Có điều rất lạ ấy là: khi bảy cậu đi đến đâu thì trên không trung xuất hiện đám mây vàng che phủ trên đầu như tàn lọng vậy. Đến năm bảy con lên mười tám tuổi, Đình Công Tuấn đem bảy con về triều hiến lên cho vua Hùng. Nhà vua thấy bảy người đều khôi ngô tuấn tú, tư thế khác thường, biết đó là những thần nước, thần núi giáng trần, cho nên nhà vua đều ban phong chức tước cho bảy ông và tỏ ý kính trọng rất mực. Vài năm sau, nước nhà xảy ra có giặc Hồ Tôn, quốc vương của nó là Ma La, đem quân đến xâm lược, thiên hạ đã mất đến quá một nửa, các quan triều di đánh luôn mấy năm mà chưa thấy kết quả gì hết. Nhà vua cả lo, bèn lập đàn cầu đảo thiên địa bách thần, nhà vua nằm cầu mộng ở ngay trước đàn, đến canh ba mơ thấy có ông già từ trên trời xuống bảo rằng: "Quân giặc tuy mạnh song chả đáng lo, trên thiên đình đã cho sơn thần và thủy thần bảy vị xuống làm con họ Đình để giúp nước dẹp quân tàn bạo. Tại sao nhà vua

không sai bảy người ấy đi đánh mà cứ suốt ngày lo âu như thế!". Sáng hôm sau, nhà vua vời bảy ông vào bệ kiến, phán rằng: "Các khanh là bậc thiên tài, đem qua thiên thần đã báo mộng cho ta biết. Các khanh hãy vì nước nhà mà đánh dẹp bọn cường tặc". Các ông sụp lạy tạ và tâu: "Đạo làm tôi nguyện hết lòng vì dân vì nước mà quét sạch quân giặc hung tàn ra khỏi bờ cõi để đền ơn bệ hạ". Ngay hôm ấy, nhà vua phong cho Lương công làm Đô quân sơn thủy chiêu khảo sứ, Đại nguyên soái; phong Hải công, Lôi công làm Thống lĩnh thủy đạo Đại tướng quân; phong Sơn công, Nhạc công, Linh công làm Thống đốc bộ đạo Đại tướng quân, đem mười lăm vạn quân đi ra trận. Bảy ông vâng mệnh về bái tạ Đình công rồi đem quân đi đánh giặc. Đường thủy đường bộ cùng tiến, thế mạnh như chẻ tre, các ông chém được chúa Ha La ở trận tiền, bắt được lương thực khí giới hơn trăm xe đưa về kinh đô. Hùng Vương cả mừng đều phong cho bảy ông tước vương. Sau đó thân phụ (tức Đình Tuấn) đã sáu mươi tư tuổi, bị bệnh uống thuốc và cầu thần đều không thấy kết quả. Tuấn công từ trần tại nhà riêng. Bảy anh em ông xin về chịu tang, được vua phê chuẩn và còn ban cho vàng bạc gấm vóc khoảng hơn một nghìn cân. Sau khi đoạn tang, Hùng Vương vời bảy ông về triều cùng trông coi việc nước. Được một năm thì có mười sáu tù trưởng ở vùng Tuyên Quang và Hưng Hóa khởi binh nổi loạn. Nhà vua lại sai bảy ông đem mười vạn hùng binh đi tiêu trừ. Bảy ông đem quân đi dẹp loạn, kết quả là mười sáu tù trưởng đều quy hàng. Người đương thời có thơ khen ngợi rằng:

"Ra oai một trận yên miền núi

Giành lại thành trì hiến quốc quân

Vạn thuở trước, cùng sau vạn thuở

Nhà khen hiếu tử, nước trung thần".

Chiến công dâng lên vua Hùng, nhà vua cả mừng, ban thưởng rất hậu, đồng thời cho Lương Vương, Hải Vương, Long Vương, Lôi Vương được dùng đất Khoái Châu làm thực ấp; Sơn

Vương, Nhạc Vương, Linh Vương được xây dựng cung điện ở châu Tự Long. Được vài năm thì Sơn Vương, Nhạc Vương, Linh Vương lên núi mà hóa. Năm ấy Hùng Nghị Vương cũng mất, thái tử là Duệ Vương nối ngôi. Lương Vương, Long Vương, Hải Vương, Lôi Vương cùng nhau về triều chào mừng Duệ Vương, được vua khen thưởng úy lạo. Sau đó mấy ông lại trở về cung điện Mân Trù nghỉ ngơi, vui với nhân dân, bốn anh em tương thân tương ái, không rời nhau nửa bước. Anh em ước hẹn với nhau: "Sinh chung một bọc thì cũng chết chung một lỗ". Ngờ đâu ý muốn của con người mà lòng trời cũng cho thực hiện. Một hôm bốn ông đặt yển khoản đãi nhân dân Mân Trù, rồi từ biệt họ mà chu du thiên hạ. Bốn anh em ông đi chơi khắp nơi, có khi săn bắn ở rừng sâu, có khi hóng gió mát ở nơi đồng rộng. Một hôm bốn ông đi đến cạnh núi Tản Viên, thấy có phiến đá cao phẳng và rộng, bèn làm nhà ở đó, anh em nghỉ ngơi ở ngôi nhà ấy được ba năm. Một đêm, anh em cùng nằm mơ thấy Thiên đình cho sứ giả vờ về. Sau khi tỉnh giấc mơ, bèn dặn bảo những kẻ hầu hạ rằng: "Sau khi anh em ta hóa thì phải chôn chung một lỗ. Nói dứt lời thì hóa ngay. Gia tộc tuân theo lời bảo của thầy, bèn làm lễ an táng chung một huyệt. Khi ấy là mồng Hai tháng Sáu. Sau khi bốn ông hóa được một năm thì có một loại cây mọc ở trên mả mỗi ngày mỗi lớn. Sau này Hùng Duệ Vương chu du bốn phương đi qua xứ này, thấy cây gỗ mọc trên mả bốn ông là cây gỗ bạch đàn, muốn chặt lấy về để dùng, bỗng thấy lá bạch đàn kêu vu vu như tiếng người: "Muôn lạy quân vương, đừng chặt cây gỗ này, cây gỗ này là hiện thân của bốn anh em chúng tôi đấy!". Nhà vua rất ngạc nhiên, bèn vời dân làng gần đó đến hỏi mới biết đó là mả của bốn ông, nhà vua khen ngợi là anh linh, bèn hạ bút đề vào thân cây mấy chữ: Thứ nhất là *Linh Lang Lương Vương*, thứ hai là *Linh Lang Hải Vương*, thứ ba là *Linh Lang Long Vương*, thứ tư là *Linh Lang Lôi Vương*. Để xong vua lại phán rằng: "Các khanh có công với nước, nay trẫm đề duệ hiệu thắm vào trong cây gỗ, dù nghìn vạn năm cũng không phai mờ được. Giả sử nghìn vạn năm về sau, cây gỗ này

đổ xuống, trôi đến ấp nào thì ấp ấy sẽ là chỗ hương hỏa thờ cúng các khanh". Nói xong, nhà vua sai quan làm lễ. Đến thời vua Duệ Tông nhà Trần, cây gỗ ấy già cỗi bỗng gặp gió mưa cây gỗ đổ xuống, thuận theo dòng nước chảy đến bến Mản Trù. Lúc ấy mặt trời gác núi, người bãi Mản Trù ra bến thấy ánh sáng ở cây gỗ ấy sáng rực như vạn ngôi sao, bèn hối hả chạy về báo cho dân làng biết. Nhân dân già trẻ gái trai nghe tin chạy ra bến, họ cho là quái vật bèn đẩy cây gỗ ấy ra, càng đẩy ra nó lại càng trôi vào, đẩy mấy chục lần cũng thế. Nhân dân bèn khênh cây gỗ lên đặt ở bờ sông. Sáng mai họ đem rìu ra đèo thì thấy thần hiệu của bốn vị ăn sâu mãi vào thân cây gỗ. Họ bảo thợ mộc làm thành bài vị, rồi dâng biểu tâu lên vua Trần Duệ Tông. Nhân khi trời đại hạn, lúa má khô héo, nhà vua bèn sai quan đến làm lễ cầu mưa, nếu có linh nghiệm thì cho dựng miếu và gia phong duệ hiệu để thờ. Trong lúc đang làm lễ, trời bỗng đổ mưa đến ba thước nước. Duệ Tông cho là thần rất linh ứng, bèn ban sắc phong đưa về Mản Trù lập miếu thờ phụng. Từ đó về sau, các vị hộ quốc cứu dân, cầu mưa được mưa, cầu nắng được nắng, cho nên các triều đại đều có gia phong duệ hiệu để hương hỏa thờ phụng dài lâu.

38. SỰ TÍCH THÀNH CÔNG, MANG CÔNG, VĨNH CÔNG, MỘC CÔNG VÀ LẠI CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền về đời Hùng Vương, ở quận Đông Hải xứ Hải Dương, có một người tên là Hải Bột, tự là Văn Tử, vợ là người ở phường Thủy Cơ thuộc bản quận là Trương Thị Đoàn, là một người đàn bà có nhan sắc xinh đẹp lộng lẫy. Một hôm, tháng hè oi ả, Trương Thị ra tắm ngoài biển, khi đang tắm thì gió mưa kéo đến, trời mù mịt như đêm, khoảng một hồi lâu thì trời trở lại trong sáng như thường, lúc ấy có con rồng vàng nổi trên mặt nước để năm quả trứng tròn trĩnh như hạt ngọc, tỏa ra ánh

sáng rực rỡ, từ xa xa trôi đến trước mặt phu nhân. Phu nhân bèn vớt lấy xem thì năm quả trứng ấy đều vỡ ra thành những chất thơm phưng phức, thấm tất cả vào mình mấy phu nhân, dù cho có kỳ cọ thể nào cũng không hết. Phu nhân thấy trong người bằng hoàng, vội trở lại nhà, từ đó tâm thần chuyển động có thai và mang thai tới mười bốn tháng. Đến chiều ngày Mười Hai tháng Năm, năm Ất Ty vào khoảng giờ Dần đẻ ra một bọc có năm cậu con trai. Tương mạo các cậu rất kỳ dị, khôi ngô. Sau một trăm ngày, cha mẹ đặt tên cho con thứ nhất là Cự Lâm, thứ hai là Hồng Lý hiệu là Cao Minh, thứ ba là Thổ Lệnh, hiệu Trung Thành, thứ tư là Long Hầu hiệu là Cao Mang, thứ năm là Huyền Linh. Khi năm ông lớn lên đều là anh hùng hào kiệt, đầy đủ tài năng kinh luân thao lược, hơn hẳn mọi người.

Lại nói, hồi ấy ở làng Phù Đồng, huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc có một người tên là Đồng Trọng, vợ là Trần Thị Ân, người Hàm Giang thuộc huyện Thanh Hà, gia thế vốn là hào phú, phúc hậu. Trong làng lúc bấy giờ có một người tên là Hoàng Diển là hào trưởng, nhưng rất tàn bạo. Họ Hoàng thấy Đồng Trọng có tài thì tỏ thái độ ghen tị bỉ báng, đặc biệt là hoàn cảnh con cái muộn mản của Đồng công lại càng là câu chuyện giễu cợt của họ Hoàng đối với ông. Vì thế, Đồng Trọng đành phải thu xếp gia tài, vợ chồng tìm đến địa phương khác cư trú. Ông bà đến ở nhờ tại nhà ông bà Nguyễn Nhân, Lê Thị Đào ở xã Mai Xá, châu Xích Đằng, phủ Khoái Châu. Được ba bốn năm thì tiền tài của cả của hai gia đình đều trở nên sung túc, song về đường con cái thì cả hai nhà cũng đều hiếm hoi như nhau. Họ bèn bàn luận với nhau, nhất trí cho rằng: "Giàu sang lắm bạc nhiều tiền, đối với đời người hữu hạn thì cũng chỉ như giấc mộng mà thôi. Chi bằng cả hai gia đình bỏ tiền của ra bắc cầu làm quán lưu lại đời sau, há không tốt lắm ư can chi mà cứ bo bo giữ của suốt đời!". Sau đó hai gia đình dốc lòng làm điều phúc đức như: nuôi người già yếu, tư cấp cho người nghèo đói, hoặc bắc cầu qua sông để tiện lợi cho mọi người qua lại (cầu ấy tục gọi là cầu Ngang). Một hôm hai bà đi chơi, đang đứng trên

cầu ngắm phong cảnh sông nước mênh mông, trong lúc ấy hai bà chợt băng khuâng như thể chiêm bao, rồi thấy có con rồng vàng quẩn chung quanh hai bà, chốc lát bay lên không trung biến mất. Hai bà sợ hãi thét lên ba tiếng, tỉnh lại, mồ hôi ra ướt đầm áo quần mà mồ hôi tỏa ra mùi hương thơm phức. Hai bà về nhà nói cho hai ông chồng nghe, rồi lập đàn cúng tế trời đất bách thần. Đêm ấy hai ông hai bà đều chiêm bao thấy hai vị thiên thần cao lớn đường hoàng, áo mũ chỉnh tề rực rỡ, cỡi hai con rồng trắng từ trên trời xuống bảo rằng: "Ta đây vâng lệnh thượng đế xuống truyền cho hai gia đình biết rằng: Các người ăn ở phúc hậu đã thấu đến lòng trời, vậy cho một vị thiên thần xuống làm con Đổng Trọng; hai vị sơn thần xuống làm con Nguyễn Nhân. Sau này những đứa con ấy có công giúp nước giữ dân. Vợ chồng các người cũng được trông nhờ hưởng phúc". Từ đó hai bà của hai gia đình đều có mang. Thời gian có mang là mười sáu tháng, hai bà đi đến đâu thì trên không đều có đám mây như chiếc tào che phủ trên đầu, nhân dân thấy thế đều cho là việc lạ. Đến mồng Mười tháng Sáu năm Giáp Tý, trời đất tối tăm, gió thơm đưa sức nức trong nhà, hào quang sáng rực ở buồng đẻ. Khi ấy hai gia đình cùng đẻ ra hai cái bọc, có ba người con trai. Tướng mạo ba cậu đều là cầm én mây ngài, phong tư khác hẳn người thường. Năm ba tuổi, Đổng Trọng đặt tên cho con mình là Vinh; Nguyễn Nhân đặt tên cho hai con mình là Mộc và Lại. Đến năm sáu tuổi, cả ba đều thông minh tốt bụng, đặc biệt là khi ba cậu qua sông đều như người đi trên đất bằng, nhiều phen kêu gió gọi mưa, ai nấy đều kính sợ. Hối ấy trời đại hạn, lúa má hoa màu khô héo, nhân dân đói khát, chết đói cũng nhiều, riêng trong địa hạt phủ Khoái nhờ có ba ông làm phép kêu gió gọi mưa, thành ra lúa má được mùa, nhân dân no đủ. Quan địa phương cho là thần thánh cứu đời, bèn dâng biểu tâu lên triều đình. Nhà vua bèn truyền hịch đi khắp bốn phương nói ai có tài văn võ thì vào triều hội đồng ứng thí. Các ông Trung Thành, Cao Mang, Vinh, Mộc, Lại đều đến kinh thành ra mắt nhà vua. Vua thấy các ông cao lớn, kỳ vĩ, cho rằng đây là những

vị thiên thần, thủy thần, vua ướm hỏi tài năng, các ông đều tâu trình trôi chảy rất hợp ý vua. Vua bèn phong cho ông Thành, ông Mang làm Bộ lĩnh thủy tào Đại phán quan kiêm quản năm chục bộ thủy thần; phong ông Vĩnh, ông Mộc, ông Lại cai quản năm mươi bộ phận sơn thần. Các ông làm quan tại triều hơn mười năm. Hồi ấy thiên hạ bị nạn lũ lụt rất tai hại, nhà vua bèn sai các ông điều động quân dân đắp đê. Các ông đến địa phương nào thì nước lụt ở địa phương ấy đều rút xuống. Mồng Mười tháng sáu, các ông đem quân đến phủ Khoái Châu. Canh ba đêm ấy, nhân dân Mai Xá chiêm bao thấy năm vị đại nhân đường đường cao lớn, đem binh mã tiến đến đóng quân ở quán, gọi nhân dân ra bái yết năm vị quan lớn, năm vị phán bảo: "*Bọn chúng ta phụng mệnh nhà vua đi đắp đê trị thủy nhân dân này thế nào, mà lại thấy ta cứ điềm nhiên vô lễ*". Nhân dân nghe cả sợ, đêm ấy họ làm lễ kêu rằng: "*Bọn dân chúng tôi ngu muội, nay được các tòa quan lớn báo cho biết, từ nay về sau bọn dân chúng tôi xin làm thần tử năm vị quan lớn, mong năm vị đại xá tội cho dân chúng tôi*". Các ông đều chuẩn y cho dân được làm đạo tôi con, bèn truyền quân lính bắt các loại giao long thủy quái và tróc nã bọn quan ôn dịch tể. Các ông mắng chúng rằng: "*Thủy quốc với trên dương thế vốn cùng một nguồn, là tôi con một nhà, cớ sao dám dâng nước làm hại nhân dân? Chúng bay phải chịu trách phạt!*". Sau khi tỉnh mộng, nhân dân làm lễ cúng bái. Đang lúc dân hành lễ bỗng thấy năm vị quan lớn tiến đến làng. Mọi người nhìn xem thì thấy các ngài giống hệt như năm vị quan lớn mà dân làng được thấy trong mơ. Các ngài truyền cho làm tiệc khao thưởng nhân dân và binh 81. Sau bữa tiệc họp mặt vui vẻ giữa các ngài với nhân dân trong ấp, các ngài đề bốn câu lên cờ lệnh của mình rằng:

"Thượng đế cho ta xuống thế trần,

Giúp cho nhà nước, giữ cho dân.

Nay vâng sắc ngọc làm đê bồi,

Thủy Tể xem cờ, phải rút quân!"

Đế xong, các ngài bèn hạ ấn quyết xuống, ngay lúc ấy quân của Thủy Tề phải rút lui, nước ra đến đâu thì đế điều được đắp ngay đến đấy. Từ đó trở đi, xã Mai Xá đối với các ngài càng thêm gắn bó tình nghĩa thầy trò. Các ngài ban cho dân Mai Xá năm chục nén vàng xây dựng hai sở hành cung để hàng năm các ngài đem quân về đóng giữ canh nước. Sau khi hết lụt, các ngài trở về triều. Nhân dân Mai Xá bèn cử hai mươi người đi theo để các ngài sai bảo. Được dăm bảy năm thì có Thục Vương ở Ai Lao đem binh đánh nước Văn Lang. Tản Viên Sơn Thánh cùng với năm vị quan lớn đem quân thủy bộ tiến đánh. Bộ binh của các ngài tiến lên đánh giặc ở Tụ Long, Bảo Lạc và mười sáu động thuộc vùng Tuyên Quang. Thủy binh thì đánh ở sông Nhị Hà. Dưới sự chỉ huy của Sơn Thánh và năm vị quan lớn, quân Thục phải thua to. Sau cuộc chiến thắng quân Thục, vua phong cho năm vị quan lớn là năm vị đại vương. Các ông xin phép nhà vua cho được đi thăm các hành cung và các gia thần ở các nơi trong nước. Một hôm thuyền của năm vị đại vương đến giang phận Đa Chất, bỗng dưng trời nổi sấm sét, sóng cuộn lên âm âm, Thành công và Mang công cùng hóa trong lúc ấy (tức giờ Ngọ, mồng Mười tháng Ba năm Giáp Tý). Còn lại là Vĩnh công, Mộc công và Lại công thì thuyền đến xã Lưu Khê thuộc huyện Thượng Phúc (Thường Tín), lên ngự tại hành cung xã ấy, tự nhiên có hình bóng rồng vàng từ trong mình Vĩnh công bay ra rồi biến mất. Vĩnh công liền hóa ngay khi ấy. Hôm đó là mồng Mười tháng Tư. Còn lại hai vị đại vương là Mộc công và Lại công đem hơn hai chục gia thần về quê hương Mai Xá làm lễ khao thưởng nhân dân, đồng thời trao cho dân ba chục nén vàng và trăm vuông lụa trắng làm khoản dành cho việc tu sửa cung điện hội đồng để thờ ba vị đại vương (tức Trung Thành, Cao Mang, Đồng Vĩnh) cùng hai vị. Trước lúc Mộc công và Lại công qui hóa, trời đất nổi cơn mưa gió, sấm sét nổi lên âm âm, giữa trưa mà tối sẫm như đêm, bỗng có hai con hổ từ trong mình hai ông nhảy ra rồi biến mất. Thế là hai ông đều hóa. Lúc ấy là giờ Thân, ngày mồng Mười, tháng Mười Hai. Gia thần và nhân dân làm lễ an

táng tại gò đất hình con rết, thuộc địa phận xóm Thanh Xuân. Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng đánh dẹp mười hai sứ quân, các ngài đã từng hiển linh giúp nước. Hồi ấy, Nguyễn Bặc tướng của vua Đinh, hành quân qua đất Mai Xá, bỗng thấy hai con rắn và ba con cọp vàng từ trong đền ra, giương mắt nhìn Nguyễn Bặc rồi lại vào trong đền biến mất. Nguyễn Bặc vào đền mật đảo các ngài âm phù đánh giặc. Sau khi thành công, Đinh Tiên Hoàng lên ngôi hoàng đế gia phong cho năm ngài là Thượng đẳng Phúc thần, sắc cho dân địa phương hương hỏa phụng thờ các ngài lâu dài ức vạn xuân.

39. SỰ TÍCH HAI HOÀNG TỬ BẢO QUỐC, CHÂN VÕ THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền Hùng Huy Vương ngự giá chơi ở Hồ Tây, nhà vua bỗng thấy một nàng tiên xuất hiện ở bên hồ, Hùng Huy Vương cho vời đến và phán hỏi: "Nàng tiên họ gì tên gì, có sao lại đến đây?". Nàng đáp: "Thiếp tên gọi Phương Dung, trời sai giáng thế hộ quốc cứu dân...". Hùng Huy cho là điềm trời tác hợp, bèn rước về kinh thành Phong Châu làm lễ thành hôn, lập làm hoàng hậu. Phương Dung vốn là con người thành tâm hay làm điều phúc đức ngày đêm đốt hương thờ phụng Thượng đế, cầu xin giáng sinh quý tử giúp nước giúp dân. Đến đêm mùng 8 tháng Giêng năm Quý Hợi, Phương Dung hoàng hậu chiêm bao thấy hào quang sáng rực trong cung, có vị thần trao cho hai bông hoa sen trắng, Phương Dung liền đỡ lấy, sau đó có mang một năm, đến ngày 12 tháng Hai năm Giáp Tý sinh hạ được cậu con trai tên là Bảo. Đến ngày 10 tháng Giêng năm Đinh Mão lại sinh hạ cậu con trai nữa, đặt tên là Chân. Hai vị hoàng tử này tư chất thông minh, hiếu học, từ thuở thiếu niên đã tỏ ra là người có tài kiêm văn võ. Hồi ấy Thục Vương đem quân xâm lược, Hùng Huy Vương hội họp quần thần cử người cầm quân đánh giặc, triều thần văn võ đều nhất trí đề cử hai vị hoàng tử làm tướng. Nhà vua bèn phong cho hoàng tử Bảo là Bảo Quốc

lạc hầu và phong cho hoàng tử Chân là Chân Võ đại tướng quân, giao cho năm vạn binh mã, đồng thời phái năm viên tỳ tướng theo giúp hai vị hoàng tử. Đến mồng 10 tháng Tám năm Giáp Ngọ, hai vị dẫn quân đến đóng xung quanh đền Phù Đồng Thiên Vương. Hoàng tử cho làm lễ cầu đảo tại đền Phù Đồng, đèn hương cúng lễ suốt ba ngày ba đêm. Đến nửa đêm hôm rằm, hai vị hoàng tử thấy vị thiên thần cao chín thước, râu mày trắng xóa ngồi tại khu đền Phù Đồng, hai vị hoàng tử hỏi rằng: "Nay hai chúng tôi muốn đánh quân Thục, điếm lành dữ ra sao cúi xin tôn thần phán bảo". Vị thần bấm đốt ngón tay tính toán hồi lâu rồi cho bài thơ:

"Thiên tương hư thất thạch toàn ngoan

Diệu tích nhưng truyền tại thế gian

Hai vũ chính phùng thanh thiệp hội,

Hào đoan thu thập cảm giang san".

Nghĩa là: Trời bố trí cho ngôi nhà trống, đá mọc lởm chởm.

Dấu thần diệu vẫn còn lưu truyền ở thế gian. Bốn biển đang gặp hội thanh bình. Ngòi bút thu thập cả non sông gấm vóc.

Thần nhân nói xong liền bay vút lên không trung biến mất.

Hai vị hoàng tử biết đó là lời chỉ giáo của thiên thần, bèn dẫn quân đến hội họp cả ở địa phận Phụng Nhãn thuộc bộ Vũ Ninh, bày trận đánh nhau với quân Thục. Đánh vừa được ba hiệp thì quân Thục hoảng sợ chạy tan tác, bỏ cả đồn trại. Hai vị dẫn quân về đến huyện Tế Giang, làm sơ tâu tình hình đánh thắng lên vua, được nhà vua khen ngợi và mở tiệc khao quân. Nhà vua phong tước cho hai vị vượt lên ba cấp và đi trấn thủ địa phận Tế Giang. Sau khi đến trấn thủ, hai vị ra sức vỗ yên dân chúng, lòng dân vui vẻ quy phục. Đến nửa đêm ngày 15 tháng Bảy năm Bính Thân, hai vị cùng chiêm bao thấy một vị thần mặc áo bào đỏ, đầu đội khăn xanh, tay cầm cờ lệnh, tự xưng là sứ giả nhà Trời đến quỳ trước sân tâu rằng: "Thượng đế có sắc mệnh vời hai ông về triều. Hai ông phải đi ngay không

được chậm trễ trái lệnh". Tình mộng, hai anh em đều lấy làm lo lắng cho vận mạng của mình sẽ ra sao. Đến mồng 10 tháng Tám năm ấy, hoàng tử Bảo cảm thấy mỗi một dựa mình vào lan can mà hóa. Tiếp đến mồng 10 tháng Mười năm ấy, hoàng tử Chân bị cơn sốt, nhức đầu rồi cũng hóa luôn. Thi hài của hai vị được đưa về an táng tại xung quanh kinh thành. Ngày mồng 10 tháng Ba năm Canh Dần. Hùng Huy Vương hội họp trăm quan luận công ban thưởng, truy phong cho hai vị làm Phúc thần và cho dân lập ba mươi hai ngôi đền tại ba mươi hai xứ để phụng thờ các ngài, hương hỏa mãi mãi.

40. SỰ TÍCH CHÀNG BA THỜI HÙNG VƯƠNG

Vua Hùng Vương thứ nhất phong em là Tam Lang (Chàng Ba) làm chủ đạo Sơn Nam. Lúc này nhân dân còn theo tục cổ thói thuần, bốn bề thanh bình, nhà vua rủ áo chấp tay, khắp nước nơi nơi dân yên vui đồng ruộng.

Tam Lang về trấn trị Sơn Nam thường đi dạo trong vùng, thăm thú các nơi phong cảnh, nước non. Một hôm Tam Lang đến làng Cố Đế, thấy địa thế sơn thủy lạ kỳ, núi không cao mà có đất cát bồi lắng, nước trong vắt mà dòng chảy êm đềm, nhân dân no đủ, phong tục tốt đẹp, mới truyền quân sĩ dựng hành doanh trên đất làng Cố Đế. Tam Lang thường về ở nơi đây, dạy dân làm ruộng, dạy dân phong tục, lấy nhân đạo hào hiệp mà kết chặt lòng người, lấy hòa thuận thân thiết mà làm nên tục tốt.

Đến mùa hè nóng nực, Tam Lang cho xây một lầu gác trước hành dinh làm nơi hóng gió. Tam Lang thường lên lầu tránh nóng và cứ 15 ngày một lần vào lúc mặt trời bắt đầu mọc Tam Lang lại thấy từ phía Đông cửa biển, một người mặc áo xanh rẽ nước đi lên, tay xách một bàn cờ, một túi quân cờ thẳng đến ngồi ở bãi cát nổi, rồi lại thấy một người mặc áo trắng cũng từ phía Tây cửa biển, rẽ nước đi lên, tay cầm cây đàn cùng một la

bàn đi đến bãi cát, hai người gặp nhau vui vẻ dắt tay mà đi. Tam Lang lấy làm lạ, một đêm mình ông ra bờ biển ẩn vào bụi cỏ để rình xem. Đến cuối canh năm mờ sáng, lại thấy hai người từ dưới nước đi lên. Tam Lang bước ra đi thẳng đến trước mặt, chưa kịp chào hỏi, thì đã thấy hai người bảo rằng: "Nước nhà sắp có việc, sao em không nuôi tinh thần chứa nhuệ khí, mà lại cứ đi chơi dài đến đây, nếu như trong nước có việc thì làm thế nào!"

Tam Lang bèn nói rằng: "Sao người lại gọi tôi là em!".

Người mặc áo xanh đáp: "Chúng ta đâu phải là người xa lạ, tuy rằng non nước khác nhau, mà vẫn là một nguồn ruột thịt, em là người thứ ba trong số 50 người theo mẹ lên núi. Chúng ta là những người trong số 50 người theo cha xuống biển. Theo lệnh cha, ta là anh cả cai trị cửa biển phía Đông, người mặc áo trắng này là anh thứ hai cai trị cửa biển phía Tây. Nay nhân thủy cung không có việc gì, chúng ta đi chơi xem điều lành dữ của đời thay đổi thế nào".

Tam Lang nghe nói liền mời hai anh về hành cung Cổ Đế, đặt tiệc khoản đãi, bàn chuyện xưa nay, đọc phú ngâm thơ cả ngày không chán. Tam Lang nhân đấy hỏi rằng:

"Nước nhà sắp có việc gì khẩn cấp xin hai anh dạy bảo".

Hai người nói rằng:

"Sắp có giặc Mũi đỏ (Xích tị) xâm phạm phương Nam. Thiên hạ yên nguy chỉ trong sớm tối. Nếu em đem quân đi đánh giặc thì chúng ta sẽ hiệp lực âm phù, ắt hẳn giữ được vẹn toàn". Nói xong, hai người từ biệt trở về Thủy phủ.

Hơn một tháng sau thì quả có giặc Mũi đỏ đến xâm lược quá nhiều phương Nam. Vua Hùng triệu Tam Lang về triều để đi dẹp giặc ông bèn chọn lựa tráng đinh ở làng Cổ Đế được 26 người thân tín, rồi đem quân bản bộ về triều báo yết. Vua Hùng phong Tam Lang làm tướng thống suất quân mã đánh dẹp giặc Mũi đỏ. Ông vâng mệnh vua anh đem quân thủy bộ cùng tiến. Dưới thuyền chiêng trống vang lừng nghìn dặm nghe âm âm

tựa sấm. Trên bộ cờ dong rợp bóng, đôi bờ tựa bóng rồng bay. Quan quân đến thẳng đồn giặc, đánh một trận lớn với tướng giặc là Ma La thần tướng.

Ma La thần tướng có nhiều tài lạ, thuật kì, hoặc thét một tiếng miệng phun lửa, hoặc phóng một ngọn giáo biến thành trăm ngọn giáo. Đánh trên bộ quân ta bất lợi, Tam Lang bèn hạ lệnh thủy quân tiến đánh. Ma La thần tướng lại dùng pháp thuật phun lửa gọi gió, quân ta núng thế sắp thua. Ông bèn khẩn xin anh Cả, thần biển Đông và anh Hai, thần biển Tây kịp lại giúp đỡ. Khẩn xong, đột nhiên gió bắc nổi lên, sóng biển âm ầm, thuồng luồng, ba ba nổi lên trùng trùng muôn lớp sóng dồn. Côn, ngạc, kinh, nghê điệp điệp ngàn sông nước rẽ. Lại thấy hai thần tướng bào đỏ, đai ngọc, tay cầm ngọn giáo vàng đứng trên mặt nước nói lớn:

"Chúng ta theo mệnh vua cha Lạc Long dẹp loạn, bọn giặc hãy mau lại đầu hàng, nếu không sẽ chết không còn một mống".

Nói xong cả hai thần tướng biến mất, chỉ thấy mây mù kín đặc, sấm sét nổi lên đùng đùng, trong chốc lát thuyền bè của giặc thấy đều chìm đắm. Giặc Mũi đỏ được dẹp yên.

Tam Lang hát khải hoàn về triều dâng biểu tâu công, kể rõ việc chàng Cả, chàng Hai giúp sức.

Vua Hùng bèn xuống chiếu tôn phong:

- Chàng Cả làm Đông Hải đại vương.
- Chàng Hai làm Tây Hải đại vương.

Lại hạ lệnh cho làng Cổ Đế rước sắc phong hai vị để lập đền thờ. Từ đó trở đi muôn dân đều no đủ âu ca, bốn biển lại thái bình yên ả. Tam Lang dâng biểu xin về ly sở, rồi dạo gót nhân du non nước tiêu dao, khi đàn khi sáo, lúc nhạc lúc ca hết sức vui vẻ. Rồi một ngày Tam Lang lại về hành dinh Cổ Đế, mổ trâu bò khao thưởng gia thần và dân làng, sau ở lại hành dinh. Sau khi Tam Lang qua đời, nhân dân Cổ Đế dâng biểu tâu về triều. Vua Hùng hạ chiếu sắc phong Tam Lang tức chàng Ba làm: Bắc Nhạc đại vương.

Dân làng Cổ Đế rước sắc về cùng phối thờ ở đền với chàng Cả Đông Hải đại vương và chàng Hai Tây Hải đại vương.

41. SỰ TÍCH BA VỊ CÔNG THẦN TUẤN, CHIÊU, MINH THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền quận Cửu Chân có một người tên gọi Nguyễn Xuân, vợ là Đoàn Thị Nghị người xã An Canh, huyện Thiên Thi, vốn là nhà hào phú và ăn ở nhân đức, song tuổi đã cao mà chưa có con trai. Nguyễn công rất lấy làm lo. Một hôm vợ chồng cùng về quê ngoại, muốn dựng một ngôi chùa ở đó, tình cờ gặp một ông cụ già lấy gậy chỉ vào ngôi đất quý ở bản địa mà rằng: "Đất này là kiểu phượng hoàng, nên dựng ngôi chùa nhỏ trên đất này, người nào làm được việc này sẽ sinh quý tử", nói xong biến mất. Nguyễn Xuân bèn theo đó mà dựng chùa. Sau này ông bà cùng về giữ chùa thờ Phật. Một hôm Đoàn Thị ra tắm ở giếng Đông Kinh, đang tắm thì trời tối tăm mù mịt có con rồng vàng xuống giếng lấy nước, rồi quẩn quanh bà mấy vòng, nhả dớt dãi thấm vào mình mấy bà, tỏa ra mùi thơm phức. Chỉ thoáng chốc lát rồng bay lên trời biến mất, từ đó bà Đoàn Thị Nghị có mang, đến ngày mồng 10 tháng Ba năm Bính Thìn sinh ra một cái bọc có ba con trai rất khôi ngô kỳ vĩ. Bố mẹ bèn đặt tên con thứ nhất là Tuấn, con thứ hai là Chiêu, con thứ ba là Minh. Năm lên chín tuổi các ông theo học ở trường của Lỗ tiên sinh, học mới ba năm mà đã tinh thông văn võ. Đến năm mười lăm tuổi cha các ông mất. Ba ông thay cha giữ chùa và phụng dưỡng mẹ. Từ đó tài năng của ba ông nổi bật, nhân dân và hào kiệt trong vùng thấy đều khâm phục. Năm mười chín tuổi là năm vua Hùng Duệ ra bằng kén chọn nhân tài, ba ông tới kinh ứng tuyển, vào bộ kiến ứng đối trời chảy tỏ ra một người văn võ kiêm toàn làm cho vua rất hài lòng. Vua bèn phong cho ông Tuấn làm chức Tư tào điển lạc quan, ông Chiêu làm chức Tả tư tào phán quan, ông Minh làm chức Hữu tư tào phán quan. Ba ông xin vua cho về thăm nhà và được vua ban cho hơn mười cân vàng bạc gấm vóc.

Ba ông về quê chính ở quận Cửu Chân rồi về xã Cổ Lễ thăm mẹ. Ba ông mở tiệc ăn mừng, trong lúc yến ẩm thù tạc, ông Tuấn nói với nhân dân các họ rằng: "Chúng tôi với nhân dân vốn chẳng nội thì ngoại, đâu phải người xa lạ, chúng tôi muốn tại nơi đây làm ấp hương hỏa vạn năm của mình...". Sau đó các ông bèn ban cho dân mười lạng vàng để làm khoản tiền mua ruộng ao, đưa vào khoản chi phí đèn hương hằng năm. Ba ông ngắm xem kiểu đất là nơi sơn thủy hữu tình, bèn truyền cho dân lập một hành cung ở đầu làng. Sau khi xây xong hành cung thì thân mẫu từ trần. Ba năm đoạn tang, các ông về triều nhậm chức, nhà vua phong cho ông Tuấn làm chức Thống lĩnh tào liêu lục bộ hùng lạc Đại tướng quân, ông Chiêu làm Tiết chế thị vệ Lạc tướng quân, và phong ông Minh để trị nhậm Hải Dương. Được một thời gian, trong nước đang yên tĩnh thì bỗng có quân Thục sang xâm chiếm. Nhà vua giao binh quyền cho Tản Viên Sơn Thánh, đồng thời vời ba ông phong làm Đại tướng quân lãnh các đạo hùng binh lên trên miền ngược đánh nhau với quân Thục, Quân của Tản Viên Sơn Thánh và quân của ba ông đánh cho quân Thục một trận thua to, chúng phải rút chạy. Ba ông phụng mệnh về kinh đô, quân đi đến sông Đà thì phong ba nổi lên, Minh công đã hóa. Nhà vua thương tiếc công thần, bèn truyền cho dân lập đền thờ ở trên sông, nơi mà Minh công quy hóa và cho xã Cổ Lễ được đèn hương phụng sự. Còn hai ông là Tuấn và Chiêu xin về Cổ Lễ xây dựng cung hội đồng, dặn dò nhân dân sau này lấy cung hội đồng này thay cho miếu mạo thờ cúng hương đẳng. Được mấy năm sau, quân Thục lại kéo đến xâm lược nước Văn Lang, ông Tuấn cùng ông Chiêu ra trận đều bị thương nặng, hai ông chạy về đến hành cung Cổ Lễ hấp hối một lúc rồi mất. Nhà vua nghe tin rất thương tiếc, cho quan triều về làm lễ và truyền cho dân sửa sang cung điện làm lăng tẩm. Các triều đế vương đều có truy phong: Vị thứ nhất là Dương cảnh Đô đại Thành hoàng Uy dũng Linh cảm Đại vương, vị thứ hai là Chiêu ứng Đại vương, vị thứ ba là Minh lang Đại vương, đồng thời cho Cổ Lễ được làm hộ nhĩ sở tại, hằng năm

đến kỳ tế xuân thu, triều đình phải có quan về tế. Trải các triều đại đều có sắc phong và hương hỏa lâu dài.

42. SỰ TÍCH ANH CÔNG, DỤC CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền đời Hùng Duệ Vương, ở đất Hải Dương xưa có một vị bộ chúa họ Hùng tên Huy Tuấn, vợ người quận Nam Hải là Hàn Thị Bích. Tuấn công vốn người lấy nhân nghĩa trị dân, không khi nào dùng đến hình phạt. Ông hơn bốn chục xuân thu, phu nhân hơn ba chục tuổi đời mà chưa có con. Một hôm trước cảnh gió xuân ấm áp, trước sân hoa cỏ thơm tho, trong cung điện thì huy hoàng tráng lệ, ông bà cùng pha trà thưởng thức. Phu nhân bỗng thấy trong người băng khuâng bèn ngả lưng xuống sập, chiêm bao thấy con rồng vàng từ trời lao xuống đè lên người bà, bà sợ hãi quờ tay nhớ được hai chiếc râu của nó. Con rồng liền bay vút lên không đi mất. Bà lấy được hai chiếc râu rồng giấu vào trong áo, bỗng nhiên hai chiếc râu ấy hóa thành hai con rồng con bò ngoằn ngoèo, bà cả sợ la hét lên một tiếng, giật mình tỉnh dậy, mồ hôi trong người bà toát ra thơm phức. Tuấn công thấy thế liền hỏi: "Có sao bà la hét kinh hoàng như thế?". Sau một lát, bà ổn định tâm thần kể lẽ căn kẻ điều chiêm bao cho ông nghe, ông nói: "Nhà ta vốn là dòng dõi vua Lạc Long Quân thuộc về chi nhánh dưới nước, quả nhiên có điều chiêm bao như thế, nhất định sẽ có con rồng thần ra đời". Sau đó được khoảng trăm ngày, bà có mang, đến giờ Thìn ngày mồng Tám tháng Giêng năm Giáp Thìn, đẻ ra một bọc có hai con trai, vóc dáng cao lớn bề vệ, cầm én mây ngải, sau lưng có vệt mây năm sắc, bụng có một hàng vẩy, quả thật không phải là hạng người tầm thường. Sau một trăm ngày, ông bà đặt tên cho con trai cả là Anh công, con trai thứ là Dục công. Ngày qua tháng lại, hai ông lên tám tuổi rồi, thông minh trí tuệ như thần, dũng cảm tài năng như thánh, đi đến đâu thì trời nổi sấm sét và kéo mây đổ mưa đến đấy; dừng lại nơi nào thì nơi ấy mát rượi

và ánh sáng rực rỡ tỏa ra bốn bên. Nhân dân thấy thế đều sợ hãi khâm phục. Đến năm hai ông mười bảy tuổi, thiên tài lỗi lạc, chẳng học mà hay, có tài văn võ kiêm toàn, lại có mưu kỳ lược lạ, oai danh truyền đến phương xa, không một nơi nào là không kính phục. Bấy giờ gặp khi trời nắng hạn, lúa má hoa màu khô héo, nhân dân đói khát, trộm cướp nổi lên, vua Hùng truyền lệnh triệu tập văn võ bá quan và những người thuộc về dòng dõi nhà vua đều vào dự kỳ thi Hội để kén nhân tài giúp nước. Khi ấy Anh công và Dục công từ bộ Hải Dương lên kinh dự thi. Kết quả cuộc thi hai ông trúng tuyển vào bệ kiến vua Hùng. Nhà vua thấy hai ông phong tư đỉnh đạc, nghĩ thâm: quả là bậc thiên tài giáng thế, không phải người thường. Nhà vua bèn phong cho anh làm Tả tư tào tướng quân, em làm Hữu tư tào tướng quân. Hai ông lĩnh chức trong triều được vài năm thì Bộ chúa Hải Dương Tuấn công tuổi ngoại sáu tuần vô bệnh mà mất. Hai ông bèn xin phép nhà vua cho về quê cử hành tang lễ, được nhà vua phê chuẩn và ban cho một số lụa là vàng bạc để giúp đỡ việc tang lễ. Sau khi mãn tang, hai ông lại vào triều bái yết, nhà vua lại phong cho ông anh thừa kế ngôi Bộ chúa Hải Dương, đồng thời phong cho ông em giữ chức Thống lĩnh Long chu thủy đạo tướng quân. Hồi ấy trời lại đại hạn, nhân dân đói kém, bốn phương nổi loạn đao binh, đời sống con người lúc ấy thật là lầm than khổ ải. Nhà vua thấy thế, sai cho phát chẩn cứu đói đến nỗi kho tàng gần như dốc sạch. Nhà vua liền sai Dục công cùng với quan quân đường thủy làm lễ cầu đảo thiên địa bách thần. Dục công thay mặt nhà vua làm lễ cầu đảo ba ngày, trời đất bỗng tối sầm lại, mưa gió dữ dội trong mười hôm liền, lúa má hoa màu thấy đều xanh tốt. Nhà vua mở tiệc ăn mừng và gia phong cho Dục công làm Tán trị triều chính Điều bát thiên hạ Đại tướng quân, và sai ông đem quân tuần hành để cáo dụ thiên hạ. Quân Dục công đi đến đâu, bao nhiêu bọn trộm cướp cừ khôi thấy đều hàng phục. Sau ba tháng tuần du, thiên hạ gió hòa mưa thuận, trăm họ đều an cư lạc nghiệp. Một hôm ông tiến quân về đến xã Lan Đình, phủ Từ Sơn, quận Kinh Bắc,

thấy một kiểu đất "hoa sen hóa phượng", bên tả, bên hữu có các đồ hình như bút, bảng, cờ, ngựa, trước mặt có dòng sông nhỏ làm minh đường. Ngày ấy nhân dân xã Lan Đình đều làm lễ đón mừng, ông truyền cho dân làng dựng một hành cung ở trên kiểu đất ấy. Xây dựng xong, ông lưu lại chơi mười ngày, nhân dân đều đến xin làm tôi con. Sau đó ông cho tiến quân đến xã Đề Cầu huyện Tế Giang, địa phương này nhiều trộm cướp, ông cho đóng quân ở đây, rồi truyền hịch phủ dụ bọn gian phi và cảm hóa dân tình, qua một tháng bọn giặc cướp đều ra hàng, nhân dân làm ăn yên ổn, ông tiến quân về đến xã Hối Đồng, huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai, nhân dân làm lễ chào mừng xin làm thần tử, được ông phê chuẩn. Ông lưu lại ở đấy vài hôm rồi lại về huyện Tam Nông phủ Hưng Hóa. Hối đó hai xã Long Truyền và Đậu Dương đều theo làm tôi con có tới hơn hai trăm người. Ông bèn cho hai địa phương ấy làm Hộ nhi sở tại¹ ông tuần du trong nước bảy tám tháng, nhân dân đều được yên ổn, nhà vua lại vời về bộ kiến và cho đến trấn thủ Hải Nam. Ông phụng mạng đi nhậm chức tại Hải Nam được ba năm. Gặp lúc cuối triều Hùng, vận nước sắp đến ngày thay đổi. Thục Vương nghe tin Duệ Vương tuổi tác đã cao mà không có con kế vị, phải nhường ngôi cho con rể là Tản Viên Sơn Thánh. Thục Vương liền đem ba chục vạn quân đánh Hùng Duệ Vương... Nhà vua triệu Tản Viên Sơn Thánh và An công, Dục công hội đồng tiến binh đánh dẹp. Sơn Thánh tâu rằng: "Thần xin đốc xuất các vị tướng tài đánh trên bộ, còn đường thủy xin cử Hải Dương bộ chúa Anh công và Nam Hải trấn vương Dục công chỉ huy thủy chiến, quân Thục nhất định sẽ thua". Các ông đều lấy tạ nhà vua rồi chia đường cùng tiến... Tản Viên Sơn Thánh và các tướng lĩnh đem quân lên Mộc Châu; Anh công và Dục công đem quân thủy tiến đến cửa bể Thần Phù. Thủy bộ hai đường đều tiến đến chỗ Thục đóng quân đánh nhau một trận dữ dội. Trong

1. Hộ nhi sở tại: Chỉ dân địa phương được trông coi đến miếu và ruộng tự điền và được miễn sưu thuế cùng mọi việc phu phen, tạp dịch...

khi giao chiến ác liệt thì trời đất bỗng tối sầm lại sầm sét nổi lên âm ầm, quân thủy quân bộ của Thục đều tan rã, quân nhà Hùng truy kích chém được giặc nhiều vô kể, đồng thời bắt sống được một số đưa về kinh đô. Nhà vua nghe tin thắng trận cả mừng, bèn giáng chiếu vời Anh công và Dục công về triều. Thuyền hai ông về đến cửa sông Ý Bích thuộc huyện Thạch Đằng trời bỗng nổ ba tiếng sét, gió táp mưa sa tối tăm mù mịt, trên sông sóng cuộn lên âm ầm, các loài cá, ba ba, thường luồng, rần mang hoa đều nổi lên mặt nước châu đầu vào thuyền của hai ông. Bỗng có hai con rồng từ hai chiếc thuyền bay lên trời biến mất. Hai ông đều hóa. Trong chớp mắt trời quang mây tạnh, nhân dân địa phương đổ ra xem thấy thuyền hai ông đã đắm. Tướng lĩnh và quân sĩ các đạo tiến đến đều cho là việc lạ, họ dâng biểu tâu vua. Nhà vua biết tin tỏ lòng thương tiếc công thần có công với nước, hơn nữa hai ông vốn là dòng dõi Hùng Vương, bèn sai quân đến chỗ hai ông hóa để làm lễ và cho dựng miếu thờ phụng. Sau đó nhà vua lại sai làm lễ ở trong thành, nhà vua truyền trăm quan tế lễ ba ngày. Trong khi đang hành lễ, trời đất bỗng tối tăm, trên đàn có hào quang rực rỡ, hai con rồng hiện ra, nhà vua cùng trăm quan đều thấy. Ngày ấy là mồng Ba tháng Chạp. Nhà vua bèn hạ bút phê chuẩn bao phong là Thượng đẳng Phúc thần, cai quản mười hai cửa bể. Một vị phong là Dục vận Hộ quốc Đại vương và Dục vận Phổ hóa áp quốc Đại vương, chuẩn y cho phường Ý Bích huyện Thạch Đằng làm hộ nhi trông coi đền chính. Hằng năm có hai lần quốc tế vào mùa xuân, mùa thu. Ngoài ra, những địa phương là đệ tử của hai ông đều có dựng đền thờ cúng.

Hùng Duệ Vương tuổi già sức yếu, muốn nhường ngôi cho đức Tản Viên Sơn Thánh, nhưng ngài không nhận và tâu với Vương rằng: "Thần cùng bề hạ đã có tiên thuật thì nên ngự cõi thần tiên cực lạc, hưởng phúc trường sinh bất lão há chẳng sung sướng lắm sao. Tình thế này nên vời Thục Vương đến nhường ngôi. Hơn nữa Thục Vương cũng là dòng dõi nhà Hùng, nào phải người đâu xa lạ, Nhà vua theo lời của Sơn Thánh, bèn

truyền ngôi báu cho vua Thục. Qua các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, các ngài đều hiển linh cứu dân hộ quốc, các đời đế vương đều có bao phong duệ hiệu. Vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa Lam Sơn, dẹp được quân Minh, lên ngôi hoàng đế truyền đến Chiêu Tông thì họ Mạc cướp ngôi. Tương truyền đời Lê Chiêu Tông có một viên quan nội thị là Chu Huyền Linh, vì thân cô thế cô không thể báo đền ơn vua, bèn giả làm người buôn vải đi vào đến huyện Thạch Đằng, phủ Hà Trung, châu Ái buôn bán ở chợ phường Ý Bích. Họ Mạc hạ lệnh cho bắt những bề tôi nhà Lê không chịu ra phụng sự nhà Mạc. Quân Mạc truy lùng Chu Huyền Linh. Thấy không thể chạy đường nào cho thoát, Huyền Linh lên vào miếu thờ hai ông ở cửa bể để ẩn náu sau bệ tượng thánh. Huyền Linh hoảng sợ tưởng không thoát khỏi, chỉ muốn tự tử. Ngoài đền bốn mặt đều là quân Mạc bố vây trùng điệp, chúng hò reo xông vào trong đền tróc nã. Lúc ấy trời chập choạng tối, quân Mạc tiến đến trước đền sợ hãi không dám vào, lại thấy trong đền có tiếng nổ âm âm như sấm, ở ngoài thì rần mang hoa leo chằng chịt ở cửa đền. Quân Mạc sợ hãi không dám xông vào trong đền, lùi ra bố vây ở chung quanh vài ba ngày. Huyền Linh nghĩ nếu quân Mạc cố ý vây hãm lâu dài thì sẽ chết đói, bèn lẩm nhẩm khấn rằng: "Thần vốn một lòng trượng nghĩa không thờ họ Mạc, do đó mà bị quân Mạc vây hãm tróc nã cực kỳ nguy khốn. Nay xin ẩn náu dưới bóng các ngài, xin các ngài hiển linh cứu cho chạy thoát nhanh vuốt kẻ thù. Thần cúi đầu đội ơn thần thánh, ghi lòng tạc dạ không dám lãng quên". Khấn xong, vào khoảng canh một, gió mưa kéo đến, sóng bể dâng lên cuộn cuộn, cuốn vài chục quân Mạc ra biển, quân Mạc sợ hãi chạy tán loạn. Nửa đêm hôm ấy, Huyền Linh thấy quân Mạc chạy đi nơi khác, Huyền Linh lạy tạ trước nhang án thánh và lấy trộm hai cái bình hương giấu vào tay nải, gà gáy một lần thì lại ra đi về quê nhà. Về qua đất Tạ Xá, Huyền Linh thấy một bên tay nải có tiếng kêu vo vo như đàn ong và tự nhiên nặng trĩu xuống như là tảng đá vậy, lấy tay sờ ở ngoài tay nải thấy ở trong đều là rần cuộn khúc và động cựa, ông ta sợ quá vội vàng

ném một chiếc tay nải xuống đó, tức địa hạt xã Tạ Xá đông, còn lại một tay nải đựng một bình hương đem về cất giấu trong nhà. Từ khi đem bình hương về nhà, khiến cho thôn ấp không yên, mà trên mái nhà họ Chu - nơi cất giấu bình hương - ngày đêm có tiếng kêu ù ù như sấm, thường thấy rắn, hùm ra vào trong thôn ấp, chập tối thấy âm binh vào làng quở trách nhân dân: "Ta đây là bốn vị thổ thần cai quản ấp này. Nay có vị Trấn hải Long Vương chúa tể do Huyền Linh rước về làm thần Thành hoàng trông coi cai quản dân chúng tại đây. Ta đây vâng mệnh đức Trấn Hải Long Vương báo cho dân chúng đều hay. Nếu cứ ngu xuẩn tối tăm điếm nhiên vô lễ thì dân chúng sẽ mắc vòng tội lỗi". Nói xong biến mất. Nhân dân cả sợ cho là việc lạ, họ đến nhà họ Chu hỏi: "Thấy các vị thổ thần hiện lên báo nhà ông rước được Quan lớn về làm thần cai quản thôn ấp chúng ta, thần đã báo ứng, nhất định phải đúng, xin ông cho dân biết, dân được yên ổn cũng là nhờ cậy ở đức của ông". Ông thấy được chân tình của dân, bèn thuật lại việc làm của mình cho họ nghe. Nhân dân liền rước bình hương ra quán đặt lên ban thượng. Từ đó làng An Xá có một quán ba gian ở cạnh sông thờ phụng Trấn hải Long Vương. Nhân dân nhờ có sự âm phù tế độ của thần mà từ đó làm ăn thịnh vượng.

Nói về việc Huyền Linh đặt bình hương ông thứ nhất tại xứ Cây Gạo cạnh đường xã Tạ Xá, sáng ra có một người trong ấp đi qua thấy một con rắn mang hoa nằm cuộn tròn ở trong bình hương, hai mắt sáng quắc. Người ấy hoảng sợ hét lên một tiếng, rồi ngã phục xuống đất nằm thiếp đi, chiêm bao thấy một vị quan lớn có tả hữu đứng hầu, binh mã có khoảng hơn một nghìn người, cho bắt người trong ấp đến bảo rằng: "Ta đây vốn là Thủy thần đi qua địa hạt này, may gặp về báo cho dân chúng biết đừng có xem thường mà làm điều trái phép". Người đó tỉnh dậy thì đã thấy nhân dân đang làm lễ, bèn đem việc chiêm bao nói cho mọi người nghe. Vừa nói xong thì mưa gió kéo đến, trời đất tối tăm mù mịt, thấp thoáng thấy con rắn thần biến mất. Nhân dân bèn mang kiệu rước bình hương đặt

lên bàn thờ trong quán. Suốt trong ba ngày liền cả khu đền tối tăm như đêm. Sau một thời gian không lâu, nhân dân đặt một ngôi miếu ở cạnh đền hoàng tử triều Lý. Qua năm sáu năm trời, nhân dân Tạ Xá làm ăn giàu có cường thịnh. Có một đêm, ở trong đền vọng ra những tiếng rì rào hình như tiếng quân lính hội họp. Nhân dân đóng cửa không dám ra, bỗng nghe tiếng luồng gió ù ù vang lên như sấm từ trong đền thổi ra một hồi lâu rồi im bật. Sáng ra, dân đến xem thì bình hương đã mất. Nhân dân cho là sự lạ kỳ, bèn làm lễ ở đền hoàng tử nhà Lý khẩn khứa về việc mất bình hương Long Vương, không hiểu lành hay dữ thế nào xin thánh linh soi xét. Đêm ấy tất cả dân chúng đều chiêm bao thấy một vị quan lớn bảo rằng: "Thượng quan đã trở về miếu cũ ở cửa biển rồi". Nhân dân bèn làm lễ tạ, từ đấy không dám cầu đảo gì nữa.

Đến thời vua Trang Tông nhà Lê, vua cùng quan Thái úy họ Nguyễn khởi nghĩa từ Ai Lao đem quân về diệt trừ họ Mạc. Khi quan quân đến địa phận châu Xích Đằng, qua đền thờ của Dục công bỗng thấy một con cọp vàng từ trong đền đi ra, vẫy đuôi đến trước xe nhà vua nhảy múa ba vòng và gầm lên ba tiếng. Ngay lúc ấy trời đất tối tăm mù mịt, thấp thoáng thấy con cọp nhảy vào trong đền biến mất. Nhà vua dòm phụ lão đến hỏi đền này thờ thần gì Họ tâu thờ thần Thủy phủ Long Vương là dòng dõi Hùng Vương xưa. Nhà vua bèn dừng xe nghỉ một đêm cho quan Thái úy họ Nguyễn mật đảo khẩn rằng: "Xin ngài âm phù giúp cho quân nhà vua diệt trừ giặc Mạc sẽ được nhà vua bao phong làm Thượng đẳng Phúc thần". Đến nửa đêm, nhà vua chiêm bao thấy một ông tướng cao lớn đường hoàng, tay cầm thanh long đao đến trước mặt nhà vua tâu rằng: "Thần vốn là dòng dõi Hùng Vương, đức Ngọc Hoàng phong làm chúa tể long cung, nay thấy nhà vua khởi nghĩa diệt trừ quân tàn bạo mà tiến quân qua đây. Vì thế thần kính cần đón rước xa giá nhà vua và xin cho thần được tòng chinh giúp nước lập công...". Thần nói chưa dứt lời thì nhà vua tỉnh mộng, nghĩ thâm thiên thần cũng giúp đỡ nghĩa binh, bèn truyền chủ tướng làm lễ

trước lúc lâm trận. Sau đó đánh nhau một trận với quân Mạc ở địa phận xã Thượng Phấn. Quân Mạc thua to, truy kích chém đầu giặc nhiều vô kể, thấy giặc chết cao như núi, máu chảy thành ngòi. Quét xong giặc Mạc, Trang Tông hồi kinh lên ngôi hoàng đế, hạ chiếu gia phong cho thần là Quảng hựu Thông linh Mãnh lang Dực vận Đại vương, chuẩn y cho dân xã An Xá làm hộ nhi. Nhà Lê trung hưng, ngài hiển linh giữ nước giúp dân, các đời vua đều có truy phong là: Trấn hải Hộ quốc, Tượng thích Dũng nghị, Tế thế Bảo hựu, An dân Dực vận, Phổ hóa Hiền ứng, Diệu cảm Thông minh, Anh hùng Chính trực, Trung hòa Đại vương (xã An Xá là nơi đến chính).

43. TRUYỆN THẦN CÂU MANG THỜI HÙNG VƯƠNG

Sự tích về thần Câu Mang tương truyền như sau: Bấy giờ Hùng Nghị Vương vừa có hoàng hậu chưa có cung phi, vua bèn nảy ý định tuyển phi rộng rãi ở khắp nơi. Thế rồi nhà vua xuống thuyền phiếm du tứ hải. Có một ngày thuyền rồng của vua cập bến trang Hương Ngải. Vua bắt gặp một cô gái chừng 18 đôi mươi thập phần xuân sắc, vua hỏi lai lịch cô gái. Cô gái đáp: "Thiếp không phải người trần ai mà là con gái thứ của Ngọc Hoàng thượng đế, phải chăng là bởi cái số, bởi cái duyên, bởi mắc trọng tội mà phụ hoàng trích giáng xuống trần bốn mươi năm, tới nay mới là năm thứ chín". Vua hỏi: "Nàng hiện ở đâu?". Đáp: "May thay ngày ấy gặp được ông Lê Công Mỹ người ở trang Hương Ngải, gia tư vào bậc hào phú. Nhưng quan trọng hơn là người có tấm lòng rộng mở, thương tình thiếp bậc phận nên đem thiếp về nuôi dưỡng. Nhân đó mà gọi tên là Niệm nương, tình cảnh bi ai, Vương đâu có thấu". Vua nghe rồi mới than rằng: "Duyên trời tiền định, cổ nhân đã từng có lời nói ấy". Nay trẫm thiếu một nàng phi, nàng nên theo ta về cung, trẫm sẽ chia sẻ cùng nàng, giúp nàng khổ tận cam lai, liệu có được chăng?". Đáp: "Bệ hạ có tấm lòng như vậy, thiếp đâu dám

không vâng mệnh. Nhưng thiếp mang ơn của Mỹ công rất sâu dày, thiếp nguyện ở trang Hương Ngải để báo đền ân đức của Mỹ công". Vua nghe lời tâu ấy thì khen Niệm nương quả là người rất trung hậu, kiên trinh. Vua liền cho xa giá tới trang Hương Ngải, tìm mạch đất tốt cho dân xây dựng một cung dinh, lập Niệm nương làm Đệ nhất Cung phi, ban hiệu là Thánh chúa và cho ở tại cung dinh ấy. Lại triệu Mỹ công tới tặng vàng bạc, vua lưu cư sống với Thánh chúa mấy tháng. Vua lại triệu nhân dân tới dặn dò cho họ bảo vệ hầu hạ Thánh chúa. Rồi vua trở về triều, để Thánh chúa ở lại Hương Ngải, mấy năm sau vua mới đón bà về triều, ở với vua được vài năm, một đêm Thánh chúa mơ màng chiêm bao thấy một người đi từ hướng nam tới, tay ôm một con rết; lại thấy một người đi hướng tây tới, tay ôm con rắn hổ mang.

Rồi thấy hai người ấy biến thành hai con rết và hổ mang. Sau lại hóa ra đứa con trai đánh vật nhau, chạy sà vào lòng Thánh chúa nói: "Mẹ hể. Mẹ hể con là thần Câu Mang, nguyện xin đầu thai làm con của mẹ để cứu nước hộ dân". Câu nói chưa dứt bỗng có tiếng sấm vang lưng trời làm Thánh chúa tỉnh giấc, biết đó là giấc mơ vàng, sau quả nhiên đẻ ra một vị thần. Do nhớ câu chuyện báo mộng ngày trước, nên mới đặt tên là Mang công. Đến năm 17 tuổi, Mang công thiên tư thông minh, mới học được một số năm mà lầu thông thiên kinh vạn quyển, hiểu rõ ngọn ngành của mọi nghĩa lý trong kinh điển của Khổng Mạnh, thao lược về Tứ khóa Tam truyện thì cũng không kém Ngô Khởi Tôn Tồn thời Xuân Thu Chiến Quốc. Bấy giờ thân mẫu đã vào cái tuổi ngũ tuần, mãn kỳ giáng thế, mới từ biệt Mang công rồi thăng thiên mà đi nhằm ngày 15 tháng 8. Vua cùng hoàng tử Mang công về quê ngoại Hương Ngải làm lễ tế tự. Việc tang sự xong, vua ban Phi Niệm nương là bà Niệm Thánh chúa ngọc bệ hạ. Bấy giờ, Mang công xin hoàng phụ cho lưu lại Hương Ngải để tiện việc hương đàng sớm tối thờ mẫu thân. Những khi nhàn rỗi, Mang công mời nhân dân tới tư dinh để khuyến khích nông tang, hưng thiện trừ hại... Mang công nói với bà con Hương

Ngải rằng: "Ta và bà con đã trở thành cố nghĩa. Nay ta có hai ngôi miếu ở phía đông và phía tây để thờ Thánh chúa và ta hưởng thần trăm tuổi về sau". Nay ta có chút vàng tốt sáu nén gửi bà con để biếu tỏ chút lòng. Nhân dân tiếp nhận, bái tạ Mang công.

Lại nói, bấy giờ nước ta có giặc Mất xanh tới xâm lấn; tướng giặc tự xưng là Thiết Kim Thần tướng, mang năm mươi vạn tinh binh tới đánh. Nghị Vương cùng Mang công mang quân ra nghênh chiến. Mang công giữa trận tiền tả xung hữu đột chém chết tướng giặc Thiết Kim Thần tướng. Lũ giặc như rắn mất đầu, đám tàn quân giặc bỏ chạy tan tác. Vua cùng Mang công khải hoàn về tới bến sông trang Hương Ngải. Mang công bái tạ vua cha, bỗng trời đất nổi cơn mưa gió mịt mù, Mang công liền hóa thành con mãng xà rồi biến vào ngày mồng Hai tháng Mười Một. Vua sai nhân dân Hương Ngải viết thần hiệu, vua gia phong Phúc thần Câu Mang Đại vương, lại giao cho Hương Ngải là chính từ thờ Mang công vô cùng vạn đại.

44. SỰ TÍCH DƯƠNG CÔNG VÀ NGUYỆT TINH CÔNG CHÚA THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền ở châu Đà Bắc, phủ Gia Hưng, đạo Hưng Hóa có một bộ chúa tên là Đinh Nhiêu, vợ là Trương Thị Chiêu, ăn ở hiền lành phúc hậu mà đến năm bốn mươi tuổi vẫn chưa có con. Hồi ấy có người tên là Phạm Toàn, vợ là Võ Thị Loan, quê ở trại Hồng Thị, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, đạo Hải Dương, sinh hạ được một cô con gái tên là Minh nương. Minh nương lớn lên, tính tình thuần hậu, nhan sắc tuyệt trần. Năm cô mười chín tuổi, gặp lúc Hồng Châu có loạn, bố mẹ cô đưa cô lên Đà Bắc ở vài năm Một hôm bộ chúa Đinh Nhiêu đi săn bắt gặp Minh nương, liền phải lòng ngay. Bộ chúa xin ông bà Phạm Toàn cưới Minh nương làm đệ nhị phu nhân. Được Phạm công đồng ý, hai vợ chồng ăn ở với nhau rất hạnh phúc. Song đã sáu

bảy năm mà vẫn chưa có con. Gặp dịp người ta mở hội chùa Thiên Quang ở núi Độc Tôn, châu Đà Bắc, Đinh công và phu nhân cũng sửa lễ Phật cầu tự. Khi trở về phu nhân xuống suối tắm, thấy có con giao long hiện lên quẩn quanh mình. Nàng băng khuâng nằm thiếp đi ở mé bờ suối. Nàng mơ thấy một con rồng xanh bay từ trên trời xuống ngậm một quả trứng, nhả vào mồm phu nhân và bên tai phu nhân có tiếng nói văng vẳng: "Gia đình người phúc hậu, nên trời sai Thủy thần tài giỏi xuống làm con". Phu nhân tỉnh dậy thấy dải của giao long còn thắm vào mình thơm ngát. Sau đó nàng có mang mười bốn tháng. Gần ở cũ, phu nhân về thăm quê ngoại. Trên đường trở lại Đà Bắc, khi đi qua địa phận khu Nguyễn Xá, xã Đường Hào, trời dất bỗng tối tăm mù mịt, gió mưa sấm sét nổi lên âm âm, phu nhân trở dạ đẻ ra một quả trứng khá to. Đẻ xong thì trời quang mây tạnh, dân địa phương dựng tạm một mái lều tranh để cho phu nhân ở mà ấp trứng. Họ cất cử người bảo vệ nàng cẩn thận, rồi tâu sự lạ lên cho vua biết. Vua sai quan vẽ xem và đưa quả trứng thần kỳ về triều để vua xem. Nhưng khi viên quan vừa mang quả trứng đến đầu làng Nguyễn Xá thì trời dất bỗng tối tăm mù mịt, sóng nước dưới sông cuộn lên âm âm. Một tiếng sét long trời lở đất nổ ra, quả trứng nở ra một người con trai mắt phượng mày ngài, mặt rồng mũi hổ, gò má cao vời vợi, cầm đầu như cầm chim én, sau lưng có hai mươi tám vẩy như vẩy cá, tay dài chấm gối, trên trán có một cái sừng bằng thịt nhô lên, lòng bàn chân có bảy cái lông dài hơn một tấc, tiếng vang như sấm, mắt sáng như sao. Mọi người thấy thế đều kinh ngạc. Quan triều truyền cho dân làm lễ mừng và đưa mẹ con phu nhân lên vòng cáng về triều bái yết vua Hùng. Nhà vua cho hỏi lai lịch, biết là sự lạ, tất đây không phải người thường. Bèn vời Đinh Nhiễm, ban cho bạc vàng gấm vóc, lại còn cấp tiền của cho quan địa phương, lệnh phải chăm sóc cậu bé chu đáo. Vua Hùng đặt tên cho cậu là Dương. Vua còn ban cho Nguyễn Xá hai nghìn quan tiền để xây dựng sinh từ. Nhớ đức độ Dương công, dân Nguyễn Xá làm ăn rất thịnh vượng. Ông Dương từ bé đã thông

minh miễn tiếp. Có điều lạ là ông đi đến đâu là có một đám mây ngũ sắc làm thành một chiếc lọng che đầu đi theo đến đấy. Ông thường xuống sông tắm lặn suốt ngày. Năm ông mười chín tuổi, vóc dáng cao lớn, đỉnh đặc oai nghiêm, sức khỏe tuyệt vời, không ai địch nổi. Vua cho vời về triều đình thử tài. Vua Hùng rất hài lòng về ông, bèn ban cho chức Thống lĩnh Long chu thủy đạo Nguyên soái Đại tướng quân. Ông làm quan trong triều mấy năm thì có Hỏa Viên thần chúa ở Lâm ấp kéo quân đến đánh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hoan châu, Ái châu và Bố Chính. Triều đình sai các tướng lĩnh đi đánh đều thua. Cuối cùng nhà vua phải sai ông Dương đích thân cầm quân đi đánh. Ông xin phép vua được tuyển thêm vài trăm gia thần để cùng ông xông pha trận mạc. Được vua chấp thuận ông bèn tuyển bốn mươi sáu người trung kiên nhất ở khu Nguyễn Xá lúc đó. Ông nhảy lên mình ngựa, tay cầm long đao dẫn quân xông tới trận địa, cho quân mai phục bốn phía. Ông một mình ngồi trên ngựa, quan sát đồn giặc rồi làm phép "hô phong hoán vũ". Trời đất bỗng tối tăm mù mịt, sấm sét nổi lên ầm ầm, mưa gào, gió thét, ông xông vào chém ngay đầu Hỏa Viên thần tướng, treo lủng lẳng dưới cờ. Quân giặc khiếp sợ tan rã ngay tức khắc. Tin chiến thắng bay về triều. Nhà vua cả mừng, hạ chiếu vời ông về, phong là Thống quốc Nguyên soái Uy liệt hầu, và gả cháu họ là Nguyệt Tinh công chúa cho ông.

Được ít lâu Dương công và Nguyệt Tinh công chúa về thăm Đà Bắc. Dịp đó thân phụ và thân mẫu ông đều mất một ngày. An táng bố mẹ xong, ông và công chúa trở lại thăm khu Nguyễn Xá. Đạo đó trời làm hạn hán, ruộng đồng khô nẻ, lúa má hoa màu khô héo. Ông Dương đặt bàn chân đến đâu thì mưa thuận gió hòa, lúa màu trở lại tươi tốt. Thấy nơi chôn nhau cắt rốn của mình là nơi sơn thủy hữu tình, ông Dương bèn đưa vàng bạc cho dân sửa sang lại sinh tử rồi lại cùng công chúa trở về Đà Bắc.

Hồi ấy có bộ chúa Ma Cà Rồng nổi loạn, quân lính của chúng đi đến đâu hại dân đến đấy. Vua bèn hạ chiếu vời ông về triều cầm quân dẹp loạn. Ông được nhà vua phong chức Bình nam

Thượng tướng quân Uy liệt Đại vương. Ông truyền đánh con long đao nặng một trăm cân, tám thanh kiếm thường và tám cuộn thường sắt cùng tám gia thần dũng sĩ cưỡi tám con ngựa đi hai bên tả hữu. Ông cầm long đao cưỡi ngựa hồng đi giữa, theo sau chỉ bốn năm trăm người. Thoáng một cái ông đã xông thẳng vào giết giặc, ông quát một tiếng, gió mưa kéo đến âm âm, những cột lửa dài hàng vạn trượng từ trên trời lao xuống. Giặc kinh hồn khiếp đảm, bỏ chạy tán loạn. Ông chém được tám đầu tướng giặc lấy dây sắt treo ở hai bên mình ngựa. Ngoài ra ông còn chém được hơn một vạn đầu lính giặc.

Thắng trận rồi, ông phóng ngựa trở về. Đến phủ Doan Hùng, ông thét lên một tiếng, sóng dâng lên cuộn cuộn, bao nhiêu thuồng luồng, cá, ba ba đều nổi lên mặt nước, ông mang cả tám đầu tướng giặc phóng ngựa xuống sông cùng hóa. Ngày ấy là ngày 12 tháng 10. Tám gia thần của ông cùng hóa với ông một chỗ. Sau khi hóa, trời bỗng trở lại sáng sủa như thường. Thấy sự lạ, dân tâu lên vua. Vua sai quan về nơi công chúa làm lễ tế bái long trọng, truyền cho dân lập đàn thờ cúng tại quê nội, quê ngoại. Nhà vua còn ban cho mười hai mẫu ruộng, một nghìn quan tiền làm khoản công quỹ chi cho việc cúng tế, sửa chữa đền miếu. Có cả thầy ba mươi hai làng thờ ngài.

Lại nói về Nguyệt Tinh công chúa, sau khi được tin ông hóa, bà vô cùng sầu thảm. Một hôm bà cho đánh thuyền ra chơi ở hồ Dâm Đàm (tức hồ Tây), bỗng thấy gió nổi lên, làm đắm thuyền, công chúa hóa luôn lúc ấy. Nhà vua truyền cho lập miếu thờ.

Ngày sinh của Đại vương là mồng Mười tháng Tư, ngày hóa là Mười Hai tháng Mười. Ngày sinh của công chúa là Rằm tháng Giêng, ngày hóa của công chúa là ngày mồng Hai tháng Mười Một.

45. SỰ TÍCH ĐÀO AN, ĐÀO Ý THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền ở đạo Thanh Hoa, có một người tên là Đào

Lang vợ là Thị Loan, lấy nghề buôn quế sinh nhai, sau trở nên giàu có. Tuy làm nghề buôn bán song là người hiền hậu, hai vợ chồng rất được mọi người quý mến. Một hôm ông bà đi chợ về, gặp trời tối, bèn ở trọ ở miếu của khu Cự Dữu huyện Văn Lâm. Đến đêm, bà Loan chiêm bao thấy hai người đàn ông áo mũ chỉnh tề, từ phương Bắc đến tự xưng là quan thủy thần, phụng mệnh thiên đình xuống đầu thai làm con. Nói xong đưa cho bà hai quả trứng bảo là nuốt đi Bà tỉnh mộng, đem kể chuyện đó cho chồng nghe. Chồng bà cho đó là điều tốt lành, bèn làm lễ mật đảo. Bỗng thấy hào quang từ trong miếu bay đến phủ lên mình bà Tạ Thị. Về nhà bà có mang, đến tháng Mười Hai năm Giáp Thìn thì đẻ ra một bọc có hai cậu con trai khôi ngô tuấn tú. Bà đặt cho cậu cả tên là Đào An hiệu Ninh Tĩnh, cậu thứ là Đào Ý hiệu Mỹ Đức. Đến năm hai cậu mười lăm tuổi, thiên tư sáng suốt, đọc nhuễn binh thư, sở trường về võ lược Năm mười tám tuổi, bố mẹ đều mất cả. Hai ông an táng chu tất và để tang bố mẹ ba năm. Vừa lúc đó, Hùng Duệ Vương giáng chiếu cho các châu huyện, cử người hiền tài kiêm toàn văn võ, để nhà vua sử dụng và trao quan tước. Hai ông ứng tuyển và khi ra mắt nhà vua, hai ông được nhà vua rất quý mến. Vua phong cho Đào An làm Chỉ huy sứ Tả tướng quân, Đào Ý làm Chỉ huy sứ Hữu tướng quân.

Hồi ấy có Thục Phán cũng là dòng dõi Hùng Vương, thụ phong ở nước Ai Lao. Nghe tin Hùng Duệ Vương không có con trai mà lại tuổi cao sức yếu, Thục Phán bèn đem quân sang xâm lược nước Văn Lang. Thanh thế quân Thục rất mạnh, thư cáo cấp từ biên giới gửi về ngày mấy bận, Hùng Duệ Vương lấy làm lo sợ, bèn vời đức Thánh Tản Viên đến hỏi kế đánh giặc. Sơn Thánh tâu rằng: "Hơn hai nghìn năm nay đã có tới sáu bảy vị vua hiền, công đức cao dày thấm vào xương tủy người dân. Hiện nay nước giàu binh mạnh, oai đức nhà vua lan khắp bốn phương trời, lòng trời yêu mến, cho các vị hiền tài giáng thế giúp đời, như hai người con họ Đào (tức Đào An, Đào Ý). Ngoài ra có biết bao nhiêu là thần núi, thần sông cũng đều xuống trần

giúp nước. Quân Thục thật không đáng kể, chỉ trong một ngày đủ dẹp tan được. Thần xin để cử hai vị tướng họ Đào cầm quân chặn đánh các ngã đường. Riêng thần thay mặt nhà vua gánh vác khó nhọc, khiến tướng điều binh đánh nhau với giặc". Hùng Vương cả mừng, cho gọi hai ông đến, cử làm tướng tiên phong chặn hai ngã đường Tây Bắc. Hai ông phụng mệnh lên đường. Đến trang Cự Dữu huyện Gia Lâm phủ Thuận An, đạo Kinh Bắc (xưa là Vũ Ninh), hai ông thấy địa thế Cự Dữu phong quang, có sơn thủy bao bọc, có rừng châu hồ phục, bèn truyền đóng quân tại đấy, lập đồn trại để chặn đường đánh giặc. Thấy dân chúng hoang mang lo sợ, hai vị tướng quân họ Đào bèn phủ dụ dân rằng: "Quân của ta không như quân của kẻ xâm lược. Ta không bao giờ hại dân, dân cứ yên tâm làm ăn". Dân bèn làm lễ tạ ơn, và xin làm tôi để phụng sự hai ông. Hai ông chọn lấy hai mươi lăm trai tráng trong bản làng làm gia thần. Phụ lão và nhân dân tâu rằng: "Hai vị tướng quân dùng oai, đức để cảm hóa mọi người, khiến cho dân chúng an cư lạc nghiệp. Sau này xin lấy chỗ đóng quân để làm miếu phụng thờ hai người". Hai ông vui lòng đồng ý. Hai ông hỏi thăm về ngôi miếu mà thần mẫu đã hoài thai sinh ra hai ông. Phụ lão tâu rằng: "Ngôi miếu ấy thờ hai vị Thủy thần rất anh linh. Nhưng khoảng hơn hai chục năm nay, có người Thanh Hoa đến trọ, từ đó đến nay không còn thiêng nữa". Hai ông nói: "Người xứ Thanh chính là thân mẫu của chúng tôi đấy". Bèn đem vàng ban thưởng cho dân và đưa riêng mười nén vào tậu ruộng hương hỏa trao cho dân làm tự điền để chi vào việc cúng tế sau này. Sáng ngày hôm sau, sứ giả đem chiếu chỉ của vua lệnh cho hai ông tiến quân đánh Thục. Trước khi ra trận, hai ông cho mổ trâu lợn tế trời đất bách thần, khao thưởng binh sĩ, dân chúng địa phương. Sau đó hai ông đem quân đóng ở núi Sóc Sơn, cùng Tản Viên Sơn Thánh hội binh bàn sách lược tấn công. Bỗng nhiên quân Thục ở đâu kéo đến đông như kiến. Sơn Thánh và hai ông chỉ huy quân đánh nhau với Thục, chém được viên chánh tướng cùng vài nghìn đầu giặc, thu được nhiều vũ khí. Quân Thục bỏ chạy tán loạn.

Thượng tuần tháng Giêng, Tản Viên Sơn Thánh có thư khen ngợi hai ông và dâng số tâu lên vua, cho vời hai ông về kinh, rồi mở yến tiệc khao thưởng quân sĩ rất long trọng. Hai ông được vua ban cho thực ấp ở Kinh Bắc làm chỗ hưởng lộc. Hai ông lạy tạ trở về thôn Cự Dữu, Gia Lâm, tu sửa miếu mạo và mở tiệc chiêu đãi nhân dân. Trong lúc vui yến ẩm, bỗng có một đám mây vàng như hình dải lụa từ trên trời bay xuống, hai ông bay lên theo đám mây đến bên sông thì biến mất. Hôm ấy là ngày 15 tháng 8. Dân tình cả sợ làm lễ tâu lên vua. Nhà vua sai quân về làm lễ tế bái, sắc phong làm Thượng đẳng Phúc thần.

Đến triều Lê Đại Hành khảo sát bách thần, thấy hai ngài anh linh bèn phong cho vị thứ nhất là: *An tĩnh thế Phụ quốc Tá thánh Hiển ứng Linh thông Đại vương*, vị thứ hai là: *Ý đức Tế thế Phụ quốc Tá thánh Hiển ứng Linh thông Đại vương*. Từ đó về sau đền thờ rất linh ứng được các triều vua gia phong duệ hiệu.

Đời Trần Thái Tông có quân Nguyên sang xâm lược, kinh thành bị vây hãm chiếm đóng, Trần Quốc Tuấn phụng mạng đến cầu đảo ở đền hai vị Đại vương, được hiển ứng âm phù. Sau khi bình xong giặc Nguyên, nhà vua phong là *Linh ứng Anh triết Hiển hựu Trợ thuận Đại vương*.

Đời Lê Thái Tổ khởi nghĩa đánh quân Minh lấy lại được nước cũng nhờ hai vị âm phù. bèn phong tặng hai vị là *Phổ tế Cương nghị Anh linh*, lệnh cho làng Cự Dữu trùng tu miếu mạo để thờ phụng các ngài mãi mãi ngàn thu.

46. SỰ TÍCH LINH CÔNG, THỦY CÔNG, ĐÀI CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền Đức công là người ở trang Nghĩa Cương huyện Sơn Vi, phủ Thao Giang, xứ Sơn Tây, vốn là dòng dõi Hùng Vương. Vợ ông là Ả Lẽ là con gái họ Lê ở trang Kênh Bối, xã Đặng Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, xứ Hải

Dương. Thân mẫu của ả Lễ chiêm bao thấy con giao long đang giao hợp sau đó còn diều quanh bà. Từ đó bà cảm động mà mang thai, sinh ra ả Lễ. ả Lễ từ bé đã thông minh xinh đẹp nổi tiếng. Tuổi vừa đôi tám, nàng kết duyên với Đức công. Vợ chồng đẹp đôi phải lứa, sống rất tâm đầu ý hợp nhưng đã mấy năm rồi mà chưa có con. Đến khi Đức công năm mươi ba tuổi, ông bảo với vợ: "Vợ chồng nay tuổi cao mà chưa có con, hoặc là chưa thấu đến lòng trời, hoặc việc người còn thiếu sót chăng. Chi bằng tìm đến nơi đền miếu linh thiêng, hoặc danh lam thắng cảnh cầu phật cầu thần phù hộ độ trì cho có chút con cái làm bầu làm bạn".

Sau đó vợ chồng biện lễ vật, đến đền Nam Hải thấp hương cầu đảo, nguyện ứng điềm lành. Lúc mặt trời gác núi, hai vợ chồng ngủ lại để cầu thần báo mộng. Đến cuối canh ba, nàng ả Lễ bâng khuâng nửa tỉnh nửa mê, bỗng thấy mây ngũ sắc bay lại, bay đi trong điện, cả ngôi đền bỗng sáng rực ánh hào quang. Chợt có một con rồng từ đám mây lao xuống, diều quanh phu nhân ba vòng.

Phu nhân cả sợ, thét lên ba tiếng, tỉnh dậy, kể điềm chiêm bao cho Đức công nghe. Đức công nói: "Nhà ta phúc hậu đã được đất trời soi xét, cứ như điềm chiêm bao này là giới đất giáng phúc lành". Vợ chồng lễ tạ thần linh rồi lên xe loan về bên quê ngoại ở Kênh Bối. Ngay lúc ấy, phu nhân xuống tắm ở bến sông, bỗng thấy con giao long diều quanh dưới chân, rồi phun dải thơm vào thân thể bà. Bà cả sợ chạy thẳng lên bờ, gột rửa mãi cũng không hết dải. Phu nhân kể lại cho Đức công nghe, Đức công bèn nói: "Bản mệnh của ta thuộc về Thủy thần, nhất định sẽ đẻ ra Thủy thần".

Nói xong ông bà lại trở về nội trị sở xứ Sơn Nam thuộc đạo Kinh Bắc. Nửa đêm, Đức công nằm ở chính cung, bâng khuâng như thể chiêm bao, thấy một người bưng một cái mâm vàng, trên mâm đặt ba con cá chép đầu rồng, đuôi như đuôi con giao long. Người kia dâng lên trước mặt Đức công, nói rằng: "Quan

lớn là người phúc hậu, nay trời đã ban cho ba con cá chép bấu và một bài thơ, cứ xem đó đủ biết được tương lai". Đức công nghe xong chưa kịp hỏi thì người kia đã biến mất. Đức công mở bài thơ xem, có bốn

*"Quảng Lãng giang hồ Kênh Bối tân
Tam ngư thiên bảo hứa quan nhân
Nhất đường ngư thủy long vân hội
Long chủng giai sinh long chủng thân".*

Nghĩa là: Sông Quảng Lãng với bến Kênh Bối có ba con cá là cửa bấu của nhà trời ban cho nhà quan. Đây là điềm báo trước hội rồng mây cá nước một nhà. Là giống rồng cho nên đẻ ra vị thần giống rồng.

Đọc xong, bỗng tỉnh lại. Đức công nghĩ điềm lành thấy rõ ở trong chiêm bao, thế nào con cũng thành vương. Quả nhiên vừa được một tháng phu nhân cảm thấy tâm thần bồn chồn có vẻ như có mang. Đến ngày mừng Mười, tháng Hai năm Giáp Tý, Ất Lễ đẻ ra một bọc có ba đứa con giai, tướng mạo khác thường, cảm én mây ngài, mặt rồng, trán hổ, lưng có hai mươi tám điểm nổi lên như những vẩy cá. Đức công mừng thầm, cho là Thủy thần giáng sinh, tổ ra kính trọng hết mực, và tâu cho vua Hùng biết. Thấy trạng mạo ba cậu bé khác hẳn người thường, Hùng Vương cho rằng sau này ba chàng tất sẽ hiển đạt, bèn đặt tên cho cậu cả là Linh công, cậu thứ là Thủy công, cậu ba là Đài công. Nhà vua còn truyền cho trang Kênh Bối, xã Đặng Xá làm ấp ăn lộc của ba ông, và sau này sẽ là nơi thờ phụng các ngài.

Ngày qua tháng lại, ba ông lên tám, thông minh dĩnh ngộ, không phải dạy dỗ mà ăn ở rất có khuôn phép, chưa đi học đã biết chữ. Khi ba ông đi chơi ngoài đường, trên không hiện ra đám mây hồng như hình cái tán che dẫu, ba ông đi đến đâu thì sấm chớp mây mưa kéo theo đến đấy. Ba ông rất thích tắm sông, có thể ở dưới sông cả ngày không cần lên bờ. Tiếng đồn về ba ông bay khắp thiên hạ, anh hùng hào kiệt bốn phương thấy

đều kính phục. Năm ba ông mười tám tuổi, văn võ toàn tài, oai phong lẫm liệt, đức độ khoan hồng, gần xa nức tiếng.

Hồi ấy, nước lũ dâng lên rất to, lúa má hoa màu bị hư hại nặng, mười phần mất chín, nhân dân rất đói khổ, cơ cực. Nhà vua bèn phái ba ông đi tuần du, xem xét tình hình đời sống nhân dân và trông coi việc đắp đê trị thủy. Một hôm ba ông đi qua bản ấp (tức trang Kênh Bồi), nhân dân làm lễ lạy mừng và xây dựng hành cung cho các ông ở trong những ngày trị thủy. Mới được vài ngày, nước lũ dâng cao, tràn cả vào hành cung, ba ông truyền cho dân chặt cây ngăn nước. Song thủy thế rất mạnh, khó chống giữ nổi, ba ông cả giận mắng rằng: "Loài thủy tộc tác oai tác quái làm hại trần gian, ta nay kính vâng mệnh vua, toàn quyền trông coi Thủy quốc. Chúng mày, lũ thủy tộc, dám hoành hành làm hại nhân dân. Dù trần gian hay là Thủy quốc, pháp luật cũng có chỗ giống nhau, nếu không nghe mệnh lệnh của ta, tội chúng mày khó mà tha thứ". Ngay lúc đó ba ông băng khuâng, bải hoải, chiêm bao thấy hai vị tướng ở dưới sông rẽ nước lên bờ, xông vào đánh nhau với ba ông. Ba ông giàn quân đánh giáp lá cà, đánh nhau hơn mười hiệp. Sau đó, ba ông giương nỏ bắn ba phát, phóng ngựa đuổi theo, chém đầu hai viên Đại tướng Thủy tộc và chém hơn trăm đầu binh sĩ của chúng. Bỗng nghe ba tiếng sét, ba ông giật mình tỉnh dậy, mới biết là chiêm bao. Sáng hôm sau, nước lũ mọi nơi tự nhiên rút hết. Từ đó bốn trang thuộc xã Đặng Xá đều yên ổn. Trị thủy xong, ba ông phụng mệnh về triều bái tạ nhà vua, được vua ban thưởng và bổ nhiệm chức quan trấn thủ ba xứ: Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Nam để thừa kế nghiệp cha. Ba ông lạy tạ vua rồi đem quân đi các xứ, trị nhậm được hơn mười năm.

Một thời gian sau, quân của Thạch Linh thần tướng sang xâm lược nước ta. Ba ông đã hợp lực cùng với Thiết Xung thần vương ở làng Phù Đổng, quân Vũ Ninh phá tan giặc. Khải hoàn, ba ông cưỡi thuyền rồng về đến sông Quảng Lăng huyện Kim Thi (Ân Thi), bỗng thấy cơn gió lốc từ Tây Bắc kéo đến, trời đất mù mịt, trên sông sóng cồn lên dữ dội, nghe có tiếng quát rất to:

"Ta cùng thân mẫu trở về Thủy quốc". Nhân dân nghe thấy đều rất kinh sợ. Trong gió mưa, dân thấy bà Ả Lẽ, thân mẫu của ba ông đi đến bến sông mà thuyền rồng và quân sĩ đang chờ sẵn. Bà quay lại bảo với dân rằng: "Ta cùng ba vị tướng quân có lời chào vĩnh biệt bà con. Bà con hãy về cung điện làm lễ, sẽ được hưởng phúc muôn đời".

Ngày bốn vị cùng hóa là ngày Mười Lăm tháng Bảy năm át Mùi. Nhân dân lạy tạ các vị rồi về cung điện sửa sang tế lễ rất trọng thể. Trong khi hành lễ, mây mù nổi lên, mưa to gió lớn kéo đến, các loài Thủy tộc như giao long, ba ba, tôm cá đều bơi lên mặt nước châu về cung điện. Dân tâu lên vua công trạng và việc hóa của các ông, vua mừng rỡ phán rằng: "Thiên thần và Thủy thần cùng giúp trần gian, trăm không phải lo lắng gì nữa". Bèn mở yến tiệc linh đình, phong thưởng cho công thần, tướng sĩ. Nhà vua phong tặng cho Linh công, Thủy công, Đài công là:

- Linh thông Hiển ứng Đại vương.
- Thủy thần Đồng lập Kinh uy Đại vương.
- Đài thần Đồng mô Uy dũng Đại vương.

Vua chuẩn y cho dân Kênh Bối, xã Đặng Xá, huyện Đường Hào phủ Thượng Hồng phụng sự các ngài. Các ngài rất anh linh. Tương truyền khi Đinh Điền (đời nhà Đinh) đi dẹp loạn mười hai sứ quân, lúc đi qua đền, Đinh tướng quân làm lễ mật đảo và được âm phù chiến thắng. Đinh tướng quân bèn đề thơ rằng:

*Sinh hóa diệt đồng thủ nhất tâm
Sinh vi danh tướng hóa vi thần
Lăng Giang Kênh Bối giai lưu tích
Vũ trụ đường đường cứu tử tâm.*

Nghĩa là:

Sinh và hóa cùng một bến sông này. Khi sống làm bậc danh tướng, khi hóa làm thần. Ở Kênh Bối và Lăng Giang đều lưu dấu tích. Vũ trụ đường đường cứu tử tâm.

Đến khi vua Trần đánh giặc Nguyên, vua sai quan biện lễ cầu đảo ở đền. Trận ấy thắng to, Lê Phụ Trần cưỡi ngựa trắng đi tiên phong chém được tướng Ô Mã Nhi, chặt làm ba đoạn ném xuống sông Bạch Đằng. Thắng giặc Nguyên, nhà vua trở về thành Thăng Long mở tiệc khao thưởng công thần tướng sĩ, đồng thời bao phong bách thần. Các vị Linh thông, Thủy thần, Đài thần đều được phong tặng, và chuẩn cho thôn Kênh Bối, xã Đặng Xá, huyện Kim Thi, phủ Khoái Châu phụng thờ vĩnh viễn. Sinh nhật của ba vị tướng quân là ngày mừng Mười tháng Hai. Ngày hóa của bốn vị là ngày Mười Lăm tháng Bảy.

47. SỰ TÍCH THẦN THÔNG, CƯƠNG NGHỊ, HÙNG CƯỜNG THỜI HÙNG VƯƠNG

Tương truyền đời Hùng Vương có một vị Sơn thần thuộc dòng dõi nhà vua kế lập giữ chức Quan lang tên là Quý công. Ông là một vị quan trung trực, có đức độ khoan hòa, trọng nghĩa khinh tài, thanh liêm khí khái. Bà Hồn Lang, vợ ông là người phụ nữ nhân đức dốc lòng giúp kẻ yếu, cứu kẻ nguy nan, được dân trong vùng một lòng kính phục. Một năm, trời làm mưa lớn, nước dâng cao mùa màng mất sạch. Dân tình đói khát, trộm cướp nổi lên như ong. Nhà vua giáng chiếu sai Quý công đi kinh lược hai sứ Sơn Tây và Sơn Nam. Ngài lạy tạ bệ rồng, đem binh mã lên đường. Ngài dõng gót đến thôn Quang, xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi vừa lúc mặt trời gác núi, bèn tạm dừng quán ở chùa Cảnh. Nửa đêm, ngài đang ngủ trong chùa bỗng thấy trên điện sáng rực hào quang có Phật kim thân đầu đội mũ trăm sao, tay cầm ba quyển sách vàng phán rằng: "Đức Ngọc Hoàng sai ta mang ba con hổ xám và quyển sách này xuống trao cho Chúa công. Sau này ngài sẽ có ba đức con là ba vị Sơn thần cứu dân cứu nước". Liền lúc đó mở ngay cuốn sách vàng ra đọc: "Ba vị Sơn thần được đầu thai, làm con của Chúa công là: Đệ Nhất đương cảnh Thần hoàng Thần Thông Đại vương, Đệ

Nhị dương cảnh Thành hoàng Cương Nghị Đại vương, Đệ Tam Hùng Cường Đại vương".

Bỗng nhiên tiếng sấm nổ rất to, Quý công giật mình tỉnh dậy mới biết là thần nhân báo mộng. Sáng sớm hôm sau, xa giá về đến huyện Thiên Thi, ngài đem điềm chiêm bao ra kể lại cho dân chúng nghe. Mọi người đều nói: "Nhà quan có hồng phúc rất lớn tất sẽ có Sơn thần đầu thai làm con".

Một hôm bà Hòe Lang đang ngồi ở phòng tây, tựa lưng vào lan can, bỗng bâng khuâng như thể chiêm bao. Bà thấy ba con hổ xám ở đâu chạy ra vây lấy bà, một lát biến mất. Bà nhìn kỹ ba pho tượng Phật kim thân tự nhiên biến thành ba đứa trẻ râu với bà:

"Chúng con là Sơn thần, được Ngọc Hoàng cho đầu thai làm con của Chúa công". Bà Hòe Lang tỉnh mộng, kể ngay giấc chiêm bao cho Quý công nghe.

Sau đó bà Hòe Lang có thai mười hai tháng, đến mồng Mười tháng Ba đẻ ra một cái bọc. Phá bọc ra thấy ba cậu con trai khôi ngô tuấn tú, tay dài chấm gót, dưới chân có bảy cái lông, sau lưng có bảy nốt ruồi đỏ dàn hình như sao Bắc đẩu, oai phong凛冽 lạ thường. Trong thời gian sinh con, mưa to, gió lớn đến hơn chục ngày chưa tạnh. Lại có một đám mây xanh như hình cái tán hiện ra che chở, hương bay ngào ngạt quyện mấy ngày không tan. Chúa công rất mừng, truyền cho quân lính lập đàn chay cúng tế trời đất bách thần. Cúng tế xong, thì gió mưa cũng vừa tan hết. Chúa công bèn truyền gia thần giết trâu bò mở tiệc khao mừng hát xướng trong ba chục ngày mới thôi.

Thu qua, xuân lại, các ông lên bốn tuổi đời. Chúa công đặt tên cho con thứ nhất là Thần Thông, con thứ hai là Cương Nghị, con thứ ba là Hùng Cường. Các ông bản tính thông minh, bách gia chư tử đều am hiểu sâu sắc, người đời đều khen là con người kỳ dị. Đến khi các ông mười tám tuổi, bố mẹ đều qua đời. Để tang bố mẹ ba năm, ba ông được vua triệu về bá kiến. Nhà vua hỏi đến đầu, ba ông ứng đối đều trôi chảy đến

đấy. Nhà vua có lời khen ngợi ba ông: "Là kẻ quốc sĩ không ai sánh kịp, là vị tướng tài thật là hiếm có". Danh tiếng ba ông vang dội trong triều, đức độ ba ông tỏa khắp tám cõi, nhà vua rất tin tưởng. Chiều hôm, ban sớm ba ông không lúc nào xa cách mặt rồng. Vua phong chức cho ba ông. Ông cả là Thần Thông trấn thủ Cửa Đông, giữ chức Thái Bảo tướng quân. Ông hai là Cương Nghị trấn thủ Cửa Tây, giữ chức Tham Tán tướng quân. Ông ba là Hùng Cường trấn thủ Cửa Nam giữ chức Thái Phó tướng quân.

Hồi ấy, vua Hùng có một cô đồng vợ của Bá Long, là người tinh thông thiên văn địa lý. Vua thường hỏi bà ta về quốc kế dân sinh. Ba ông vốn tính trung thực, thấy thế lấy làm gai mắt thường dâng sớ tâu rằng: "Cô đồng vốn là người đàn bà ngu si, làm gì mà biết trước được việc trời đất, chẳng qua chỉ nói hoang đường làm cho lòng vua mê hoặc". Cô đồng phật ý bèn làm lễ hỏi trời rồi phán rằng: "Nhà vua kiêu căng, trời sẽ giáng tai họa, nước nhà sẽ xảy ra biến cố".

Quả nhiên, tướng giặc Ân là Thạch Linh thần tướng khởi binh trăm vạn đánh phá biên giới. Thư biên giới cáo cấp về triều, vua vô cùng lo sợ, liền phong cho ba ông chức Thống chế, đem ba vạn quân tinh nhuệ đánh nhau với giặc. Ba ông dẫn quân đến Kinh Bắc thì chạm trán giặc. Hai bên đánh nhau hơn mười hiệp mà chưa phân thắng bại. Ba ông bèn rút quân về ở thôn Quang xã Thổ Hoàng. Ông ngấm địa thế ở thôn này có hình Kim Quy uống nước, gò kim tinh đóng ở giữa ao làm tiền án, đằng sau có một giếng nước trong bốn mùa không cạn. Ba ông bèn truyền lệnh cho binh sĩ và gia thần dựng đồn lập trại để chống cự với quân Ân. Một tháng sau dân trong thôn Quang bị ốm đau nhiều, bèn lập đàn cúng tế trời đất bách thần xin âm phù tế độ. Đang hành lễ thì thấy trong chùa hào quang sáng rực, một vị thần mặc áo hoàng bào, đội khăn đỏ, cưỡi ngựa hồng, tay cầm thanh long đao từ chùa Cảnh đi ra đến thẳng chỗ lập đàn bảo rằng: "Ta là vị Long thần ở chùa này, vâng mệnh Ngọc Hoàng giáng đàn báo cho dân biết, nay có ba vị tướng

quân vốn là Sơn thần giáng thế, hộ nước cứu dân, đến đây đóng đồn đánh giặc mà nhân dân diêm nhiêm không biết lễ nghi gì cả". Nói xong biến mất. Dân tình kinh sợ bèn mổ trâu bò làm lễ mừng ba vị tướng quân. Ba vị thưa lại cùng dân rằng: "Ba anh em chúng tôi vâng mệnh nhà trời xuống đời đánh giặc giúp nước cứu dân. Sau này sẽ làm đường cảnh Thành hoàng trấn giữ phương này. Dân chúng với anh em chúng tôi đã thành nghĩa cũ. Nhân dân hương hỏa phụng thờ chúng tôi. Dân làng yên ổn không sinh bệnh tật, không xảy ra hỏa hoạn, xóm làng yên ổn". Nghe lời truyền phán, nhân dân ai nấy đều khâm phục đức độ của ba vị tướng quân. Trong lúc chiến tranh mà giáo hóa của ba vị tướng quân thấm vào lòng dân biến thành phong tục thuần hậu, lúc động thì ra quân đánh giặc, lúc yên tĩnh thì có chế độ nuôi người già, cứu giúp người nghèo, đối với tân khách thì tỏ lòng hào hiệp. Đức độ của ngài cao cả cho nên dân địa phương đều tự nguyện làm gia thần xin đi đánh giặc. Ba vị tướng quân truyền cho binh sĩ và nhân dân thiết lập đồn trại ở làng Thổ Hoàng, kiểu đất như hình hoa sen. Thế giặc ngày một mạnh, bỗng có Thiết Xung thần vương ở quận Vũ Ninh xuất hiện. Ba ông cùng với Thiết Xung thần vương kháng cự quyết liệt với giặc. Thông công được phong làm chức Thống chế Đại tướng quân, chỉ huy toàn quân tiên phong, Nghị công và Cường công được phong làm Tả hữu Thái phó tướng quân, chỉ huy các đội quân đường thủy. Ba vị tướng quân đón đánh quân Ân ở Kinh Bắc và sông Lục Đầu, sông Bạch Đằng. Bỗng thấy quân Ân đi đường thủy kéo đến, bóng cờ rợp đất, chiêng trống nổi lên như sấm. Ba vị tướng quân múa đao xông vào đồn lũy giặc, chém đầu tướng giặc tại trận tiền và hơn trăm đầu binh sĩ. Đánh nhau kịch liệt, hai ông bị rơi đao, cúi xuống nhặt thì hai cánh quân giặc ập tới. Hai ông chạy thẳng ra cánh đồng, trông thấy kiểu đất hình con kim rất quý. bèn ngửa mặt than rằng: "Tình thế này khiến cho anh hùng nhỏ lệ", vừa dứt lời thì hai con hổ xám từ trong mình các ông nhảy ra và bay thẳng lên trời. Dân chạy đến xem thì không thấy hình tích của hai ông, chỉ còn mũ

áo để lại, trong khoảnh khắc, kiến mối đùn đất lên thành hai nắm mồ. Thấy sự lạ, dân trở về đồn đóng của các ông khi xưa lập miếu thờ cúng.

Còn Thông công thì tả đột hữu xung ở chốn trận tiền. Chém giặc không biết bao nhiêu mà kể, xác giặc đầy ngập sông làm cho nước không chảy được. Giặc tan Thông công đem quân về xã Thổ Hoàng huyện Thiên Thi phủ Khoái Châu, đi thẳng vào sinh tử của mình, cho vời phụ lão đến mà bảo rằng: "Ta nghe tin hai em đã hóa, nên bảo cho dân biết nên lập đền thành kính". Sau đó ông đến thăm mộ hai em, bỗng trời đất tối sầm lại, thấy hai em hiện lên bảo rằng: "Số mệnh thiên đình hết hạn ở trần gian rồi, đức Ngọc Hoàng sai chúng em đến rước anh về". Dứt lời bỗng thấy bóng con hổ xám từ trong mình Thông công nhảy ra bay thẳng lên trời mất. Trong chốc lát chỉ thấy mũ áo để lại còn hình dạng đều biến mất. Dân dâng biểu tâu vua. Vua ngâm ngùi than thở: "Nước nhà vừa qua bị giặc Ân tàn phá, may nhờ có các vị thiên thần, Sơn thần, Thủy thần giúp sức, đến nay đất nước thanh bình thì các ngài đã quy hóa hết cả, thật đáng buồn". Vua phong cho các vị làm Phúc thần, hưởng sự thờ cúng của nhân dân. Vua lại phê chuẩn cho thôn Quang xã Thổ Hoàng lập miếu phụng thờ, lại ban cho năm trăm quan tiền đồng và sai sứ giả về cùng dân sửa sang lăng mộ đền đài. Lăng mộ được nhân dân ở đây gọi là mã vua. Ba vị được truy phong: Đương cảnh Thành hoàng đệ nhất thần thông Quang minh Đại vương.

- Đương cảnh Thành hoàng đệ nhị Cương Nghị Thuần võ Đại vương.

- Đương cảnh Thành hoàng đệ tam Hùng Cường Trung tín Đại vương.

Đến triều Lê truy phong là:

- Đương cảnh Thành hoàng đệ nhất Thần thông Quang minh Chính trực Linh ứng Đại vương.

- Đương cảnh Thành hoàng đệ nhị Cương Nghị Thuần võ Khương phúc Hiển ứng Đại vương.

- Đường cảnh Thành hoàng đệ tam Hùng Cường Trung tín
An trạch Huệ ứng Đại vương.

48. SỰ TÍCH ĐỨC THIÊN CANG THỜI HÙNG VƯƠNG

Tục truyền, về triều vua Huy Vương thứ 4, có hai ông bà Kinh Bắc Quận vương, tuổi ngoại 50, chưa có con giai, bèn đi cầu tự ở chùa Cổ Pháp (tức là chùa làng Đình Bảng). Đêm nằm mộng thấy một người râu tóc bạc, mũ áo chỉnh tề, đứng trước tam quan, tay gõ vào cửa mà hát rằng:

*Tiêu sơn trung lĩnh hữu hoà khai
Thất khẩu oa hê, pháp thánh tài
Cang Đế tinh quân giai chính vị
Oa tâm hữu bảo báo tri tai.*

Nghĩa là:

Tiêu Sơn trong núi có hoa cười
Bảy huyết oa chữ phát thánh tài
Cang Đế tinh quân ngồi chính vị
Lòng oa huyết báo báo cho hay.

Đức Quận vương tỉnh dậy, biết là giấc mộng, truyền sắm sửa lễ tạ Phật tiền, rồi xa giá về chùa Tiêu Sơn (huyện An Phong) làm lễ cầu đảo

Một hôm, hai ông bà cùng lên chơi trên núi Tiêu Sơn, thấy một cái cửa oa, tức là cái huyết hình như cái hoa sen phong nhị, trong lòng huyết có vết chân to nhón, dài hơn 3 thước. Ngài bèn truyền gia thần đem mộ tiên hoàng táng tại huyết ấy. Được 100 ngày là ngày tháng 8 tiết trời mùa thu, hai ông bà ngồi chơi thưởng nguyệt trông mây, tự nhiên có một ngôi sao sa bay vào miệng. Đức thánh bà nuốt mất sao. Tự đấy, bà Chính phi tự nhiên có thai 13 tháng. Ngày mồng 10 tháng Giêng bà Chính

phi đi thăm cô ở làng Kim Đồi. Khi trở về đến làng Thân Hậu, bỗng thấy giới đất tối tăm, gió mưa mù mịt, bà Chính phi sợ hãi, truyền đóng quân vào trong quán sớ, tự nhiên mùi hương bay ngào ngạt, hào quang sáng rực khắp trong ngoài, bà Chính phi sinh được một người con trai, mặt mũi khôi ngô mày ngài mắt phượng. Dân làng Nhân Hậu ra xem đều sợ hãi, bèn làm lễ mừng và làm biểu tấu đức Quận vương Chuông bộ. Ngài truyền xa giá đón về điện và thưởng cho làng ấy 1.000 quan tiền để lập đền thờ. Theo nhời thần mộng mà đặt tên cho người con trai ấy là Cang công. Đến năm Cang công 13 tuổi, văn võ tinh thông, hùng tài trí dũng, đi ngoài đường có đám mây che, nằm trong cung hào quang sáng khắp. Đến năm Cang công 16 tuổi, mình cao tám thước, mặt mũi khác thường, lên rừng hổ báo lại châu, xuống sông cá giống cá đều phục.

Khi ấy, vua Hùng Huy Vương đòi 15 bộ vào châu để thi tài thưởng tước. Đêm hôm trước vua nằm mộng thấy một người, mình cao 8 thước, vào giữa sân rồng bái yết. Vua hỏi họ, tên, người ấy tâu rằng: "Tôi là Thiên Cang thần tướng, phụng Ngọc Hoàng xuống trần giúp nước trừ tà". Vua tỉnh dậy, biết là giấc mộng. Quả nhiên, hôm sau, buổi chầu ứng thí, vua thấy một người hình dáng y như người trong mộng. Vua đòi vào phong cho là Thiên Cang thần tướng. Vua giữ lại ở trong cung để giúp nước. Vua có người cháu gái ngoại là Dung nương công chúa, bèn gả cho ngài làm Chính thất phu nhân, ban thưởng cho 100 nén vàng và 1.000 cân châu báu.

Một hôm, hai ông bà đức Cang công xin phép về thăm cha mẹ.

Khi về đến phủ thì ông bà Bắc Quận quốc vương đều bị bệnh mà mất.

Ngài làm lễ an táng, rồi làm biểu tấu bệ rồng. Vua phong cho ngài là Kinh Bắc Quận vương để nối nghiệp trước. Ngài họa thơ rằng:

Thừa thiên chi mệnh, trị chư dân

Vạn vật đô lòng nhiệm ngã thân

Nhân Hậu sinh thần thiên cổ tại

Từ cung lưu tại ức niên xuân.

Nghĩa là:

Thừa vâng thiên đế trị muôn dân

Vạn vật theo ta một tấm thân

Nhân Hậu sinh thần còn mãi mãi

Mẹ cha lưu dấu vạn năm xuân.

Từ đấy, trong nước thanh bình, muôn dân vui vẻ. Một hôm, đức Càng công đi thăm ông Quận vương Chương bộ ở tỉnh Hải Dương. Khi về đến phủ Thượng Hồng, đóng quân tại đấy một đêm, thấy bà Nguyệt Loan công chúa là con quan phủ Thượng Hồng, tuổi vừa 18, võ nghệ cao cường. sinh ngày 15 tháng Giêng năm Nhâm Tuất; ngài bèn lấy làm Đệ Nhị phu nhân.

Khi ấy có đảng giặc Xích Quỷ chúa xâm chiếm đất Kinh Châu, quân dư muôn đội, toàn những quân yêu quái, hay ăn thịt người, hay hút máu người, xuống nước không chìm, vào lửa không cháy. Vua Hùng Huy Vương lo sợ; bèn hạ chiếu đòi đức Càng công vào chầu, hỏi mưu kế đánh giặc. Đức Càng công ung dung tâu xin vua cho đi đánh giặc, hứa chỉ trong một ngày là tan. Vua chuẩn tấu, Đức Càng công để bà Chính phi và bà Thủ phi coi giữ phủ thành, rồi điểm cộng hơn hai nghìn gia thần quân sĩ đi đánh một trận. Xích Quỷ chúa thua chạy tán loạn. Ngài chém được hơn 1.000 quân giặc và người Man Châu ở Hà Lô châu. Ngài làm biểu tấu bệ rồng. Vua lấy làm mừng rỡ, truyền mở tiệc yến đãi, khao thưởng quân sĩ, ban cho ngài vàng, bạc, mũ, áo hơn 1.000 cân, và sai gia thần đưa ngài về Kinh Bắc quận. Được hơn một năm, bà Thủ phi là Nguyệt Loan công chúa đi thăm gia quyến ở phủ Thượng Hồng (Hải Dương). Ngày mồng 6 tháng 9, bà trở về đến chùa Linh Quang tức là chợ Hồng Châu, tự nhiên biến hóa. Quân sĩ làm biểu tấu đức Quận vương, ngài truyền cho làm lễ an táng và lập đền thờ.

Khi ấy lại có giặc ân phương Bắc sang xâm lấn nước ta,

muôn 100 ngựa mạnh, năm nghìn quan quân, chiêng trống vang giời, cờ bay rợp đất. Suốt từ Quán châu, Ái châu, Bá Chính châu, Dục châu, đến Thần Phù hải khẩu, Kinh Bắc, Sơn Nam, Thái Nguyên. Các nơi địa đầu, giặc Ân đều lập thành đồn trại; một ngày 5 lần báo đến vua. Vua truyền 15 Quận vương canh giữ cửa thành mà đánh, trong ba tháng đã đánh hơn 10 trận mà không bên nào được thua. Sau đức Càng công lại phụng lệnh vua, rèn ngựa sắt, roi sắt để giúp sức đức Phù Đổng Thiên Vương đánh tan giặc Ân. Vua mừng rỡ, cảm mộ vô cùng. Ngày 12 tháng 11, đức Càng công về huyện Cổ Lũng, đóng quân dưới núi Hoa Nham, rồi ngài cưỡi ngựa lên đỉnh núi, tự nhiên giời đất tối tăm, mây che ngũ sắc, đức Càng công tự nhiên biến hóa. Quân sĩ lên thăm thấy mối đùn đã thành mộ, bèn làm biểu tấu. Vua thương xót đáng lương thần có công lao với nước, truyền cho gia thần đến làm lễ an táng và lập đền thờ ở Hoa Nham động cùng làng Nhân Hậu lập đền thờ là nơi sinh từ để xuân thu quốc tế. Đạo giời đã định, cũng ngày hôm ấy, bà Chính cung xa giá chơi đến làng Nhân Hậu, lúc trở về đến phủ điện, thấy mùi hương bay ngào ngạt, trong trướng loan có đóa hoa phù dung, có con chim xanh bay ra biến mất. Bà Chính cung cũng tự nhiên biến hóa. Gia thần làm biểu tấu. Vua lại truyền cho làm lễ an táng và cho làm lễ hoàn thành đền thờ ở nơi sinh từ đức Càng công. Sau vua Hùng Huy Vương phong cho đức Càng công là "Thượng đẳng Phúc thần", lại tặng phong bốn chữ "Thiên Càng Đại vương". Lại phong cho Chính cung phu nhân, tặng phong cho hai chữ "hoàng hậu". Phong cho Thứ phi Nguyệt Loan công chúa, gia phong Đoan trang Huệ hòa Từ hạnh, Nhu nhân Tôn thần.

49. SỰ TÍCH CAO SĨ ĐỜI VUA HÙNG

Dương thời vua Duệ Vương (tức về đời vua Hùng Vương thứ 18) ở phủ Quảng Hóa, thuộc Ái châu nước ta, có một người tên là Cao Sĩ, vợ là Lê Thị Thọ, vốn nhà gia thế, chỉ tu nhân tích

đức, thường hay chẩn cấp cho những người già yếu, nghèo đói. Trong phủ Quảng Hóa, nhờ ân đức trạch, đều bầu ông Sĩ làm chức Trưởng đạo.

Đến năm ông Cao Sĩ 53 tuổi, vợ 47 tuổi mà chưa có con giai.

Vợ chồng bèn lập đàn hương đảo Thần kì để cầu tự, được 7 ngày.

Đến đêm thứ 7, ông Sĩ nằm mộng thấy vị thần tướng mũ sao, áo vàng đứng ở trước cửa nhà, chực vào bái yết, và nói rằng: "Tôi vốn dòng con đức Lạc Long Quân, sinh ra một bọc trăm con giai, trong 50 người con theo cha xuống mạn bể, tôi là con thứ 37. Nay tôi phụng chỉ Thiên đình sắc mệnh vào đầu thai nhà ngươi để về sau phù vua Hùng Vương".

Ông Cao Sĩ nghe nói bàng hoàng kinh sợ, hốt nhiên tỉnh dậy trong lòng ngẫm nghĩ bâng khuâng. Được một tháng bà vợ có thai, đến ngày 18 tháng Giêng năm Ất Sửu sinh ra được một người con giai, tướng mạo đường đường, khôi ngô dĩnh ngộ y như người khi trước báo mộng. Lúc mới sinh ra ngài đã biết nói. Ông Cao Sĩ rất vui mừng, thường nói rằng: khắc nhà ta tiền nhân tu nhân tích đức, nay tướng nhà gười xuống giáng sinh vào nhà ta, tất sau này hẳn là bậc thánh hiền chi đây".

Rồi ông Sĩ đặt tên ngài là Hóa. Đến năm ngài lên 5 tuổi, hiểu âm luật, đến năm ngài 15 tuổi, thể diện khôi kì, phong tư dĩnh dị, phàm thiên văn địa lí không việc gì là không biết, không việc gì là không hiểu. Trong địa phương ấy hết thấy ai ai đều kính sợ. Người người đều ca tụng rằng: "Chắc sau này ngài sẽ làm rạng rỡ xóm làng, dương danh thiên hạ".

Tối năm ngài 15 tuổi, trong nước bốn phương đều nổi loạn. Vua Hùng Duệ Vương hạ chiếu cầu nhân tài, phàm trong thiên hạ người nào văn thao võ lược tinh thông thái vào kinh đô ứng thí. Lúc ấy đức Quảng Hóa nghe thấy liền bái tạ phụ thân lập tức đến kinh thành ứng tuyển bệ kiến Đế đình. Vua bèn phỏng vấn, đức Quảng Hóa ứng đối lưu loát như nước chảy, không câu gì là không biết. Vua rất vui mừng, liền trọng dụng ngài là Đô đài đại phu phụ chính triều đình. Chẳng bao lâu, ở Kinh Bắc bị

nạn binh hỏa, dân tình đói khát, khổ sở, nhân dân phiêu lưu quá nửa. Địa phương ấy dâng sớ tâu vua. Vua lập tức cử đức Quảng Hóa làm chức Trưởng đạo ở xứ Kinh Bắc để phủ dụ những bọn giặc cướp và tìm phương cứu nạn. Đức Quảng Hóa bèn phụng mệnh đến lì sớ. Ngài ra tâm phủ dụ dân chúng, từ khi ngài tới nơi, tìm được nhiều cách sinh hoạt cho nhân dân, và cứu chữa được nhiều tai nạn.

Tự đấy các bọn giặc cướp rất là kinh sợ ngài. Chỉ trong một tháng chúng đều quay về con đường lương thiện. Nhân dân phiêu tán đều trở về bản quán, an cư lạc nghiệp như cũ. Tự đấy triều đình không phải lo nghĩ về nỗi nhân dân đói rét nữa. Vua rất vui mừng, và khen thưởng cho ngài.

Trong khi đức Quảng Hóa phó nhậm đất Kinh Bắc được hai năm, thiên hạ thái bình, các phủ huyện đều được yên ổn. Cứ thường thường ngài lại đi tuần du trong hạt, thăm hỏi dân tình. Một hôm ngài xa giá về làng Phúc Khang (nay đổi là làng Phú Mỹ), thuộc huyện Siêu Loại, phủ Thuận An (nay là Thuận Thành), ngài bèn làm lễ bái yết đến đức Kinh Dương Vương ở làng Á Lữ. Khi làm lễ xong, ngài tạm đình giá ở làng ấy. Lúc ấy nhân dân và kì lão làng Phúc Khang (làng ấy tiếp giáp làng Á Lữ) khăn áo chỉnh tề đến bái yết ngài và xin được làm bầy tôi thủ túc. Ngài ưng thuận và truyền cho nhân dân thiết lập công sở ở gần bờ sông (tiếp giáp địa giới hai làng Á Lữ và Phú Mỹ). Nhân dân phụng mệnh vâng nhời. Ngài mở đại tiệc yến ăn mừng cùng cho mời nhân dân phụ lão làng Phúc Khang đến dự tiệc. Sau ngài lấy bà Lộc nương, người làng Á Lữ (đám vợ thứ hai) hiệu là Quận chúa (thân phụ bà là Nguyễn Danh Duyệt, thân mẫu là Lê Thị Hằng). Khi bà Thị Hằng nằm mộng thấy nuốt mặt trăng, sau đẻ ra bà Lộc nương diện mạo phương phi, phong tư yếu điệu mắt phượng, mày ngài, nhan sắc tuyệt trần thế, rồi ngài làm nhà cho bà ấy ở làng Á Lữ.

Sau ngài thấy địa giới làng Phúc Khang sơn thủy hữu tình, rồng châu, hổ phục, ngài bèn lại lập lên một tòa lâu đài ở đầu

làng ấy. Làm xong, ngài trở về lý sở và ban tiền bạc cho dân làng Phúc Khang, truyền cho dân làng ấy tậu ruộng đất để làm của công. Vì vậy làng Phúc Khang nhờ có ngài cứu giúp nên dân làng mới trở nên phồn thịnh.

Đương thời vua Duệ Vương trị vì được 105 năm, lúc ấy có người Thục chúa họ Thục tên Phán) ở xứ Ai Lao, là cháu ngoại vua Hùng Vương, đại cử 100 vạn hùng binh, 8.000 voi ngựa, 500 chiến thuyền, đến xâm lấn định lấy nước Nam. Các đạo quân theo đường lối sau này tiến phát:

Một đạo quân theo lối châu Hoàng Tung, châu Nhai, châu Ốc, ở trong đường núi tiến ra;

Một đạo quân theo lối châu Minh Linh, châu Bá Chính tiến ra;

Một đạo quân theo đường châu Bạch Thông, châu Vũ Nhai tiến ra;

Một đạo thủy quân theo cửa bể Hội Thống tiến binh và cắm cờ ở châu Mộc.

Bấy giờ các nơi biên giới đều có thư cáo cấp. Vua lấy làm sợ hãi, lập tức triệu con rể là đức Tản Viên Sơn Thánh, cùng các văn thần võ tướng về triều đình nghị luận, tìm kế cự địch. Đức Tản Viên Sơn Thánh tâu vua xin đại lao thánh giá và chọn cử các tướng tài. Vua ưng thuận bèn cử đức Sơn Thánh làm Ngũ đạo Đại tướng quân. Đức Sơn Thánh bái tạ lĩnh mệnh, chọn cử các tướng tài, chia ra các đạo đều tiến quân. Lại cử đức Quảng Hóa làm Thủy sư Đại tướng quân, đốc lĩnh các đạo thủy quân (còn các tướng tùy tài chọn cất). Đức Quảng Hóa lĩnh mệnh (khi ấy người làng Phúc Khang có hơn 30 người theo ngài làm gia thân nội đạo); còn các đạo quân đồng thời cùng tiến, cờ quạt rợp đất, gươm giáo ngang trời, tiếng chiêng, tiếng pháo âm vang nghìn dặm, tiếng trống tiếng loa dậy khắp bốn phương. Tất cả đồng tâm hiệp lực, mở một trận đại chiến. Thục chúa đại bại, quân tướng chết trận rất nhiều. Không biết bao nhiêu mà kể. Còn Thục chúa chạy thoát được về Ai Lao.

Đức Sơn Thánh đem quân khải hoàn, dâng biểu sớ tấu. Vua

Duệ Vương cả mừng, phàm các công thần lớn nhỏ liệu công gia thưởng. Vua phong đức Quảng Hóa làm Bình Chương quân quốc trọng sự Thành quốc công, ban cho 50 lạng bạc và thưởng cho hai cái áo cẩm bào. Từ đấy vua rất yêu trọng, vua tôi tương đắc, ra vào tự do, phàm bất cứ việc gì, đức Quảng Hóa tâu thỉnh đều được như ý.

Sau đức Quảng Hóa tâu vua rằng: "Nhân dân làng Phúc Khang xin làm thần tử để một ngày kia hưởng phần hương hoá".

Vua nghe tâu, bèn xá cho làng ấy không phải đóng binh lương sưu thuế. Từ đấy dân làng Phúc Khang trở nên giàu có đều nhờ đức trạch ngại. Được một năm thái bình vô sự, đức Quảng Hóa tâu vua xin về nguyên quán thăm hỏi. Khi đi qua làng Phúc Khang, phụ lão, nhân dân thiết lập bài trí hương án nghênh bái. Bỗng thấy giới đất u ám, sấm sét âm âm, ở trên đầu ngai có một đám mây vàng trông tựa như cái tàn che phủ. Một lát thì ngai hóa (tức hóa ngày 12 tháng 8). Đêm 12 ấy ở trong cung sở (khi trước ngai đã lập nên ở đầu làng Phúc Khang) thấy sáng đỏ rực trời, hình như lửa cháy. Dân làng Phúc Khang kinh động, dân lấy làm lạ và sợ hãi, nhớ đến công đức liền sửa sang cung sở và viết thần hiệu là Quảng Hóa Đại vương để thờ.

Về sau càng ngày càng thấy anh linh, dân khang vật thịnh. Vua được tin, bèn phong cho ngai là Hương hỏa Chứng thường.

Lại nói đến bà Quận chúa phu nhân (tức bà Lộc nương) nghe tin ngai hóa, đêm ngày buồn rầu lo nghĩ không vui, bèn đem 50 lạng bạc giao cho dân làng Phúc Khang và nguyện sẽ chết theo để cùng phối hưởng. Rồi phu nhân đến đền thờ khóc suốt một ngày rất là thảm thiết, rồi gieo mình xuống sông ở gần đấy tự tử (khi ấy vào ngày mồng 9 tháng 9). Dân làng Phúc Khang viết thần hiệu là Quận chúa phu nhân, phàm ngày sinh, ngày hóa đều theo như ngày sinh, ngày hóa đức Quảng Hóa mà tế lễ.

Về sau trải các triều Đinh, Lê, Lý, Trần quốc đảo dân cầu ở đến hai vị đều thấy linh ứng và được nhiều lần sắc phong. Đến

đời vua Trần Anh Tông, giặc nhà Nguyên xâm lấn đất nước. Đại tướng là ô Mã Nhi, Thái tử là Thoát Hoan đem quân đóng đồn ở Bạch Đằng giang. Vua Trần cử đức Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn để binh trừ giặc. Đức Hưng Đạo đem quân thấy theo đường sông Thiên Đức tiến đến sông Lục Đầu. Khi đi qua làng Phúc Khang, tạm đình thuyền lại, vào đến hai vị mật cáo Đến nửa đêm ngài nằm mộng thấy một vị quan mũ áo chỉnh tề uy phong lẫm liệt đứng ở trước cửa đền, xưng là tướng về đời Hùng triều, tên là Quảng Hóa đại vương, nay thấy giặc Nguyên xâm lược đất nước muôn dân cơ khổ, ta nguyện xin hộ quốc cứu dân, trừ hại, và nhất tâm phù trợ tướng quân đem quân đi chinh phạt sẽ được thành công, sau về chỉ xin nhớ tới công ta phù quốc. Nói xong liền biến mất. Đức Hưng Đạo tỉnh dậy, biết là mộng triệu hay. Sáng hôm sau Hưng Đạo làm lễ tạ, rồi đem quân tiến đến đồn giặc, chỉ một trận đại chiến, quân nhà Nguyên đại bại. Đức Hưng Đạo chém được tướng là ô Mã Nhi và bắt sống Thái tử nhà Nguyên là Thoát Hoan. Từ đây quân Nguyên không dám xâm nhiễu nữa. Đức Hưng Đạo đem quân trở về triều đình, dâng sớ tâu vua tình hình việc đức Quảng Hóa âm phù hiển ứng. Vua nhà Trần nghe tâu liền sai đình thần đem sắc ban cho ngài, và làm lễ tế cùng sức nhân dân làng Phúc Khang tu sửa lại đền thờ, lại gia ban cho làng ấy 150 quan tiền để xuân thu các quan về làm lễ tế. Từ đây trở đi ngài anh linh, hiển ứng, hộ quốc, cứu dân, trừ tai ương hoạn nạn, được nhiều đời vua gia phong sắc mệnh.

50. SỰ TÍCH NHẠC SƠN CƯ SĨ THỜI HÙNG VƯƠNG

Theo sự tích, đương thời Hùng Duệ Vương (tức về đời vua Hùng Vương thứ 18) ở xã Hoa Đường thuộc huyện An Đường, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương có một người tên là Trương Thành, vợ là Hoàng Thị Đức, nhà tuy bản bạc, nhưng là người hào trưởng hiền hậu, chỉ tu nhân tích đức. Một hôm ông Thành

lên núi tìm cây thuốc đem về để chữa bệnh cho dân. bỗng thấy một con hươu cái đẻ mãi không được, nó mệt gần chết. Trông thấy thế, ông Thành liền đi hái một nắm lá thuốc đem nhét vào mồm con hươu. Nuốt xong thì đẻ được, con hươu gật đầu tỏ ý lạy tạ ông Thành, rồi đi khuất vào rừng cây.

Ông Thành cũng trở về nhà. Đến đêm ông nằm mộng thấy một cụ già đầu râu tóc bạc, cầm cái quạt quả bông từ ngoài lại, bảo ông Thành rằng: "Ta là người tiên, thấy nhà ngươi tu nhân tích đức, đạo giới đã soi xét đến. Nay đem cho ngươi một cái bảo lân kim cương, người giữ lấy tất sau này sẽ thành đại dung và "đại nghiệp". Ông già trao cho ông Thành xong rồi đọc 4 câu thơ rằng:

Nhất điểm hành nhân dĩ đảo thiên

Kim cương đại bảo báo quân yên

Quang tiền diệu hậu do quan đức

Định số tài danh thế thế truyền.

Nghĩa là:

Một chút nhân từ đã thấu trời

Nay đem vật báu tặng cho người

Quang vinh rực rỡ do công đức

Định tài danh nổi nổi đời.

Đọc xong bài thơ, ông già ấy biến mất liền. Ông Thành tỉnh dậy liền đem mộng ấy thuật lại đầu đuôi cho bà vợ là Hoàng Thị Đức nghe, và nói rằng: "Nhà ta bản bạc, vốn dĩ chân chất hiền hậu, nay đạo giới đã soi xét đến cứ như trong mộng mà suy thì tất sau này nhà ta sẽ sinh ra quý tử". Sau quả nhiên bà Thị Đức (vợ ông Thành) có thai, được 7 tháng. Đến ngày 15 tháng 10 ông Thành bị bệnh rồi qua đời. Bà Thị Đức làm lễ táng xong, rồi vào ở nhờ chùa trong làng, và thường thường theo sư cô gánh đồ đạc đi khuyến giáo thập phương. Một hôm đi đến làng Nhiễm Dương thuộc huyện Siêu Loại, phủ Thuận An (sau là phủ Thuận Thành), thời bà Thị Đức đến kỳ mãn nguyệt, sinh ra một

người con giai (sinh ngày mồng 8 tháng Giêng năm Giáp Thìn, giờ Thân), tướng mạo phương viên, khôi ngô tuấn tú, ở trong bụng có điểm nét chữ đỏ trông tựa như chữ thần tiên. Lúc đương sinh, hốt nhiên thấy một ông Hồ Vàng tự trên sơn lâm chạy đến châu ở bên tả chỗ bà Thị Đức đẻ. Khi đẻ xong, ông Hồ Vàng kêu lên ba tiếng kinh thiên động địa. Bà Thị Đức lúc ấy khiếp sợ ngất đi rồi bàng hoàng mê mộng, thấy một vị quan tướng mạo đường đường mũ áo nghiêm trang, đến chỗ bà Thị Đức bảo rằng: "Tôi là Sơn thần khâm thụ Thiên đình vào đầu thai làm con bà. Ngày nay đến kỳ xuất thế Hồ thú đến châu xin bà yên lòng đừng sợ hãi". Nói xong, bà Thị Đức tỉnh dậy chỉ thấy một người con giai nằm ở trên bãi cỏ, bên cạnh bà ấy thôi, còn ông Hồ Vàng thì không thấy nữa.

Sau nhân dân làng Nhiễm Dương ra xem đông nghịt, chạnh lòng thương, bảo nhau đem mẹ con bà Thị Đức vào trong làng chăm sóc. Khi đem xong thì giờ nổi cơn mưa, gió to u ám tối tăm, bỗng thấy hổ và rắn về làng rất nhiều. Nhân dân đang bàng hoàng sợ hãi thì thấy một vị quan đem binh mã đến bảo rằng: "Ngày hôm nay có chúa quan và binh lính Sơn Nhạc về làng, cố sao dân chúng vẫn cứ điềm nhiên vô lễ. Sau đó ít lâu dân làng bị bệnh tật, đau ốm triền miên. Họ nói chuyện với nhau về việc mộng, cho rằng mẹ con bà Thị Đức là bậc phi thường. Dân làng bèn làm lễ kỳ đảo quan binh và cùng nhau hội đồng đem tiền bạc lương thực đến chỗ bà Thị Đức trú sở chăm sóc. Từ đấy dân làng mới được yên ổn.

Lại nói khi bà Thị Đức sinh ra vị nam tử, ngài mới lên một tuổi đã biết nói. Bà Thị Đức tưởng tượng trong mộng mà suy, rồi đặt tên là Sơn Nhạc. Đến khi đức Sơn Nhạc lên 7 tuổi, đi học ở trường Lỗ Đường, thuộc xã Đại Đồng, được 5 năm, thời thầy dạy học và mẹ chết. Đức Sơn Nhạc làm lễ táng mẹ ở làng Nhiễm Dương. Táng xong, bỏ học ở nhà, và đi đến xứ Thạch Bàn, bỗng thấy ở chỗ hòn đá có vết chân ông Hồ cào bới, bặt lên một con dao bằng vàng (trông tựa như cái búa) ngài liền cầm lấy đem về. Từ đây ngài động khởi chí khí tang bồng, trong lòng phấn

phát chỉ những muốn mưu đồ việc đại sự. Ngài liền đi cáo dụ nhân dân. Nhân dân thấy ngài tài đức phi thường, thông minh chính trực, trí dũng hơn đời thì theo ngài được hơn 1.000 người. Ngài bèn cất cử một phương, cứ thường thường đem quân đi ăn trộm ăn cướp của nhà giàu đem chia cho những kẻ nghèo đói, già yếu, tàn tật. Do ngài có lòng khoan nhân đại lượng, thương xót dân tình nên bốn bề anh hùng đều hướng phục ngài. Những người hào kiệt đều hâm mộ theo ngài, người làng Nhiễm Dương đều xin làm gia thần thủ túc Từ đấy, uy danh ngài lừng lẫy khắp nước, thanh thế động bốn phương. Sau ngài lập đồn tự núi Tam Đảo đến làng Nhiễm Dương kết thành một dãy Hạc Điều Liên (đồn ấy ở đằng sau cao, để nhân dân ở; bên tả, bên hữu thấp; đằng trước rộng châu hồ phục, một tinh kết ấn. Tất cả đều châu lại chính đồn).

Lập đồn được một năm, có một hôm ngài ngủ ở Công đường băng khuâng nằm mộng thấy một ông tiên ở trên giới đến trước đồn đọc bốn câu thơ rằng:

*Thiên nhan bính bính khởi vô tri
Quân dục đồ tâm vị đắc thi
Thập bát Hùng triều thiên định tá
Quân thần đương hội cảm hà vi.*

Nghĩa là:

Mặt rồng rạng rỡ há vô tri
Người muốn mưu đồ chưa đến thì
Mười tám triều Hùng trời định giúp
Vua tôi gặp gỡ dám quay đi.

Ông tiên ấy đọc xong liền đi lên trên không biến mất. Sau đức Sơn Nhạc biết là mộng triệu tốt lành. Vả trong thời gian ấy, vua Hùng Duệ Vương nghe thấy đình thần tâu rằng: "Đức Sơn Nhạc là người hùng trưởng một phương, anh hùng quán thế, đức lượng hơn người, văn võ tinh thông, rất là người kỳ tài vậy. Vua bèn sai đình thần đến chiêu dụ. Lúc ấy đức Sơn Nhạc ngẫm

nghe trong mộng, không dám trái đạo gờ, rồi ngài đến kinh đô. Vua thấy ngài phong tư dĩnh dị, diện mạo khôi kỳ, vua bèn hỏi thử các điều, quả thực thấy ngài đối đáp nhanh nhẹn, nói năng hùng tài đại lược, nhiều dị thuật kỳ mưu. Vua vui mừng khôn xiết kể, liền trọng dụng, giao cho ngài làm chức Bố chính quan để đi tuần thú tứ xứ, thám thính gian đảng trộm cướp. Sau ngài phó nhậm châu Ái và châu Hoan (sau đổi làm Nghệ An và Thanh Hóa). Tự đấy nhân dân kính phục, quân thần hiệp đức, thiên hạ thái bình, muôn dân no đủ.

Trong thời gian ấy, có người Thục Vương (cũng là dòng dõi vua Hùng Vương) khởi loạn, định lấy đất nước. Khi ấy đức Sơn Nhạc đang ở làng Nhiễm Dương thăm nhận mộ tổ tiên, ngài bèn cùng với nhân dân trong làng làm lễ, phụ lão hào kiệt đều đến châu hẩu ăn uống. Trong khi yến ẩm, bỗng thấy sứ thần đem thư cáo cấp triệu ngài về để bình giặc, và nói rằng: Nước Thục cử 30 vạn quân đã lấy mất 16 châu. Đức Sơn Nhạc nghe nói, liền giao phó đồn doanh các sở cho dân làng trông nom, và nói rằng: "Nếu sau này có xảy ra sự gì thì dân làng cứ lấy ngài làm chủ". Rồi ngài liền từ già dân làng về triều đình.

Lúc ấy Thục chúa đại cử 30 vạn hùng binh, một vạn con ngựa, 500 chiếc thuyền, quân thủy quân lục cùng tiến. Vua Hùng đến hội họp triều đình, và một mặt cho triệu con rể là đức Tản Viên Sơn Thánh hội nghị để tìm kế trừ giặc. Đức Sơn Thánh tâu vua xin 10 vạn quân và chọn cử các tướng tài. Vua cả mừng, lập tức chọn cử các tướng tài và 10 vạn hùng binh giao cho đức Sơn Thánh. Đức Sơn Thánh liền cử đức Sơn Nhạc lĩnh 3 vạn quân đi tiên phong. Đức Sơn Nhạc lĩnh mệnh chia quân làm hai đạo tiến phát. Còn đức Sơn Thánh đốc lĩnh các đạo quân thủy quân bộ đến Tuyên Quang, Hưng Hóa, Mộc Châu, Quỳnh Châu, Nhai Châu, rồi lưu quân ở trên núi đánh nhau với giặc.

Khi ấy đức Sơn Nhạc tiến quân đến đồn giặc, trong khi giáp chiến cùng với tướng Thục đánh nhau hơn 10 hợp chưa phân thắng bại. Ngài bèn rút quân về 10 dặm để cự chiến đợi quân ứng tiếp.

Sau em đức Sơn Thánh là đức Lương Mỹ Thần cùng các tướng đem quân đến vây đánh bốn mặt. Một trận đại chiến. Thục binh đại bại, liền chạy về sông Bạch Đằng, sông Lục Đầu, sông Thiên Đức và sông Nguyệt Đức, thì bị đức Sơn Nhạc phục quân bốn mặt đổ ra. Đức Sơn Nhạc liền lên ngựa xông vào đám quân Thục, chém được 200 binh tướng và thúc quân đánh giết. Quân Thục chết hại rất nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Còn bọn nào sống sót thì theo lối sông Bạch Đằng tháo chạy.

Được nửa năm, quân Thục súc tích binh mã, lại đem hơn 10 vạn quân, tiến quân tiến đến châu Đại Man, hậu quân thủy đạo tiến đến đất Hải Dương. đất Kinh Bắc, sông Tô Lịch, sông Thiên Đức, và sông Nhị Hà để đánh báo thù. Lúc ấy đức Sơn Nhạc cầm giáo vàng lên ngựa xông vào trong đám quân giặc đánh nhau 5, 6 hiệp, giết được hơn 10 binh tướng Thục, sau quân Thục càng tiến đến đông hơn. Đức Sơn Nhạc bị quân Thục chém phải một nhát bị thương (vết mi bên tả) và một phát tên bắn vào bụng. Ngài cố sức đánh phá tan vòng vây, phi ngựa chạy về làng Nhiễm Dương. Ngài kêu lên ba tiếng thời ngài hóa (hóa ngày mồng 3 tháng 12 năm ất Tỵ). Lúc ấy thấy giới đất tối làm u ám, và trong khi ngài hóa thấy một tấm lụa điều ở trong mình ngài bay lên trên không lên giới, hiện thành đám mây đỏ hơn mười ngày không tan. Nhân dân ra chỗ ngài hóa xem, thấy cỏ cây che kín đắp thành mộ, chỉ còn một con dao vàng ở trên mặt đất. Nhân dân lấy làm lạ, bèn đi tâu vua. Vua rất thương tiếc, truyền cho nhân dân xây lăng tẩm, lập đền thờ và bao phong mỹ tự để thờ cúng đèn nhang mãi mãi. Ngài được phong là Sơn Nhạc Cư Sĩ Quảng huệ Đại vương. Lại nói, trong trận ấy đức Sơn Nhạc hóa, đức Sơn Thánh tiếp binh đến Mộc Châu thời có thiên thần trợ chiến, nên quân Thục bị đại bại thất tán chạy tan tác.

Kể từ nhà Đinh, Lê, Lý, Trần khai sáng cơ đồ, ngài Sơn Nhạc thường anh linh hiển ứng âm phù hộ quốc giúp dân. Các đời vua ấy đều gia phong mỹ tự làm Vạn cổ Phúc thần, hưởng hương đèn thờ cúng muôn đời...

51. SỰ TÍCH ÔNG DỤC THỜI HÙNG VƯƠNG

Vào đời Hùng Vương thứ 18, ở trang Nhân Lý, huyện Thượng Hiền, phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam, có một nhà nhân đức từ thiện, chồng là Đức ông, tính tình hiền lành, 50 tuổi, vợ là bà Tạ Thị Phương. 40 tuổi, chưa có con trai. Một đêm, bà vợ nằm chiêm bao thấy một ngôi sao sa vào miệng, rồi chuyển động có thai. Sau sinh được một người con trai, hình dung khôi ngô, tư phong đẹp đẽ Hai ông bà yêu quý, đặt tên là: ông Dục. Sau này đức ông Dục khôn lớn, học lực tinh thông, lại giỏi nghề võ. Đến năm 23 tuổi vua Trưng Vương có dụ mộ quân đánh giặc Tô Định, ngài ra ứng mộ. Vua Trưng thấy ngài anh hùng thao lược, phong cho ngài là Hữu Đại tướng quân. Khi ngài lĩnh quân đi, đến thôn Nguyễn Xá, trang Đa Ngưu, huyện Tế Giang, thấy một vùng đất sơn thủy hữu tình. ngài đóng đồn ở đấy. Sau giặc yên rồi, vua Trưng cho ngài huyện Tế Giang làm thực ấp. Một hôm, dân Nguyễn Xá đến tâu với ngài rằng: "Từ khi ngài đóng đồn ở đất Nguyễn Xá chúng tôi, thì dân chúng tôi thịnh vượng, coi đất ấy là đồn của ngài, sau là miếu thờ ngài".

Ngài ưng lời, lại cho thêm hai nén vàng, để sửa sang miếu sở. Đến đêm 24 tháng Chạp, tự nhiên ngài bay lên không, rồi bay ra thành Long Biên, phương Đông Tác, rồi mới đáp thành mồ. Dân Nguyễn Xá thấy sự như vậy, tâu với vua Trưng. Vua Trưng sai sứ về sắc phong cho ngài, sai dân dựng đền thờ ở đồn trước của ngài và cho dân Nguyễn Xá thờ cúng. Khu Nguyễn Xá thờ ngài từ đấy. Rồi sau ngài hiển hiện nhiều việc linh ứng, nên trải các triều đều có sắc phong tặng.

52. SỰ TÍCH NIỆM HÙNG ĐÁNH THỤC

Theo sự tích, thân mẫu ngài là Vũ Thị Khang quê ở làng Mộ Trạch tỉnh Hải Dương. Khi 18 tuổi, bà đi tu ở chùa Pháp Vân,

làng Vạn Kỳ, huyện Gia Bình (Bắc Ninh), đêm bà nằm mơ nuốt một con rết trắng rồi tự nhiên có thai. Bà lấy làm thẹn đi đến chùa Quang Linh, làng Lỗ Khê (tục gọi làng Giổ Khê, phủ Từ Sơn. Bắc Ninh) thì sinh ra ngài, tức là ngày mồng 4 tháng Giêng năm Quý Ty về đời vua Hùng Toàn Vương. Năm ngài lên 7, 8 tuổi học hành thông minh. Đến năm 13 tuổi, tận thông kinh sử, văn võ toàn tài, mọi người đều tôn ngài là Thần đồng giáng thế. Khi bấy giờ, làng Lỗ Khê đón ngài làm hương sư dạy học.

Năm ngài 20 tuổi thì bà Vũ Thị là thân mẫu ngài bị bệnh mất, ngài chọn đất tốt an táng, phụng thờ thân mẫu ngài tại học đường 3 năm.

Đến năm ngài 23 tuổi, nhà vua hạ chiếu kén lấy anh tài. Ngài ra ứng tuyển được phong làm Chỉ huy sứ. Khi có giặc Thục, ngài lĩnh chức Tiền đạo tướng quân. Ngài đem quân về đóng đồn tại Lỗ Khê trang

Sau có chiếu nhà vua sai ngài đem quân lên Bắc đạo dẹp giặc, ngài làm lễ Thiên địa, ngay đêm hôm ấy, ngài nằm mơ thấy có một người mặc áo đỏ, thân thể dị kì, hình dung cổ quái từ dưới nước đi lên, tự xưng là con gái vua Lạc Long Quân xin đi âm phù và có ước cùng ngài rằng:

Nếu sau này dẹp giặc được thành công thì cho cùng phối hưởng. Từ đấy trở đi, đánh trận đều là toàn thắng.

Khi ngài đem quân đến núi Sóc Sơn, bị quân Thục vây hãm trong 15 ngày, quân gia đói khát. Ngài sai quân đào giếng, thì giếng không có nước, thật là nguy ngập. Ngài ngửa mặt lên trời khẩn thần âm phù. Rồi bỗng nhiên thấy bốn bề mây kéo đến tối tăm, mờ mịt, mưa xuống thật to, quân không bị đói khát nữa. Sau đó ngài phá được giặc Thục, chém được mấy vạn tên, quân giặc thua chạy. Sau này, ngài bảo rằng: Được trận này là bởi có lòng trời và thần linh giúp đỡ. Ngài lại bảo dân làng Lỗ Khê rằng: Nếu dân có lòng hậu với ta, sau ta trăm tuổi thì dân thờ cả vị thần linh âm phù cùng hợp phối với ta. Rồi ngài về triều báo tiếp, đem chuyện mơ và chuyện cầu thần tâu vua. Vua

phong cho vị Thần linh là Thủy tộc Trọ thuận Trung đẳng thần.
Vua lại ban khen cho ngài một bài thơ rằng:

*Quả nhân bất phá viễn phương nhân
Cử nghĩa lao phiên quốc tướng quân
Vạn lí tinh kì cần nói lúc
Trùng thiên phong hũ đã chinh cân
Quả nhiên thiên kiếm tới man khấu
Trực bả liên thành hiến quốc quân
Thiên cớ tiền thiên cổ hậu
Gia nhi tử giả quốc nhi thân.*

Nghĩa là:

Quả nhân không dẹp được người phương xa
Dấy nghĩa làm phiên tướng quân mệt nhọc
Muôn dặm cờ bay cần gắng sức
Đầy trời mưa bão thấm ướt khăn người chinh chiến
Quả nhiên thần kiếm diệt trừ giặc Man
Lại đem thành quách dâng cho quốc quân
Thiên cổ về trước thiên cổ sau này
Ở nhà là hiếu tử ở nước là trung thần.

Ngài linh bài thơ, bái tạ vua rồi trở về đồn. Đến ngày 20 tháng 11 làm tiệc khao quân, dân làng Lỗ Khê đương yến ẩm, bỗng thấy gió thổi ẩm ẩm, tự nhiên có đám mây trắng ở trong gò đất mà ra. Ngài theo mây ấy biến mất, quân dân đều sợ hãi làm sớ tâu vua. Vua sai quan quân về tế lễ và cho dân chúng ở địa phương tựa như con cháu ngài để lưu truyền phụng thờ ngài vậy.

Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng khi chùa bị giặc vây, vua sai sứ cầu bách thần. Ngài và vị thần linh đều âm phù rồi giải được vây. Vua phong cho ngài là: Niệm Hưng Hiến ứng Linh phù Đại vương và phong cho vị Thủy thần là: Út đầu chiến Phổ tế Linh ứng Đại vương.

Đến đời vua Lê Đại Hành có Hầu Nhân Bảo nhà Tống đem quân sang lấn nước ta. Vua Đại Hành sai quan đến làng Lỗ Khê vào đình cầu thần âm phù. Quả nhiên đánh được giặc, giết được Hầu Nhân Bảo rồi vua phong cho hai vị là Tế thế Hộ quốc Khang dân Hậu đức Dục thánh Trác vi Hiến ứng Đại vương.

53. TRUYỆN NHẤT DẠ TRẠCH

Hùng Vương truyền tới đời thứ ba thì sinh hạ được người con gái là Tiên Dung mỹ nương đến tuổi 18 dung mạo đẹp đẽ, không muốn lấy chồng mà chỉ vui chơi, chu du khắp thiên hạ. Vua cũng không cấm đoán nàng. Mỗi năm vào khoảng tháng hai tháng ba lại sắm sửa thuyền bè chèo chơi ở ngoài bể, vui quên trở về. Hồi đó, ở làng Chử Xá cạnh sông lớn có người dân tên là Chử Vi Vân sinh hạ được Chủ Đồng Tử, cha từ con hiếu, nhà gặp hỏa hoạn, cửa cái sạch không, còn lại một khối vải cha con ra vào thay nhau mà mặc. Kịp tới lúc cha lâm bệnh bảo con rằng: "cha chết cứ để trần mà chôn, giữ khối lại cho con". Con không nỡ làm theo, dùng khối mà liệm bố. Đồng Tử thân thể trần truồng đói rét khổ sở, đứng ở bên sông hể nhìn thấy có thuyền buôn qua lại thì đứng ở dưới nước mà ăn xin, khi thì câu cá độ thân không ngờ thuyền Tiên Dung xóc tới, chiêm trống nhã nhạc, kẻ hầu người hạ rất đông. Đồng Tử rất kinh sợ. Trên bãi cát có khóm lau sậy, lựa thưa dăm ba cây, Đồng Tử bèn nấp trong đó, bới cát thành lỗ nằm xuống mà phủ cát lên mình. Thoát sau, Tiên Dung cầm thuyền dạo chơi trên bãi cát, ra lệnh vây màn ở khóm lau mà tắm. Tiên Dung vào màn, cởi áo đội nước, cát trôi mất, trông thấy Đồng Tử. Tiên Dung kinh sợ hồi lâu, thấy là con trai bèn nói: "Ta vốn không muốn lấy chồng, nay lại gặp người này, cùng ở trần với nhau trong một hố, đó chính là do trời xui nên vậy. Người hãy đứng dậy tắm rửa, ta ban cho quần áo mặc rồi cùng ta xuống thuyền mở tiệc ăn mừng". Người trong thuyền đều cho đó là cuộc giai ngộ xưa nay chưa từng có. Đồng Tử bảo: Đâu dám như vậy! Tiên Dung ta

thần, ép làm vợ chồng. Đồng Tử cố từ. Tiên Dung nói: "Đây do trời chấp nối, sao cứ chối từ?" Người theo hầu vội về tâu lại với vua. Hùng Vương nói: "Tiên Dung không thiết tới danh tiết, không màng tới của cải của ta, ngao du bên ngoài, hạ mình lấy kẻ bần nhân, còn mặt mũi nào trông thấy ta nữa". Tiên Dung nghe thấy, sợ không dám về, bèn cùng Đồng Tử mở bến chợ, lập phố xá, cùng dân buôn bán, dần dần trở thành cái chợ lớn (nay là chợ Thám, còn gọi là chợ Hà Lương). Phú thương ngoại quốc tới buôn bán tấp nập, thờ Tiên Dung, Đồng Tử làm chúa. Có người lái buôn giàu nói rằng: "Quý nhân bỏ một dật vàng ra ngoài bể mua vật quý, sang năm có thể thành mười dật". Tiên Dung cả mừng bảo Đồng Tử: "Vợ chồng chúng ta do trời tác thành. Đồ ăn thức mặc do trời phú cho, nay hãy đem vàng cùng phú thương ra bể buôn bán". Có núi Quỳnh Viên, trên núi có am nhỏ, bọn lái buôn thường ghé lại đó uống nước. Đồng Tử lên am chơi, có tiểu tăng tên gọi Ngưỡng Quang truyền phép cho Đồng Tử. Đồng Tử lưu học ở đó, giao tiền cho lái buôn mua hàng. Sau lái buôn quay lại am chỗ Đồng Tử về. Sư tặng Đồng Tử một cây trượng và một chiếc nón mà nói rằng: "Linh thiêng ở những vật này đây". Đồng Tử trở về, giảng lại đạo Phật. Tiên Dung bèn giác ngộ, bỏ phố phường, chợ búa, cơ nghiệp, rồi cả hai đều tìm thầy học đạo. Trên đường viễn hành, trời tối mà chưa tới thôn xá, hai người tạm nghỉ ở giữa đường, cắm trượng che nón mà trú thân. Đến canh ba, thấy hiện ra thành quách, lầu ngọc, điện vàng, đền đài dinh thự, phủ khố miếu xã, vàng bạc châu báu, giường chiếu chăn màn, lên đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ, la liệt trước mắt. Sáng hôm sau, ai trông thấy cũng kinh lạ, đem hương hoa, ngọc thực tới dâng mà xin làm bề tôi. Có văn võ bách quan chia quân túc vệ, lập thành nước riêng. Hùng Vương nghe tin, cho rằng con gái làm loạn, bèn sai quân tới đánh. Quân thần xin đem quân ra phân nhau chống giữ. Tiên Dung cười mà bảo: "Điều đó ta không muốn làm, do trời định đó thôi, sinh tử tại trạ, há đâu dám chống lại cha, chỉ xin thuận theo lẽ chính, mặc cho đao kiếm chém giết". Lúc đó, dân mới tới đều

kinh sợ tan đi, chỉ có dân cũ ở lại. Quan quân tới, đóng trại ở châu Tự Nhiên, còn cách sông lớn thì trời tối không kịp tiến quân. Nửa đêm, gió lớn thổi bay cát nhỏ cây quan quân hỗn loạn. Tiên Dung cùng thủ hạ, thành quách phút chốc bay tăn lên trời, đất chỗ đó sụt xuống thành cái chằm lớn. Về sau, dân lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế gọi chằm là chằm Nhất Dạ Trạch (nghĩa là chằm một đêm), gọi bãi là bãi Mạn Trù, gọi chợ là chợ Thám (còn gọi là chợ Hà Lương). Sau vua Hậu Lương là Diên sai Trần Bá Tiên đem quân xâm lược phương Nam. Lý Nam Đế sai Triệu Quang Phục làm tướng cự địch. Quang Phục đem quân nấp ở chằm. Chằm sâu mà rộng, quân địch vướng mắc, tiến binh rất khó, Quang Phục dùng thuyền độc mộc đột xuất ra đánh cướp lương thực, cầm cự lâu ngày làm cho quân giặc mệt mỏi. Trong ba bốn năm không hề đổi diện chiến đấu. Bá Tiên than rằng: "Ngày xưa nơi đây là chằm một đêm bay về trời, nay lại là chằm một đêm cướp đoạt người". Nhân gặp loạn Hậu Cảnh vua nhà Lương bèn gọi Bá Tiên về, ủy cho tì tướng là Dương Sằn thống lĩnh sĩ tốt, Quang Phục ăn chay lập đàn ở giữa đầm, đốt hương mà cầu đảo, bỗng thấy thần nhân cười rống bay vào trong đàn mà bảo Quang Phục rằng "Hiển linh còn đó, người có thể cầu tới cứu trợ để dẹp bằng họa loạn". Dứt lời, tháo vốt rống trao cho Quang Phục, bảo: "Đem vật này đeo lên mũ đầu mâu có thể khiến giặc bị diệt". Đoạn bay lên trời mà đi. Quang Phục được vật đó, reo mừng vang động, xông ra đột chiến. quân Lương thua to. Chém Dương Sằn ở trước trận, giặc Lương phải lùi. Quang Phục nghe tin Nam Đế mất, bèn tự lập làm Triệu Việt Vương, xây thành ở Trâu Sơn, huyện Vũ Ninh.

54. SỰ TÍCH TIÊN LẠP THẠCH TƯỚNG QUÂN

Theo hương phả, trên ngọn Phượng Hoàng núi Bồ Đà, tức núi Tiên Lạp hay núi Ngũ Phúc, thuộc xã Tiên Lạp, sau là xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh. Vào thời Hùng Vương, ở xã này có một tảng đá lớn. Một hôm có con rắn ngũ sắc

dài 10 trượng tới quán vòng quanh tảng đá. Rồi đá mẹ thụ thai, sau ba năm tách ra làm ba, lộ rõ một bé trai nằm bên trong. Trước đó, có ông lão nhà ở gần tảng đá, đã được thần báo mộng cho biết có Hùng Thạch tướng quân giáng thế. Nay thấy vậy, ông lão liền bàn với vợ đem đứa trẻ về nuôi. Cậu bé 7 tuổi mà chưa biết nói, vừa lúc đó có giặc Lục Đình man nổi loạn ở Cao Bằng, dẫn đường cho 50 vạn quân Bắc quốc sang cướp nước ta. Vua liền hội các quan tìm người chống giặc. Bỗng lúc ấy có lá cờ đỏ đề "Tiên Lạp Thạch tướng quân" từ trên mây giáng xuống sân điện. Vua bèn sai người đến Tiên Lạp dò tìm, thì đứa trẻ bỗng cất tiếng gọi sứ giả vào, bảo làm cho một con voi đá để đi giúp vua đánh giặc. Khi sứ giả đưa voi đá đến, đứa trẻ vươt vai ba lần, trở thành người cao lớn, nhảy lên lưng voi phóng về hướng Cao Bằng, phá tan quân giặc. Khải hoàn trở về vua phong chức tước nhưng cậu bé không nhận, nói đã có mệnh thiên đình triệu về trời. Nói xong, bèn lên núi, cởi áo để lại, rồi bay về trời. Vua bèn sai lập đền thờ. Dưới triều Lý, thần được gia phong hai chữ *Huy Khâm*. Đến nay tảng đá vẫn còn. Cạnh thôn còn có một ngôi đình, tương truyền đó là đình ngự của vua Hùng thuở trước.

55. TRUYỆN ÔNG LÝ TIẾN

Tương truyền vào đời Hùng Vương thứ 6, dưới triều Hùng Huy Vương, nhà nước Văn Lang đang trong thời kỳ bị giặc phương Bắc đe dọa xâm lược.

Thuở ấy, có hai ông bà già, tuổi cao mà chưa có con. ngày ngày chông đi đánh cá ven sông Tô Lịch, còn vợ thì thành tâm đi cầu tự ở chùa Khán gần đó. Mãi về sau, bà mới có mang và sinh ra một cậu con trai khôi ngô tuấn tú, đặt tên là Lý Tiến¹.

1. Có người kể rằng Lý Tiến được sinh ra ở Thanh Hóa, sau lớn lên có đem quân giúp vua Hùng đánh quân Chiêm được vua cử làm tướng rồi kéo quân ra đóng ở bờ sông Tô Lịch, thuộc Hà Nội bây giờ.

Lớn lên, Lý Tiến nổi tiếng là tay khỏe mạnh, tháo vát và có tướng gan lì. Bọn trai làng Long Đỗ tại trại Tiến Ngự, cạnh rừng tre, bên bờ sông Tô vừa mển vừa phục. Ông thường tụ tập bọn cùng tuổi tập đánh trận giả trong rừng tre và cùng nhau ra sông bắt cá.

Đến giữa đời Hùng Vương thứ 6, Lý Tiến được vua Hùng cử làm tướng và giao cho việc rèn luyện một đội quân ven bờ sông Tô. Khi nghe tin có giặc Ân phương Bắc sang xâm lược nước Văn Lang, vua Hùng một mặt cử người lên trấn ải, mặt khác cho người đi loan tin cầu người tài giỏi ra giúp dân giúp nước. Lý Tiến được cử mang quân ra gần cửa ải cự giặc. Khi quân của ông đến đất Vũ Ninh (nay thuộc Quế Võ, Bắc Ninh) thì gặp giặc Ân. Hai bên đánh nhau quyết liệt. Lý Tiến chém giết được rất nhiều giặc. Trong một trận, chẳng may ông bị tên giặc bắn trúng ngực, ông gắng gượng trở về đến bờ sông Tô rồi mới mất. Sau khi chết, ông đã báo mộng vua Hùng cho sứ giả đến vùng Tiên Du rao mỗ, cầu hiền. Do đó mà tìm được Thánh Gióng đánh thắng giặc sau này. Về sau, người dân địa phương đã chôn cất ông ngay trên nền nhà cũ và dựng trên nền đất cũ ấy một ngôi đền để thờ ông. Đó là đình Giáp Đông, thôn Đông Thuận xưa, nay còn lại hậu cung ở phố Hàng Cá, Hà Nội. Ở đây còn treo một đôi câu đối, có nhắc đến bến cá (tức trại Tiến Ngự).

"Nhất khí quán sơn hà, Hùng quốc, Long thành lưu dị tích;

Song Tang huyền nhật nguyệt, Đông kiều, Ngự phố ký dư tung".

(Một hơi mạnh trùm khắp non sông, nước vua Hùng, thành Thăng Long còn lưu vết lạ;

Hai đất Tang¹ sáng ngời nhật nguyệt, đền Cầu Đông, bến Trại Cá hằng giữ dấu xưa).

1. Theo truyền thuyết: Hai đất Tang ở đây là chỉ hai xóm của làng Khê Tang thuộc huyện Thanh Oai, Hà Tây. Dân làng này có nghề đánh cá. Một số về sau đã đi đến bờ sông Tô Lịch đánh cá và làm ăn sinh sống.

Ngoài ra, còn một đền thờ ông được dựng cũng ở xã Đông Thuận xưa, nay là phố Hàng Cót, thuộc Hà Nội. Trước năm 1954, đình bị thực dân Pháp phá, bài vị câu đối được chuyển tới đình Ngũ Giáp ở số nhà 54 phố Hàng Cót. Hiện nay, ở đó, có đôi câu đối:

"Mộng giăng hoàng Long, Tô Lịch giang biên lưu hiển tích;

Chí thanh danh tướng, Vũ Ninh sơn ngoại lẫm trung can".

(Mộng ứng rồng vàng, dấu hiển hách còn ghi bên bờ Tô Lịch;

Chí cao tướng giỏi, gan trung kiên ngồi sáng ngoài núi Vũ Ninh).

56. TRUYỆN ĐỒNG THIÊN VƯƠNG

Hùng Vương cậy nước mình giàu mạnh, mà chểnh mảng việc triều cận Bắc phương. Vua nhà Ân mượn cơ tuần thú sang xâm lược Hùng Vương nghe tin, triệu tập quần thần hỏi kế công thủ. Có người phương sĩ tâu rằng: sao không cầu Long Vương đưa quân âm lên giúp. Vua nghe lời, bèn lập đàn, bày vàng bạc lụa là lên trên, ăn chay, thắp hương, cầu đảo ba ngày. Trời nổi mưa to gió lớn, bỗng thấy một cụ già cao hơn chín thước, mặt vàng bụng lớn, mày râu bạc trắng, ngồi ở ngã ba đường mà cười nói ca múa. Những người trông thấy biết là kẻ phi thường, mới vào tâu vua. Vua thân hành ra vái chào, rước vào trong đàn. Cụ già không ăn uống, cũng không nói năng. Vua nhân hỏi: "nghe tin quân Bắc sắp sang xâm lược, ta thua được thế nào, ngài có kiến văn xin bảo giúp". Cụ già ngồi im một lúc, rút thẻ ra bốc, bảo vua rằng: "Ba năm nữa giặc Bắc sẽ sang, phải nghiêm chỉnh khí giới, tinh luyện sĩ binh mà giữ nước, lại phải đi tìm bậc kỳ tài trong thiên hạ, kẻ nào phá được giặc thì phân phong tước ấp, truyền hưởng lâu dài. Nếu được người giỏi, có thể dẹp được giặc vậy". Dứt lời, bay lên không mà đi, mới biết đó là Long Quân.

Ba năm sau, người biên giới cấp báo có giặc Ân tới. Vua làm theo lời cụ già dặn, sai sứ đi khắp các nơi cầu hiền tài. Tới làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh, có một phú ông tuổi hơn

sáu mươi, sinh được một người con trai vào giữa ngày mồng 7 tháng Giêng, ba tuổi còn không biết nói, nằm ngửa không ngồi dậy được. Người mẹ nghe tin sứ giả tới mới nói dân rằng: "Sinh được thằng con trai này chỉ biết ăn, không biết đánh giặc để lấy thưởng của triều đình, báo đáp công bú mớm". Người con nghe thấy mẹ nói, đột nhiên bảo: "Mẹ gọi sứ giả tới đây". Người mẹ rất lấy làm kinh ngạc, kể lại với hàng xóm. Hàng xóm cả mừng, tức tốc gọi sứ giả tới. Sứ giả hỏi: "Mày là đứa trẻ mới biết nói, mời ta đến làm gì?". Đứa trẻ nhồm dậy bảo sứ giả rằng: "Mau về tâu vua rèn một ngựa sắt cao mười tám thước, một thanh kiếm sắt dài bảy thước, một roi sắt và một nón sắt. Ta cưỡi ngựa đội nón ra đánh, giặc tất phải kinh bại, vua phải lo gì nữa?". Sứ giả mừng rỡ vội về tâu vua. Vua vừa kinh vừa mừng nói rằng: "Ta không lo nữa". Quân thần tâu: một người thì làm sao mà đánh bại được giặc?". Vua nổi giận nói: "Lời của Long Quân ngày trước không phải là ngoa, các quan chớ nghi ngờ gì nữa! Mau đi tìm năm mươi cân sắt luyện thành ngựa, kiếm, roi và nón". Sứ giả tới gặp, người mẹ sợ hãi cho rằng tai họa đã đến, bèn bảo người con. Con cả cười bảo rằng: "Mẹ hãy đưa nhiều cơm rượu cho tôi ăn, việc đánh giặc mẹ chớ có lo". Người con lớn lên rất nhanh, ăn uống tốn rất nhiều, người mẹ cung đốn không đủ. Hàng xóm sửa soạn trâu rượu bánh quả rất nhiều mà người con ăn vẫn không no bụng. Vải lụa gấm vóc rất nhiều mà mặc vẫn không kín thân, phải đi lấy hoa lau buộc thêm vào cho kín người. Kịp đến lúc quân nhà Ân tới chân núi Trâu Sơn ở Vũ Ninh người con đuổi chân đứng dậy cao hơn mười thước (có chỗ nói là trượng) ngựa mũi hất hơi liến hơn mười tiếng, rút kiếm thét lớn: "Ta là thiên tướng đây" rồi đội nón cưỡi ngựa. Ngựa chồm lên, hí dài một tiếng mà phi như bay, nháy mắt đã tới trước quân vua, vỡ kiếm đi trước, quan quân đều theo sau tiến sát đồn giặc. Quân giặc bỏ chạy, còn lại tên nào đều la bái kêu lạy thiên tướng rồi cùng đến hàng phục. Ân vương bị chết ở trong trận. Đi đến đất Sóc Sơn huyện Kim Hoa, thiên tướng cởi áo cưỡi ngựa mà lên trời, hôm

đó là ngày mồng 9 tháng 4, còn để vết tích ở hòn đá trên núi. Hùng Vương nhớ công ơn đó mới tôn là Phù Đổng Thiên Vương, lập miếu thờ ở nhà cũ trong làng, lại ban cho một ngàn mẫu ruộng, sớm hôm hương lửa. Nhà Ân đời đời, 644 năm không dám ra quân. Sau Lý Thái Tổ phong làm Xung thiên Thần vương, lập miếu ở làng Phù Đổng cạnh chùa Kiến Sơ. Lại tạc tượng ở núi Vệ Linh, xuân thu hai mùa tế lễ.

Tới đời vua Thuận Đế nhà Lê. ở xã Phú Lỗ có người con gái tên là Ngô Chi Lan chăm đọc sách, thích văn chương, thơ ca điêu luyện, nhân đi dạo chơi tới núi này có đề thơ rằng:

*Vệ linh xuân thụ bạch vân nhàn,
Vạn tử thiên hồng diễn thế gian,
Thiết mã tại thiên danh tại sử,
Anh hùng lẫm lẫm mãn gian sơn.⁽¹⁾*

57. SỰ TÍCH THIÊN ĐÁ VÀ ĐƯỜNG LÔ ĐÁNH GIẶC ÂN

Thần tích Cao Sơn Đường Lô đại vương kể rằng: Cha thần người họ Cao tên Thiệu, mẹ là người họ Lê, tên Huyền. đều là những người lương thiện. Cha làm nghề bốc thuốc cứu người, có cửa hàng nhỏ bên ngôi miếu Đường vô. Có một đêm bà mẹ nằm mơ đi dạo chơi tới cửa miếu nghe văng vẳng có tiếng người ngâm thơ:

*Ta ấy Đường Lô vốn thổ thần
Vâng mệnh Thiên cung xuống cõi trần
Đầu thai Lê thị làm nam tử
Nguyễn Xá Xuân La đến hiện thân.*

1. Tạm dịch thơ: Vệ Linh cây cỏ lẫn mây ngàn/ Vạn tía ngàn hồng rõ thế gian/ Ngựa sắt lên trời tên tạc núi/ Anh hùng sống mãi với giang san.

Thế rồi, bà mẹ có thai, sau sinh ra thần. Năm 13 tuổi, cha mẹ cho thần theo học thầy Lý Đường Hiên tiên sinh ở trang Yên Vỹ, huyện Hoài An, phủ ứng Thiên, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện ứng Hòa, Hà Tây).

Lại nói tới Lý Đường tiên sinh. ông vốn là người tài ba lỗi lạc, văn hay võ giỏi, giàu sang và giàu lòng vị tha cứu giúp người khắp khó. Hiêm nổi muện con trai nổi dôi tông đường. Trong vườn hoa của nhà tiên sinh có một phiến đá, trải vừa một tấm chiếu, để ông bà thường khi pha trà uống rượu, ngoạn nguyệt thưởng hoa. Nhưng có một đêm, đang lúc cùng phu nhân Trần thị uống trà uống rượu, tiên sinh bất giác nhớ đến công ơn tổ tiên, nghĩ tới tương lai, mới đưa tay vỗ vỗ vào bàn đá mà than phiền rằng:

*Đá hê đá hê
Đại thạch đại tinh
Đá hê đá hê
Ta nay không con
Ước người làm quỳnh
Lưu muôn ngàn thuở
Người nó đồng danh.*

Thế rồi đêm ấy gió mưa ào ào, sấm rền chớp giạt, bỗng có mấy chục tiếng sét nổ đình tai đánh vào vườn nhà tiên sinh. Sáng hôm sau, tiên sinh ra thăm vườn, thấy bàn đá đã vỡ làm hai mảnh trong đấy có mấy dòng chữ đề:

*Đá công thiên đình giáng trần
Đầu thai Trần thị tôi thần Nguyễn Xuân.
Tài năng vượt chúng siêu quần
Văn chuyên thao lược võ cần binh hung.*

Đến ngày 10 tháng 1 mùa xuân năm Giáp Ngọ, Trần phu nhân sinh ra một cậu con trai, tướng mạo lạ thường: Tam đình bình mãn, ngũ nhạc triều quy. Đúng là trang tuấn kiệt ở đời,

thánh thần trong thiên hạ. Cha mẹ yêu quý, nhớ câu thơ ở đá mà đặt tên cho là Đá công (có nghĩa là ông Đá). Năm Đá công 14 tuổi,

Vừa lúc Đường Lô tới nhập học. Tiên sinh liền gọi con Đá công vào nhà học căn dặn: "Con và Đường Lô đều là những nam nhi tài hoa, kẻ tám lạng người nửa cân, con nên kính trọng anh ấy và kết nghĩa anh em". Từ đấy hai người cùng học dưới một mái trường, anh em thân thích như ruột thịt. Chỉ trong mấy năm mà họ đã đọc khắp thiên kinh vạn quyển, chừa tử bách gia, thấu mọi lý lẽ các kinh sách của Nho gia Khổng Mạnh, Tứ khóa Tam truyện trong Binh thư của Ngô Khởi, Tôn Tấn. Người đương thời ai cũng ngợi khen là thần đồng.

Dương lúc học hành tấn tới, thì cha mẹ họ chẳng may đều kế nhau qua đời. Anh em phải trở về quê cư tang 3 năm. Sau đó, hai anh em Đá công và Đường Lô chu du thiên hạ, khi thì cầm hạc thanh phong, lúc lại tản bộ đặng sơn, có khi gác chèo buồm thuyền bồng bênh mây nước... Có một ngày, con thuyền dạt vào bến nước thuộc địa đầu hai khu Xuân La, Nguyễn Xá, trang Diễn Phú, huyện Diễn Hà, phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam. Thấy phong cảnh nơi đây thật hữu tình, tục dân thuần hậu. Hai vị vào làng mở trường dạy học. Chỉ trong một thời gian mấy tháng, mà nhân dân địa phương hồ hởi gửi hết con cái của họ vào trường. Bấy giờ Hùng Huy Vương xuống chiếu cầu hiền. Hai vị lại về kinh ứng thí, và đều trúng tuyển thứ bậc cao. Vua cả mừng, phong cho Đá công làm quan Đại phu, Đường Lô giữ chức Thị triều. Sau phong hiệu cho hai người là Thiên Đá Triều liệt Đại phu và Cao Vương Đường Lô Đô hộ. Hai vị hành lễ bái tạ nhà vua, và nghênh sắc về lập cung từ tại hai khu Xuân La và Nguyễn Xá. Nhân dân địa phương vui mừng đón hai vị trở về. Hai vị làm sở tâu vua, xin miễn phu phen tạp dịch cho nhân dân, để làm nơi thờ cúng sau khi hai vị qua đời. Vua hạ chiếu thuận cho. Bấy giờ có giặc Ân - Thạch Linh thần tướng ở phương Bắc đem 50 vạn hùng binh tới xâm lược nước ta. Tiền quân của chúng đã tiến đến đất Trâu Khê thuộc quận Vũ Ninh

(tức miền đất Tiên Sơn, Bắc Ninh ngày nay). Vua lo lắng, cho gọi hai vị hồi triều, giao cho làm tướng mang quân đi đánh giặc.

Hai vị được sự trợ giúp của thiên thần Phù Đổng, nên chỉ trong một trận đánh lớn thì giặc Ân đã tan tác ngay. Thắng trận, nhị vị cùng Phù Đổng Thiên Vương đi lên đỉnh núi Sóc rồi bay về trời (Đó là ngày 15 tháng 8).

Vua Hùng Huy Vương biết tin, ngài vô cùng thương tiếc, bèn truy phong hai vị là:

- Thiên Đá Đại vương.
- Cao Vương Đường Lô Đại vương.

Rồi vua lại chuẩn cho hai khu: Xuân La, Nguyễn Xá, trang Diên Phúc thờ phụng hai vị. Mỗi năm hai kỳ nhà vua còn sai quan về tế tự hai vị. Nghi lễ này thành lệ lâu dài muôn ngàn năm.

58. SỰ TÍCH VŨ LANG DANH TUỐNG TRIỀU HÙNG ĐÁNH GIẶC ÂN

Tục truyền rằng về đời vua Hùng Vương thứ sáu có một người họ Vũ tên Sùng ở đất Ái châu, sách Lam Sơn, văn chương lỗi lạc, hiếu dễ khoan hòa, tu nhân tích đức, làm nghề thầy thuốc. cùng với vợ là nàng Lê Thị Ngọc, dốc một lòng tích đức tu nhân. Có một đêm, khí trời mát mẻ trăm vẻ tốt tươi, vợ chồng trong khi yên ngủ, mộng thấy một ông già, râu tóc bạc phơ, đầu đội mũ hoa, tay cầm ngọc bích trắng, đưa cho ông, ông cầm ngọc ấy bỏ vào trong tay áo, đoạn rồi chợt nghe thấy tiếng khóc của đứa trẻ con và trông thấy một đứa thanh đồng, cùng ông già đã cho ngọc. Lúc ấy ông già bảo ông rằng:

- Nhà ngươi đức lớn thấu đến Hoàng thiên. Ta đây vâng mệnh trời, cho ngươi một đứa thanh đồng này để sáng sửa của nhà, tiếng lừng thiên hạ.

Nói đoạn ông già lên không đi mất. Ông tỉnh dậy mới biết là giấc chiêm bao, mừng thầm mộng ấy là điềm hay. Từ đấy lại gia

tâm làm phúc, hết sức tu nhân. Chẳng bao lâu, vợ ông có mang, đến giờ dân, ngày 20 tháng Giêng năm Ất Sửu, sinh được một người con trai, mặt mũi khôi ngô, hình dung quắc thước, tay bên tả có 3 cái lông dài hơn một tấc, đúng như sự đã thấy trong mộng (vì thế cho nên hằng năm cứ đến ngày 20 tháng Giêng là tiết sinh nhật của ngài). Dân làng dùng lễ lợn đen, xôi trắng để kính tạ. Người con sinh được trăm ngày mà nói gì cũng hiểu. Vợ chồng lấy làm vui mừng, bèn lập đàn ở sân tế trời đất, đặt tiệc ăn mừng và đặt tên là Vũ Lang Lữ. Khi đã lớn, tìm thầy cho Lữ học, được vài năm, văn chương thông thạo, thượng thiên văn, trung nhân luân, hạ địa lí không một vật gì không biết. Không một việc gì không hay. Có một ngày người cha ngài bị bệnh chết. Ngài cùng bà mẹ là Lê Thị Ngọc, tìm đất an táng, đoạn tang, bà mẹ mới có 35 tuổi. Lúc ấy trong làng ngài có một người họ Hùng tên Tạ tính nết rộng ngược, hiếu sắc tham tài, thấy nhan sắc của bà Lê Thị Ngọc đem lòng say đắm muốn lấy bà làm vợ lẽ. Bà biết thế lực khó bề chống cự, bèn cùng con trai đem hết gia tài xuống thuyền lánh đi nơi khác. Đi đến đạo Sơn Nam, phủ Lý Nhân, huyện Nam Xang dựng một gian lều tranh ở bên cạnh huyện, bán trâu nước làm kế sinh nhai.

Lúc ấy quan Huyện đoàn huyện Nam Xang là ông Trương Tuấn, tuổi ngoài 50 mà chưa có con trai, có một hôm ra chơi ngoài phố, trông thấy ông Vũ Lang Lữ hình dong tuấn tú, mặt mũi khôi ngô, gọi lại hỏi. Ngài bèn thuật truyện lại mẹ con ngài cũng do gặp cảnh ngộ không may đã nói ở trên, vì thế mới lưu lạc đến ở đây Quan Huyện doãn bèn đem mẹ con ngài về huyện nuôi coi mẹ ngài như em ruột, coi ngài như con đẻ và nuôi thầy cho học. Được 5, 6 năm, sử từ bách gia, tục giáp thần phù, thiên văn địa lí, vũ bị binh thư đều thông thạo, đời bấy giờ khen ngài là một ông thánh trẻ con ra đời. Có một ngày bà mẹ ngài bị bệnh nóng rét mà chết. Quan Huyện doãn sửa lễ tam sinh táng tế, ngài thấy quan Huyện đối với mẹ ngài hậu tình như thế, bèn xin làm con nuôi, nhưng quan Huyện xem ngài không khác gì con đẻ.

Lúc ấy nước ta ở các quận Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bảo Châu, Thu Vật, Châu Quyển, Nham Châu đều có nhiều giặc già, quan quân đánh dẹp mãi không yên. Mà bấy tôi trong triều có nhiều người ghét bố nuôi ngài là ông Trương Tuấn vì tính ông ngay thẳng không siểm nịnh, bèn tâu với vua bắt ông đi dẹp giặc ấy Vua vời ông Trương Tuấn vào chầu, trao cho ba vạn quân đi dẹp giặc. Ông vâng mệnh đem quân về huyện Nam Xang. Ngài đi đón và xin bố nuôi cho theo đi dẹp giặc. Ông Trương Tuấn chia quân làm hai đạo, một đạo giao cho ngài tiến đánh quận Quỳnh Nham, Thu Vật, Lạng Sơn; còn một đạo ông tự cầm tiến đánh quận Thái Nguyên, Tuyên Quang, Tu Long, Bảo Lạc. Hai đạo đều được đại thắng, giặc cướp đều dẹp được, ông Trương Tuấn đem ngài về triều và dâng trước mặt vua cùng tâu việc ngài đã giúp ông dẹp giặc. Vua thấy ngài tướng mạo đường đường uy phong lẫm lẫm, bèn cho hai cha con ngài được tu thuế huyện Nam Xang làm lương bổng. Khi về đến huyện, ngài bèn xin phép bố nuôi ngài đi xem hình thế trong huyện, chỗ nào sơn thủy đẹp để lập cung nhà để ở. Có một hôm, đi đến tổng Ngu Nhuế, châu Vũ Xá, thấy địa thế ôm quanh sơn thủy hữu tình, ngài bèn sai làm nhà để ở. Chia châu Vũ Xá làm thượng khu, hạ khu. Đến triều nhà Lê. vua Lê Lợi đổi làm xã Vũ Xá thượng thôn, hạ thôn. cho dân 10 hốt vàng làm hai cung để ở, dạy dân làm ruộng, trồng dâu, làm điều lợi, bỏ điều hại. Vì thế có công lớn với dân, được 3, 4 năm, bố nuôi ngài là Trương Tuấn già yếu, đến ngày mồng 5 tháng 5 thì chết. Ngài cư xử hết đạo làm con, vì thế, vua thấy ngài là người trung hiếu bèn vời vào điều phong cho tước Võ gia hầu thị tòng Tham tán mưu sử. Ngài làm quan được ba năm, tướng nhà ân là Thạch Linh thần tướng đem 3 vạn quân sang nước ta, cờ quạt rợp trời, can qua dậy đất. Vua lấy làm lo lắng, bèn lập đàn ở sân cầu đảo 3 ngày thấy gió to mưa lớn. sấm sét âm âm, lại thấy một ông già, râu tóc bạc phơ, mình cao hơn 18 thước, nói cười nháy nhót, có người trông thấy vào tâu vua. Vua thân ra mời vào đàn hỏi rằng:

- Quân bên Bắc lại lấn nước ta, được thua thế nào xin ngài chỉ giáo cho biết.

Ông già ấy ngồi ngẫm nghĩ một hồi lâu, rồi bói một quẻ mà bảo rằng:

- Nếu tìm được người giỏi, thì giặc ấy có thể phá được. Vua đừng lấy làm lo.

Nói đoạn ông già bay lên không đi mất. Vua bèn sai sứ giả đi cầu khắp trong thiên hạ. Có một hôm, sứ giả đi đến quận Võ Ninh, làng Phù Đổng, làng ấy có một ông nhà giàu sinh được một trai mới lên 3 tuổi, ăn uống nhiều lắm, hình dung to lớn, mà không nói được. Bà mẹ thấy sứ đi rao bảo rằng:

- Con ta chỉ biết ăn uống, chứ không biết đánh giặc để được ân tứ của triều đình, đền công khó nhọc của cha mẹ.

Đứa trẻ con nghe thấy mẹ nói thế tự nhiên nói được, liền bảo mẹ tìm sứ giả lại đây. Khi sứ giả đến, đứa trẻ con bảo rằng: Người về tâu vua đánh cho ta một con ngựa sắt cao 2 trượng và một cây roi bằng sắt, đem lại đây cho ta để ta dẹp yên giặc ấy.

Sứ giả về tâu vua, vua lấy làm mừng lắm, bèn sai thợ rèn đúc ngựa sắt và roi sắt, theo như kiểu mẫu đứa trẻ con đã dặn. Một đạo sai sứ giả đem ngựa và roi sắt cho đứa trẻ ấy, một đạo sai ngài làm thống chế Đại tướng quân đem hùng binh sáu vạn đến thẳng chỗ quân giặc đóng lập đồn chống cự với quân giặc. Lúc ấy sứ giả đem ngựa và roi lại cho đứa trẻ con. Đứa trẻ ấy ăn một bữa thật no, rồi vươn vai duỗi cẳng, hắt hơi 10 tiếng. Thốt nhiên mình dài hơn 18 thước, quát to nói rằng:

- Ta là Thiết xung Thần vương Thiên tướng.

Nói rồi cầm roi sắt nhảy lên mình ngựa, chạy thẳng đến núi Vũ Ninh cùng với ông Vũ Lang Lữ hiệp sức đánh giặc Ân, một trận rất kịch liệt, bắt sống được tướng giặc là Thạch Linh thần tướng đem chém đi. Quân giặc thua to, không còn một mũi tên, một hòn đạn nào. Khi trở về đến huyện Kim Hoa, tổng Phù Xá, núi Sóc Sơn thì thần Thiết xung Thần vương Thiên tướng bay

về trời mất. Chỉ còn ông Vũ Lang Lữ với các tướng đem quân về triều. Vào bái yết vua, báo tin thắng trận, vua bèn phong cho ngài tước Võ gia hầu giám sát Đại tướng quân. Ngài xin về ở châu Vũ Xá, vua cho và chuẩn phê cho châu Vũ Xá làm hộ nhi hương, phạm sưu thuế tạp dịch đều được miễn trừ, để làm hương hỏa của ngài sau này (ngày ấy tức là ngày mồng 4 tháng 8, cho nên ngày nay cứ đến ngày ấy dân đều sửa lễ kính tế gọi là tết Khánh hạ). Được 5 tháng, vua lại vời ngài vào triều làm việc. Được ngoài 10 năm, ngài được gia phong làm Tả đạo Tham tri công bộ, lúc ấy ngài đã ngoài 70 tuổi, bèn dâng biểu xin từ chức, về quê cũ của ngài tức là sách Lam Sơn. Đến ngày 20 tháng 7 năm Bính Ngọ, ngài mất cho nên hằng năm cứ đến ngày ấy dân làng lại sửa lễ xôi lợn kính tế, gọi là ngày "hóa nhật" hay là ngày ngài hiển thánh. Ngay ngày hôm ấy, bấy tôi trong nhà cùng binh sĩ làm biểu tâu vua, báo tin ngài đã mất. Vua ban lễ linh táng và sai sứ thần đem sắc chỉ phong ngài là Võ gia Phả lại Đại vương. Sứ đến phủ Lý Nhân, huyện Nam Xang, tổng Ngụ Nhuế, châu Vũ Xá, truyền cho nhân dân viết thần hiệu, sửa sang hai miếu để thờ. Đến sau, vua Lê Thái Tổ là Lê Lợi khởi nghĩa ở đất Lam Sơn, sai quan Thái úy là ông Nguyễn Kim đem quân chống với tướng nhà Minh là Liễu Thăng. Tối đến đình xã Vũ Xá, huyện Nam Xang, đem quân vào đóng ở đấy, Thái úy mộng thấy một ông già mình mặc áo dát vàng và áo giáp bằng vàng, tay cầm giáo vàng, ngồi ở trên điện bảo quan Thái úy rằng:

- Tôi là danh tướng triều nhà Hùng, nay thấy nhà vua khởi nghĩa, xem đem âm binh theo tướng quân đi dẹp giặc. Xin tướng quân biết cho.

Nói đoạn lên không đi mất.

Quan Thái úy tỉnh dậy, biết là thần linh hiển báo, bèn ngay ngày mai sửa lễ bái tạ, đem quân đi đánh Liễu Thăng ở đất Lạng Sơn, chém được đầu Liễu Thăng. Quan Thái úy làm biểu tâu vua. Khi vua Thái Tổ lên ngôi hoàng đế, bèn gia

phong cho ngài là Hãn ngự trừ tai Đại tướng quân, Hồng mô tuần liệt, Hộ quốc tế thế Đại vương. (Hiện chỉ còn sắc phong từ đời Lê Cảnh Hưng).

59. SỰ TÍCH NGUYỄN THIỆN, NGUYỄN VỰC ĐÁNH GIẶC ÂN

Theo sự tích, hai ngài Nguyễn Thiện, Nguyễn Vực đều xuất thế ở sân chùa Bạch Liên (tức chùa xã Tường Thụy bây giờ). Vị Nguyễn Thiện sinh ngày 10 tháng Giêng. Vị Nguyễn Vực sinh ngày mồng 6 tháng Hai. Tuy không học mà hai ngài đều đến khi 10 tuổi đã thiên tư tài dị, văn võ thông minh. Hai ngài đều có tướng mạo lạ lùng. móng chân. móng tay đều đỏ, sau lưng có vẩy mỗi hàng 5 sắc. Vì tiên công mất sớm, hai ngài theo Thái phu nhân ra kinh đô ở Bạch Hạc, nương nhờ cậu ruột buôn bán. Một ngày kia, vua Hùng Huy Vương mộng thấy hai người trẻ tuổi, có tướng mạo đường đường quý tâu rằng:

- Lũ thần là anh em ruột, anh là Nguyễn Thiện, em là Nguyễn Vực vâng mệnh Thiên đình giúp quốc vương.

Sực tỉnh, thánh giá ngự ra cửa tây thấy một người gánh nước nghỉ chân ở quán, lấy than để thơ vào tường:

Cần khôn phú mệnh tối chung linh

Quả thị tu mi nam tử mình

Liêm chính dưỡng dân cần được sự

Thủy tri công đức quốc gia vinh.

Chợt thấy thánh giá vội vàng lánh. Vua ngự xem liền vội đến và phán hỏi:

- Tráng sĩ tên họ là gì và có mấy anh em?

Tâu rằng:

- Thần có hai anh em, anh là Nguyễn Thiện, thần là Nguyễn Vực.

Vua thấy hợp với mộng triệu, lập tức thử xem chân tài. Thấy

văn võ đều thông minh, vua cả mừng, phong Thiện công làm Đốc lĩnh Long chu thủy đạo Đại tướng quân, lại thăng tước Tuấn thú thiên hạ tướng quân, phong Vực công làm Thầy tào tư mệnh Đại tướng quân, lại thăng tước Kiểm sát thiên hạ tướng quân. Vua lại phong hai ngài tước Chương lĩnh Thủy bộ đại Long hầu Lạc tướng quân. Thời ấy có giặc Ân là Thạch Linh thần tướng khởi loạn. Hai ngài vâng mệnh phụ cùng đức Thiết Xung Thần tướng (đức Phù Đổng Thiên Vương) bắt được Thạch Linh thần tướng cùng hơn 50.000 quân tướng đem chém đầu. Thế là giặc yên, hai ngài phụng chiếu khai hoàn. Khi đến núi Đồng Sóc Sơn, quận Vũ Ninh, đức Phù Đổng Thiên Vương phóng ngựa bay lên trời mà biến mất. Hai ngài đem quân về đến kinh thành, chợt thấy một con rắn mình dài hơn 10 trượng, đầu có hai chữ ác thần, nằm vắt ngang điện Chính cung, Thiện công nổi giận, cầm gươm sấn vào chém làm 3 đoạn. Vua ngự ban thưởng 100 hốt kim ngân. Rồi sau hai ngài dâng biểu xin về làng. Hai ngài cùng hóa một ngày 12 tháng Chạp ở cung dựng ở khu Tường Lan (nay là xã Tường Thụy). Vua Hùng Huy Vương chuẩn hứa làm chính làng và sắc cho khu Tường Lan lập miếu phụng thờ, phong là Thượng đẳng Phúc thần. Đến thời vua Hùng Duệ Vương đi dẹp giặc Thục, có một con voi đi qua cửa miếu hai ngài, rồi tự chết, vì vậy hai ngài phụng giáng xuống Trung đẳng thần. Trải các đời đế vương về sau, hai ngài thường có hiển ứng, cứu dân giúp nước. nên thường lại có bao phong. Đến thời đức Lê Lợi đánh quân Liễu Thăng nhà Minh. Thượng tướng nhà Lê tìm đến hai ngài kì đảo được hiển ứng, dẹp yên được quân Minh. Vua Lê bao phong hai ngài là: "Hiển ứng Uy linh Bảo quốc An dân" lại chuẩn hứa khu Tường Lan phụng sự làm Hộ nhi trang.

60. ANH EM LANG HÀ

Đời Hùng Vương thứ 6 ở làng Hà Lỗ (nay thuộc xã Liên Hà, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội), có hai anh em sinh đôi

khỏe mạnh, giống nhau như hai giọt nước, tên là Dục và Minh. Lớn lên, người em là Minh chuyển sang làng Hà Phong gần đấy làm ăn sinh sống.

Hằng ngày, hai ông thường tụ tập trai tráng ở hai làng tổ chức vật thi và đấu võ. Một lần, giặc Mũi đỏ từ phía Bắc tràn xuống cướp bóc, giết người, đốt nhà khắp vùng, hai ông Dục và Minh đã đem quân đuổi đánh, bảo vệ được xóm làng.

Giặc Mũi đỏ tan chưa được bao lâu thì giặc Ân lại sang xâm lược. Hai anh em Dục và Minh lại cầm quân đi chống giặc. Nhưng vì quân ít, vũ khí nghèo nàn nên đội quân của hai ông cầm cự được ít lâu thì phải rút.

Hai ông rút về Cầu Bài, làng Rỗ (gần nơi sinh ra Gióng) nhập quân với Gióng cùng đi phá giặc. Sau khi đánh tan giặc Ân, Gióng phi ngựa lên đỉnh núi Sóc rồi cởi áo giáp, nón sắt lại, cả người lẫn ngựa bay lên trời, ông Minh phi ngựa đến núi Độc (thuộc châu Định Hóa, tỉnh Bắc Thái) rồi biến mất. Người anh đi tìm em mãi không thấy cũng "hóa" ở làng Tuy Xá (nay thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên). Nhân dân ở vùng hai ông sinh ra và mất đi đều dựng đền thờ cúng để tỏ lòng ngưỡng mộ đối với hai vị anh hùng đã hy sinh vì dân, vì nước.

61. NĂM ANH EM LÀNG NA

Vào đời Hùng Vương thứ 6, tại làng Na, còn gọi là làng Nưa (nay gọi là y Na) thuộc đất Vũ Ninh (địa phận thị xã Bắc Ninh bây giờ), có một người đàn bà ăn ở hiền lành phúc đức. Ngoài việc làm lụng kiếm ăn, bà còn biết lấy các loại lá để chữa khỏi bệnh cho nhiều người trong làng. Từ đấy, mọi người đều quý mến và kính phục bà.

Một hôm tự nhiên có một cái cầu vồng năm sắc hiện lên trời và nhằm thẳng người đàn bà mà sa xuống. Bà về nhà thấy người khác lạ rồi bụng to dần. Qua chín tháng mười ngày, bà đẻ

ra một cái bọc lớn, từ đó nở ra năm người con trai. Năm anh em lớn đến năm mười hai tuổi thì bà mẹ mất.

Cuộc sống đang thanh bình, bỗng có tin giặc Ân sang cướp nước. Vua Hùng sai người đi cầu tài khắp nơi. Đến làng Na, năm anh em đều xin đi đánh giặc. Những người già cả trong làng họp lại cử hơn ba chục trai tráng khoẻ mạnh đi theo năm ông. Cả làng mổ bò tế trời đất, khao quân mừng tướng.

Năm ông dẫn đầu đoàn quân tiến đánh giặc Ân. Nhưng vì quân ít, thế lại yếu, đành phải rút về, ít lâu sau, năm ông lại đưa quân tiến về vùng núi Trâu (Vũ Ninh) nhập vào đoàn quân ông Gióng. Sau trận độ sức ở núi Trâu, giặc Ân bị đánh tới bởi, tàn quân lóc nhóc kéo nhau về nước. Vua Hùng cho quân đánh trống báo tin thắng trận mở hội ban thưởng cho quân sĩ. Vua phong cho năm ông có quyền cai quản đất Vũ Ninh và được phép chọn làng Na làm căn cứ. Biết tin vui, dân làng mở hội mừng tướng, khao quân. Giữa lúc mọi người vui vẻ, bỗng cầu vồng năm sắc lại hiện xuống đưa năm ông bay lên trời và biến mất. Nhân dân trong vùng luyến tiếc, đã tổ chức lập đền thờ cúng để tưởng nhớ năm ông.

62. QUẢ NGHỊ CƯƠNG CHÍNH UY HUỆ VƯƠNG

Xét Đỗ Thiện sử dẫn *Giao Chỉ ký* Vương tên là Cao Lỗ, một tướng giỏi của An Dương Vương xưa, tục gọi là Đô Lỗ, hoặc gọi là Thạch thần.

Khi Cao Biền đã dẹp yên giặc Nam Chiếu (865 - 866) đem binh đi tuần châu Vũ Ninh, đêm mộng thấy một người thân cao 9 thước, ăn mặc lịch sự, cài trâm đeo đai, đến nói với Biền rằng: "Tôi là Cao Lỗ, xưa giúp An Dương Vương làm Đại tướng, đánh giặc có công to, sau vì kẻ đại thần là Lạc hầu nói gièm, tôi bị vua giết. Đức thượng đế thương tôi là người trung cho làm Đô thống tướng quân, giữ một dải non sông, phạm việc dẹp giặc và việc mùa màng, tôi đều được chủ trương cả, nghĩa là được làm

Phúc thần của một phương. Nay theo mình công dẹp giặc đã yên, tôi lại trở về nếu không đến từ biệt thì hóa ra vô lễ". Biên hỏi: "Lạc hầu có sự gì ghen ghét mà lại làm hại ông như thế?". Đáp rằng: "Việc u mệnh không thể tiết lộ được". Biên cố hỏi, mới nói rằng: "An Dương Vương là "tinh" con gà vàng. Lạc hầu là "tinh" con vượn trắng, còn tôi là "tinh" con rồng đá. Gà với vượn thì hợp nhau mà không hợp với rồng, cho nên sinh ra như thế", nói rồi vụt biến mất. Biên tỉnh dậy nói chuyện lại với tướng tá, rồi đắc ý ngâm rằng:

*Mỹ tai Giao châu địa,
Du du vạn tải lai.
Cổ hiền đắc tiếp kiến,
Phương bất phụ linh đài.*

Rồi lại ngâm:

*Bách Việt điện khu vũ,
Nhị Hán định sơn hà.
Thần linh giai hữu Thuận,
Lý Đường cảnh phúc đa.*

Tương truyền: chỗ sông Đại Than là chỗ dinh của Vương đóng thường nổi mây, đổ mưa, thành những cơn phong ba dữ dội, ai qua đây vào đến lễ kêu cầu trước thì thuyền đến giữa sông, dù gặp sóng gió cũng không bị nguy hiểm.

Năm Trùng Hưng 1, sắc phong Nghị Vương. Năm thứ 4, gia phong hai chữ Cương chính. Năm Hưng Long 21, gia phong ha chữ Uy huệ.

63. TRUYỆN LÝ ÔNG TRỌNG

Cuối đời Hùng Vương có người ở xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm¹, đất Giao Chỉ họ Lý tên Thân. Khi đẻ ra rất to lớn, rồi cao

1. Nay là làng Chèm, nằm ở ngoại thành Hà Nội

đến 2 trượng 3 thước, tính tình hung hãn, hay giết người, tội ác đáng chết. Hùng Vương tiếc mà không nỡ giết.

Đời An Dương Vương, Tần Thủy Hoàng muốn cất binh đánh ta, An Dương Vương bèn đem Lý Thân tiến nhà Tần, Thủy Hoàng mừng lắm, phong cho làm chức Tư lệ Hiệu úy. Khi Thủy Hoàng đã lấy được cả thiên hạ, sai Lý đem quân giữ đất Lâm Thao¹, uy danh vang dội đến Hung Nô, Hung Nô không dám xâm phạm cửa ải Thủy Hoàng phong Lý làm Phụ tín hầu, lại gả công chúa cho Lý. Sau tuổi già trở về nước, Hung Nô lại xâm phạm cửa ải. Thủy Hoàng nhớ tới Lý Thân, sai người sang triệu. Lý Thân không chịu đi trốn vào rừng núi. Vua Tần trách quả, An Dương Vương tìm không được, nói dối là Lý đã chết. Vua Tần hỏi vì sao mà chết. Trả lời vì: đi tả. Tần sai sứ sang khám. An Dương Vương bèn nấu cháo đổ xuống đất làm thực tích. Vua Tần đòi mang xác sang, Lý Thân bắt đắc dĩ phải tự vẫn (hôm đó là ngày mồng 2 tháng 2)². An Dương Vương sai lấy thủy ngân rắc lên xác rồi đem nộp vua Tần. Thủy Hoàng lấy làm lạ, mới đúc đồng làm tượng, đặt hiệu là Ông Trọng, đem dựng ở cửa Kim Mã đất Hàm Dương³. Trong bụng tượng chứa mấy chục người để lay cho tượng cử động. Hung Nô trông thấy tưởng là quan Hiệu úy sống, không dám động tới cửa ải. Tới đời Đường, Triệu Xương sang làm quan đô hộ đất Giao Châu, đêm mộng thấy cùng Lý Thân giảng sách Xuân Thu, Tả truyện, nhân hỏi thăm nhà cũ, lập đền thờ cúng. Sau Cao Biền dẹp giặc Nam Chiếu. Lý hiển linh cứu trợ, Cao Biền bèn sửa sang lại miếu đền, tạc gỗ làm tượng, gọi là đền Lý hiệu úy nay thuộc xã

-
1. Lâm Thao: Tên huyện, đời Tần, thuộc quận Lũng Tây; đời Thanh là đất phủ Lâm Thao, tỉnh Thiểm Tây, nay là đất Lâm Đan thuộc huyện Lâm, tỉnh Cam Túc (Trung Quốc).
 2. Theo bản A. 2107 thì từ câu: "Lý Thân không chịu đi, trốn vào rừng núi..." cho tới câu "... Lý Thân bắt đắc dĩ phải tự vẫn" đặt xuống cuối truyện.
 3. Hàm Dương là kinh đô nhà Tần, ngày nay là tên huyện thuộc đạo Quan Trung, tỉnh Thiểm Tây

Thụy Hương, huyện Từ Liêm (xưa gọi là xã Thụy Hàm, nay gọi là xã Thụy Hương) ở bên bờ sông Cái, cách kinh thành 15 dặm.

Lại có thơ rằng:

Văn võ toàn tài đại trượng phu.

Hàm Dương khiễn tướng khiếp quân Hồ,

Vinh khương nhất nhập đàm kinh mộng,

Huyết thực nam thiên tráng dê đồ.¹

64. VÕ TRUNG VÀ VÕ QUỐC

Tương truyền xưa ở bến Lâm ấp, khi nhà Thục giành được chính quyền từ tay nhà Hùng, có đôi bạn là Võ Trung và Lỗ Quốc, đều là tướng tài của vua Thục. Cha của hai anh xưa vốn là bạn thân với nhau, nay hai anh lại nối tiếp truyền thống tốt đẹp đó và nguyện làm anh em kết nghĩa với nhau, và để biểu lộ một tinh thần nhất trí cao độ, Lỗ Quốc đổi theo họ bạn là Võ Quốc. Hai anh em thường cùng ăn, cùng ở, cùng tập luyện võ nghệ, vui buồn có nhau, người đời ai cũng khen. Thời đó, ở bộ Dương Tuyền, có giặc Phí Công Nguyên nổi lên, vua Thục dẹp mãi không được, phải truyền hịch kêu gọi nhân tài. Võ Trung và Võ Quốc liền mộ quân bản bộ của mình, giúp vua Thục dùng lối nghi binh, dương đông kích tây, đánh tan giặc Phí. Về sau Võ Trung được ban chức Đô thống, và Võ Quốc được ban chức Tổng binh. Võ Quốc sau làm đến Thái sư, được vua Thục gả công chúa Quỳnh Anh cho.

Bốn mươi năm sau. Triệu Đà đem quân sang xâm chiếm nước

1. Tạm dịch thơ:

Võ giỏi văn tài dấng trượng phu

Hàm Dương tượng đứng khiếp

Hung Nô Triệu Xương ứng mộng bàn Kinh Truyên

Hương lửa trời Nam vững dẽ đồ.

ta, hai ông lập căn cứ chống cự ở Ba điểm thắng lợi. Triệu Đà thấy không thắng nhà Thục được, bèn cầu hòa và dùng kế cho Trọng Thủy xin làm rể An Dương Vương. Hai ông Trung và Quốc biết mưu sâu họ Triệu, nên can ngăn vua Thục, nhưng vua Thục mù quáng không nghe. Hai ông cáo bệnh, xin về nhà nghỉ.

Khoảng mười năm sau nữa, Triệu Đà chuyển đại bản doanh đến núi Vũ Ninh, sát sông Đường, uy hiếp nhà Thục. Vua Thục chống không nổi, phải chạy vào Hoan châu (tức Nghệ An). Triệu Đà cất quân đuổi đánh. Võ Trung và Võ Quốc bèn mộ quân đánh phía sau quân Triệu ở vùng Gia Viễn (Ninh Bình) để hỗ trợ cho vua Thục chạy thoát. Võ Quốc bị tử trận trên đường hành quân. Võ Trung và đội ngũ còn lại về đến động Khuất Liêu thì bị quân Triệu phục kích, nhưng ông chạy thoát, dẫn tàn binh còn khoảng ba mươi người về đến động Lâm Ấp (ven Hồ Tây). Ông liền nhóm họp anh em nghĩa binh, mở tiệc chiêu đãi, uống rượu, ngâm thơ, ca ngợi tinh thần đoàn kết chiến đấu đến cùng. Được ít lâu, dân làng nói rằng ông đã đi xuống hồ mà hóa và có một đạo hồng quang từ ven hồ bay lên. Nhân dân địa phương lập đền thờ cả hai ông Võ Trung và Võ Quốc. Về sau vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, cho cầu đảo ở đây, sau khi thành công, vua phong hai ông làm Thượng đẳng thần. Dân làng truyền rằng hai ông là hiện thân kiếp sau của hai ông Hàn Minh và Động Đình trước đó, khu vực này hiện nay không còn nữa, có thể đã thành sông.

Cũng ở thời Hùng Vương, có những tướng lĩnh hay qua lại vùng ven hồ, thí dụ Cao Lỗ, tướng của An Dương Vương tương truyền được thần Kim Quy cho cái móng làm lẫy nỏ, đã chế ra một thứ nỏ có phép lạ bắn một phát chết hàng trăm tên giặc, người đời sau gọi là "Linh quang Kim Quy thần nỏ" cho nên ở đình làng Tây Hồ (Quảng An) cũng có thờ vọng.

65. ĐỀN XÓM THỌ

Từ khi lập nên nước Âu Lạc, xong hiệu là An Dương Vương,

Thục Phán luôn luôn phải lo chống gặc phương Bắc xâm lược và đe dọa.

Vào thời đó, ở vùng ngã ba Bạch Hạc, có một gia đình nông dân nghèo sinh được ba người con trai, đặt tên là Long, Đình và Văn. Ba anh em lớn lên đều là những chàng trai khoẻ mạnh, ham tập võ nghệ, đức hạnh hơn người. Thấy cảnh ngoại xâm dòm ngó, ba ông đã tụ tập trai tráng trong vùng sắm sửa khí giới, cùng nhau chống lại kẻ thù.

Sau nhiều lần mang quân ra đánh nhau với giặc, quân của ba ông đã lập được công to. Về sau, thế giặc càng ngày càng mạnh, ba ông cho quân lui về vùng Lô Hạ (thuộc địa phận thành phố Việt Trì) tiếp tục luyện tập và chiến đấu. Một hôm cả ba ông ra gần cây Đa Bò rất to ở đầu làng rồi hóa kiếp ở đó.

Nhân dân quanh vùng tưởng nhớ công lao của ba ông, đã cùng nhau dựng cạnh cây Đa Bò một ngôi đền để hằng năm thờ cúng. Đền đó thuộc địa phận xóm Thọ, thôn Hương, xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì ngày nay.

Tương truyền, hằng năm, cứ vào rằm tháng Chạp nhân dân trong vùng lại rước kiệu về đền làm lễ thờ cúng ba người anh hùng. Cây Đa Bò ngày nay vẫn còn, cành lá sum suê, che rợp cả một khu có mái đền rêu phong cổ kính.

66. ÔNG NÔI

Ở thôn Hương Canh, xã Tam Canh (nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh anh Phúc) có một gia đình nghèo, chuyên sinh sống bằng nghề nặn nổi niêu. Hai ông bà già hiếm hoi sinh được một mụn con trai, đặt tên là Nôi.

Nôi càng lớn càng thông minh, lại giỏi võ, giỏi vật nhất vùng. Thuở ấy, nước Âu Lạc có nguy cơ bị giặc phương Bắc đe dọa và xâm lược. An Dương Vương mở kỳ thi võ để chọn người tài giỏi chống giặc. Dân làng bèn cử đô Nôi và cấp tiền gạo cho anh về kinh thi võ, thi vật. Sau mấy ngày trở tài, đua sức Nôi

đã giết giải. Tin vui bay về làm nức lòng dân làng. An Dương Vương thấy Nổi có tài, lại được mọi người quý mến liền cử làm tướng cai quản quân sĩ trong triều đình Âu Lạc.

Gần kinh đô Cổ Loa có làng Chiêm Trạch, trong làng có cô gái mồ côi, ở với cậu. Ông Nổi đến hỏi lấy cô làm vợ, sinh được hai trai, đặt tên là Đống và Vực. Lớn lên, hai anh em Đống và Vực theo cha học đường cung kiếm, định một lòng phò tá vua Thục vì nước vì dân.

Triệu Đà phát quân xâm lược Âu Lạc. Ba bố con ông Nổi chiêu mộ thêm dân Chiêm Trạch làm binh, được nhà vua cấp cho lương thảo một lần được nhiều phát, đã nhiều lần làm cho quân Triệu thất điên bát đảo.

Triệu Đà biết rằng khó lòng đánh được vua Thục, bèn dùng kế hiểm cho sứ sang cầu hòa và cho con là Trọng Thủy sang cầu hôn với công chúa My Châu.

Vua Thục cho họp các tướng lĩnh để bàn kế hòa hoãn. Ba cha con ông Nổi vào triều can ngăn. Vua Thục không nghe. Ông Nổi cùng hai con xin từ chức, bỏ về làng Chiêm Trạch làm ruộng. Ít lâu sau, Triệu Đà lại phát quân sang xâm lược. Lần này vua An Dương Vương bị thua. Sau khi chém con gái, vua lao ngựa xuống biển tự tử.

Quân Triệu chiếm được Loa thành. Triệu Đà sai người đến Chiêm Trạch dụ ba cha con ông Nổi ra làm quan, hứa phong chức tước. Ba cha con ông Nổi đều chống lại ý giặc.

Thấy dụ dỗ và mua chuộc không được. Triệu Đà cầm quân bao vây Chiêm Trạch. Vì thế yếu, hai vợ chồng ông Nổi cùng các con phá vòng vây chạy về Hương Canh quê cũ. Giặc đuổi theo vây Hương Canh. Hai vợ chồng ông Nổi phải giả trang làm người bán nôi, đội nôi, gánh viên đất trốn ra định quay trở về Chiêm Trạch. Nhưng chẳng may, giặc Triệu phát giác được và cho quân đuổi theo. Vợ chồng ông chạy về tới Chiêm Trạch thì đã nửa đêm. Cổng làng đóng chặt. Dân làng nghe tiếng gọi chạy ra, thấy hai người gánh nôi lại ngỡ là quân giặc giả trang đánh

úp, không dám mở cổng làng. Giặc đuổi tới gần, hai vợ chồng ông quyết không để mình sa vào tay giặc nên đã rút dao tự vẫn.

Hai hôm sau, ông Đống và ông Vực cũng trốn về Chiêm Trạch. Thấy bố mẹ đã chết, cũng tự tử theo. Cả bốn người được dân làng chôn cất ở khu gò ngoài rìa làng, sát chân đê sông Đường. Về sau, mọi người gọi đấy là "gò Thánh Hóa".

Nhân dân hai thôn Ngọc Chi và Văn Thanh (nay thuộc xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội) đã lập đền thờ cúng và trên Hương Canh nhân dân cũng lập đền thờ cúng ba bố con ông.

67. ÔNG NỎ

Ông Nỏ, tục gọi là đô Lỗ (đô Nỏ), quê ở mạn Lục Đầu (Vũ Ninh xưa). nay thuộc địa phận xã Cao Đức, huyện Gia Lương, Bắc Giang. Cao Lỗ cùng em là Cao Tứ được An Dương Vương hết sức tin dùng. Được một thời gian ở kinh đô Văn Lang cũ, một hôm. Cao Lỗ khuyên vua dời đô xuống đồng bằng. giúp vua tìm đất dựng đô, xây thành Cổ Loa.

Sau đó, Cao Lỗ sáng chế ra một loại nỏ, bắn một lần được nhiều phát tên có mũi bịt đồng, vừa đi xa, vừa trúng đích. Thế là, liền sau đó hàng vạn quân sĩ Âu Lạc, dưới quyền chỉ huy của tướng quân Cao Lỗ ngày đêm tập bắn nỏ. An Dương Vương cùng các cận thần đứng trên Ngự Xạ đài xem tướng sĩ luyện tập, rất lấy làm mãn ý. Vua cử Cao Lỗ làm tướng trấn giữ cửa bắc, vị trí xung yếu bậc nhất của Loa thành.

Năm sau, Triệu Đà mang quân sang xâm lược, quân của ông Nỏ bắn tên như mưa. giặc chết đầy đồng, Triệu Đà sợ quá đành lui binh. Đà xảo quyết sai con trai sang làm con tin ở triều đình Âu Lạc, lại xin cưới My Châu cho con ở rể bên Âu Lạc.

Rất nhiều người yêu nước trong triều đình Âu Lạc can ngăn An Dương Vương, trong số đó có tướng quân Cao Lỗ. Ông nói với nhà vua: "Giặc Triệu luôn luôn muốn cướp nước ta, nay có mượn cớ cầu hòa, cầu hôn là để thực hiện âm mưu nham hiểm đó?"

Nhưng vua vẫn không nghe lời nói phải. Nhiều người từ già kinh đô về thôn quê ở ẩn, trong đó có ba cha con ông Nôi. Cao Lỗ vẫn cố ở lại để nói cho vua hiểu ra. Rồi An Dương Vương càng ngày càng đối xử tệ bạc với Cao Lỗ. Cuối cùng, ông phải rời bỏ triều đình. Trước khi ra đi, ông có gửi lại cho vua mấy lời tâm huyết, trong đó, ông nhắc nhở vua nếu giữ được nỏ thần thì giữ được thiên hạ, mất nỏ thần thì sẽ mất thiên hạ vậy!

An Dương Vương càng ngày càng lơ là việc nước, trễ mải việc quân. Trọng Thủy sau gần ba năm sống bên đất Âu Lạc, đã mua chuộc được nhiều lạc tướng, nắm hết mọi điều và cuối cùng, Trọng Thủy đã lấy cắp được lẫy nỏ rồi trốn về nước báo cho vua cha.

Triều Đà lại cất đại quân sang xâm lược Âu Lạc. Lần này, vua An Dương thua to, bỏ thành, nhằm phía biển Đông mà chạy. Nghe tin giặc tới, nhiều tướng tá tài giỏi đã lui về lại vội vàng trở ra cứu nước. Cao Lỗ cùng mấy người tâm phúc mau chóng trở lại kinh thành xông pha trận tiền, cản đường cho vua chạy. Cuối cùng, lực tàn, thân yếu, tướng quân Cao Lỗ đã chết. Nghe tin ông mất, nhân dân vùng kinh thành Cổ Loa và nhiều nơi khác đã lập đền thờ ông.

Còn Cao Tứ, khi nghe tin giặc tới cũng mang quân ra chặn địch ở sông Tô. Nhưng cuối cùng, quân yếu, tất cả đều tan tác. Không để mình rơi vào tay giặc, Cao Tứ đã gieo mình xuống dòng Tô Lịch. Ông cũng được dân làng Hà Nội cổ lập đền thờ cúng ở đền Hương Nghĩa và đình Ngũ Đằng.

Tại đình Ngũ Đằng còn treo câu đối:

"Tô chữ nộ ba đào, nhất phiến tinh trung truyền Thục sử

Loa thành huyền nhật nguyệt, cứu trùng hoa cổn tại đình triều".

Nghĩa là:

Bên Tô cuộn cuộn sóng căm hờn, tắc dạ trung thành truyền sử Thục

Thành ốc treo cao vầng nhật nguyệt, áo hoa phong tặng tự triều đình.

68. NÀNG Ắ LONG VÀ CHÀNG VƯƠNG LẠP

Ngày xưa, thuở vua Hùng Duệ Vương dựng nước có một tướng tài tên là Vương Lạp (người ta còn gọi chàng là Vương Tôn). Theo lệnh vua, Vương Lạp xuống phía Nam trừ giặc dữ và yêu quái trừ diệt đến đâu. Vương Lạp cầm gươm đánh dấu đến đấy. Tuy vậy, yêu quái và giặc dữ vẫn còn sót lại vì chúng lần lút trốn tránh rất tài.

Truyền rằng, khi Vương Lạp qua vùng Mã Thuôn¹ núi đất Thanh Liêm này thì trong vùng có một con yêu rắn rất lớn. Vương Lạp quyết trừ diệt cho bằng được. Trận giao chiến với yêu rắn thật dai dẳng và khó khăn. Vì rằng, yêu rắn rất quỷ quyệt, cứ khi nào yếu thế thì nó trốn vào hang mất. Lần cuối cùng, chàng quyết định đuổi rắn đến tận hang. Không ngờ vào hang rắn, chàng lâm vào thế tuyệt vọng. Trong hang tối tăm, chàng không thể nhìn rõ yêu rắn. Ngược lại, yêu rắn lại có mắt ngọc nên nhìn rõ được chàng. Thế là yêu rắn cất cổ lao tới quần chặt lấy người Vương Lạp, và nó lên tiếng:

- Thân rắn là ta, lưng danh nức tiếng, vốn chưa chịu kẻ nào trong trời đất này. Nay nhà ngươi đại đột, dám động tới ta, vậy hãy cất tiếng lạy ta trước khi ta cho ngươi được chết...

Vương Lạp cầm uất thét lên một tiếng rung chuyển cả núi rừng. Tiếng thét ấy được một cô gái kiếm củi tên là Ắ Long nghe thấy. Ắ Long sinh ra vốn đã có tài võ nghệ, đao cung. Nàng rút kiếm lao vào hang sâu. Con yêu rắn đang say mê nên không hề biết gì cả. Ắ Long vung kiếm chém đứt đầu nó. Chàng Vương Lạp được cứu thoát. Hai người giao ước sẽ thành vợ thành chồng. Rồi Vương Lạp lại xách kiếm tiếp tục đi xuống phía Nam và hẹn sẽ cưới nàng khi trở về.

Ngày ấy, đất Mã Thảo cỏ lác, lau sậy mọc um tùm thành một vùng cồn đồng nhấp nhô, hoang dại. Dân cư thì thưa thớt,

1. Mã Thảo nay thuộc địa phận xã Liêm Sơn.

ít ỏi. Cho đến một năm, nhờ thuận trời, không có bão lụt, đất nhiều nơi đã trồng được cây quả và lúa. Ở cánh đồng phía đông làng Đùng¹ nằm phoir ra một cái vỏ ốc lớn đến kỳ lạ. Đêm trăng, vỏ ốc ánh lên như một khối bạc lớn. Miếng ốc to bằng cái nong. Nhìn xa thấy có vỏ nổi lên như một khối đá trắng. Ai cũng ưa thích cái vỏ ốc lạ lùng ấy. Dân trong vùng thì coi đó như một báu vật, thường đến xem và ca hát xung quanh. Cánh đồng ấy từ bấy có tên là cánh đồng ốc Cá.

Nhưng từ đó trở đi, dân trong vùng bỗng lao đao điêu đứng. Đêm đêm có một con quái vật không biết từ đâu đến, nó bắt lợn, gà và công cả người đi ăn thịt. Tai họa kéo dài như thế mãi.

Nàng Á Long quyết tìm giết quái vật. Nàng tìm hàng năm hàng tháng cũng không thấy quái vật ở đâu. Tiếng kêu, tiếng khóc mỗi ngày một thêm nhiều, thêm ảo não. Một đêm, vào lúc canh ba, Á Long đi tìm quái vật mãi không thấy, trở ra cánh đồng, buồn bã ngồi trên vỏ ốc ngắm trăng, hứng gió. Nàng vừa thiu thiu ngủ thì vỏ ốc động dậy. Nàng choàng tỉnh hẳn, nghe rõ có tiếng thở và tiếng gầm gừ trong vỏ ốc. Nàng quyết rình xem sao. Chốc lát thấy vỏ ốc nghiêng đi, một con quái vật có hình thù rất kỳ dị, chân tay tua tủa, đầu tóc lông lá rũ rượi chui từ vỏ ốc ra, nó đi vào vùng dân cư làng xóm. Từ phút đó, lập tức có tiếng chó cắn, gà kêu, tiếng người gào thét kinh hoàng nổi dậy. Đúng là nó đang đi kiếm mồi. Nàng mừng thầm vì đã tìm được hang ổ con quái vật làm hại dân tình.

Từ hôm đó Á Long bàn với dân trong vùng tìm cách trừ diệt yêu quái. Dân làng ai cũng nức lòng, người ta kéo nhau cầm búa, cầm vỡ, cầm gậy theo nàng. Đến nơi ai nấy ủa vào quây quanh cái vỏ ốc mà đập. Bỗng nhiên cái vỏ ốc cựa quậy, rồi ào ào lăn đi, lăn lại, làm chết nhiều người. Chỉ riêng có Á Long tài cao nên sống sót. Nàng càng quyết tâm trừ diệt bằng được con yêu quái.

1. Làng Đùng nay thuộc xã Liêm Sơn.

Ngày hôm sau, nàng cầm gươm xông vào vỏ ốc. Nhưng lần này, nàng vừa xông lọt vào trong, nhìn lại phía sau thì cánh cửa đá đã sập lại rồi. Mặc dầu vậy, nàng vẫn tiếp tục vào tận cùng vỏ ốc. Nàng vừa vào đến nơi thì con quái vật bất thần ôm chầm lấy, khiến nàng không tài nào cựa quậy được. Nó giằng lấy gươm và bẻ gãy tan tành.

Nó nói với nàng:

- Ta là thần dưới nước đây. Lưỡi gươm của Vương Lạp để sót ta lại. Cái giang sơn của ta, các người làm cạn kiệt hết nước, trừ diệt hết bầu bạn ta. Nay ta phải bắt nàng ở đây để hầu hạ ta sớm tối.

Nàng Á Long bị quái vật cầm tù từ đó. Đêm ngày nàng đau xót khóc lóc rất thảm thiết.

Lại nói chuyện chàng Vương Lạp đi mở đất và trừ diệt yêu quái, khi trở về Giao Châu. Chàng lại qua vùng Mã Thảo để đón nàng Á Long. Chàng lạ lùng vì thấy vùng này không còn một bóng người. Sản vật quý, hoa quả nhiều mà không có người ăn. Chàng tìm mãi chẳng thấy Á Long đâu. Cảnh núi non, trăng nước vắng lặng làm chàng ngao ngán buồn rầu. Thấy một cái vỏ ốc đẹp, lớn lạ lùng thì chàng cho quân hạ trại và đêm ấy chàng nằm ngay trên vỏ ốc ngủ. Không ngờ nửa đêm chàng nghe tiếng khóc vọng ra từ trong vỏ ốc. Tiếng khóc ấy kể mọi nỗi niềm, chàng mới hay đó là Á Long đang bị yêu quái giam giữ. Chàng cùng ba quân xông vào đập cho vỡ vỏ ốc, nào ngờ vỏ ốc lỏng lên, lăn đi lăn lại, giết trụi hết đoàn quân của chàng, chỉ còn chàng sống sót. Thế là từ đấy đêm ngày chàng kiên cường đập phá vỏ ốc, quần nhau với yêu quái. Không biết đã bao nhiêu năm tháng, mồ hôi Vương Lạp đã đọng vũng quanh vỏ ốc, chàng vẫn không ngừng không nghỉ. Cho đến một hôm, cái vỏ ốc không chịu nổi sức mạnh công phá của chàng Vương Lạp, nó bị vỡ toang. Con yêu quái mất chỗ trú thân rơi trước lưỡi gươm của Vương Lạp. Nó bị chàng chém chết. Á Long và Vương Lạp gặp lại nhau thì cả hai người đều đã bạc trắng. Vì vậy, sau này trai gái tỏ tình thường lấy tích ấy để nói với nhau:

*Gặp nhau thì nói với nhau
Nửa lời cũng hẹn, kéo đau lòng nàng,
Nửa mai xa cách nhớ nhàng
Trăm năm đầu bạc như chàng Vương Tôn.*

69. NGƯỜI CON GÁI NÚI TAM ĐẢO

Trên núi Tam Đảo có một người con gái ít tuổi, khoẻ mạnh, che thân bằng vỏ cây, làm lều ở trên cây, đi lại chuyển nhảy nhanh như sóc, nhẹ như vượn, nhặt đá ném thú rừng và chim muông mà sống.

Giặc Ân sang cướp nước ta. Thế giặc rất mạnh. Vua Hùng cho sứ đi các trang, động trong nước cầu người ra dẹp giặc. Người con gái theo sứ xuống núi, về châu vua, xin được đi đánh giặc. Ra trận, chỉ lấy đá mà ném giết được nhiều giặc, đánh với giặc nhiều trận ở ngay trước cửa ngõ thành Phong Châu, hữu ngạn ngã ba Bạch Hạc¹.

Tan giặc, người con gái lại trở về núi. Vài năm sau vua Hùng thứ 6 truyền ngôi cho Lang Liêu là người con thứ 18 đã làm bánh chưng, bánh dày dâng vua ngày tết. Lang Liêu lên ngôi, nghe dân gian đồn rằng núi Tam Đảo có tiên nữ rất xinh đẹp, bèn lên núi cầu mong gặp tiên. Chờ mãi chưa thấy bóng tiên, vua đã nản lòng hạ lệnh cho quan quân sớm hôm sau phò giá về triều. Đêm đó, vua thấy người thân báo mộng sáng mai, nhà vua sẽ gặp tiên và sẽ lấy tiên làm vợ.

Lang Liêu tỉnh giấc. Trăng sao sáng ngời. Vua vẫn truyền thắp đèn, đốt đuốc, chờ đón, và cho quan quân lui xuống chân núi để khỏi kinh động. Lang Liêu thức tới sáng bốn chồn chờ đợi. Mãi tới khi mặt trời đứng bóng, chợt thấy một người con gái từ xa đi tới, mình mặc vỏ cây, vai khoác một con thú rừng máu còn chảy đỏ tươi.

1. Nay là địa phận huyện Vĩnh Lạc.

Người con gái đặt con thú xuống bên chân vua và chúc mừng nhà vua. Vua nhìn thấy người con gái ấy đúng là cô gái nhỏ tuổi trước kia đã cùng mình theo cha đánh giặc Ân. Nay nàng đứng trước mặt vua, mắt sáng long lanh, gương mặt tươi tắn đỏ hồng, vóc dáng xinh đẹp, khỏe mạnh, vua rất vui, đón về kinh đô làm lễ cưới.

70. HÙNG VƯƠNG ĐÁNH THỤC

Sau lần bị quân Sơn Tinh đánh cho tan tác, phải rút về, lần này, Thục Phán lại mang 50 vạn quân cùng nhiều thuyền bè, xe, ngựa chia làm 5 đạo rầm rộ tiến vào đánh phá Phong Châu, kinh đô của vua Hùng. Hùng Vương tuổi tác đã cao, vô cùng lo lắng, lại cho triệu các lạc hầu, lạc tướng vào triều cùng bàn việc giữ nước. Mọi người còn đang suy tính thì Sơn Tinh đã kính cẩn lạy vua và tâu rằng: "Quân Thục phen này lại cuồng dại dấn thân vào chỗ chết. Bị thua lần trước, chúng vẫn chưa chừa. Vì giang sơn xã tắc họ Hùng, lần này thần lại nguyện đảm đương việc lớn, cầm quân ra đi diệt bạo trừ tà, bệ hạ không lo gì hết".

Hùng Duệ Vương nghe xong, cả mừng, bèn giao cho Sơn Tinh quyền thống lĩnh 30 vạn tinh binh cùng hàng nghìn ngựa chiến và thuyền chiến lên đường quyết chiến. Sơn Tinh lĩnh mệnh, bái tạ ra về tụ họp ba quân và ra quyền cất cử: lại nghiệp dưng mãnh nguyên súy tổng đốc Đại vương mang ba vạn quân chặn đánh toán quân Thục từ Mai Châu tiến vào; phụ quốc Ma Vương đại thần anh linh hào kiệt Đại tướng quân cùng với Thế Linh và Thạch Khanh tướng quân đem 3 vạn quân và 200 chiến thuyền đi chặn đánh trên đường thủy, từ Hoan châu và Ái châu đánh ra; Đại thần Tần cô hổ ma vương dưng mãnh anh linh đô thượng Đại tướng quân mang 3 vạn quân đi ứng chiến phía sau. Còn Sơn Tinh tự mình đốc xuất toàn bộ số quân còn lại theo đường núi tiến thẳng đến đánh phá trại quân Thục một trận rất quyết liệt. Quân Thục bị đánh bất ngờ nên thua to. Thục Phán bỏ chạy, Sơn Tinh cho quân thu nhận tất cả khí giới và đồ lương

chiếm được rồi tự tay mạo thư của Thục Phán, cử người mang sang gửi cho đồn quân Thục. Bức thư nói rằng: Văn Lang là nước hùng mạnh, có nhiều tướng tài giỏi, lại có Tản Viên có nhiều thuật lạ cầm quân, các tướng không nên đánh vội mà phải cố thủ trong trại.

Nhận được thư của chủ, các trại Thục ngày đêm cố thủ, không dám tiến quân. Lợi thế, Sơn Tinh cùng với các tướng giỏi là Bạch Thạch, Trần Giới, Trần Hà... ngày đêm thúc quân tiến thẳng đến kinh đô của Thục Phán, rồi chia quân đánh úp. Quân Thục bị bất ngờ, cả sợ, chạy tan tác dưới làn tên đồng và mưa đá. Quân Sơn Tinh giết được nhiều giặc và vũ khí thu được nhiều vô kể. Thục Phán thấy thế mình bị suy yếu, khó chống đỡ nổi, đành phải cầu hòa để hàng năm chịu bễ tiến cống.

Sơn Tinh thắng trận liền hạ lệnh thu quân về nước. Vua Hùng thân chinh ra ngoài kinh đô nghênh đón và truyền lệnh gióng trống đồng mở hội khao quân và vui mừng thắng trận.

71. CẬU CHÁU HÀN MINH

Cuối đời Hùng Vương thứ 17 (Hùng Nghi Vương), ở làng Long Đỗ gần Hồ Tây (Hà Nội), có một bà mẹ hiền lành, sinh được hai người con, một gái một trai. Người con gái tên là Hằng nương rất xinh đẹp và có tài khâu vá. Lớn lên, cô trở thành người có tài sắc nổi tiếng một vùng. Hùng Nghi Vương qua vùng này, nghe tiếng liền cho gọi cô đến hỏi han đôi điều và sai đón về Phong Châu làm cung phi thứ tám của mình. Hằng nương sau này sinh được một con trai tên là Động Đình Vương khôi ngô tuấn tú và khỏe mạnh. Động Đình Vương lớn lên có tài thủy chiến, nên có tước phong như vậy, được vua Hùng cho giữ chức Thủy đạo Đô thống Lạc tướng quân, thường được giao cho trấn giữ phía hạ lưu sông Hồng.

Hàn Minh là em ruột của Hằng nương cũng là một chàng trai khỏe mạnh, có tài. Đến đời Hùng Duệ Vương Hàn Minh

được cử làm một tướng tin cậy và cốt cán của nhà vua. Đã nhiều lần Hàn Minh cùng với cháu mình là Động Đình Vương đem quân xuôi sông Cái (sông Hồng) đến vùng ven Hồ Tây, giúp nhân dân chống loài thủy quái hàng năm dâng nước lên cướp phá và cũng có lần theo quân lên vùng núi Ba Vì giúp Nguyễn Tuấn (tức Thánh Tản) đánh Thủy Tinh.

Cuối đời Hùng Duệ Vương, Thục Phán từ phương bắc mang quân xuống đánh chiếm Văn Lang. Cậu cháu Hàn Minh đã mang quân phối hợp với Sơn Tinh chống giặc. Hàn Minh thường được điều đi trấn giữ mạn Dương Tuyền (thuộc địa phận Hải Hưng và một phần Hải Phòng bây giờ). Có nhiều lần, Hàn Minh và Động Đình Vương được vua Hùng khen ngợi và ban thưởng. Sau đợt chống Thục thắng lợi, Hàn Minh mang quân về bảo vệ Phong Châu, trấn giữ ở vùng Ngã Ba Hạc (thuộc Việt Trì bây giờ) và mất ở đó. Nhân dân ở đây đã lập đền thờ ông, về sau gọi là đền Thủy thần. Còn Động Đình Vương, sau khi chống Thục, mang quân về đóng ven sông Hồng chỗ gần Hồ Tây bây giờ. Ông mất, người dân vùng bến Lâm Ấp, thuộc Nghi Tàm (cạnh Hồ Tây) có lập đền thờ và dựng một điện riêng kê vào đó để thờ vọng Hàn Minh.

72. ĐẠI HẢI ĐÁNH THỤC

Trang La Phù¹ vào thời vua Hùng thứ 18 có vị quan chủ bộ tên là Đặng Hồng, lấy ba vợ. Người vợ thứ ba là Ngọc Dung quê ở Vịnh Hương². Một hôm bà ra tắm ở giếng Giá, có thuồng luồng ở giếng lên phủ khắp người. Sau đó bà có thai sinh ra một cái bọc, nở ra một con vật đầu rồng mình rắn. Đặng Hồng đặt tên cho là Đại Hải. Lớn lên, bố mất, Đại Hải vẫn ở luôn Vịnh Hương

1. Nay là xã La Phù, huyện Tam Thanh, Phú Thọ.

2. Vịnh Hương: Cao Mại; Do Nghĩa: xã Sơn Vi; giếng Giá thuộc thôn Do Nghĩa, xã Sơn Vi, huyện Phong Châu.

nuôi mẹ, mỗi tháng vào chầu vua Hùng một lần và chầu vua Thủy Tề một lần. Vua Hùng thọ 105 tuổi, để con nào chết con ấy, chỉ còn lại hai người con gái tên là Tiên Dung và Ngọc Hoa. Bộ chúa Ai Lao là Thục Phán xin cưới Ngọc Hoa không được lấy làm hổ thẹn, mới nổi quân đánh Hùng Vương.

Vua Hùng cho mời Tản Viên Sơn Thánh vào chầu, lại mời cả Đại Hải cho dự bàn mưu kế chống Thục. Vua giao cho Tản Viên cầm quân.

Quân Thục dàn quân ở núi Quỳnh Nhai, Sơn Thánh đóng quân ở núi Thanh Minh, Châu Mộc. Đại Hải tới, trại quân Thục đánh trống reo hò dữ cho quân Thục vào chỗ phục binh. Tên nô hai bên bắn ra như mưa, quân Thục chết hại rất nhiều. Quân Thục đánh không được, lui binh.

Hai năm sau, quân Thục lại đem quân đánh Hùng Vương, Đại Hải lại theo Sơn Thánh, đem 150 người ở Vịnh Hương làm quân sĩ. Đại Hải đánh giặc nhiều trận, lập được nhiều công lớn. Giặc phải bỏ chạy. Vua Hùng luận công khen thưởng cho Đại Hải làm quan trong triều. Đại Hải không nhận, xin được về nhà nuôi mẹ.

73. BẢO CÔNG

Bảo công¹ là người vùng núi Sài², lấy vợ ở Ma Khê³, Về quê vợ ở Bảo công thấy Hùng Duệ Vương suy yếu không có con trai nối nghiệp nên có ý chống lại, mới chiêu mộ binh mã, tích trữ lương thực chờ cơ thì khởi sự. Một đêm kia mộng thấy có sứ giả nhà trời xuống trách rằng: "Trời cho người giáng sinh là để phù hộ họ Hùng, chứ không phải để manh tâm diệt họ Hùng, cướp

1. Bảo là tên, công là tiếng gọi tên kính cũng như Nguyễn Hiền gọi là Hiền công, Nguyễn Sùng gọi là Sùng công.

2. Sài Sơn thuộc huyện Quốc Oai, Hà Tây.

3. Tên huyện nay là một phần huyện Sông Thao, Phú Thọ.

ngôi". Tỉnh dậy, Bảo công run sợ rồi giải tán quân sĩ, cùng với gia thân là Ma Xuân vào chầu vua Hùng.

Thục Vương đem quân đánh vua Hùng. Hùng Vương giao quyền cầm quân cho Sơn Thánh Tản Viên cùng hai em là Hiến công và Sùng công đem quân đánh Thục, cho Bảo công theo làm tướng. Bảo công về Ma Khê mộ dân làng được 300 người cùng theo Sơn Thánh đánh Thục tận Lạng Châu.

Đánh Thục thua to. Hết giặc, Bảo công trở lại Ma Khê cùng dân làm ăn. Sau cùng Duệ Vương nghe lời Tản Viên nhường nước cho Thục Vương. Bảo công không theo, họp dân làng lại cùng ăn uống vui vẻ, treo cờ mở hội luôn mấy ngày rồi cả hai vợ chồng đều bỏ mũ áo vua ban lại, không biết đi đâu mất!

74. TRUYỆN CƯỜNG BẠO ĐẠI VƯƠNG

Tương truyền, ở xã Bối Tuyên (sau đổi là Bối La), huyện Thiên Bản, rồi lại đổi là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, có chàng trai con nhà nông, từ thuở nhỏ đã ham thích công việc cấy cày. Chàng trai có sức vóc to lớn, tuy nhà nghèo nhưng bản tính hào hiệp có chí lớn, người trong làng thường gọi là Cường Bạo. Miền quê của Cường Bạo luôn luôn hạn hán, lụt lội tiếp diễn, mùa màng thường bị Lôi thần (thần Sấm sét) đến cướp đi. Cường Bạo ngày đêm muốn trừng trị cho thần Sấm sét biết tay, nhưng chưa có cách gì. Một hôm mưa to gió lớn, thần Sấm sắp vác lưỡi Tầm sét đến tàn phá bản thôn. Cường Bạo chợt nảy ra một kế, bảo dân làng chặt lá chuối rải khắp các mái nhà. Thần Sấm đến làng Bối vung lưỡi Tầm sét giáng xuống, nhưng lưỡi búa sượt tau lá trơn đều trượt hết, không trúng đích. Lôi thần tức giận, xuống sát tận lũy tre để xem xét, rồi dồn hết uy lực giáng lưỡi búa cuối cùng xuống nóc nhà Cường Bạo. Lưỡi búa vung mạnh quá kéo văng cả Lôi thần ngã lộn xuống trước sân. Cường Bạo nấp sẵn trong nhà bèn nhảy ra hô hoán dân làng đuổi bắt, đánh cho Lôi thần một trận thừa sống

thiếu chết. Từ đó Lôi thần không dám bén mảng đến tàn phá làng Bôi nữa. Dân làng kính phục, tôn gọi Cường Bạo là Đại vương. Sau khi Cường Bạo mất, dân lập đền thờ. Xuân thu nhị kỳ đèn hương tế cáo.

75. SỰ TÍCH CHIÊM THÀNH CỦA ẢI ĐẠI VƯƠNG

Vũ Trụ năm thứ ba, đời Duệ Vương triều Hùng.

Tương truyền, ngày xưa ở huyện Lôi Dương, thuộc châu Ái, có một người tên là Nguyên Minh, cha mẹ mất sớm, từ nhỏ đã cô đơn nghèo khổ. Đến năm 18 tuổi, mình cao 7 thước, khí phách hiên ngang, tính tình hào hiệp, hào kiệt trong vùng đều đến giao du với ông. Trong thôn có một phú ông sinh được một người con gái đẹp lộng lẫy, nhan sắc chìm sa cá lặn, muốn gọi ông đến làm rể, nhưng ông một mực từ chối. Phú ông bực dọc tìm cách gieo tiếng xấu cho ông để ép buộc ông, ông tức giận bỏ xóm làng đi chu du đây đó.

Khi đến một ngôi quán bên đường thuộc xã Mản Xuyên, tổng Đông Kết, huyện Đông An thì trời vừa tối, ông bèn nghỉ chân ở đó. Đêm ấy dân trong thôn bị dịch tả, thương hàn hoành hành. Các cụ già trong thôn mộng thấy Kim thần báo rằng:

- Ngoài quán có một đại nhân đang nghỉ, hãy đến đón ông ta về giúp.

Hôm sau trời vừa sáng, các cụ dắt nhau ra xem, quả nhiên thấy ông nằm ngủ ở đấy, đang ngáy như sấm, bèn cùng vái lạy cầu xin. Ông chợt tỉnh giấc hét lên một tiếng như sấm nổ giữa trời, bệnh tật của mọi người trong thôn tự nhiên đều khỏi. Các cụ già bèn rước ông về phụng dưỡng. Ông dạy dân làng biết lễ nghĩa, cấy cày, đọc sách, trở thành có thuần phong mỹ tục, thật đáng ca ngợi.

Bấy giờ giặc Chiêm Thành vào quấy nhiễu nước ta, triều đình sai sứ đi cầu người hiền tài đánh giặc.

Ông được tin liền đi ứng tuyển. Sứ giả đưa ông về triều, vào lúc thi Đình đối, nhà vua chấm ông đỗ đầu khoa. Vua có nhiều con gái, cô đầu gả cho ông Tản Viên, cô thứ hai là công chúa Tiên Dung gả cho Chủ Đồng Tử, còn có thứ ba là công chúa Ngọc Nương thì gả cho ông. Rồi vua sai ông cùng Tản Viên mang quân đi đánh giặc Chiêm.

Khi dẹp giặc xong, ông được vua phong làm "Trấn Chiêm Thành Cửa ải Đại tướng quân". Mùa xuân năm đó ông về quê, đóng quân ở xứ Tam Hoa, mở tiệc mừng 3 ngày, rồi đi nhậm chức. Sau vì tuổi già, ông xin về quê. Tháng tư, phu nhân công chúa đến sông nhỏ tắm gội, xuống nước rồi không thấy lên. Ông đau buồn khôn xiết, lập đàn chay cúng tế suốt 7 ngày đêm. Đến ngày thứ 7 thì công chúa đứng trên mặt nước bảo ông rằng:

- Thiếp là Tiên chúa Thủy cung, kết duyên cùng chàng có kì hạn, vậy chớ nên thương cảm!

Nói xong bỗng biến mất. Đến tháng 6, ông lại đến chỗ suối nọ tắm gội, có một dải cầu vồng hiện ra rồi không thấy ông đâu nữa, duy còn chiếc đai ngọc và cái mũ vàng để lại trên bờ. Triều đình nghe tin, lệnh cho xây miếu thờ, sắc phong ông làm "Chiêm Thành Cửa ải Đại vương", cho dân thờ cúng thật nghiêm trang.

Về sau khi quan Trung úy nhà Lê đem quân đi đánh nhà Mạc, qua trước miếu thấy một con rắn nằm giữa đường, Tiền quân không dám tiến. Quan Trung úy biết đây là linh từ, bèn thân hành vào bái yết. Tiếp đó đem quân đi đánh giặc, đánh đâu thắng đấy, lập nhiều công to. Sau khi dẹp yên giặc, Trung úy về tâu với triều đình gia phong Nguyễn Minh làm "Thượng đẳng Phúc thần", miếu mạo vào dịp này cũng được trùng tu. Không chỉ sửa sang, tô vẽ lại miếu mạo để biểu dương và tôn sùng, mà còn muốn ngàn năm hương khói, xuân thu tế tự, để ông được hưởng cúng quanh năm.

76. NÓI VỀ SỰ TÍCH NGHỀ RÈN ĐỒ SẮT Ở NƯỚC AN NAM

Xưa ở làng Nga Hoàng, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh có một người tên là Lư Cao Sơn mạnh bạo, giỏi lắm. Bấy giờ nước Thục sang ăn cướp nước An Nam, ông ấy thấy có nhiều khí giới với nhiều đồ bằng sắt. Muốn xem nó làm những đồ ấy thế nào. Khi quân nó về, theo sang ở đấy bảy năm học được cả những phép nghề rèn đồ sắt. Mới về dạy cho dân học làm được nghề ấy. Sau ông ấy mất, thời nghề thợ rèn thờ làm tổ sư. ấy những nghề rèn đồ sắt có từ đấy

77. TRUYỆN RỪA VÀNG

Vua An Dương Vương nước Âu Lạc là người Ba Thục, họ Thục tên Phán. Nhân vì tổ phụ ngày trước cầu hôn lấy My nương là con gái vua Hùng Vương, Hùng Vương không gả cho, bèn mang oán. Phán muốn hoàn thành chí người trước, cử binh đi đánh Hùng Vương, diệt nước Văn Lang, cải tên nước là Âu Lạc, rồi lên làm vua, xây thành ở đất Việt Thường¹, hễ đắp tới đâu là lở tới đấy. Vua bèn lập đàn trai giới, cầu đảo bách thần. Ngày mồng 7 tháng 3 bỗng thấy một cụ già từ phương đông đi trước cửa thành mà than rằng: "Xây dựng thành này biết bao giờ cho xong được!". Vua mừng rỡ đón vào trong điện, thi lễ, hỏi rằng: "Ta đắp thành này đã nhiều lần bằng lở, tốn nhiều công sức mà không thành, thế là cố làm sao?". Cụ già đáp: "Sẽ có sứ Thanh Giang tới cùng nhà vua xây dựng mới thành công", nói xong từ biệt ra về. Hôm sau vua ra cửa đông chờ đợi chợt thấy một con rùa vàng từ phương đông lại, nổi trên mặt nước, nói sõi

1. Việt Thường: Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, Việt Thường là dải đất từ Quảng Trị tới Quảng Nam, song đối với các sử gia thời trước thì Việt Thường còn là tên gọi nước ta thuở xưa.

tiếng người, tự xưng là sứ Thanh Giang, thông tỏ việc trời đất, âm dương, quỷ thần. Vua mừng rỡ nói: "Điều đó chính cụ già đã báo cho ta biết trước". Bèn rước vào trong thành mời ngồi trên điện, hỏi vì sao xây thành không được. Rùa vàng đáp: "Cái tinh khí ở núi này là con vua đời trước, muốn báo thù cho nước. Lại có con gà trắng sống ngàn năm, hóa thành yêu tinh ẩn ở núi Thất Diệu sơn. Trong núi có ma, đó là hồn người nhạc công triều đại trước chôn ở đây. Ở bên cạnh, có một quán trọ cho khách vắng lai, chủ quán tên là Ngô Không, có một người con gái và một con gà vốn là dư khí của quỷ tinh, phàm có khách qua đường nghỉ đêm ở quán thì quỷ tinh lại biến hóa muôn hình vạn trạng để làm hại. Người chết vì thế rất nhiều. Nay con gà trống trắng lại lấy con gái chủ quán, nếu giết được con gà trống thì trấn áp được quỷ tinh, quỷ tinh sẽ thu âm khí thành yêu, hóa ra con chim cú ngậm lá thư bay lên trên cây chiên đàn tâu cùng Thượng đế xin phá thành. Thần sẽ xin cản rơi lá thư, nhà vua tức tốc lật lẩy, thành sẽ xây được".

Rùa vàng bảo vua giả làm kẻ hành nhân nghỉ trọ ở quán, để rùa vàng ở phía trên khung cửa. Ngô Không nói: "Quán này có yêu tinh, đêm thường giết người. Hôm nay trời chưa tối, xin ngài đi mau chớ nghỉ lại". Vua cười, nói: "Sống chết có mệnh, ma quỷ làm gì được, ta không sợ". Bèn cứ nghỉ lại. Đến đêm, quỷ ở ngoài vào, thét lớn: "Kẻ nào ở đây, sao chẳng mau mở cửa?". Rùa vàng hét: "Cứ đóng cửa thì mày làm gì?". Quỷ bèn biến hóa trăm hình vạn trạng, muôn kể nghìn phương để hòng dọa nạt, sau cùng cũng chẳng vào nổi. Đến lúc gà gáy sáng, quỷ tinh tẩu tán. Rùa vàng cùng vua đuổi theo, tới núi Thất Diệu sơn, quỷ tinh thu hình biến mất. Vua bèn quay về quán. Sáng hôm sau, chủ quán sai người đến lượm xác khách trọ để chôn, thấy vua vẫn nói cười hớn hở, bèn cùng chạy tới lạy mà nói rằng: "ngài được như thế tất là thánh nhân, vậy xin ban thuốc thần để cứu sinh dân". Vua nói: "Nhà ngươi giết con gà trắng mà tế thần, quỷ tinh sẽ tan hết". Ngô Không y lời, đem gà trắng ra giết, người con gái lập tức quay ra chết. Vua bèn sai đào ở

núi Thất Diệu sơn, lấy được nhiều nhạc khí cổ và xương cốt, đốt tan thành tro đem đổ xuống dòng sông. Trời gần tối, vua và rùa vàng lên núi Việt Thường thấy quỷ tinh đã biến thành chim cú sáu chân, ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn. Rùa vàng biến thành con chuột đen theo sau, cắn vào chân cú, lá thư rơi xuống đất, vua vội nhặt lấy, lá thư đã bị nhấm rách quá nửa. Từ đó quỷ tinh bị diệt. Thành xây nửa tháng thì xong. Thành đó rộng hơn ngàn trượng, xoắn như hình trôn ốc, cho nên gọi là Loa thành, còn gọi là Tư long thành, người đời Đường gọi là Côn Lôn thành, lấy lẽ rằng nó cao lắm. Rùa vàng ở lại ba năm rồi từ biệt ra về. Vua cảm tạ nói: "Nhờ ơn của thần, thành đã xây được. Nay nếu có giặc ngoài thì lấy gì mà chống?". Rùa vàng đáp: "Vận nước suy thịnh, xã tắc an nguy đều do mệnh trời, vua có thể tu đức mà kéo dài thời vận. Song vua ước muốn, ta có tiếc chi". Bèn tháo vuốt đưa cho nhà vua mà nói: "Đem vật này làm lẫy nỏ, nhằm quân giặc mà bắn thì sẽ không lo gì nữa". Dứt lời, trở về biển Đông. Vua sai Cao Lỗ làm nỏ, lấy vuốt làm lẫy. Gọi là Linh quang Kim Quy thần cơ. Về sau Triệu vương là Đà cử binh Nam xâm, cùng vua giao chiến. Vua lấy nỏ thần ra bắn, quân Đà thua lớn, chạy về Trâu Sơn cầm cự với nhà vua, không dám đối chiến, bèn xin hòa. Vua cả mừng, hẹn rằng phía bắc sông Tiểu giang thuộc Triệu Đà cai trị, phía nam thì vua cai trị. Không bao lâu, Đà cầu hôn. Vua vô tình gả con gái là My Châu cho con trai Đà là Trọng Thủy. Trọng Thủy dỗ My Châu cho xem trộm nỏ thần rồi ngấm làm một cái lẫy nỏ khác thay vuốt rùa vàng, nói dối về phương Bắc thăm cha. Nói rằng: "Tình vợ chồng không thể lãng quên, nghĩa mẹ cha không thể rút bỏ. Ta nay trở về thăm cha, nếu như đến lúc hai nước thất hòa, bắc nam cách biệt, ta lại tìm nàng, lấy gì làm dấu?". Đáp: "Thiếp phận nữ nhi, nếu gặp cảnh biệt ly thì đau đớn khôn xiết, thiếp có áo gấm lông ngỗng thường mặc trên mình, đi đến đâu sẽ rút lông mà rắc ở ngã ba đường để làm dấu, như vậy sẽ có thể cứu được nhau". Trọng Thủy mang lẫy thần về nước. Đà được lẫy cả mừng, bèn cử binh sang đánh. Vua cậy có nỏ thần, vẫn điếm

nhiên đánh cờ, cười mà nói rằng: "Đà không sợ nỏ thần sao?" Quân Đà tiến sát, vua cầm lấy nỏ, thấy lẫy thần đã mất bèn bỏ chạy. Vua đặt My Châu ngồi đằng sau ngựa rồi cùng nhau chạy về phương Nam. Trọng Thủy nhận dấu lông ngỗng mà đuổi. Vua chạy tới bờ bể, đường cùng, không có thuyền qua bèn kêu rằng: "rời hại ta, sứ Thanh Giang ở đâu mau mau lại cứu". Rùa vàng hiện lên mặt nước, thét lớn: "Kẻ nào ngồi sau ngựa chính là giặc đó?" Vua bèn tuốt kiếm chém My Châu. My Châu khẩn rằng: "Thiếp là phận gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại lại cha, chết đi sẽ biến thành hạt bụi. Nếu một lòng trung hiếu mà bị người lừa dối thì chết đi sẽ biến thành châu ngọc để tẩy sạch mối nhục thù". My Châu chết ở bờ bể, máu chảy xuống nước, trai sò ăn phải đều biến thành hạt châu. Vua cầm sừng tê bảy tấc, rùa vàng rẽ nước dẫn vua đi xuống bể. Đời truyền rằng nơi đó là đất Dạ Sơn, tổng Ca Xá, phủ Diên Châu. Quân Đà kéo tới đấy không thấy bóng vết gì, chỉ còn lại xác My Châu. Trọng Thủy ôm xác vợ đem về táng ở Loa thành, xác biến thành ngọc thạch. My Châu đã chết, Trọng Thủy thương tiếc khôn cùng, khi đi tắm tưởng như thấy bóng dáng My Châu, bèn lao đầu xuống giếng mà chết. Người đời sau mò ngọc ở biển Đông lấy nước giếng này mà rửa thì thấy trong sáng, nhân kiêng tên My Châu cho nên gọi là ngọc minh châu là đại cữu và tiểu cữu.

78. AN DƯƠNG VƯƠNG LẬP CỘT ĐÁ THỂ

Thục An Dương Vương chủ bộ Ai Lao cũng thuộc dòng dõi vua Hùng hai lần cử binh đánh vua Hùng mong cướp ngôi báu. Cả hai lần An Dương Vương đều bị Tần Viên Sơn Thánh đánh bại. An Dương Vương cho sứ sang tâu với Hùng Vương xin được giảng hòa giao hiếu.

Hùng Duệ Vương không có con trai, mới vời Tần Viên Sơn Thánh truyền ngôi cho. Tần Viên hai ba lần từ chối. Hùng Vương cố ép. Tần Viên Sơn Thánh bèn truyền Hùng Duệ Vương gọi An

Dương Vương về mà trao ngôi báu, tránh sau này nước nhà lại bị loạn lạc, vì An Dương Vương kiên dũng lại cùng trong tông phái họ nhà.

Hùng Duệ Vương ưng thuận, cho mời An Dương Vương về làm lễ nhường ngôi.

An Dương Vương được Hùng Vương truyền ngôi cho mới lập cột trên núi Nghĩa mà thề rằng: "Nguyện có trời cao lồng lộng chứng giám xét soi, xin đời đời giữ gìn non sông bền vững và trông nom miếu vũ họ Hùng, sai lời thề sẽ bị trắng vùi gió dập...".

An Dương Vương lại cho lập đền thờ mẹ Tản Viên ở động Lăng Xương và ở núi Tản, là để tỏ lòng kính trọng và biết ơn Tản Viên hai lần đánh thắng mình lại khuyên vua Hùng nhường nước cho.

79. THỰC AN DƯƠNG VƯƠNG VỚI ĐẤT NGHỆ AN

Sự nghiệp dựng nước và cứu nước của An Dương Vương chúng ta đã biết. Lên làm vua, đặt tên nước là Âu Lạc, dựng thành Cổ Loa, tiếp tục thực hiện những ý đồ của mình để làm cho nước nhà giàu mạnh. Nên nền văn hóa Đông Sơn càng thể hiện sức sống mãnh liệt, độc đáo. Di chỉ làng Vạc, làng Bồi và nhiều trống đồng tìm thấy ở Nghệ An cho phép ta hiểu rõ điều đó. Rồi nghề rèn sắt cũng ra đời. Đặc biệt là người Âu Lạc đã có bước tiến nhảy vọt về kỹ thuật quốc phòng. Bên cạnh cung tên, gươm giáo... nhân dân ta đã chế tạo loại nỏ đặc biệt. Nỏ này một lần bắn ra được nhiều mũi tên. Đó là vũ khí lợi hại đồng thời là một sáng tạo kỳ diệu của nhân dân ta, nên nó đã được thần thánh hóa thành truyện "Nỏ thần".

Nhờ nỏ thần, An Dương Vương đã đẩy lùi cuộc xâm lăng của Triệu Đà. Nhưng An Dương Vương đã mất cảnh giác. Để tránh cho bao sinh linh khỏi oan khốc về nạn binh đao và giữ tình hòa

hiếu giữa hai nước, vua đã gả Mỹ Châu cho Trọng Thủy con trai Triệu Đà. Hơn nữa, vua còn cho Trọng Thủy ở trong cung thành. Bao nhiêu kỹ thuật quân sự, kỹ thuật luyện kim, cùng "nỏ thần", những điều bí mật, tên gián điệp Trọng Thủy đã lần mò ăn cắp sạch.

Khi Triệu Đà đem quân sang xâm chiếm nước ta lần nữa, vua đối phó không được. Bị mất "nỏ thần", thất bại (-179) vua cho Mỹ Châu ngồi sau lưng ngựa rồi chạy vào Nghệ An, những mong dựa vào núi sông hùng vĩ và sức người trong này, dựng lại nghiệp lớn. Nhưng quán của Triệu Đà vẫn đuổi riết sau lưng.

Đến gần cầu Cẩm bây giờ vua gặp một bà già đang ngồi bán hàng nước. Vua hỏi bà già:

- Ta đã chạy mãi rồi, sao giặc cứ đuổi theo ta?

Bà già cung kính đáp:

- Giặc không ở đâu xa, giặc ở ngay sau lưng nhà vua.

Nhà vua chợt hiểu, quay lại, dừng ngựa, rút kiếm. Mỹ Châu tụt xuống ngựa, quỳ thưa:

Con có lòng nào thì xin hóa thành rơm, thành rác, còn không có lòng nào thì xin hóa thành đá. Lạy xin vua cha soi xét.

Lưỡi kiếm của vua cha đã kết liễu đời người con gái ngây thơ đại độ. Vua chạy một đoạn nữa, men theo các núi Kỳ, Kiếm, Áo, Mão, Gươm ra biển Đông. Đến núi Đầu Cân thuộc xã Nghi Thiết bây giờ, vua dừng lại. Trước mắt vua là biển cả bao la. Bỗng thần Kim Quy hiện lên, rẽ nước, đưa vua đi vào cỏi bất tận. Khi nhà vua nhảy xuống biển, chiếc khăn trùm đầu của Mỹ Châu mà giữa đường nàng đã cởi ra che đầu cho cha, rơi lại. Tên núi mang tên Đầu Cân từ đó. Quả là nàng Mỹ Châu không có lòng dạ nào, nên thầy nàng đã hóa thành đá. Trước đây ở phía nam núi Cẩm, gần chỗ nàng bị vua cha chém đầu, nhân dân đã lập một cái miếu nhỏ thờ Mỹ Châu.

Xưa kia, đền thờ An Dương Vương không phải ở núi Mộ Dạ, sát đường số 1 như ngày nay. Theo "Thần tích chí" thì nơi thờ

An Dương Vương là một mỗm núi thuộc làng La Nham cách đền Công Đô 3km về phía đông nam. Đã lâu lắm rồi ở đó có một ngôi đền thờ An Dương Vương. Đến đời Lê, đền thờ lên núi Mộ Dạ. Và đến đầu đời Tự Đức, đền mới được xây dựng, tu sửa quy mô như ta thấy. Vì vậy Bùi Huy Bích có hai câu thơ:

*La Nham hải bạn thạch thôi ngôi,
Thần nổ hà niên khởi họa thai.*

Nghĩa là:

Cửa biển La Nham đá lởm chởm,
Nơi năm nào thần nổ gây ra tai họa.

rồi lại tiếp hai câu:

*Đạo xuất Diên Châu vô cảm nhục,
Miếu tôn Mộ Dạ hữu kim bài.*

Nghĩa là:

Đường ra Diên Châu không còn nệm gấm,
Nhưng ở núi Mộ Dạ vẫn còn biển vàng ghi công.

80. SỰ TÍCH CỦA ẢI VŨ UY ĐẠI VƯƠNG THỜI VUA HÙNG

Sự tích ngài từ đời vua Hùng Vương truyền lại. Vào triều vua Duệ Vương, khi bấy giờ nhà Hùng không có việc, trong thiên hạ thái bình. Có một ông quan Chủ bộ tên húy là Phục, là danh tướng nhà Hùng, quán ở Ái châu, nay là tỉnh Thanh Hóa, phủ Thiệu Thiên, huyện An Định, Lê Xá trang, họ là họ Vũ, hiem vì cầm sắt dĩ đoạn (vợ đã mất), con cái chưa có. Ngài bèn xin vua Duệ Vương cho ngài đi chu du thiên hạ. Trải ba bốn tháng vut đến tỉnh Hải Dương, phủ Bình Giang, huyện Cẩm Giàng, tổng Đan Tràng, xã Đan Tràng, ngài thấy chỗ đất tốt, bèn lập một cung ở chỗ đất ấy để ở. Được khoảng một năm, trong làng có ông Nhân công họ Hoàng sinh được một người con

gái, đặt tên là Quế Hoa nương, mặt mũi phương phi, hình dung yếu điệu. Ngài nghe tiếng, ngài bèn vời nhân dân trong xã và mời ông Nhân công, rồi đặt yến tiệc ba ngày, bèn nói với ông Nhân công xin kết duyên với Quế Hoa nương làm vợ chồng. Trải được một năm, đến nửa đêm, vợ chồng nằm mộng thấy trên giường ném hồng hoa một đóa, để ở trong mình. lại vắng nghe tiếng truyền rằng: Hồng hoa ấy là giới giáng chùng điềm tốt, sau sinh thánh tử. Nói chưa đoạn thì có tiếng sấm sét vụt động, vợ chồng tỉnh lại mới biết là chiêm bao. Đến sớm ngày mai, vợ chồng cùng bàn việc mộng, bèn đặt đàn tống lễ. Được một trăm ngày. nàng nghe thấy trong lòng chuyển động mà có thai. Khi có thai thì chỉ ăn những thứ thanh lương chay vị, cơm tạp chưa từng ăn. Đến khi thai kì mãn nguyệt, sinh được một con gái vào năm Nhân Dân tháng Ba, ngày Mười Tám, giờ Tý. Thuở sinh ra mặt mũi khôi ngô, hình dung tươi tốt, tướng mạo khác người thường. Cha mẹ cả mừng, lấy làm giới cho chùng phúc, bèn đặt tên ngài là Uy công. Đến năm ngài 14 tuổi bèn cho đi học. Học được một năm, văn chương thông suốt, võ nghệ tinh thông, học một biết mười, phàm ở trong xã hội người bàn định, bè bạn đều tôn nhượng ngài mà lòng kính sợ. Lúc bấy giờ người ấy người khác cùng khen là thần thánh trên trời chứ không phải là con người trần gian. Đến năm ngài 18 tuổi, chẳng may cha là quan Chủ bộ bị bệnh chết ngày mồng Bốn tháng Sáu. Mẹ con ngài làm yến lễ tấu, phụng thờ ba năm tang phục đã xong. Vụt có giặc Thục, nghe vua Duệ Vương hưởng nước lâu ngày; bèn dấy quân lương lại hùng cứ một phương, gió lửa rung động kinh đô dân chúng chịu nổi. Vua Duệ Vương kịp truyền hịch chùng trong thiên hạ xem ai là người anh tài tái dũng thao lược hơn người để ra giúp nước. Lúc bấy giờ, ngài nghe tiếng đức hoàng đế có chiếu tìm người tài, ngài bèn nói với thân mẫu rằng: Con xin ra ứng chiếu phó tuyển. Mẹ nghe nói cho đầy bèn mừng. Thế là ngài đến sân rồng nhà vua để ra mắt. Vua thấy ngài là người trạng mạo khác thường, rất yêu trọng đầy. Vua bèn thử thử tài, vua biết ngài là người văn vũ toàn tài, anh hùng xuất loại, tự nhiên lỗ xuất

đường đường tướng phẩm, lẫm lẫm thần uy, hóa thủy, thủy lại, hô phong phong chí, hoặc hiện hổ hình, hoặc biến rồng mây, u minh thần thánh biến hóa vô cùng. Vua bèn phong cho ngài là Chung hoa tể kiêm Chi tam phủ quốc sư mệnh. Ngài cùng với đức hoàng đế cử giá tiến binh. Khi đi đánh giặc ngài lĩnh một thanh thần kiếm, mà chia ra làm hai đường, đức hoàng đế đem quân đi đường bộ, ngài đem quân đi đường thủy thủy bộ cùng đi, tiến quân đến Châu Mộc, kết quân bày trận. Lúc bấy giờ quân Thục thì nhiều, mà quân bộ của ngài thì ít, yếu. Ngài lấy làm thế khó địch được. Ngài bèn dựng một trại đàn ở trận tiến, làm một số ván tâu đức Thủy thần. Một chốc tự nhiên gió mưa sấm sét dữ tợn, giữa dòng sông mà lửa cháy ở trên mặt nước, sóng bay thuyền tàu quân Thục đều nghiêng đổ cả, đánh vỡ quân giặc Thục, thua chết không biết đâu mà kể. Ngay ngày hôm ấy, dẹp hết binh Thục bèn ngợi hát mà giở về. Đức hoàng đế cùng ngài đem quân về đến quốc đô. Vua bèn đặt yến thưởng tướng, khao quân, gia ban tiến tước theo thứ tự, ăn yến xong rồi, ngài bèn làm biểu tâu với đế đình rằng, nay giặc đã trị yên, xin về bản quán là Đan Tràng trang, tức là xã Đan Tràng bây giờ, để yên nuôi. Vua nhận thừa tâu nhân cho thơ luật một chương.

Thơ rằng:

*Quả nhiên thiên kiêm tể Man tướng
Trực bả liên thành kiên quốc quân
Thiên cơm tiền thiên cổ hậu
Gia nhi thánh giã quốc nhi thần.*

Nghĩa là:

Quả nhiên thần kiếm trừ Man tướng
Dem cả liên thành hiến quốc quân
Ngàn thuở trước đây ngàn thuở đi
Tại nhà là Thánh nước là Thần.

Ngài bèn lạy chịu mệnh cho, rồi đem quân về đến bản

quán. Ngày rằm làm lễ tiên đường, đặt yến tiệc khao quân dân cùng thân bằng cố hữu. Chẳng ai là chẳng khen thần lạ. Việc yến xong rồi, ngài nhân nhân hạ ra chơi đầu làng, vụt thấy giới đất tối tăm, mưa gió cả dấy, ầm ầm như tiếng sấm chẳng thôi. Ngài tự hóa mà đi, tức là ngày 14 tháng Tám. Một chốc giới đất tạnh sáng, mưa gió yên lặng. Người trong làng tới đến, nhận thấy đồng mỗi phong thành mộ nhón, đều lấy làm lạ đấy. Dân làng bèn làm tờ biểu tâu đế đình. Vua nghe thấy cả thương, than rằng: Bầy tôi có công lao nhón giúp nước trung nghĩa thờ vua, mà nay chẳng, lòng rất tiếc đấy. Vua bèn sai sứ thần đem sắc chỉ đến bản trang chuẩn y lập đền thờ. Vua lại ban cho ngài tiền ba trăm quan, để đền công lao của ngài. Vua lại cho xuân thu quốc tế, dân làng được miễn trừ bình lương các việc. Ba năm mãn lệ, vua lại bao phong cho ngài mi tự "Thượng đẳng Phúc thần Vạn đại huyết thực, Dữ quốc đồng hưu, Vinh vi hằng thức thịnh dư" (Nghĩa là: muôn đời được phụng thờ, vẻ vang cùng đất nước, thành lệ mãi mãi như thế). Lại phong cho ngài làm Đương cảnh Thành hoàng Cửa ải Vũ quán.

81. SỰ TÍCH NĂM ANH EM CÙNG MỘT BỌC THỜI VUA THỤC

Theo sự tích, ngài là ắt Sơn Uy dũng Đại vương, tên gọi thường là đức thánh Thứ, tên húy ngài là Uy. Nguyên khai thánh phụ là ông trưởng bộ Nguyễn Danh Hùng, khai thánh mẫu là bà Nguyễn Thị Đoàn, con giai con gái con muôn, ông bà bàn nhau rằng nghe nói ở sứ Sơn Nam, châu Xích Đằng, huyện Thiên Thi, có đền vua Đế Thích rất là linh ứng, nay gặp tiết xuân mở hội, ông bà sửa lễ đến đền Đế Thích cầu tự. Lễ rồi ngủ trọ ở đền, đương đêm mộng thấy Tam phủ công đồng hội nghị có tiếng báo rằng "Nay có vợ chồng tên trưởng bộ xét ra nhà ấy phúc nhiều họa ít, vậy cho thần Ngũ nhạc giáng thế làm con". Một lúc thấy sứ giả dẫn năm viên đến, truyền lấy ấn son đóng

cho mỗi viên một khẩu ấn ở sau lưng, rồi cho theo trưởng bộ giáng sinh. Khi tỉnh mộng, ông trưởng bộ cùng bà phu nhân lễ tạ ra về. Lúc đi đường hai người vẫn có đám mây ngũ sắc che luôn trên đầu, rồi ra bà phu nhân có mang đến 16 tháng chưa sinh. Ông trưởng bộ bụng nghĩ rằng mình cầu tự ở đền vua Đế Thích, nay có tin mừng mà chưa lễ tạ bèn cùng bà phu nhân sửa lễ đến đền lễ tạ. Khi trở ra về đến trại Đình Xá huyện Thiên Thi, giờ đất tối tăm, sấm vang gió thổi, bà phu nhân sinh ra một bọc năm người con giai, lại có con rồng đen phun nước giếng lên tắm. Năm người con ấy đều ngồi dậy được, tức là ngày 10 tháng Ba, dân trại Đình Xá sợ hãi lập tức làm thảo sớ để bà phu nhân và năm người con ấy dâng biểu vào tâu vua Thục. Vua khiến triều thần đến chỗ sinh ấy, bắt trại Đình Xá phải làm sinh tử, rồi đem bà phu nhân và năm người con ấy về yết kiến vua. Vua xét xem thân thể thế nào, thời thấy năm ông sau lưng đều có khẩu ấn son đóng, giữa có chữ triện, một ông là: Đế nhất Cao Sơn nhạc phủ ấn, một ông là: Đế nhị Cao Sơn nhạc phủ ấn, một ông là: Đế tam Sùng Sơn nhạc phủ ấn, một ông là: Đế tứ Sùng Sơn nhạc phủ ấn và một ông là: Đế ngũ át Sơn nhạc phủ ấn. Khi vua ngự xem rồi, triệu trại Đình Xá, ban cho 3.000 quan tiền kho làm hộ nhi sở tại và ủy cho quan bản châu cấp thêm tiền hương phụng dưỡng. Khi năm ông đã 14 tuổi, nhiều tài thuật lạ. Quan địa phương tâu xin đem về châu vua bái yết. Vua ra ngự thí, thời năm ông đều văn võ vẹn toàn. Lập tức vua phong Đế nhất Thống lĩnh Cao Sơn Hiển công Đại vương, Đế nhị Phụ chính Cao Sơn Hiệu công Đại vương, Đế tam Tiết chế Sùng Sơn Quý công Đại vương, Đế tứ Tư bổ Sùng Sơn Minh công Đại vương. Đế ngũ Đế trưởng át Sơn Uy công Đại vương. Năm ông xin về chơi cựu quán châu ái, Hà Trung để bái yết gia tiên cùng cha mẹ. Chẳng may bà mẹ là Nguyễn Thị Đoàn mất. Năm ông tâu vua, xin cứ tang mẹ, vua cho một năm. Khi xong tang rồi, năm ông về chơi trại Đình Xá hội ở sinh tử, lại lập một sở hành cung. Xong rồi, cho trại Đình Xá 6 hốt vàng để làm vốn chung giữ gìn cung tử. Cứ mồng mười tháng ba là ngày sinh,

xướng ca vui vẻ ở Đình Đan. Gặp lúc bấy giờ Triệu Đà mấy vua Thục đánh nhau. Vua Thục vời 5 ông về triều định kế đánh dẹp. Năm ông lĩnh mệnh rồi cùng quân Triệu đánh nhau một trận. Quân Triệu thua. Vua Thục lại tặng cho 5 ông một bài thơ khen năm ông là hiếu tử trung thần. Năm ông lĩnh sắc ấy đưa về hành cung ở trại Đình Xá. Nhân việc Triệu Đà xin cầu hôn với vua Thục, 5 ông can không nghe. Khi quân Triệu Đà đánh nhau mấy vua Thục thời ông Đệ ngũ Uy công Đại vương phải người Triệu Đà nó hại. Còn bốn ông giở về trại Đình Xá bảo nhân dân dựng một miếu lộ thiên ở xứ Đống Voi để thần hiệu là Đệ ngũ ắt Sơn Đại vương. Xong rồi, bốn ông đều hóa.

82. SỰ TÍCH THỤC NƯƠNG VÀ CÔNG CHÚA MỸ CHÂU

Tương truyền, sau khi Thục Phán được Hùng Duệ Vương nhường ngôi cho xây thành đô Cổ Loa ở Đông Anh, bấy giờ thiên hạ thái bình, quốc gia vô sự, nên vua cùng văn võ bá quan đi chu du thiên hạ, thăm thú dân tình. Một ngày nọ, xa giá nhà vua tới một bãi biển tân bồi, rộng chừng trên một ngàn mẫu, thuộc huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam Hạ, ngài bèn treo bảng chiêu dụ nhân dân tới đó để khai hoang. Hưởng ứng lời kêu gọi của vua, có chín người thuộc các họ Lê, Phạm, Trần, Nguyễn, Đặng, Phan, Vũ, Ngô, Tạ thuộc sách Lam Sơn, phú Thiệu Thiên, châu Ái (tức Thanh Hóa ngày nay). Nhà vua bèn cho lập làng Thao Bồi, huyện Chân Lợi. Tại đây, nhà vua gặp cô gái Thục nương Trần Thị Chân xinh đẹp, chim sa cá lặn, lại nết na. Vua bèn vời vào cung, phong cho làm Nguyên phi. Vua Thục cho dân ở Thao Bồi dựng, ngôi hành cung bên sông, ban cho Nguyên phi ở đó an dưỡng. Trong thời gian ở đây, Nguyên phi mang tiền bạc của mình ban phát cho dân nghèo, nuôi nấng người già cô quả, ai cũng ngợi khen Nguyên phi rằng: người dân ở đây không ai không thỏa lòng, muôn loài vật không gì không được nuôi dưỡng chăm sóc. Tất cả đến đài miếu vũ

chùa chiến ở nơi này bị hoang phế, Nguyên phi đều gia tâm xuất tiền của để tu bổ sửa sang. Về sau, Nguyên phi sinh ra công chúa My Châu tuyệt thế giai nhân, mắt phượng mày ngài, mặt hoa da phấn. Vua cha An Dương Vương rất yêu quý My Châu, đặt cho công chúa một tên hiệu là Tinh Nhất. My Châu là một người con gái rất thông minh, vua cha cho đi học được 10 năm thì thiên kinh vạn quyển không sách nào không thiệp liệp qua, Chư tử Bách gia không đâu không tìm hiểu đến cùng, về văn chương Nho học như Khổng Mạnh, về binh pháp thấu triệt hơn cả Tôn Tồn Ngô Khởi, rồi thì thiên văn địa lý không gì không tỏ tường. An Dương Vương thấy con gái mình tài hoa xuất chúng bèn phong là Hoàng phi Vua nương cai quản trên 300 thị nữ trong cung. Bấy giờ công chúa cho rằng đã thỏa chí, mới thỉnh cầu vua cha cho hai mẹ con được về quê ngoại, dựng lên hai cung sở riêng biệt ở Thao Bồi để ở và để làm chính lăng từ, làm nơi hương khói thờ tự của dân trăm năm về sau. Lại xin vua cha cho dân Thao Bồi được miễn trừ mọi nghĩa vụ binh lương sưu thuế. Vua đều ngự bút phê chuẩn cho. Từ đó, mẹ con Hoàng phi Vua nương sống tại quê ngoại trong tình đầm ấm, hai người hết lòng giúp đỡ xóm làng, khuyến khích nông tang.

Lại nói, thời bấy giờ có tướng giặc người huyện Chân Định, Bắc quốc, đem 18 vạn tinh binh, hơn 1.000 chiếc thuyền, chia làm hai đạo quân tiến vào xâm lược nước Âu Lạc. Cuộc chiến diễn ra suốt ba năm, quân giặc đều bị Thục An Dương Vương đánh cho đại bại, binh mã bị thương vong một nửa; cuối cùng chúng phải rút quân về Bắc quốc. Nhưng lòng Triệu Đà chưa nguôi hận thù, y bèn bày kế cho con gái là Trọng Thủy, mang sính lễ tới ra mắt Thục An Dương Vương, xin cầu hôn công chúa My Châu. Thục An Dương Vương cho rằng Trọng Thủy thực lòng cầu hôn, nên đã bằng lòng gả My Châu cho y. Sau đó, Thục Vương còn cho vợ chồng My Châu, Trọng Thủy vào ở trong cung. Được hơn một năm chung chăn gối, vợ chồng đầu gối má kề, loan phượng hợp quần, tiếng tí tiếng trúc âm vang hoan lạc, phú xướng thi họa tạc thù.

Bỗng có một ngày, Trọng Thủy hỏi Mỹ Châu: "Năm trước hai người cha của chúng ta tranh chấp, không biết có thuật gì mà cha ta luôn thất bại?". Mỹ Châu ngâm thơ, liền đem thần nỏ có lẫy vuốt rồng cho Trọng Thủy xem. Trọng Thủy xem xong bèn đánh tráo lẫy nỏ thần và bảo vợ: "Hôm nay ta phải về Bắc quốc để thăm cha, không quá một năm ta lại trở lại đây chung sống cùng nàng, thời gian không lâu, nên ta có lời dặn sau ngày ta về Bắc quốc nếu gặp chuyện gì khó khăn, thì nàng mặc chiếc áo lông ngỗng này và rút lông ngỗng rắc ra đường để ta biết mà tìm". Sau ít bữa, Trọng Thủy xin phép nhạc vương trở về Bắc quốc, y đem lẫy nỏ thần dâng cho vua cha. Triệu Đà cả mừng liền cử 50 vạn tinh binh cùng 500 thuyền chiến, chia làm mấy ngả ào ạt tiến vào nước ta, bao vây thành Cổ Loa, tiến sát chân thành, bố vây ba bốn vòng. Bấy giờ, Thục Vương sai đem nỏ thần ra bắn, nhưng giặc không lui, bấy giờ Vương mới biết lẫy nỏ thần đã bị đánh tráo. Hai cha con vua vội lên mình ngựa chạy thẳng đến bờ sông, thuộc địa phận làng Thao Bồi, tổng An Bồi, huyện Chân Lợi. Rùa vàng liền hiện lên mặt nước thét lớn: "Giặc ngồi ngay sau lưng bệ hạ". Vương ngoái lại chỉ thấy con gái Mỹ Châu - Tinh Nhất nương đang rắc lông ngỗng đánh dấu đường cho giặc đuổi. Vua liền rút gươm chém chết Tinh Nhất nương (đó là ngày 15 tháng 5 năm Ất Sửu). Ngày hôm ấy, trời đất mịt mù, lòng sông sóng dậy ầm ầm, muôn loài thủy tộc kinh nghệ, tôm cá, thuồng luồng, ba ba tung nhảy xao động, điệp trùng sóng vỗ xô bờ, thân mẫu của Mỹ Châu là Nguyên phi thấy cơn trùng đùn đất lấp thi thể Mỹ Châu thành mô lớn ở trên bờ sông, bà liền gọi các phụ lão và nhân dân địa phương làm lễ xây một ngôi miếu trên mảnh đất hình sao Thổ hướng Tây, tả thanh long hữu bạch hổ, phía trước là dòng sông nhỏ uốn lượn. Lại cho viết thần hiệu của hai mẹ con Nguyên phi Mỹ Châu ở hai miếu là:

- Thánh Mẫu vua bà Cao thiên Đại vương.
- Thánh Tử hoàng phi Vua nương Đại vương.

Đến ngày 18 tháng 5, Thánh Mẫu vì quá đau thương mà lâm bệnh trọng qua đời.

Lại nói, sau khi Nhị vị Mẫu tử Đại vương qua đời, thường vẫn linh thiêng hiển hách, dân cầu quốc đảo đều được ứng nghiệm. Bởi vậy mà đế vương các triều đều có sắc phong tặng:

- Đệ nhất Thánh Mẫu là Cao thiên Vua bà Thành hoàng Phi phương linh sảng, Chính sứ ngự thập, Thánh thần công đức, Doan trang trinh thực, Thuần ý Đại vương.

- Đệ nhị Thánh Tử là: Hoàng phi Vua nương Thành hoàng Phi phương linh sảng, Chính sứ ngự thập, Thánh thần công đức, Cẩn tiết gia hạnh, Tinh nhất Đại vương.

83. TRUYỆN TÍCH NAM HẢI ĐẠI VƯƠNG – THỤC AN DƯƠNG VƯƠNG

Tương truyền Nam Hải đại vương, tức là nhân thần họ Thục, húy Phán. thuộc dòng dõi nhà Hùng, đời đời làm Bộ chúa nước Ai Lao. Vương nghe tin Hùng Duệ Vương không có con trai kế vị mà chỉ còn hai nàng công chúa đều là bậc nữ nhi hiền thực, phong tư yêu kiều, môi son da phấn, tóc thể ngang vai, thập phần xuân sắc. Chị lớn tên gọi my châu Tiên Dung công chúa đã hạ giá gả cho Chủ Đồng Tử người xã Đa Hòa, huyện Đông An, phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam. Em tên gọi là my nương Ngọc Hoa công chúa thì buồng xuân còn khóa, ngọc nhụy đương phong, lương duyên chưa hẹn, ngày tốt chưa bàn. Vua muốn kén rể cầu hiền để nhường ngôi báu, bèn cho dựng lầu ở thành Việt Trì, biển đề dòng chữ "Tuyển tể đãi hiền lâu" (Lầu đãi hiền kén rể). Lại ban chiếu khắp thiên hạ thân dân trăm họ, người nào có tài đức, thông minh tài trí về kinh ứng thí, vua sẽ gả công chúa Ngọc Hoa cho làm vợ. Nghe chiếu cầu hiền của nhà vua, tài tử bốn phương ai ai cũng muốn đoạt giải tranh khôi, nhưng khi nhập trường ứng thí, kẻ được tài này người khuyết ngón kia, chưa một ai xứng đạt yêu cầu.

Lại nói, lúc bấy giờ chỉ có Tản Viên Sơn Thánh và Thục Vương, hai người rất giỏi thuật pháp có thể xứng là kỳ phùng địch thủ, kẻ tám lạng người nửa cân. Cuối cùng, vua chọn Tản Viên Sơn Thánh làm con rể và nhường ngôi báu cho Sơn Thánh. Mang mối hận tình, Thục Vương mấy phen động binh tới tấn công xâm lược nước Văn Lang của nhà Hùng nhưng đều bị anh em tướng nhà Sơn thần Tản Viên Sơn Thánh là Cao Sơn, Quý Minh giúp Hùng Duệ Vương đánh đuổi ra khỏi bờ cõi. Cuộc chiến tranh Hùng - Thục vô cùng ác liệt, dữ dội, vào cuối thời Hùng Duệ Vương. Về sau nhờ sự can gián và thuyết phục của Tản Viên Sơn Thánh nên Hùng Duệ Vương đã nhường ngôi vua cho Thục Phán, dựng nhà nước Âu Việt, xưng hiệu là Thục An Dương Vương, xây thành Cổ Loa ở Đông Anh (Hà Nội bây giờ). Thục Vương trước khi định đô ở Cổ Loa, có dựng hai trụ đá ở giữa núi, ghi lời thề sẽ gìn giữ non sông nhà Hùng ở Việt Trì rằng: "ước nguyện cùng trời cao lồng lộng ở trên chứng giám cho lời thề ngay thật của thần là đưa con nhỏ Thục An Dương Vương được kế truyền ngôi báu phụng thừa Hùng đồ chính thống, ơn sâu đức lớn, cùng đất trời". Rồi Thục An Dương Vương trị nước được 50 năm, thiên hạ thái bình, quốc gia vô sự. Nhưng vua tự đem cái ân nghĩa mà Hùng Duệ Vương ban truyền cho Nỏ thần Linh quân Thiên bảo Bá quốc mà không hay tu văn huấn vũ, tuyển tướng luyện binh, để chế ngự giặc ngoài, để đến nỗi vua tuổi già 80 còn bị cha con Triệu Đà - Trọng Thủy phỉnh lừa tráo lấy mất nỏ thần. Tới khi giặc tới đánh, vua một mình một ngựa chạy ra biển Nam mà chết. Các triều đại đế vương đời sau nhân đấy mới tôn phong Thục Phán là Nam Hải đại vương. Nay ở Thái Bình còn nhiều làng xã cùng thờ Nam Hải đại vương - Thục An Dương Vương.

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu.....	5
1. TRUYỆN HỌ HỒNG BÀNG.....	7
2. SỰ TÍCH KHAI SÁNG THIÊN HẠ ĐẠI VƯƠNG THỜI VUA HÙNG	10
3. TRUYỆN KHÔNG LỘ THIÊN SƯ THỜI HÙNG VƯƠNG	10
4. SỰ TÍCH SÁU VỊ THẦN TƯỚNG THỜI HÙNG DUỆ VƯƠNG ĐÁNH GIẶC NAM CHIẾU VÀ GIẶC THỰC.....	12
5. SỰ TÍCH VUA BÀ BẾN NƯỚC VÀ VUA ÔNG CỘI CÂY	17
6. TRUYỆN TRUNG ĐỊNH CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG.....	19
7. SỰ TÍCH NAM HẢI TẠO LỰC ĐẠI VƯƠNG.....	26
8. SỰ TÍCH BỐN ĐẠI VƯƠNG HỌ ĐÌNH THỜI HÙNG VƯƠNG	28
9. SỰ TÍCH HAI VỊ THIÊN THẦN VÀ HAI VỊ THỦY THẦN TRIỀU HÙNG DUỆ VƯƠNG	34
10. SỰ TÍCH CAI SỔ ĐẠI VƯƠNG VÀ LÔI CÔNG ĐẠI VƯƠNG THỜI HÙNG VƯƠNG.....	36
11. TRUYỆN TÍCH ĐỨC THÁNH MẪU THỜI HÙNG VƯƠNG.....	42
12. SỰ TÍCH HỒNG LIỆT ĐẠI VƯƠNG THỜI VUA HÙNG.....	44

262*Tinh hoa căn học dân gian người Việt*

13. SỰ TÍCH MANG CÔNG, MỸ CÔNG, LỘ CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG	46
14. SỰ TÍCH HAI ANH EM SINH ĐÔI NGUYỄN CẨM, NGUYỄN ỨNG ĐẠI VƯƠNG THỜI HÙNG VƯƠNG	48
15. SỰ TÍCH TRUNG CÔNG, HOÀNG CÔNG, DŨNG CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG.....	50
16. SỰ TÍCH THỎ THỐNG VÀ NẠI NƯƠNG THỜI HÙNG VƯƠNG.....	55
17. SỰ TÍCH NẠI NƯƠNG VÀ CÁC GIA THẦN THỜI HÙNG VƯƠNG	61
18. SỰ TÍCH NĂM ANH EM MINH CÔNG, TÍN CÔNG, CAO CÔNG, THẠCH CÔNG VÀ DUNG NƯƠNG THỜI HÙNG VƯƠNG	67
19. SỰ TÍCH MỤC CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG.....	71
20. TRUYỆN TẢN VIÊN SƠN THÁNH.....	75
21. SƠN TINH ĐÁNH GIẶC.....	98
22. SƠN TINH DẠY DÂN SĂN BẮN	101
23. SƠN TINH LÀM LỬA	101
24. SƠN TINH CÙNG DÂN ĐÁNH CÁ	102
25. TẢN VIÊN ĐÓN VỢ.....	102
26. SỰ TÍCH HAI ANH EM SINH ĐÔI CAO SƠN - QUÝ MINH.....	104
27. SỰ TÍCH THÁNH TẢN VIÊN VÀ QUÝ MINH.....	105
28. SỰ TÍCH TẢN VIÊN SƠN THÁNH CÙNG CÁC VỊ HIỂN CÔNG, MINH CÔNG VÀ PHẠM HIẾU, PHẠM THÀNH, PHẠM LƯƠNG ĐÁNH THỰC	110

Truyện thuyết về thời Hùng Vương - Quyển 1 263

29. SỰ TÍCH TRÂU Á - TRÂU THÀNH THỜI HÙNG VƯƠNG ĐÁNH THỰC	127
30. TRẦN GIỚI, TRẦN HÀ	128
31. SỰ TÍCH MINH LANG, SÁT HẢI, QUẾ HOA, QUỲNH HOA, MAI HOA THỜI HÙNG VƯƠNG	130
32. NGỌ SƠN ĐẠI VƯƠNG	133
33. SỰ TÍCH HAI ANH EM THIÊN, QUANG THỜI HÙNG VƯƠNG	136
34. SỰ TÍCH HÙNG HẢI, ĐÔ HUY THỜI HÙNG VƯƠNG	140
35. SỰ TÍCH LÃ MAN VÀ BẠCH TỈNH PHU NHÂN THỜI HÙNG VƯƠNG.....	142
36. SỰ TÍCH ĐÀ CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG	144
37. SỰ TÍCH BẢY ANH EM LƯƠNG, HẢI, LONG, LÔI, SƠN, NHẠC, LÍNH THỜI HÙNG VƯƠNG.....	148
38. SỰ TÍCH THÀNH CÔNG, MANG CÔNG, VĨNH CÔNG, MỘC CÔNG VÀ LẠI CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG.....	153
39. SỰ TÍCH HAI HOÀNG TỬ BẢO QUỐC, CHÂN VÔ THỜI HÙNG VƯƠNG.....	158
40. SỰ TÍCH CHÀNG BA THỜI HÙNG VƯƠNG.....	160
41. SỰ TÍCH BA VỊ CÔNG THẦN TUẤN, CHIÊU, MINH THỜI HÙNG VƯƠNG.....	163
42. SỰ TÍCH ANH CÔNG, DỤC CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG.....	165
43. TRUYỆN THẦN CÂU MANG THỜI HÙNG VƯƠNG.....	172
44. SỰ TÍCH DƯƠNG CÔNG VÀ NGUYỆT TINH CÔNG CHÚA THỜI HÙNG VƯƠNG.....	174

264.....	<i>Tinh hoa căn học dân gian người Việt</i>	
45. SỰ TÍCH ĐÀO AN, ĐÀO Ý THỜI HÙNG VƯƠNG		177
46. SỰ TÍCH LINH CÔNG, THỦY CÔNG, ĐÀI CÔNG THỜI HÙNG VƯƠNG		180
47. SỰ TÍCH THẦN THÔNG, CƯƠNG NGHỊ, HÙNG CƯỜNG THỜI HÙNG VƯƠNG.....		185
48. SỰ TÍCH ĐỨC THIÊN CANG THỜI HÙNG VƯƠNG		190
49. SỰ TÍCH CAO SĨ ĐỜI VUA HÙNG.....		193
50. SỰ TÍCH NHẠC SƠN CƯ SĨ THỜI HÙNG VƯƠNG		198
51. SỰ TÍCH ÔNG DỤC THỜI HÙNG VƯƠNG		204
52. SỰ TÍCH NIỆM HÙNG ĐÁNH THỰC		204
53. TRUYỆN NHẤT DẠ TRẠCH.....		207
54. SỰ TÍCH TIÊN LẠP THẠCH TƯỚNG QUÂN.....		209
55. TRUYỆN ÔNG LÝ TIẾN		210
56. TRUYỆN ĐỒNG THIÊN VƯƠNG		212
57. SỰ TÍCH THIÊN ĐÁ VÀ ĐƯỜNG LÔ ĐÁNH GIẶC ÂN		214
58. SỰ TÍCH VŨ LANG DANH TƯỚNG TRIỀU HÙNG ĐÁNH GIẶC ÂN.....		217
59. SỰ TÍCH NGUYỄN THIỆN, NGUYỄN VỰC ĐÁNH GIẶC ÂN		222
60. ANH EM LANG HÀ		223
61. NĂM ANH EM LÀNG NÀ		224
62. QUẢ NGHỊ CƯƠNG CHÍNH UY HUỆ VƯƠNG		225
63. TRUYỆN LÝ ÔNG TRỌNG		226
64. VÔ TRUNG VÀ VÔ QUỐC		228

<i>Truyện thuyết về thời Hùng Vương - Quyển 1</i>	265
65. ĐẾN XÓM THỌ	229
66. ÔNG NỔI.....	230
67. ÔNG NỎ	232
68. NÀNG Ắ LONG VÀ CHÀNG VƯƠNG LẠP	234
69. NGƯỜI CON GÁI NÚI TAM ĐẢO	237
70. HÙNG VƯƠNG ĐÁNH THỰC	238
71. CẬU CHÁU HÀN MINH.....	239
72. ĐẠI HẢI ĐÁNH THỰC	240
73. BẢO CÔNG	241
74. TRUYỆN CUỒNG BẠO ĐẠI VƯƠNG	242
75. SỰ TÍCH CHIÊM THÀNH CỦA Ắ ĐẠI VƯƠNG	243
76. NÓI VỀ SỰ TÍCH NGHỀ RÈN ĐỒ SẮT Ở NƯỚC AN NAM.....	245
77. TRUYỆN RỪA VÀNG	245
78. AN DƯƠNG VƯƠNG LẬP CỘT ĐÁ THÊ.....	248
79. THỰC AN DƯƠNG VƯƠNG VỚI ĐẤT NGHỆ AN.....	249
80. SỰ TÍCH CỦA Ắ VŨ UY ĐẠI VƯƠNG THỜI VUA HÙNG.....	251
81. SỰ TÍCH NĂM ANH EM CÙNG MỘT BỌC THỜI VUA THỰC.....	254
82. SỰ TÍCH THỰC NƯƠNG VÀ CÔNG CHÚA MỸ CHÂU	256
83. TRUYỆN TÍCH NAM HẢI ĐẠI VƯƠNG – THỰC AN DƯƠNG VƯƠNG	259

TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI
HÙNG VƯƠNG

Quyển 1



Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ

Biên tập nội dung: BAN BIÊN TẬP

Kỹ thuật vi tính: NGUYỄN HÀNG

Sửa bản in: NGUYỄN DUY MINH

Trình bày bìa: NGÔ TRỌNG HIỂN

In 1.020 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty Cổ phần in
và thương mại Đông Bắc.

Số đăng ký KHXB: 136 – 2009 / CXB / 35 – 14 / KHXH.

Số QĐXB: 23 / QĐ - NXB KHXH ngày 18/02/2009.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2009.

Sách Phát hành Kỷ niệm 10 năm thành lập

Nhà sách **Thăng Long**



101101089



Giá: 37.000đ